

LỊCH SỬ

**Trường Trung học Phổ thông
Lương Ngọc Quyên - Thái Nguyên
(1946 - 2010)**

THÀNH ỦY – THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LƯƠNG NGỌC QUYỀN

TRƯỜNG THPT LƯƠNG NGỌC QUYỀN

Kính Biểu

LỊCH SỬ

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LƯƠNG NGỌC QUYỀN - THÁI NGUYÊN
(1946 – 2010)

Thái Nguyên, tháng 3 - 2011

BAN CHỈ ĐẠO:

1. Th.s BÙI THỊ LOAN - Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng.
* Trưởng ban
2. PHẠM LÀNH - Phó Bí thư Đảng ủy – Phó Hiệu trưởng.
3. NGUYỄN TIẾN - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy.

BAN TƯ VẤN:

1. CHU VĂN CƯỜNG - Nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.
2. VŨ HỒNG BẮC - Thường vụ Tỉnh ủy. Phó chủ tịch UBND tỉnh.
3. LÊ XUÂN HÙNG - Nguyên Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Thái Nguyên.
4. ĐÌNH QUANG AN - Nguyên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
5. LƯƠNG ĐÌNH LŨNG - Nguyên Giám đốc Sở Văn hoá – Thông tin tỉnh Bắc Thái.
6. TRƯƠNG VIỆT HẢI - Trưởng ban đại diện CMHS trường THPT Lương Ngọc Quyến

BAN BIÊN SOẠN:

1. NGUYỄN HUY ÁI - Trưởng ban * Tổng luận
2. ĐÌNH VĂN ĐÌNH * Chương I;II;III
3. NGND TRỊNH TRÚC LÂM * Chương IV; VI (mục3)
4. NGUT NGUYỄN ĐĂNG KÈN * Chương V;VI (mục1;2)

- NGND TRỊNH TRÚC LÂM
- ĐÌNH VĂN ĐÌNH

* Phụ lục

BIÊN TẬP:

1. NGND TRỊNH TRÚC LÂM
2. ĐÌNH VĂN ĐÌNH

LỜI TỰA

Bùi Đức Cường

Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở giáo dục - đào tạo
tỉnh Thái Nguyên

Mùa xuân năm 2011 này, Trường THPT Lương Ngọc Quyến bước sang tuổi thứ 65. 65 năm với một mái trường, thời gian chưa hẳn đã là dài song cũng đủ làm nên truyền thống để các thế hệ thầy và trò nhà trường thêm vinh dự, tự hào, thêm tin yêu khi hướng về mái trường.

Ra đời từ những ngày đầu đất nước mới thành lập, trải qua biết bao gian nan thử thách trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã và đang từng bước khẳng định vị thế của mình. Không chỉ thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo học sinh trong tỉnh và khu vực, trong những năm kháng chiến, nhà trường đã đào tạo nhiều học sinh miền Nam tập kết, học sinh là con em các bộ tộc Lào. Trong thời kì đổi mới, thầy và trò nhà trường đã từng bước khắc phục khó khăn để thực hiện tốt các mục tiêu: **Dạy tốt - học tốt**. 65 năm qua, Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã trở thành một trong những cái nôi góp phần đào tạo biết bao thế hệ học sinh trưởng thành, có những đóng góp lớn vào công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ Quốc. 65 năm qua, ngôi trường này cũng đồng thời là nơi khởi nghiệp và bồi dưỡng nhiều thế hệ thầy cô giáo, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước. Với những thành tích to lớn của mình, nhà trường đã vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba, được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu : Anh hùng lao động trong thời kì đổi mới, được nhà nước CHDCND Lào trao tặng Huân chương Hữu nghị.....

cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Với một ngôi trường có bề dày truyền thống như vậy, việc ghi chép lại lịch sử nhà trường trong 65 năm qua là việc làm rất cần thiết, hợp với lòng mong mỏi của nhiều thế hệ giáo viên, học sinh đã và đang trưởng thành dưới mái trường này. Trên tinh thần ấy, các thầy giáo Nguyễn Huy Ái, Đinh Văn Định, NGND Trịnh Trúc Lâm và NGƯT Nguyễn Đăng Kền là những cựu giáo viên và học sinh của nhà trường dù trong điều kiện khó khăn về nhiều mặt, đã tận tâm tận lực sưu tầm tư liệu, sử liệu. Được sự đồng ý của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Thành ủy Thái Nguyên, dưới sự hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Thành ủy Thái Nguyên, Đảng ủy Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã chỉ đạo và cùng nhóm các nhà biên soạn, hội đồng cố vấn, hoàn thành và ra mắt toàn cuốn **“Lịch sử trường THPT Lương Ngọc Quyến”** vào dịp kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống nhà trường.

Cuốn **Lịch sử trường THPT Lương Ngọc Quyến** giới thiệu với người đọc một cách tương đối toàn diện về nhà trường từ những ngày bắt đầu thành lập cho đến nay với các chương mục rõ ràng. Qua diễn trình lịch sử các thời kì, người đọc sẽ thấy được những dấu ấn, những sự kiện lịch sử của quá trình xây dựng, phân đấu, trưởng thành của nhà trường... Qua những trang sách, người đọc sẽ thấy được hình ảnh của các thế hệ thầy và trò nhà trường trong những năm tháng vất vả, lặn lội cùng sự nghiệp trồng người, kiên gan trụ vững trong mọi hoàn cảnh để làm nên sự nghiệp vẻ vang như ngày hôm nay. Cuốn sách cũng đã thể hiện qua trình lao động miệt mài, nghiêm túc, cẩn trọng và vô cùng tâm huyết của nhóm các nhà biên soạn. Tôi nhiệt liệt hoan nghênh Đảng ủy trường THPT Lương Ngọc Quyến, Ban

biên soạn, Hội đồng cố vấn đã quyết tâm tổ chức biên soạn cuốn **Lịch sử trường THPT Lương Ngọc Quyến**. Đây thực sự là một cuốn tư liệu quý, có giá trị trong công tác giáo dục truyền thống cho các thế hệ học sinh nhà trường hôm nay và mai sau.

Nhân dịp kỉ niệm 65 năm ngày truyền thống của trường THPT Lương Ngọc Quyến anh hùng, với tấm lòng trân trọng và yêu mến, tôi xin được giới thiệu cuốn **Lịch sử trường THPT Lương Ngọc Quyến** tới bạn đọc và vô cùng tin tưởng rằng cuốn sách sẽ được đông đảo các bạn đọc gần xa đón nhận nồng nhiệt.

LỜI GIỚI THIỆU

Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến được thành lập ngay sau Cách mạng Tháng Tám ở tỉnh Thái Nguyên. 65 năm hình thành và phát triển của trường là một chặng đường đầy thử thách và rất vẻ vang. Thành quả mà nhà trường đã mang lại cho đất nước, cho cách mạng, cho địa phương là hết sức phong phú.

Sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng là nhân tố quan trọng đảm bảo mọi thành công của trường. Lịch sử của trường là lịch sử thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng nói chung và đường lối giáo dục nói riêng của Đảng CSVN ở một đơn vị giáo dục.

Cuốn “Lịch sử trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến” góp phần vào việc tìm hiểu và khẳng định lịch sử nền giáo dục cách mạng của thành phố Thái Nguyên và tỉnh Thái Nguyên thông qua lịch sử của một nhà trường tiêu biểu: trường THPT Lương Ngọc Quyến.

Cuốn sách nhằm giáo dục các thế hệ thầy và trò về lòng biết ơn và tự hào với truyền thống tốt đẹp của nhà trường, tuyên truyền trong nhân dân các dân tộc của tỉnh để thêm tự hào và tin tưởng đối với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ mà nhà trường đang đảm nhiệm, tích cực tham gia xây dựng trường về mọi mặt làm cho trường tiến lên không ngừng.

Cuốn “Lịch sử trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến” là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc được biên soạn dưới ánh sáng đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam về giáo dục, theo phương pháp luận sử học tiên tiến, đáp ứng nguyện vọng thiết tha và

chính đáng của đông đảo thầy và trò đã từng dạy và học ở trường Lương Ngọc Quyến.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, chúng tôi luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Tuyên giáo Thành ủy Thái Nguyên, nhận được những ý kiến quý báu của các đồng chí trong Ban cố vấn, ý kiến đóng góp và cung cấp tư liệu của nhiều thầy cô giáo và cựu học sinh nhà trường. Quá trình biên soạn cuốn sách được sự tham gia đầy tâm huyết, trách nhiệm của các thành viên trong Ban chỉ đạo, Ban biên soạn và sự giúp đỡ của Ban đại diện phụ huynh học sinh... Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí.

Ghi lại lịch sử 65 năm phát triển và trưởng thành của trường Lương Ngọc Quyến là một công việc khó khăn. Do điều kiện còn hạn chế nên cuốn sách không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được sự đóng góp ý kiến của cán bộ giáo viên, công nhân viên, các thế hệ học sinh của nhà trường và của bạn đọc để lần sau tái bản cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Bùi Thị Loan

Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng
Trường THPT Lương Ngọc Quyến

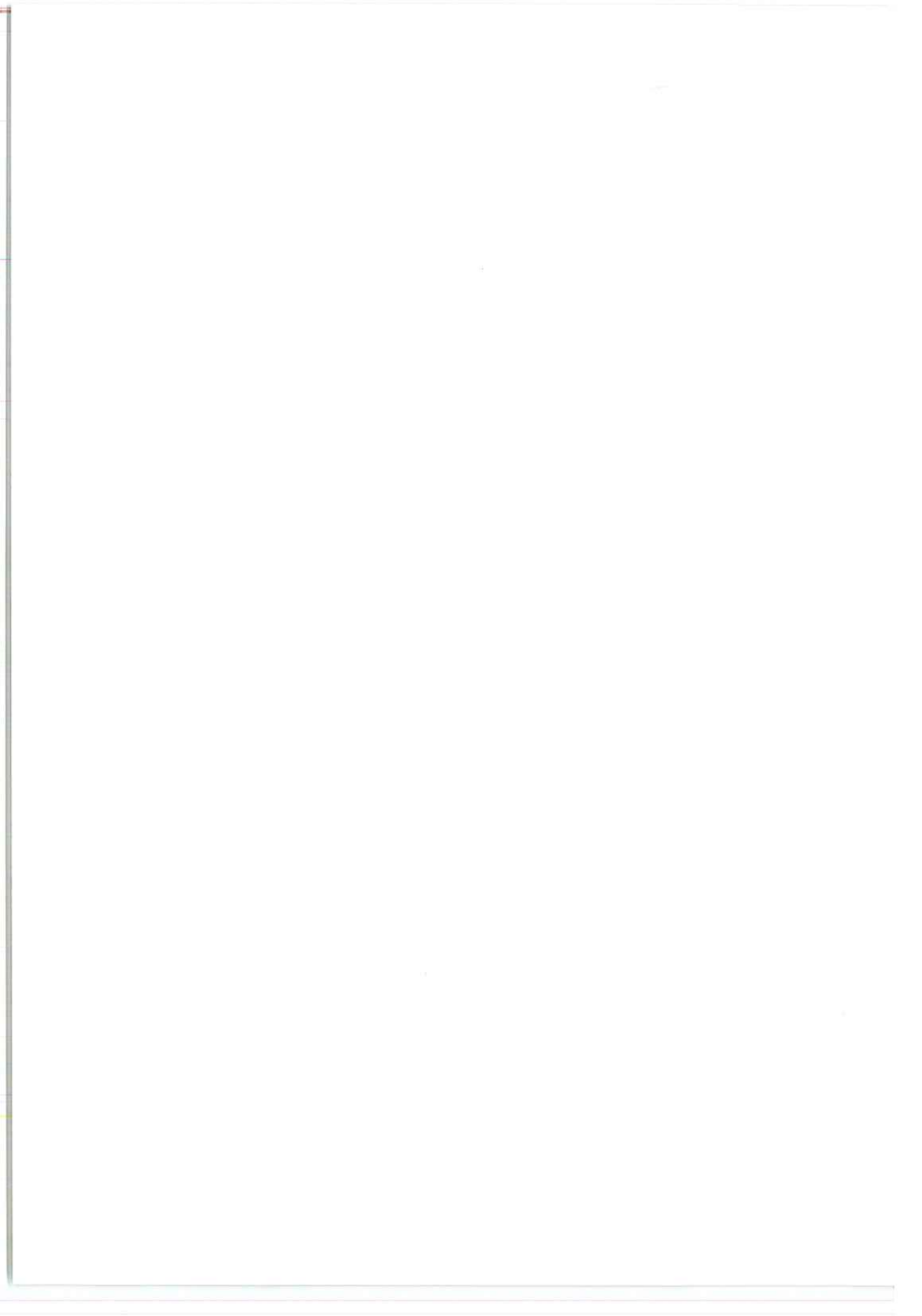
NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
CỦA NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM
TRAO TẶNG



HUÂN CHƯƠNG HỮU NGHỊ
CỦA NƯỚC CHDCND LÀO
TRAO TẶNG







**Trước “DI TÍCH LỊCH SỬ” CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ, diễm Chủ tịch Hồ Chí Minh
thăm trường Lương Ngọc Quyến ngày 13-03-1960 ”.**



Chương I

TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ SỰ THÀNH LẬP TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LƯƠNG NGỌC QUYỀN

I – Tỉnh Thái Nguyên – Sơ lược về tình hình tự nhiên, xã hội, văn hóa – giáo dục trước tháng 8 năm 1945.

1. Thái Nguyên là tỉnh trung du – miền núi. Phần diện tích thuộc địa hình miền núi chiếm phần lớn (3/4) bao gồm các huyện Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương và một phần Đồng Hỷ. Phần còn lại thuộc địa hình trung du bao gồm một phần Đồng Hỷ, thị xã Thái Nguyên và đồ xuôi xuống phía Nam với hai huyện Phổ Yên, Phú Bình. Tuy nhiên ngay ở hai huyện này vẫn có những xã thuộc vùng sâu vùng xa mang đặc trưng địa hình miền núi. Cho đến nay địa hình vẫn chưa thay đổi. QĐ số 42 ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND, Tỉnh Thái Nguyên có 122/180 xã, thị trấn thuộc khu vực miền núi, vùng cao. Diện tích toàn tỉnh: 3541,67 km².

Khoảng những năm 1940 – 1945 tổng dân số chừng hơn 80.000 người thuộc nhiều dân tộc: Kinh (75%), Tày (10%), Nùng (5%) và các dân tộc khác như Dao, Sán Dìu, H'Mông, Hoa, Thái,... Người Kinh phần lớn sống ở vùng trung du. Người các dân tộc khác chủ yếu sống ở các huyện vùng núi và các xã vùng núi của các huyện trung du. Cư dân bản địa sinh sống từ lâu đời, các di chỉ khảo cổ có niên đại khoảng từ 30.000 năm đến 10.000 năm trước đây được phát hiện ở Thần Sa (Võ Nhai) đã minh chứng cho sự hiện hữu liên tục của người nguyên thủy trên quê hương Thái Nguyên. Các nghiên cứu về lịch sử - văn hóa cũng cho biết nhân dân Thái Nguyên hoàn toàn gắn bó số phận với toàn thể dân tộc Việt

Nam trên quá trình dựng nước và giữ nước. Người Thái Nguyên từng hòa chung dòng máu chống xâm lược trong cộng đồng Việt Nam suốt trường kỳ lịch sử từ cuộc kháng chiến đầu tiên với giặc Tần, cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, đánh thắng quân Tống thời nhà Lý, đặc biệt có công rất lớn trong cuộc kháng chiến 10 năm chống giặc Minh dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi. Trong sự nghiệp chống thực dân Pháp gần 100 năm, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo được ghi nhận là một mốc son sáng ngời cho cả nước và các xứ thuộc địa của Pháp trên thế giới.

Nghề nông và nghề rừng là nguồn sống chủ yếu của cư dân Thái Nguyên. Là tỉnh có nhiều mỏ vào loại nhất Việt Nam, những triều đại phong kiến trước kia đã từng khai thác nhưng kết quả còn ít. Dưới thời thuộc Pháp, đặc biệt từ sau thế chiến I, thực dân Pháp tiến hành khai thác ồ ạt và bừa bãi các nguồn khoáng sản như than, sắt, kẽm... Hàng ngàn phu mỏ hoặc lấy tại chỗ, hoặc phân lớn tuyển mộ từ miền xuôi lên. Cùng với rất nhiều tá điền của hàng trăm đồn điền của chủ Pháp và chủ Việt, lớp di dân này không ngừng bổ sung cho Thái Nguyên cả về số lượng và cơ cấu thành phần. Do nguồn tài nguyên tự nhiên của một tỉnh trung du – miền núi thời đó còn rất phong phú, dồi dào, Thái Nguyên cũng có tiếng là miền “đất hứa” không chỉ với lớp người cùng khổ mà cả với tầng lớp thương nhân hay viên chức. Cảnh buôn bán tấp nập “trên bến dưới thuyền” nhờ con sông Cầu chảy dọc suốt chiều dài từ Bắc tỉnh đến Nam tỉnh mà sử sách ngày xưa từng miêu tả, vẫn tiếp diễn đến mãi thời kỳ kháng chiến chống Pháp 9 năm. Sự buôn bán trở nên nhộn nhịp, sầm uất hơn khi trên quốc lộ số 3 Hà Nội – Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng đường đi Tuyên Quang (nay là đường

13A), đi Lạng Sơn (nay là đường 1B), đi Bắc Giang (nay là đường 19) không chỉ có từng đoàn người gánh bộ, ngựa thồ và xe trâu, xe ngựa mà đã có cả ô tô chở hàng lâm thổ sản về xuôi rồi chuyển ngược hàng hóa nhu yếu phẩm cho dân miền núi.

2. Về văn hóa – giáo dục, Thái Nguyên không phải là đất khoa bảng nổi danh như nhiều tỉnh khác. Cũng là một tỉnh trung du miền núi, Tuyên Quang vào đời Lê được chọn làm 1 trong 9 địa điểm thi hương ⁽¹⁾, trong khi Thái Nguyên chưa từng có vinh dự ấy. Song truyền thống hiếu học của người dân Thái Nguyên không phải là không có. Từ thời Lê, Mạc, nơi đây từng xuất hiện nhiều vị đỗ đạt cao: 3 vị hoàng giáp là Phạm Nhĩ, Trịnh Bá, Đồng Doãn Giai; các tiến sĩ Nguyễn Cầu, Đỗ Cận, Đàm Sâm, Đàm Chí, Dương Ưc, Trình Hiến (có sách ghi Trình Hiến là cử nhân). Tất cả các vị xuất thân khoa bảng đó đều làm quan to, trong đó có hai thượng thư là Đàm Sâm và Đỗ Cận. Đỗ Cận còn là một tài năng văn thơ lớn, ông là một trong “nhị thập bát tú” của Hội Tao Đàn mà vua Lê Thánh Tông là “Tao Đàn nguyên súy”. Hiện ta chưa tìm được nhiều trong sử sách những ghi chép về tình hình giáo dục ở Thái Nguyên trước khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ. Biết rằng có nói đến trường học ở xã Phù Liễn nhưng chưa biết rõ công tích của ngôi trường đối với sự học ở địa phương. Tuy nhiên ngay từ cuối đời Trần nhà vua đã ban chiếu mở trường công ở châu, huyện.

Sau đó, đến đời Lê quy mô mở rộng hơn, cho dù trường công còn ít, chủ yếu là trường tư do dân tự lo liệu ở các làng xã. Tình hình này hẳn phải sâu rộng và có truyền thống lâu đời mới có thể gặt hái được thành quả đáng kể mà các vị

⁽¹⁾ 9 địa điểm đó là: Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc, An Bang, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa.

khoa bảng kể trên là tiêu biểu.

Đến thời thuộc Pháp, Thái Nguyên cũng như cả nước chịu sự áp đặt của chính sách giáo dục nô dịch kiểu thực dân cũ, tiêu biểu là chủ trương “phát triển giáo dục theo chiều nằm”⁽²⁾ – 1924.

Hệ thống giáo dục của Pháp cho người Việt bản xứ (gọi là giáo dục Pháp – Việt) thực chất là sự mô phỏng theo mô hình giáo dục phổ thông ở Pháp đương thời (hình thành từ thế kỷ XVIII, hoàn chỉnh ở thế kỷ XX). Cho đến những năm đầu thập niên 40 của thế kỷ XX, quy mô của hệ thống giáo dục Pháp – Việt là rất nhỏ, vì bọn thực dân lo đào tạo số ít tay sai hơn là nhằm nâng cao dân trí.

Thái Nguyên là tỉnh có quy mô giáo dục thuộc loại trung bình thấp. Ở thị xã có 2 trường tiểu học (trường con trai René Robin và trường con gái). Ở huyện lỵ các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Định Hóa mỗi nơi có một trường tiểu học, riêng huyện Phú Bình có 2 trường (ở Hà Châu và Phương Độ). Ngoài ra có mấy trường tư với mấy lớp sơ học ở thị xã. Ở những làng, xã hiếu học, dân tự tìm thầy đồ dạy trẻ học chữ nho và chữ quốc ngữ (không cần theo chương trình nhà nước) ngay trong nhà. Các gia đình học trò góp thóc trả công

⁽²⁾ Tức chỉ hạn chế ở các lớp sơ học đầu bậc tiểu học.

- Ở Bắc kỳ đó là trường hương học,
- Ở Trung kỳ là trường dự bị,
- Ở Nam kỳ là trường phụ trợ dự bị.

Cấu trúc bậc tiểu học:

- Lớp đồng ấu (enfantin), còn gọi là lớp 5.
- Lớp dự bị (préparatoire) còn gọi là lớp 4 (tư).
- Lớp sơ đẳng (élémentaire) còn gọi là lớp 3.
- Lớp nhì năm thứ nhất (moyen 1 ère année).
- Lớp nhì năm thứ hai (moyen 2 ième année).
- Lớp nhất (supérieur).

Ba lớp đầu (5, 4, 3) được gọi là bậc sơ học.

hàng năm và thay nhau nuôi ăn hàng tháng cho thầy.

Tổng số học sinh toàn tỉnh chỉ trên dưới 1500, chiếm tỉ lệ dưới 2% dân số (tỉ lệ trung bình của cả nước khoảng 2.6% dân số).

II – Thái Nguyên thời gian đầu sau Cách mạng tháng Tám và sự thành lập trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến.

1. Trước ngày tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, trong khu Giải phóng⁽³⁾, Thái Nguyên là tỉnh có vị trí chiến lược đặc biệt. Sau ngày tổng khởi nghĩa thắng lợi, tỉnh Thái Nguyên cần được quan tâm xây dựng và phát triển mọi mặt để giữ vững vai trò tiên phong trung tâm trong thời kỳ mới.

Chính vì vậy mà ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, đồng chí Phạm Văn Đồng đã được phân công cùng một số cán bộ ở lại Việt Bắc một thời gian để tiếp tục củng cố căn cứ địa. Biết tình thế khó tránh khỏi cuộc kháng chiến chống Pháp nên ngay từ tháng 10 – 1946 đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã được giao nhiệm vụ trở lại Việt Bắc chuẩn bị xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Liên tiếp vào tháng 11, tháng 12 cùng năm, đồng chí Trần Đăng Ninh và Đội công tác đặc biệt đã lên Việt Bắc xây dựng An toàn khu (ATK) của Trung ương.

Nhiều địa điểm thuộc các huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai đã được lựa chọn.

2. Trách nhiệm phải xây dựng Thái Nguyên về mọi mặt, khiến cho các cấp lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính

⁽³⁾ Khu Giải phóng thành lập ngày 4 – 6 – 1945 gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang do Ủy ban chỉ huy lâm thời đứng đầu là Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo.

tính đề ra nhiều chủ trương mới, trong đó có chủ trương rất sáng tạo và mạnh dạn về giáo dục. Cũng như các vùng khác trên cả nước, các trường học ở Thái Nguyên năm học đầu tiên sau cách mạng 1945 – 1946 đã khai giảng tung bừng với không khí ngày hội mới thực sự, hồ hởi đón thư của chủ tịch Hồ Chí Minh, và hoàn thành thắng lợi một năm học thấm nhuần tinh thần nhiệm vụ của nền giáo dục mới. Chỉ thị của BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (21 – 11 – 1945), các sắc lệnh 146/SL và 146/SL (8 – 1946) của Chủ tịch Chính phủ về hệ thống giáo dục quốc dân, nghị quyết Đại hội giáo dục lần thứ nhất (8 – 1946) cùng với các sự kiện nổi bật của tình hình giáo dục tỉnh nhà (và khắp nơi) chính là cơ sở cho những chủ trương sáng tạo và mạnh dạn của các cấp lãnh đạo Thái Nguyên.

Một trong những chủ trương ấy là thành lập trường trung học đầu tiên ở thị xã Thái Nguyên. Đó là đòi hỏi tất yếu của lịch sử, bởi chỉ có đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ nhất định mới mong đáp ứng được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài cho sự nghiệp cách mạng. Do trước đó Thái Nguyên chưa từng có trung học⁽⁴⁾, kể cả trường lớp do tư nhân mở nên không có thầy, không có cơ sở thiết yếu cho bậc học (ngay cả các trường tiểu học cũng đang thiếu giáo viên,

⁽⁴⁾ Vẫn do chính sách xây dựng giáo dục “theo chiều nằm” nên ở thời gian đó thực dân Pháp chỉ cho lập trường cao đẳng tiểu học (tương đương trung học cơ sở bây giờ) ở một số tỉnh lỵ, thành phố: Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Quy Nhơn, Cần Thơ, Mỹ Tho, chỉ có Lạng Sơn là tỉnh lỵ miền núi (năm học 1941 – 1942 có 16 trường). Bậc học tú tài (tương đương Trung học phổ thông bây giờ) chỉ có ở Hà Nội (trường Bưởi), Huế (trường Khải Định), Sài Gòn (trường Pétrus Ký).

Ở các trường Pháp hoàn toàn như Albert Sarraut (Hà Nội), Chasseloup – Laubat (Sài Gòn) dành cho con em người Pháp có các lớp tú tài. Ngoài ra có một số trường tư ở thành phố và các tỉnh lớn.

trường lớp, chương trình tài liệu giảng dạy). Bộ Quốc gia giáo dục nhất trí với chủ trương của tỉnh, cho phép mở trường, nhưng cấp phụ trách trực tiếp là Nha Trung học vụ cũng không giúp được những điều kiện cụ thể nói trên.

Ngoài việc triển khai sâu rộng trong ngành những chỉ thị, sắc lệnh của Trung ương, Chính phủ, Bộ QGGD đã chỉ đạo thực hiện những đề xuất của Hội đồng cố vấn học chính (thành lập 10 - 10 - 1945) về việc cải tổ nền giáo dục cũ, xây dựng nên giáo dục mới. Hai tờ tập san "Giáo dục tập san" Tiểu học và Trung học ra hàng tháng là phương tiện chỉ đạo quan trọng của Bộ.

Ở Thái Nguyên, lãnh đạo ngành giáo dục (chưa có bộ phận phụ trách Trung học, mới có Ty tiểu học vụ và Ty bình dân học vụ) dựa trên tinh thần phương hướng "vĩ mô" nói trên để tham mưu cho lãnh đạo Đảng và chính quyền tỉnh, đồng thời tạo điều kiện giúp cán bộ đi sâu tìm hiểu về giáo dục trung học để chuẩn bị thành lập trường ở cấp này.

Trường trung học ra đời ở Thái Nguyên là sự kiện có ý nghĩa lớn trong lịch sử phát triển giáo dục của tỉnh. Đó là biểu hiện đẹp đẽ, ưu việt của chế độ mới, tạo thêm niềm phấn khởi, tin yêu của nhân dân. (Trước đó nhiều năm, con em nhân dân trong tỉnh chỉ một số ít có điều kiện về Hà Nội học lên trung học). Đây là quyết định sáng suốt với tinh thần tự lực tự cường trong hoàn cảnh tràn ngập khí thế tiến công cách mạng lúc đó. Không kịp thành lập sớm hơn để khai giảng đúng vào dịp năm học 1946 - 1947 bắt đầu, nhưng nhờ những cố gắng lớn, trường đã thành lập vào tháng 10 - 1946, tuy hơi muộn nhưng vẫn trong biên chế năm học. Trường được mang tên nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến, người đã cùng với Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Ông Phạm Duy Nhượng

khi đó là Trường ty bình dân học vụ tỉnh Thái Nguyên được cử làm Hiệu trưởng. Trường mới có một lớp đệ nhất ⁽⁵⁾ với khoảng 40 học sinh ở thị xã và các huyện về học, có một số con em của đồng bào ở mấy tỉnh dưới xuôi mới tản cư lên.

Lớp học phải đặt nhờ ở nhà ông Trần Bá Quán (thuộc phường Trung Vương, TP Thái Nguyên bây giờ), số giáo sư cơ hữu của trường hầu như chỉ có thầy Phạm Duy Nhượng vừa làm Hiệu trưởng, vừa phụ trách lớp, vừa trực tiếp dạy nhiều môn: Văn, Sử, Pháp văn, Anh văn, Nhạc, Họa, có khi dạy cả toán thay thầy bộ môn vắng. Các môn khoa học còn lại phải mời một số người có trình độ dạy giúp:

- Ông Lê Văn Chung, Trường ty Kiểm lâm dạy Lý và Hóa

- Ông Huệ Trường ty Công chính dạy Toán;

- Ông Viêm Trường ty Địa chính dạy Địa;

- Cụ Ký Ảnh, một nhà nho dạy chữ Hán;

⁽⁵⁾ Từ tháng 9 – 1945 đến 1950 hệ thống giáo dục ở vùng tự do nước ta vẫn áp dụng chương trình do GS Hoàng Xuân Hãn – nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Mỹ thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim (tháng 4 – tháng 8 năm 1945) chỉ đạo biên soạn. Cấu trúc và tên gọi cấp học và lớp học trung học như sau:

A- Trung học phổ thông (4 năm)

- Đệ nhất (tương đương lớp 6 bây giờ).

- Đệ nhị (tương đương lớp 7 bây giờ).

- Đệ tam (tương đương lớp 8 bây giờ).

- Đệ tứ (tương đương lớp 9 bây giờ).

B- Trung học chuyên khoa (3 năm)

- Đệ nhất niên (tương đương lớp 10 bây giờ).

- Đệ nhị niên (tương đương lớp 11 bây giờ).

- Đệ tam niên (tương đương lớp 12 bây giờ).

Nội dung chương trình có thay đổi tùy theo từng môn học. Nói chung cơ bản giữ như cũ ở các môn khoa học tự nhiên, thay đổi nhiều ở các môn khoa học xã hội (như quốc văn, quốc sử, công dân giáo dục v.v...)

Thời gian đầu Hội đồng sách giáo khoa của Bộ chưa biên soạn kịp sách, giáo viên bộ môn tự soạn các bài giảng theo chương trình.

Dùng tiếng Việt để giảng dạy ở tất cả các cấp học, bậc học.

- Thầy giáo tiểu học Đào Trọng Dậu dạy Thể dục Thể thao;

- V.v...

Do lãnh đạo Đảng và Chính quyền tỉnh có tầm nhìn xa rộng, chủ trương hợp lòng người, khai thác được tiềm năng xã hội nên trường trung học Lương Ngọc Quyến đã ra đời và vượt qua bao nhiêu khó khăn để đảm bảo những hoạt động cơ bản từ nội khóa đến ngoại khóa.

Ngày khai giảng trường trung học Lương Ngọc Quyến đúng là một ngày hội. Học sinh tề chỉnh xếp hàng đón các vị lãnh đạo tỉnh và thị xã, các vị quan khách, các đoàn đại biểu cơ quan, đoàn thể, các thầy giáo, cô giáo đại diện các trường tiểu học ở thị xã. Thầy Hiệu trưởng Phạm Duy Nhượng đọc diễn văn khai mạc. Ông Lê Trung Đình Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên cắt băng khai giảng. Cờ hoa rực rỡ. Tiếng trống ếch rộn ràng của đội thiếu nhi thị xã đến chào mừng (chỉ 1, 2 năm nữa các em sẽ vào trường với tư cách học sinh trung học như các anh các chị hôm nay).

Trường trung học Lương Ngọc Quyến được khai sinh trong vòng tay ưu ái triu mến của nhân dân Thái Nguyên. Học sinh phấn khởi, đi học đều, chăm chỉ cố gắng. Tuy mới đang chập chững bước đầu của bậc học mới mẻ, chưa từng quen với nề nếp quy chế trung học thực sự, nhưng các thầy đã rất nghiêm túc, thực sự cầu thị, cố gắng truyền thụ kiến thức theo sự hiểu biết của mình. Thầy Hiệu trưởng là con người nhiệt tâm, hiểu biết sâu rộng, đa tài, rất năng động. Dưới sự phụ trách trực tiếp của thầy, lớp học sinh trung học trở nên hoạt bát, tự tin trong học tập, và sôi nổi ở các hoạt động xã hội. Trong những cuộc mít - tinh, diễu hành lớn ở thị xã hồi ấy, tập thể học sinh trung học chỉ mấy chục người mà vẫn nổi trội với phong cách khuấy động không khí rất có

tổ chức, với những bài hát hợp thời và mới mẻ do chính thầy hiệu trưởng sáng tác. Có thời gian gần như hàng ngày thầy Hiệu trưởng chỉ huy học sinh xếp hàng đôi đi đều đều qua các phố chính, hát vang, đồng thanh hô các khẩu hiệu cổ động cho các chủ trương, chính sách, phong trào (Bình dân học vụ, tiêu thổ kháng chiến v.v...). Do đó, cùng với tác dụng tích cực trực tiếp đối với xã hội, lớp học sinh trường trung học non trẻ đã tự khẳng định như một nhân tố mới về giáo dục ở Thái Nguyên, được nhân dân ghi nhận với nhiều thiện cảm và lòng tin.

Chỉ hai tháng sau, tiếng súng toàn quốc kháng chiến bùng nổ ở Thủ đô Hà Nội. Chiến sự lan rộng dần. Máy bay Pháp đã đe dọa thị xã Thái Nguyên. Nhân dân thị xã đã rục rịch tản cư theo lời kêu gọi và sự tổ chức của các Ban tản cư. Ban phá hoại của tỉnh đã thành lập, chuẩn bị kế hoạch tiêu thổ kháng chiến. Trên 400 ngôi nhà ngói trong đó 10 % là nhà cao tầng sắp sửa được phá hủy bởi chính bàn tay của người dân địa phương.

Trước tình hình khẩn trương đó, trường trung học Lương Ngọc Quyến phải chuyển về làng Đồng Mỗ (cũng thuộc phường Trung Vương bây giờ). Và cũng chỉ được một thời gian ngắn, khi thị xã Thái Nguyên rầm rộ tiến hành phá hoại triệt để ⁽⁶⁾. Đến tháng 3 năm 1947, trường giải thể. Học sinh tản cư theo gia đình. Thầy hiệu trưởng Phạm Duy Nhượng chuyển sang phụ trách một đoàn tuyên truyền của tỉnh. Các thầy khác (thỉnh giảng) đi sơ tán theo cơ quan của mình. Cách mạng tháng Tám 1945 mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử đất nước. Sau đó đúng một năm học (tháng 9/1945 –

⁽⁶⁾ Đến giữa năm 1947, thị xã Thái Nguyên đã hoàn thành công cuộc tiêu thổ kháng chiến.

tháng 9/1946), Trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyên ra đời là một sự kiện quan trọng trong lịch sử giáo dục của tỉnh Thái Nguyên.

Khai giảng muộn và sớm phải giải thể, hoạt động của nhà trường chưa trọn một năm học trong hoàn cảnh khó khăn về mọi phương diện, nhưng hiện tượng giáo dục này vẫn mang nhiều ý nghĩa.

Đó là chủ trương sáng suốt đúng thời cơ, hợp lòng dân của cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền tỉnh Thái Nguyên, là ý chí tự lực, tự cường, tinh thần năng động sáng tạo, cố gắng vượt bậc của cán bộ trong và ngoài ngành giáo dục, là sự hưởng ứng và ủng hộ vô tư, hào hiệp của nhân dân, thầy tâm huyết và trò hiếu học.(trường phổ thông, nhưng có đôi nét giống với lớp Bình dân học vụ - Bổ túc văn hoá: Trường sở nhờ nhà dân, thầy dạy là “người biết chữ dạy người chưa biết”...)

Thời gian tồn tại ngắn ngủi (10/1946 đến 3/1947) nhưng ít nhiều trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyên cho thấy đáng đáp một nhà trường kiểu mới, nền giáo dục dân chủ nhân dân. Quan hệ giữa nhà trường và xã hội ở đây là sự gắn bó chặt chẽ, vừa huy động sức mạnh tiềm năng của xã hội, vừa phát huy tác dụng của trường học đối với xã hội, phục vụ tích cực cho nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Giáo dục nhà trường đã kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội theo tinh thần nguyên lý giáo dục một cách tự nhiên.

Qua hình ảnh của lớp đệ nhất đầu tiên này, có thể thấy thấp thoáng dáng nét mới mẻ của lớp người đang và sẽ là sản phẩm tương lai của nhà trường đương thời.

Chương II TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1947 – 1954)

I. Trường trung học ở Cù Vân – Đại Từ

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến tình hình đất nước biến chuyển rất mau lẹ. Dịch âm mưu tiến hành một cuộc chiến tranh áp đảo hồng nhanh chóng chiếm lại nước ta. Ta phải ra sức sẵn sàng chống trả đồng thời tích cực chuẩn bị kháng chiến trường kỳ, bởi chỉ có như thế mới mong giành được thắng lợi cuối cùng.

Ở thị xã Thái Nguyên, việc giải thể trường trung học Lương Ngọc Quyến là việc bắt buộc vì không còn lựa chọn nào khác. Tình hình các nơi khác cũng diễn ra như vậy. Học sinh tản cư theo gia đình, thầy giáo cũng lo đưa gia đình di chuyển khỏi vùng đang hoặc sắp có chiến sự, do đó các trường đành tạm đóng cửa.

Trước tình hình đó, Bộ Quốc gia giáo dục dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, đã thực hiện chủ trương chuyển hướng giáo dục cho phù hợp với thời chiến. Trước hết là chuyển biến nhận thức, cần thấy rõ tính chất *toàn dân, toàn diện, trường kỳ* của cuộc kháng chiến. Nhiệm vụ khó khăn và vẻ vang của giáo dục là không những giữ vững mà còn phát triển sự nghiệp giáo dục để phụng sự xứng đáng cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc.

Đối với các trường trung học, Bộ chủ trương một mặt di chuyển một số trường (cả thầy và trò) từ thành phố và vùng

có chiến sự ra vùng tự do, mặt khác mở thêm trường mới ⁽¹⁾.

Như vậy xét trên toàn cục, việc trường trung học Lương Ngọc Quyến giải thể chỉ là tạm thời, vì lúc này cả Khu Một không có trường trung học. Quán triệt tinh thần đường lối giáo dục của Đảng trong thời chiến (và cả cho tương lai lâu dài), Thái Nguyên cần có ngay trường trung học đặt nền móng cho sự phát triển một mạng lưới bậc học này trong tương lai gần, gắn liền với từng bước đi lên của cuộc kháng chiến trường kỳ. Bộ (mà trực tiếp là Nha Trung học vụ) cùng với Khu giáo dục Khu Một gấp rút xúc tiến mở trường trung học ở Thái Nguyên. Ông Dương Xuân Nghiênn ⁽²⁾ nhận quyết định của Bộ cử làm Hiệu trưởng, đến Khu Một liên hệ với giám đốc Khu giáo dục – ông Nguyễn Hữu Tảo chuẩn bị mở trường.

Lần này trường trung học đặt ở xã Cù Vân huyện Đại Từ nên trường được gọi theo tên xã.

Ở vùng này có nhiều cơ quan của Khu (Bưu điện, Đoàn Thanh niên, Giáo dục,...), của Trung ương... sơ tán, vì vừa

⁽¹⁾ Một loạt trường như trường Quốc học Huế (Khải Định) chuyển ra Hà Tĩnh đổi tên thành trường trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng; trường Quốc học Vinh chuyển về nông thôn huyện Nam Đàn và mang tên Nguyễn Công Trứ; trường Nguyễn Thượng Hiền đón học sinh trung học ở các tỉnh khu III vào Thanh Hóa; trường Bình Trị Thiên, trường Nguyễn Chí Diểu,... cũng ở Liên khu IV. Ở Liên khu V có Phan Châu Trinh (Quảng Nam), Lê Khiết (Quảng Ngãi), Nguyễn Huệ (Bình Định), Lương Văn Chánh (Tuy Hòa). Ở Nam Bộ có trường trung học bình dân Nguyễn Công Mỹ, trường Huỳnh Phan Hộ,...

Trường trung học kháng chiến Việt Bắc khai giảng năm học 1947 – 1948 ở Đào Giã (Phú Thọ) đón nhận học sinh từ thủ đô Hà Nội. Trường Hùng Vương (Phú Thọ), Hàn Thuyên (Bắc Ninh), Ngô Sĩ Liên (Bắc Giang), v.v...

⁽²⁾ Dương Xuân Nghiênn (1921 – 1999): Trước Cách mạng tháng 8 – 1945 đậu bằng MG (Toán đại cương) trường Cao đẳng khoa học, tốt nghiệp ban kỹ sư công chính trường Cao đẳng công chính.

kín đáo an toàn, vừa có đường giao thông thuận tiện. Trường mượn đình làng làm lớp học, mượn nhà kho chứa thóc cũ làm ký túc xá. Giáo sư và công nhân viên đều phân tán ở nhờ nhà dân.

Những ngày đầu ngoài thầy Dương Xuân Nghiên Hiệu trưởng và dạy các môn khoa học tự nhiên, có thầy Nguyễn Văn Quý dạy các môn khoa học xã hội và Pháp Văn, thầy Đào Trọng Dẫu ở trường tiểu học sở tại phụ trách môn Thể dục thể thao. Nhân viên của trường gồm có: bác Đỗ Mộng Ngọc phụ trách văn phòng; cô Ngà (vợ thầy Nghiên) phụ trách bếp ăn, sau chuyển sang cô Hiền (vốn là cô giáo tiểu học ở Hà Nội tản cư lên). Hàng ngày học sinh cắt cử nhau giúp việc nhà bếp. Bếp ăn là hình ảnh đầm ấm, nơi thầy trò quây quần với bữa cơm đạm bạc. Số học sinh rất ít, rồi đông dần (từ 2, 5, 6,... rồi 30 học sinh, có cả học sinh nữ và học sinh người Tày). Trường có đủ 4 lớp: đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ, phải học ghép hai lớp đầu cấp và hai lớp cuối cấp. Học sinh nhiều người là con em cán bộ các cơ quan đóng trong vùng, có cả người địa phương, ngoài ra là học sinh đến từ thị xã và các huyện khác, nhiều con em đồng bào tản cư⁽³⁾. Một số học sinh gia đình ở các tỉnh khác.

Nha Trung học vụ cùng với Khu giáo dục rất quan tâm đối với trường. Lúc đó giáo viên của tất cả các cấp đều rất thiếu, ngoài số giáo sư trung học từng dạy ở các trường công và tư nay chuyển theo kháng chiến, Bộ vận động các trí thức, sinh viên các ngành khác về làm việc cho

⁽³⁾ Chỉ thị của Chủ tịch nước và Sắc lệnh số 5 – SL của Chính phủ (31 – 12 – 1946): thành lập Ủy ban tản cư. Ủy ban hành chính kháng chiến các cấp đều chỉ đạo tổ chức các Ủy ban tản cư và tiếp cư. Đến tháng 2 – 1947 tỉnh Thái Nguyên đã tiếp đón 12000 đồng bào từ các tỉnh tản cư đến, phân chia khu vực định cư, phân phối hàng triệu đồng tiền cứu tế.

ngành Giáo dục⁽⁴⁾, Khu Giáo dục cũng giúp Bộ tìm nguồn bổ sung tại chỗ⁽⁵⁾.

Nếu trước đó, năm 1946 ở thị xã Thái Nguyên, trường trung học Lương Ngọc Quyến ra đời mang những nhân tố mới của giáo dục cách mạng, thì nay, năm 1947, trường trung học ở Cù Vân xuất hiện trong đời sống giáo dục kháng chiến, bắt đầu một sự nghiệp lâu dài đầy thử thách. Ngoài hoạt động đặc thù của ngành là dạy và học, thầy và trò sống hòa mình cùng đồng bào địa phương miền núi. Cũng vào rừng kiếm củi, hái rau dại, đào sắn trên nương,... Cũng chặt cây, lẩy nứa về sửa sang nơi ở, bếp ăn tập thể của thầy trò. Cuộc sống gian khó, thiếu thốn vật chất, nhưng rất lạc quan, tươi vui. Tuy nhiên, bước đầu ở miền núi hoang vu, rậm độc, muỗi vắt, sốt rét, thương hàn, ghẻ lở,... đe dọa sức khỏe và tính mạng của những con người mới hôm qua chỉ quen cuộc sống thị thành. Đã có học sinh lâm bệnh nặng rồi qua đời vì không có thuốc men chạy chữa.

Do mới bước vào cuộc sống kháng chiến, tất cả còn bỡ ngỡ, chưa kịp thích nghi nhưng vẫn phải tiến hành nhiệm vụ khó khăn, lại có nhiều công việc do hoàn cảnh phát sinh, không như một trường phổ thông ở thời bình, nên hoạt động của thầy và trò mới chỉ cố gắng duy trì được một nề nếp cơ bản: sáng dậy đúng giờ, tập thể dục, sau đó tự học, lao động; chiều lên lớp học các môn chính khóa; trước khi vào lớp học sinh xếp hàng chào cờ, hát quốc ca. Trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động chính trị, đoàn thể trong

(4) Những người được cử về trường cùng với ông Dương Xuân Nghiên là ông Nguyễn Văn Quý – sinh viên trường Luật.

(5) Như thầy giáo Đào Trọng Dậu, và sau này có các thầy Phạm Huy Châu, Trần Văn Quốc, ... nguyên là những người trong ngành giáo dục Thái Nguyên từ trước. G.S Nguyễn Hữu Tảo cũng tham gia dạy môn Vạn vật.

trường và ngoài xã hội. Chưa có tổ chức Học sinh đoàn, chỉ cử ra lớp trưởng duy trì nề nếp chung. Anh Nguyễn Hoàn lớp trưởng đệ nhất – đệ nhị, anh Phạm Trí Thức lớp trưởng đệ tam – đệ tứ. Trường cũng chưa có đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương. Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ở đường lối, chủ trương của Trung ương, Chính phủ và các chủ trương, hoạt động của Bộ triển khai đường lối của Chính phủ và Trung ương. Khi trường chưa có cơ sở Đảng thì tổ chức Đảng ở địa phương⁽⁶⁾ nơi trường đóng vẫn phụ trách lãnh đạo chính trị chủ yếu thông qua các tổ chức đoàn thể và chính quyền.

Cách tổ chức trường lớp, cách dạy và cách học là hết sức linh hoạt, đặc biệt sáng tạo, không câu nệ quy tắc máy móc mà căn cứ vào hoàn cảnh thực tế. Nhưng chính nhờ bản lĩnh đích thực của thầy và trò mà vào dịp bế giảng năm học 1946 – 1947 (theo lệ thường), mặc dù mới học có mấy tháng, trường vẫn tổ chức được kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông cho hai lớp ghép đệ tam – đệ tứ. Kỳ thi tiến hành làm 2 đợt, học sinh không đỗ đợt I được phép thi đợt II. Đây là kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên. Dù trong hoàn cảnh ngặt nghèo, vẫn có những nổi niềm muôn thuở của thi cử: người đỗ vui sướng cực độ (chị Dương Thị Ngọc – con GS Dương Quảng Hàm đỗ thủ khoa), còn người trượt rất đau (anh Đ.V.P khóc “hết nước mắt”, may mà đỗ đợt II). GS Nguyễn Hữu Tảo đã chỉ đạo kỳ thi này, và liền sau đó là kỳ thi tốt nghiệp tiểu học (cũng tổ chức ở trường) cho học sinh ở Đại Từ và các vùng lân cận. Trường trung học phổ thông ở Cù Vân được xây dựng và đứng vững trong hoàn cảnh hết sức gian khó, để tiếp tục

⁽⁶⁾ Ngay tổ chức Đảng trong các cơ quan Bộ QGGD những năm đầu kháng chiến cũng sinh hoạt ghép vào các chi bộ địa phương nơi cơ quan sơ tán.

những bước phát triển về sau. Đó chính là thành công lớn rất có ý nghĩa trong việc thực hiện chủ trương, đường lối chuyển hướng giáo dục trong thời chiến của Đảng⁽⁷⁾, Chính phủ.

II. Trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyền những năm học ở Phú Bình.

1. Trường trung học ở Phương độ. Trường trung học phổ thông Cù Vân thành lập và hoạt động trong rất nhiều khó khăn được mấy tháng thì có chủ trương chuyển địa điểm. Vùng Đại Từ được chọn làm khu an toàn cho các cơ quan đầu não kháng chiến, nhưng không thật thuận lợi cho yêu cầu phát triển của một trường phổ thông bậc trung học không chỉ của riêng tỉnh Thái Nguyên. Trường cần phải trở thành một trung tâm văn hóa – giáo dục tiêu biểu của Khu Một, rồi Liên khu Việt Bắc. Các cấp lãnh đạo trong và ngoài ngành Giáo dục hết sức chú ý đầu tư về mọi mặt cho trường trong khả năng có thể. Trường cần thu hút đông đảo học sinh kháng chiến, trở thành một trung tâm đào tạo trí thức trẻ cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Như vậy chủ trương di chuyển trường đến một địa điểm khác khả dĩ đáp ứng thuận lợi hơn đối với các yêu cầu trên đây là hoàn toàn cần thiết. Ngay trong năm 1947, trường chuyển về huyện Phú Bình, đóng tại Phương Độ Trường trung học ở Cù Vân giờ mang tên mới là trường trung học Phương Độ (theo cách gọi tên tự nhiên và đơn giản lúc ấy). Đây là huyện vùng thấp của tỉnh, khá trù phú, dân cư tương đối đông. Trước cách mạng, Phú Bình là huyện khá hơn các huyện khác về mọi mặt, kể cả về giáo dục (có 2 trường tiểu học Hà

⁽⁷⁾ Tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 4 năm 1947.

Châu và Phương Độ). Phú Bình cũng là một cửa ngõ về phía Nam của tỉnh, dễ dàng liên lạc bằng đường thủy và đường bộ với các tỉnh khác như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Đông rồi đến các tỉnh đồng bằng khác, kể cả vùng Đông Bắc. Một trường trung học kháng chiến thuộc loại trọng điểm của tỉnh căn cứ địa nằm ở một nơi cách vùng quân Pháp kiểm soát không xa, ngay cả đối với thủ đô Hà Nội, đã thực sự có sức hấp dẫn đối với lớp thanh thiếu niên hướng về kháng chiến. Đồng bào ta ai cũng yêu nước, một lòng theo cụ Hồ kháng chiến, nhưng rất nhiều gia đình không thể rời bỏ phố phường, ruộng vườn, nhà cửa để lên chiến khu. Họ tìm cách cho con em mình đi và càng yên tâm khi biết ở vùng tự do có đủ trường lớp cho tương lai chúng khỏi bị thiệt thòi vì thất học. Và quan trọng hơn, với tâm lý đầy tin tưởng, họ hướng về nền giáo dục cách mạng, tuy non trẻ nhưng đã tỏ rõ tính ưu việt nhất định sau một năm học đầu tiên (1945 – 1946). Bước vào kháng chiến trường kỳ không thể “xếp bút nghiên” hoàn toàn dù là tạm thời. Bởi muốn “trường kỳ” phải kháng chiến “toàn diện”, không thể thiếu sức mạnh của Giáo dục. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị: “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, phải phát triển giáo dục ở vùng tự do, vùng du kích,... thu hút học sinh vùng địch tạm chiếm ra với kháng chiến”... Trường trung học phổ thông của Thái Nguyên di chuyển về Phương Độ, Phú Bình là nằm trong chủ trương chung của Trung ương, Chính phủ, Bộ Quốc gia Giáo dục, theo tinh thần chỉ thị của chủ tịch Hồ Chí Minh.⁽⁸⁾

Khác với trước đây khi Thái Nguyên mới mở lại trường trung học ở Cù Vân thì chỉ vài học sinh cũ ở trường Lương

⁽⁸⁾ Ở vùng tự do Liên khu IV, Liên khu V, Nam Bộ cũng phát triển các trường trung học theo chủ trương này.

Ngọc Quyên thị xã có mặt, bây giờ tất cả thầy trò đều cùng nhà trường chuyển về Phương Độ. Rồi dần dần, một số học sinh cũ ở thị xã cũng tìm về trường học tiếp. Số học sinh tăng dần. Họ đến từ các nơi trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Đặc biệt, có một số học sinh địa phương đã học qua tiểu học, nay mới có trường để học lên. Số thầy giáo cũng được bổ sung thêm.

Đã có thể tổ chức học theo từng lớp (thay vì học ghép hai lớp như dạo ở Cù Vân), có đủ 4 lớp: đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ. Hai lớp đầu cấp tương đối đông, hai lớp cuối cấp ít học sinh hơn, tổng số lúc này chưa tới 100.

Lúc đầu trường học nhờ các phòng học của trường tiểu học Phương Độ. Sau cuộc tấn công của Pháp lên Bắc Kạn, Chợ Mới, Thái Nguyên thu đông 1947, các làng ở Phú Bình (và cả tỉnh Thái Nguyên) phá nôt các nhà gạch, kể cả trường tiểu học.

Trong khi chờ địa phương sắp xếp nơi học cho các trường, thầy và trò trung học đã tự khắc phục bằng cách tổ chức học ngoài trời. Bảng đen, bàn ghế kê dưới gốc cây khế ở sân trường, thầy say sưa giảng bài, học sinh chăm chú lắng nghe, vẫn nghiêm túc và còn tràn đầy cảm hứng lãng mạn kháng chiến cùng chất trí tuệ trong liên tưởng đẹp và hãnh diện⁽⁹⁾ ngày sau trường được xã cho học ở đình. Các lớp đệ nhất, đệ nhị đông học sinh thì học ở ngôi đình chính. Các lớp đệ tam, đệ tứ học ở hai dãy nhà phụ hai bên tả, hữu sân đình.

⁽⁹⁾ Các thầy giáo và đa số học sinh trung học thời đó đều biết qua sách vở:

- Những trường học đầu tiên ở Hy Lạp cổ đại là dưới lùm cây, cánh đồng, đền thờ, tu viện, sân chơi diễn kịch,...

- Platon (428/427 – 347 TCN) giảng dạy các môn đệ ở cánh đồng, nên từ đó có danh từ *Campus* chỉ khuôn viên đại học ngày nay.- Aristote (384 – 322 TCN) mở lớp học dưới các lùm cây gọi là *Lyceum*. Từ *Lycée* trong tiếng Pháp chỉ trường trung học là bắt nguồn từ *Lyceum*.

Đình Phương Độ cũng là nơi học của trường tiểu học Phương Độ. Hai trường học vào hai buổi sáng và chiều khác nhau trong ngày.

Sau thời gian đầu lo liệu về trường lớp, đón nhận học sinh, thu xếp nơi ăn ở cho thầy giáo, tổ chức dạy và học trong mọi hoàn cảnh... trường trung học đã tương đối tạm ổn định, khẩn trương hoàn thành học kỳ I năm học 1947 – 1948.

Lúc này càng thấy chủ trương di chuyển trường từ Cù Vân Đại Từ về Phú Bình là hết sức sáng suốt, vì ngoài những lý do đã nêu ở trên, còn là thực tế đã tránh xa vùng chiến sự ác liệt do chiến dịch tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc thu đông 1947 của giặc Pháp⁽¹⁰⁾. Chỉ đến khi chiến dịch này kết thúc, một cánh quân Pháp trên đường rút về Hà Nội theo quốc lộ số 3 có cản rộng vào những xã gần đường, địa phương nổi hiệu lệnh báo động, thầy trò phải chạy giặc một ngày, rồi trở lại bình thường.

Sang học kỳ II cho đến cuối năm học, trường tiếp tục đón nhận học sinh từ khắp nơi tìm đến vào tất cả các lớp. Cũng từ học kỳ II, mọi hoạt động nội khóa, ngoại khóa đã đi vào nền nếp, quy củ hơn, các phong trào được tổ chức tạo nên không khí hào hứng sôi nổi không chỉ trong trường mà lan tỏa ảnh hưởng tới cả nhân dân quanh vùng trường đóng. Số lượng học sinh tăng lên nhiều, hoạt động dạy và học đảm

⁽¹⁰⁾ Trong chiến dịch này, liên tiếp trong 3 tháng cuối năm 1947, giặc Pháp thực hiện các cuộc hành quân *Lêa*, *Xanhtuya* nhằm phá tan vùng căn cứ, lùng bắt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.

Trên địa bàn huyện Đại Từ, chiều 26 – 11 – 1947, 400 quân Pháp (khoảng 1 tiểu đoàn) nhảy dù chiếm đóng làng Ngò (xã An Khánh) và Ba Gò (xã Cù Vân). Từ đây cho đến giữa tháng 12 – 1947, Đại Từ cùng với các vùng ATK thuộc những huyện khác phải chống trả với những cuộc hành quân càn quét rất ác liệt của địch.

bảo hoàn thành chương trình, tạo được khí thế mới trong trường và chiếm được lòng tin của nhân dân, kể cả gia đình học sinh ở khắp nơi trong tỉnh và nhiều tỉnh khác.

Đạt được thắng lợi này trước hết nhờ có chủ trương chuyển địa điểm trường sáng suốt và đúng đắn, vừa chứng tỏ tầm nhìn chiến lược, vừa là sự thấu hiểu tâm nguyện nhân dân của các cấp lãnh đạo. Sự chỉ đạo của Nha Trung học vụ, của Khu Giáo dục (sau là Sở Giáo dục Liên khu) được sự đưa một trường trung học vừa mới thành lập được điều hành bởi một vị Hiệu trưởng chưa từng có kinh nghiệm giáo dục đi đúng quỹ đạo của nền giáo dục mới. Đóng góp xuất sắc vào thắng lợi năm học là tài năng, tinh thần, ý chí của thầy Hiệu trưởng Dương Xuân Nghiên, người đã cảm hóa, đoàn kết, động viên tất cả đồng nghiệp và các lớp học sinh đầu tiên xây dựng thành công một trường trung học vững vàng hứa hẹn sớm có bề thế.

2. Trường trở lại mang tên Lương Ngọc Quyến.

Năm học 1948 – 1949 đánh dấu những chuyển biến quan trọng. Địa điểm tương đối ổn định, được củng cố khá hơn về cơ sở vật chất do địa phương tận tình giúp đỡ. Trường phát triển đột biến về số lượng học sinh, đã có 2 lớp đệ nhất, 2 lớp đệ nhị, một lớp đệ tam, một lớp đệ tứ. Bộ và Khu Giáo dục đã cử về trường những giáo viên mới. Các thầy giáo, cô giáo là những giáo sư trung học từ trước, hoặc là giáo viên tiểu học được điều lên. Số khác là sinh viên những trường đại học hoặc cao đẳng thuộc nhiều ngành khác nhau, đã hoặc chưa tốt nghiệp. Do kháng chiến, không có điều kiện tiếp tục học hoặc làm việc đúng theo ngành nghề được đào tạo, họ tự nguyện tham gia ngành Giáo dục. Trường bước vào khai giảng năm học mới với tầm vóc khá tương xứng

của một đơn vị giáo dục thuộc loại trọng điểm trong khu và có tên tuổi trong số các trường trung học phổ thông ở vùng tự do cả nước thời kỳ đó. Tuy lễ khai giảng diễn ra ở một làng trung du, không có ngôi trường lộng lẫy khang trang phù hợp, nhưng vẫn đầy ắp không khí sự phạm ăm ắp và khí thế hào hứng, trẻ trung.

Bộ máy quản lý của trường tuy chưa thật hoàn chỉnh, song đã có những bộ phận cần thiết nhất định như văn phòng (với 2 nhân viên), giám thị, tùy phái,.. đảm bảo khâu hành chính sự vụ giúp cho việc quản lý lãnh đạo của Hiệu trưởng thuận lợi hơn.

Sau gần một năm học (1947 – 1948), quan hệ gắn bó giữa trường và địa phương đã dần ổn định và đi vào chiều sâu. Sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ trường của các cấp lãnh đạo huyện Phú Bình, địa bàn các thôn, xã trường đóng và có thầy giáo, học sinh đến ở đã thực sự tạo nên một thế đứng vững vàng trong lòng dân, một kiểu nhà trường khó tìm thấy ở đâu trong lịch sử giáo dục thế giới.

Thầy và trò từng nhóm nhỏ ở ngay trong nhà dân hình thành các “pô pốt” (một địa điểm của nhóm trọ học), được dân sẻ chia từ tấm phên, manh chiếu dưới một mái rạ đơn sơ, từng củ khoai, củ sắn, nắm rau mỗi khi cơ nhỡ. Ngoài giờ học, những “trí thức thành phố” cũng giúp dân nhiều “việc nhà nông” trong nhà và ngoài đồng ruộng.

Cũng từ năm học này trường chính thức mang tên Lương Ngọc Quyến⁽¹¹⁾ như ngày đầu thành lập năm 1946.

⁽¹¹⁾ Sự kiện trường mang tên Lương Ngọc Quyến là có ý kiến của Giám đốc Sở Giáo dục Liên khu I Hoàng Ngọc Phách: Thứ nhất, trường cần có tên chính thức thay cho cách lấy tên địa phương trường đóng. Thứ hai, nên lấy tên danh nhân tiêu biểu đặt tên trường (như các trường trung học lớn khác).

Trường trung học Lương Ngọc Quyến là đơn vị giáo dục lớn, tương lai sẽ còn phát triển mạnh, nên rất cần có tổ chức cơ sở Đảng. Hiện trường có 2 đảng viên chưa đủ thành lập một chi bộ, vẫn sinh hoạt với chi bộ Đảng xã Phương Độ. Huyện ủy Phú Bình (bí thư là đồng chí Trần Lê Nhân), cấp phụ trách trực tiếp đã kết hợp việc đào tạo cán bộ và xây dựng tổ chức Đảng ở trường bằng quyết định cử một cán bộ trẻ là đảng viên đang công tác ở Ban Tuyên huấn huyện ủy về trường đi học. Vậy là đã đủ điều kiện thành lập chi bộ Đảng cho trường.

Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời ở trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến Thái Nguyên là sự kiện được tổ chức, xây dựng một cách tài tình, khéo léo, đúng thời điểm quan trọng, đúng nguyên tắc, trong ý thức chủ động của các cấp lãnh đạo Đảng ở tỉnh và huyện lúc đó. Chi bộ đảng đầu tiên gồm 3 đảng viên:

- Đồng chí Trần Văn Quốc là giáo viên;
- Đồng chí Đồng Văn Năng, học sinh năm đệ nhất, người Phương Độ;
- Đồng chí Nguyễn Huy, học sinh (bằng thính sinh)⁽¹²⁾ mới được cử về học năm đệ nhị.

Người bí thư chi bộ đầu tiên là đồng chí Trần Văn Quốc. Chi bộ trực thuộc huyện ủy Phú Bình.

Vừa thành lập, chi bộ đã kịp thời đi vào hoạt động lãnh đạo nhà trường ngay từ đầu năm học 1948 – 1949. Mọi việc tiến hành thuận lợi, vì sự kiện xuất hiện chi bộ Đảng được

⁽¹²⁾ Chế độ “bằng thính sinh” áp dụng đối với những học sinh nhập học không có đủ hồ sơ xác nhận trình độ. Học sinh được lên lớp nghe giảng một thời gian thử thách, rồi qua sát hạch nếu đạt sẽ trở thành học sinh chính thức. Tình hình này rất phổ biến.

chào đón đầy tin tưởng, làm phần chấn toàn trường⁽¹³⁾. Hơn nữa, chính người Hiệu trưởng đầy uy tín hiện đang là đối tượng kết nạp Đảng⁽¹⁴⁾. Các đoàn thể quần chúng rộng rãi nhất lúc này là tổ chức Đoàn giáo giới của thầy và Học sinh đoàn (Hiệu đoàn) của trò, Đảng ta luôn coi trọng công tác thanh vận, nên đã chỉ đạo tổ chức Đoàn thanh niên các cấp quan tâm lãnh đạo phong trào trong nhà trường, nhất là trường trung học. Ngay từ sau Đại hội giáo giới toàn quốc lần thứ nhất (8 – 1946) Đoàn Thanh niên cứu Quốc đã tích cực giúp đỡ thành lập Học sinh đoàn ở khắp nơi. Học sinh đoàn ở trường trung học Lương Ngọc Quyến đặt dưới sự chỉ đạo của Khu đoàn thanh niên Việt Bắc và Tỉnh đoàn thanh niên Thái Nguyên. Hiệu đoàn (tức Học sinh đoàn) được nhà trường quan tâm phụ trách là một tổ chức trong hệ thống từ trung ương đến cơ sở, tổ chức lãnh đạo, động viên mọi người thực hiện nhiệm vụ của người học sinh. Toàn trường có một Ban chấp hành Hiệu đoàn do Đại hội toàn thể học sinh bầu ra, vào đầu năm học, nhiệm kỳ một năm. Đứng đầu Ban chấp hành là Hiệu đoàn trường⁽¹⁵⁾ và thường có Hiệu đoàn phó. Các ủy viên BCH được phân công phụ trách các mảng công tác chính về nội khóa và ngoại khóa: học tập, tư tưởng đạo đức, tăng gia sản xuất, văn nghệ - thể thao, bình dân học vụ, v.v... (tùy theo yêu cầu từng thời gian). Tổ chức

⁽¹³⁾ Đảng CSDD rút vào hoạt động bí mật từ sau Cách mạng, nhưng ở môi trường trí thức rất nhạy cảm về chính trị, ai nấy đều hiểu rõ vai trò của Đảng, và định hướng phần đầu theo Đảng.

⁽¹⁴⁾ Đồng chí Dương Xuân Nghiễn được chỉ bộ nhà trường tổ chức kết nạp Đảng ngay trong năm học 1948 – 1949.

⁽¹⁵⁾ Người Hiệu đoàn trường chính thức đầu tiên của trường trung học Lương Ngọc Quyến là anh Nguyễn Hoàn (sinh năm 1931) năm học 1947 – 1948. Sang năm học 1948 – 1949 anh Nguyễn Đồng Thoại mới từ quân đội về học lớp đệ tam được bầu thay anh Hoàn lên lớp đệ tứ (dành thời gian học để thi tốt nghiệp THPT).

Học sinh đoàn ở lớp gọi là Phân đoàn. Đại hội lớp bầu ra Ban chấp hành phân đoàn, thường gồm một phân đoàn trưởng, hai phân đoàn phó, phụ trách 3 mặt công tác: tư tưởng chính trị, học tập, công tác ngoại khóa. Mỗi phân đoàn (lớp) chia ra một số tổ, gồm khoảng hơn 10 người theo địa bàn cư trú (trọ học), là đơn vị nhỏ nhất thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trường, lớp, hoặc nhiệm vụ do tổ chức Hiệu đoàn đề ra. Tùy tình hình, tổ cũng là đơn vị học tập dưới hình thức tự quản tập thể, hoặc chia nhỏ hơn thành nhóm học tập. Các đơn vị nhỏ này được tổ chức sao cho có ít nhất một học sinh học khá, giỏi làm nòng cốt giúp các bạn trong học tập. Tổ, nhóm học tập là hình thức sáng tạo của nền giáo dục mới, chỉ có quan hệ đoàn kết, dân chủ, yêu thương tôn trọng con người mới làm được như vậy. Thông qua hai đoàn thể rộng rãi của trò và của các thầy, chỉ bộ nhà trường đã triển khai công tác lãnh đạo nhằm đưa các hoạt động giáo dục đi đúng quỹ đạo của Đảng.

Những nét khái quát cơ bản nhất về đường lối văn hóa – giáo dục của Đảng đã được vạch ra trong bản “Đề cương văn hóa” (đồng chí Trường Chinh viết năm 1943).⁽¹⁶⁾ Từ sau Cách mạng 1945 đến 1948, tùy theo diễn biến thời cuộc, Đảng ta đã từng lúc đề ra các chủ trương, chính sách sát hợp. Dù dưới hình thức sắc lệnh chính quyền, lời kêu gọi, bức thư của Chủ tịch nước, hay Nghị quyết Đại hội đoàn thể.

⁽¹⁶⁾ Nói đầy đủ hơn: Quan điểm tư tưởng về Văn hóa – Giáo dục của Đảng CSDD thể hiện ở các văn kiện của Đảng từ khi thành lập, ở tác phẩm của các vị sáng lập và lãnh đạo Đảng từ trước đó cho đến sau này.

Nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng ⁽¹⁷⁾ Tất cả thể hiện một hệ thống quan điểm tư tưởng giáo dục cách mạng tiến bộ. Nội dung chủ yếu thể hiện đặc trưng và có ý nghĩa chỉ đạo tư tưởng và thực tiễn đối với nền giáo dục đó là các vấn đề về:

- Mục đích
- Nguyên tắc
- Nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập

Các trí thức cách mạng, và tất cả các nhà giáo có lương tri đều hiểu rõ (ở mức độ khác nhau) và bị hấp dẫn bởi điều đó. Công tác Đảng trong nhà trường lúc này là phấn đấu làm cho thầy và trò trước hết là thầy giáo thấm nhuần sâu sắc quan điểm tư tưởng giáo dục mới, nắm vững chủ trương của Đảng và Nhà nước, vận dụng tốt trong thực tiễn công tác giáo dục – giảng dạy và học tập.

Mục đích cao cả của nền giáo dục mới là “Tôn trọng nhân phẩm, rèn luyện chí khí, phát triển tài năng”.^(17b) Các thầy giáo Lương Ngọc Quyến nhận thức vấn đề này như một lẽ đương nhiên, và thực hiện rất giản dị, bình thường. Cuộc sống chung dưới mái trường kháng chiến từ ngày đầu ở Cù Vân – Đại Từ đến nay ở Phương Độ - Phú Bình. Tuy mới là năm học thứ hai, nhưng bản chất chế độ mới cùng với thực

⁽¹⁷⁾ - Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường của Chủ tịch Hồ Chí Minh (tháng 9 – 1945).

- Thư gửi Đại hội Giáo dục toàn quốc lần thứ hai của Chủ tịch Hồ Chí Minh (tháng 7 – 1948).

- Sắc lệnh 146/SL quy định các nguyên tắc của nền giáo dục mới (dân tộc, khoa học, đại chúng), và cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

- Sắc lệnh 147/SL ấn định những điều khoản để thực hiện bậc học cơ bản.

- Nghị quyết của hai Hội nghị Trung ương Đảng CSDD (4 - 1947 và 1 – 1948)

- Nghị quyết các Đại hội giáo dục toàn quốc (lần thứ nhất 8 – 1946, lần thứ hai 7 – 1948).

^(17b) - Tuyên bố của Bộ Quốc gia giáo dục tháng 10 – 1945.

tiền đời sống mới hòa mình với quần chúng nhân dân, gần gũi gần bó với học sinh... đã đem lại cho các nhà trí thức giáo dục nhiều bài học nóng hổi, sâu sắc, bổ ích. Đó là cơ sở thực tiễn góp phần làm sâu sắc thêm nhận thức của người thầy giáo đối với quan điểm tư tưởng giáo dục của Đảng.

Thực tế hiển nhiên là tất cả mọi người hội tụ về trường không phân biệt thầy hay trò, dù nguồn gốc xuất thân ra sao, đều có chung tinh thần yêu nước, chung một ý chí kháng chiến để giành độc lập. Nét căn bản đó trong nhân phẩm người học sinh hôm nay hẳn nhiên cần được tôn trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn sâu sắc, sao cho nước Việt Nam mau chóng “sánh vai với các cường quốc năm châu”. Đất nước chỉ được thể giới tôn trọng khi người dân của nước ấy được tôn trọng. Thực tế cuộc kháng chiến cũng là cơ hội để các thanh thiếu niên học sinh thể hiện những phẩm chất quý giá. Nhiều người trong số học sinh từng đã tham gia công tác kháng chiến từ những ngày đầu khởi lửa, rất dũng cảm, và luôn sẵn sàng hy sinh khi cần.

Năm 1949 có sự kiện đặc biệt: Quân đội gửi đến học nhờ trường Lương Ngọc Quyến khoảng 80 em lứa tuổi từ 11 đến 15, là thiếu sinh quân hoặc liên lạc viên từ các đơn vị trung đoàn Thủ đô, các tiểu đoàn Lũng Vài, Bình Ca, Phủ Thông, Lũng Phầy... thuộc trung đoàn 308 tập trung về, biên chế thành 2 trung đội theo độ tuổi và trình độ học lực. Họ đóng quân rải rác trong nhà dân dọc sông Cầu phía sau đình Phương Độ. Họ sống theo nền nếp và kỉ luật quân đội. Ngoài giờ lên lớp học văn hóa như học sinh thường, các “học sinh quân” còn luyện tập quân sự theo chương trình các khóa huấn luyện chặt chẽ. Tinh thần, ý thức thật tuyệt vời, nhưng việc học hành rất vất vả. Nhà trường đã dành cho họ sự quan tâm, ưu ái hết sức.

Họ xin vào học trường Lương Ngọc Quyến, hoặc một số được cơ quan Nhà nước, quân đội cử đến trường tiếp tục học, lúc này được hiểu là vì lợi ích chung.

Lương Ngọc Quyến là nhà trường con đẻ của nhân dân, của kháng chiến, là nơi để thanh thiếu niên yêu nước “rèn luyện chí khí, phát triển tài năng”. Các giáo sư trung học kỳ cựu (như thầy Trần Hữu Mai nguyên giám đốc trường An – Nam học đường, Hà Nội; thầy Đào Hùng nguyên giáo sư dạy Toán ở trường Bưởi, Hà Nội..., hai người từng là thầy học của vị Hiệu trưởng đương nhiệm Dương Xuân Nghiênn) đã rời bỏ không luyện tiếc cảnh sống đầy đủ, phồn hoa nơi đô thành, đi theo lý tưởng cao đẹp, chấp nhận cuộc sống thiếu thốn gian khổ. Nhưng chính hình ảnh lớp học sinh mới đã giúp các thầy chuyển biến về tình cảm và nhận thức. Với các trí thức trẻ mới tham gia ngành giáo dục, thì việc hòa nhập với môi trường Lương Ngọc Quyến ở đây có phần thuận lợi hơn. Cùng sinh hoạt thanh niên, tham gia các hoạt động ngoại khóa (văn nghệ, thể thao, làm công tác xã hội...), sống chung với học sinh trong các nhà dân, họ rất vui với cách xưng hô tự nhiên, thân tình mà vẫn giữ nguyên thái độ kính trọng của học sinh⁽¹⁸⁾.

Các “anh giáo”, “chị giáo” cũng tăng gia sản xuất, gánh nước, nấu cơm, dọn vệ sinh... với học trò. Tối tối, thầy giáo xách đèn đến các “pô pốt” ở rải rác trong các xóm, áp giúp học sinh học bài. Có những học sinh do phải chạy tản cư nhiều nơi, bỏ lỡ việc học hành nên khi tìm đến trường thì không theo kịp chương trình. Thầy đã tận tình giúp họ

⁽¹⁸⁾ Thời đó học sinh gọi các thầy giáo, cô giáo là anh, chị, xưng em (khác với ngày trước, các giáo viên trẻ thường được gọi là “cậu giáo”, “cô giáo”). Đối với các giáo sư lớn tuổi, học sinh vẫn giữ cách gọi là “thầy”, xưng “con” hoặc “em”. Nhưng có khi thầy vẫn muốn yêu cầu học sinh xưng hô “anh”, “em” với mình!

học thêm để đuổi kịp cả lớp, mà không hề tính toán công sức. Trong công tác lãnh đạo tư tưởng chính trị của chi bộ Đảng nhà trường, vấn đề nêu cao, làm sáng tỏ mục đích cao cả của nền giáo dục mới trong nhận thức, và thể hiện trong đời sống giáo dục toàn trường, đã được triển khai sôi nổi, hào hứng, có chiều sâu. Cũng rất có khí thế là việc triển khai nhiệm vụ học tập về *nguyên tắc* của nền giáo dục mới. Ba nguyên tắc *Dân tộc, Khoa học, Đại chúng*⁽¹⁹⁾ được quy định trong Sắc lệnh 146/SL chính là sự vận dụng trực tiếp và sáng tạo nội dung bản *Đề cương văn hóa* (1943) của Đảng. Trong cao trào học tập chính trị của toàn dân thời kỳ đó, với hàng ngũ trí thức, *Đề cương văn hóa, Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam*. (Trường Chinh, 1948) là tài liệu tiêu biểu, hàm lượng lý luận rất cao nên có sức hấp dẫn mạnh.

Chi bộ không gặp nhiều khó khăn, trái lại đã tổ chức tốt một phong trào học tập, thảo luận sâu rộng dưới nhiều hình thức trong Đảng, trong nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác, trong giáo viên và học sinh⁽²⁰⁾.

Mục đích cao cả và nguyên tắc vàng được thể hiện ở *nội dung và phương pháp* giáo dục. Nội dung có tính “muôn thuở” của giáo dục chân chính vẫn là lựa chọn khai thác từ thành tựu tri thức nhân loại. Còn *phương pháp*, ngay từ 10 – 1945 Bộ Quốc gia giáo dục (Bộ trưởng Vũ Đình Hòe) đã tuyên bố xóa bỏ lối học nhồi sọ, hình thức, nhấn mạnh khuynh hướng gắn với thực hành, đề cao vị trí phần học về chuyên môn nghề nghiệp. Đối với trung học phổ thông, những vấn đề trên được hiện thực hóa một cách tập trung

⁽¹⁹⁾ Sau này đặt trong hệ thống khác, có thể coi đó là các *tính chất*.

⁽²⁰⁾ Chỉ riêng vấn đề 3 *nguyên tắc* này ở Đại hội văn hóa toàn quốc 10 – 1946 gặp sự chống đối của một số trí thức, đến Đại hội Văn hóa toàn quốc 7 – 1948 thì đạt được sự nhất trí hoàn toàn.

nhất ở chương trình, sách giáo khoa và việc tổ chức thực hiện.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám, trong chủ trương mở lại các trường phổ thông Pháp – Việt trước đây vẫn tạm thời sử dụng hệ thống chương trình cũ. Với bậc trung học, *chương trình Hoàng Xuân Hãn* (như thường quen gọi) được Hội đồng cố vấn học chính (thành lập theo sắc lệnh 44/SL ngày 10 – 10 – 1945) chấp nhận với những sửa đổi nhất định cho hợp với chế độ mới

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn tập hợp một số trí thức, học giả cấp tiến đang sống ở Huế lập Hội đồng biên soạn với tham vọng xây dựng một chương trình trung học phổ thông hoàn toàn Việt Nam. Các thành viên Hội đồng gồm có:

- GS Phạm Đình Ái (Lý, Hóa).
- Nguyễn Thúc Hào (Toán).
- Nguyễn Dương Đôn (Toán).
- Nguyễn Huy Bảo (Triết).
- LM Nguyễn Văn Hiến (Triết).
- Tạ Quang Bửu (Vật lý).
- Ứng Quã (Pháp văn).
- Hà Thúc Chính (Anh văn).
- Ngô Đình Nhu (Sử, Địa).
- Hoài Thanh (Việt văn)
- Đào Duy Anh (Việt văn).
- Lê Văn Căn (Vạn vật).
- Nguyễn Hữu Quán (Vạn vật)...

Nội dung đại cương của chương trình học:

- Các môn của toàn bậc trung học: Quốc văn, Hán văn, Toán, Lý, Hóa, Vạn vật, Sinh ngữ 1, Sinh ngữ 2, Triết, Kinh tế, Sử, Địa, Vẽ, Thực hành, Thủ công, Nhạc, Nữ công, nuôi trẻ.
- Cấp trung học phổ thông (4 năm) học 2 sinh ngữ: Pháp (hoặc Anh) và Hán.

- Cấp trung học chuyên khoa (3 năm) có 4 ban:
 - 1 – Ban A: Vật lý, Hóa học, Vạn vật.
 - 2 – Ban B: Toán, Vật lý, Hóa học.
 - 3 – Ban C: Văn Việt Nam, Anh văn, Pháp văn.
 - 4 – Ban D: Văn Việt Nam, Hán Văn, Pháp văn (hoặc Anh văn).

Học bằng tiếng Việt.

Chương trình được hoàn thành trong thời gian cực ngắn (khoảng tháng 5 – 1945) được ban hành bởi Dụ số 67 ngày 3 – 6 – 1945 do Hoàng đế Bảo Đại ký, và được áp dụng ngay cho khóa thi Tú tài niên học 1944 – 1945. Đó là khóa thi Tú tài đầu tiên bằng tiếng Việt trong lịch sử giáo dục Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Mỹ thuật của GS Hoàng Xuân Hãn mới làm được mấy việc lớn là xây dựng hệ thống giáo dục và soạn thảo chương trình, còn chưa biên soạn sách giáo khoa. Các giáo sư lên lớp vẫn phải tự soạn sách. Tuy nhiên để giúp cho việc giảng dạy bằng tiếng Việt được thuận lợi, nhiều cuốn từ điển chuyên biệt đã được khuyến khích biên soạn, đó là loại sách công cụ rất hữu ích. GS Hoàng Xuân Hãn cùng các cộng sự có công lớn, đó là sự kế thừa thành quả phấn đấu của nhân dân ta hàng nửa thế kỷ lịch sử. Phong trào Duy Tân (1902 – 1910) do các nhà nho yêu nước và tiến bộ đã nêu yêu cầu phổ biến chữ Quốc ngữ trong giáo dục và các lĩnh vực khác. Nguyễn Ái Quốc, rồi Đảng CSDD từ khi thành lập cũng có chủ trương đấu tranh mạnh mẽ cho yêu sách này. Nhất là sau khi thế chiến II bùng nổ, Pháp đầu hàng Đức, Nhật vào Đông Dương, Mặt trận Việt Minh thành lập, phong trào yêu nước dấy lên mạnh mẽ đã tạo nên khí thế và điều kiện hiện thực cho những hoạt động đề cao vị thế tiếng Việt trong giáo dục, khoa học, văn hóa nghệ thuật và đời sống mọi mặt.

Nội các Trần Trọng Kim thành lập 1945, chương trình trung học Hoàng Xuân Hãn ban hành ngày 3 tháng 6 năm 1945. Nhật đầu hàng Đồng Minh ngày 14 – 8 – 1945, chính phủ Trần Trọng Kim tuyên bố giải thể, chương trình Hoàng Xuân Hãn không còn lý do tồn tại về mặt pháp lý chính thống.

Ngày 10 – 8 – 1946 Chủ tịch Chính phủ ra sắc lệnh số 147/SL trong đó ấn định thêm những khoản pháp chế như: “Các môn học dạy bằng tiếng Việt. Bởi không thể quan niệm được “một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam” (Chủ tịch Hồ Chí Minh) mà còn phải dùng tiếng nước ngoài làm chuyển ngữ. Thực tế là ngay từ năm học 1945 – 1946, các trường phổ thông đã nhất loạt dùng tiếng Việt. Dù đã qua mấy năm nhưng vấn đề này ở cấp trung học vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp, so với cấp tiểu học. Trước kia trong nhà trường Pháp – Việt hầu hết các môn ở cấp trung học đều dùng tiếng Pháp. Sách giáo khoa hầu hết là sách chuyển từ bên Pháp qua (trừ vài quyển về văn học Việt Nam, lịch sử Việt Nam, địa lý Đông Dương). Các giáo sư trung học cũ vốn quen dạy bằng tiếng Pháp, các học sinh bậc tú tài, các sinh viên đại học cũ (nay gia nhập đội ngũ giáo viên trung học) vốn học bằng tiếng Pháp. Chuyển qua dùng tiếng Việt đòi hỏi một sự chuẩn bị kỹ càng, công phu, trong khi thiếu thốn mọi bề. Bộ rất khẩn trương nhưng chưa thể giải quyết sớm bao nhiêu vấn đề phức tạp về chương trình, sách giáo khoa, đào tạo bồi dưỡng giáo viên... Vấn đề này ở trường Lương Ngọc Quyến cũng nằm trong tình trạng chung như đối với tất cả các trường trung học phổ thông kháng chiến ở các nơi. Một số giáo sư cũ do đã có quá trình giảng dạy và nghiên cứu, tìm hiểu chuyên môn, được tiếp xúc với những công trình của các học giả tiến bộ nên ít nhiều quen với cách chuyển dịch thuật ngữ khoa học từ tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Pháp) sang tiếng Việt⁽²¹⁾. Bài giảng trên lớp của các thầy cô có phần nhẹ nhàng thanh thoát hơn các giáo viên

(21) Trước Cách mạng 8 – 1945, các ông Nguyễn Công Tiễn, Nguyễn Xiển, Hoàng Xuân Hãn... đã xuất bản báo và tập san truyền bá kiến thức khoa học thường thức và khoa học chuyên sâu

trẻ, nhất là những người chưa qua các khóa đào tạo sư phạm. Đã có nhiều trường hợp thầy trò phải dừng lại giữa giờ học để tìm cách phiên dịch một danh từ, một khái niệm khoa học (vì bài giảng được thầy soạn trực tiếp trên nền kiến thức một cuốn sách Pháp). Tuy nhiên với nhiệt huyết và đức tính cần cù ham học hỏi, lại thấm nhuần các nguyên tắc Dân tộc, Khoa học, Đại chúng, các nhà giáo trẻ đã phấn đấu làm tốt công việc, nhất là được sự ủng hộ chân thành, trong sáng của học sinh. Vai trò của Chi bộ trong công tác lãnh đạo tư tưởng, chính trị ở đây rất đáng kể, mặc dù tổ chức Đảng lúc này chưa xuất hiện công khai, phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức chuyên môn, các đoàn thể của thầy và trò khiến cho các quan điểm tư tưởng, chủ trương, chính sách của Đảng xuyên thấm qua các hoạt động của nhà trường một cách tự nhiên. Thầy không cảm thấy có áp lực nào gò bó. Tập thể các thầy trao đổi chuyên môn, giúp đỡ nhau trong không khí cởi mở, chân tình, cùng nhau tháo gỡ rất nhiều khó khăn do hoàn cảnh thực tại.⁽²²⁾

Cuộc kháng chiến của ta có một khẩu hiệu được nêu cao và phổ biến rất rộng rãi, được quán triệt trong mọi lãnh vực, đó là Tự lực cánh sinh. Cái thế của đất nước phải như vậy, nhất là những năm đầu, địch chiếm đóng hầu hết vùng đồng bằng trù phú, các thành thị trung tâm kinh tế, đầu mối giao lưu hàng hóa. Các chiến khu, cả vùng tự do của ta bị bao vây chặt. Tự lực cánh sinh là dựa vào khả năng của mình, tận dụng, phát huy hết tiềm lực mọi mặt của đất nước và nhân

⁽²²⁾ Nhất là khó khăn vì thiếu tài liệu, sách, báo... Ngay cả sách công cụ thiết dụng cho việc giảng dạy bằng tiếng Việt như các cuốn từ điển thuật ngữ khoa học về Toán - Lý - Hóa (của Hoàng Xuân Hãn), về Nông học (của Lê Văn Cẩn và Nguyễn Hữu Quán), về Thực vật học (của Đào Văn Tiến), về Y học (của Lê Khắc Thiển)... không phải ai cũng có và mang theo đầy đủ trong hành trang tản cư.

dân để kháng chiến, kiến quốc. Ở trường học, những gì tự lo được thì thầy, trò phát huy sáng kiến tự làm.

Ngoài việc soạn giáo án, bài giảng lên lớp hàng ngày, các thầy giáo còn cố gắng biên soạn tài liệu làm bài học cho học sinh. Có thể coi đó là sách giáo khoa dùng trong nội bộ.

Việc in sách cũng do học sinh tự làm, viết bằng mực tím, in trên đất sét. Trường còn cho in cả học bạ, giấy khen (có trang trí) bằng mực đen trên đá – in litô⁽²³⁾.

Trong khi chờ đợi tiến tới một cuộc cải cách giáo dục chính thức cơ bản, toàn diện (thực tế diễn ra vào năm 1950), các tổ chức giúp Bộ về chuyên môn khoa học (như Hội đồng cố vấn học chính – thành lập 1945, Hội đồng sách giáo khoa – thành lập 1946...) với các thành viên chủ chốt như các GS Nguyễn Văn Huyền, Phạm Đình Ái, Ngụy Như Kon Tum, Nguyễn Hữu Tảo, thạc sĩ Hồ Hữu Tường... đã nghiên cứu, đề xuất một số nội dung đổi mới.

Cho đến Đại hội giáo dục toàn quốc lần thứ II (7 – 1948) chương trình cải tổ đã được thông qua. Có mấy điểm chính:

Đưa môn Giáo dục chính trị và đạo đức công dân vào các lớp cuối bậc phổ thông trung học (đệ tam, đệ tứ) và trung học chuyên khoa (đệ nhị niên, đệ tam niên).

- Bỏ bớt phần Văn, Sử cổ kim Đông Tây để tập trung dạy lịch sử cách mạng Việt Nam và văn học cách mạng, kháng chiến.

- Dành mỗi tuần một buổi tăng gia sản xuất và hoạt

(23) Hai anh em Trịnh Long, Trịnh Hải đảm trách công việc in. Hiện còn lưu được giấy khen của học sinh Bùi Bích San lớp đệ nhị B với chữ ký của thầy Hiệu trưởng Dương Xuân Nghiên năm 1948. (Theo Trịnh Hải – “Một thời... để nhớ”, Ban liên lạc cựu học sinh trường trung học Lương Ngọc Quyến xuất bản năm 2000).

động xã hội.

- Bỏ ban Lý, Hóa, Sinh và ban Hán văn, Việt văn, Pháp (hoặc Anh) văn, mở thêm ban Văn học (ở bậc chuyên khoa).

Ở Trường Lương Ngọc Quyến thời gian này, các môn học về chính trị, thời sự chính sách, đạo đức công dân...chưa có giáo sư riêng, các thầy kiêm nhiệm cũng chưa phải tất cả là đảng viên. Vì vậy Chi bộ trường đã thường xuyên liên hệ với Huyện ủy Phú Bình để cập nhật thời sự chính trị, chủ trương chính sách, tạo điều kiện bồi dưỡng thầy giáo. Những cuộc thuyết trình của cán bộ nổi tiếng có uy tín cao, có trình độ hiểu biết sâu rộng như ông Trần Văn Giàu, ông Trần Huy Liệu... đều được Chi bộ và nhà trường tổ chức cho thầy trò tham dự, dù có phải đốt đuốc đi xa nhiều cây số.

Nội dung học chính trị xác định trên hai hướng: thứ nhất là theo chương trình của Bộ gồm những bài học cung cấp một số kiến thức cơ bản tương đối có hệ thống về cách mạng thế giới và trong nước, về nhà nước dân chủ nhân dân, về cuộc kháng chiến trường kỳ... Nội dung giáo dục công dân (chủ yếu dạy ở bậc tiểu học) cũng được nâng cao theo hướng đạo đức học để dạy ở trung học. Các khái niệm về lòng yêu nước, đoàn kết hợp quần, bác ái, công lý, nghĩa vụ công dân... được tiếp cận trên quan điểm tiên bộ. Thứ hai là hướng tìm hiểu về thời sự, chú ý theo sát tình hình địa phương, về các chủ trương chính sách của Chính phủ. Trên hướng thứ nhất thầy căn cứ theo yêu cầu của chương trình mà soạn bài, tự tham khảo sách báo cần thiết. Trong một số trường hợp Bộ có tài liệu hướng dẫn dưới dạng đề cương hoặc nội dung gợi ý về những vấn đề cần dạy. Tài liệu loại này hoặc được biên soạn riêng cho các trường trung học cả nước (thực tế là từ Liên khu V trở ra) hoặc đăng tải trên tờ

Giáo dục tập san Trung học. Hướng học tập thời sự chính sách đòi hỏi sự lãnh đạo của chi bộ linh hoạt hơn. Chi bộ nhà trường đã dựa vào tổ chức Đoàn giáo giới, Hiệu đoàn học sinh, tùy vấn đề cụ thể mà chỉ đạo cho sát hợp.

Năm học 1948 - 1949 chính thức thực hiện chương trình cải tổ của Bộ. Phần thay đổi sâu sắc theo phương châm “dân tộc hóa” thuộc về các môn Văn, Sử, Địa Việt Nam, vốn bị coi rất nhẹ ở nhà trường thời Pháp.

Các thầy giáo phải tự bù lấp phần kiến thức sơ sài ấy bằng cách nỗ lực bản thân, trao đổi với đồng nghiệp trong trường và các trường bạn (ở các tỉnh xa), liên hệ với các cơ quan văn hóa, khoa học của trung ương và Liên khu đóng ở địa bàn Việt Bắc và Thái Nguyên... Với tinh thần dân tộc đã trở thành truyền thống của người trí thức chân chính, với nhiệt tình hăng hái muốn cống hiến thật nhiều cho Tổ quốc, các thầy giáo Lương Ngọc Quyến đã có nhiều sáng tạo trong thực hiện chương trình cải tổ. Sách và tạp chí chuyên ngành là nguồn chất liệu để biên soạn bài giảng tuy thiếu thốn nhưng do có ý thức bỏ công sưu tầm nên vẫn tìm được, ngoài tờ *Giáo dục tập san*.

Riêng phần lịch sử cách mạng, phần văn học cách mạng và kháng chiến, việc soạn giảng của các thầy gặp không ít khó khăn nhưng vô cùng hứng thú. Khó khăn vì nền tảng thế giới quan phù hợp để chiếm lĩnh (nhận thức, lý giải, khái quát, phán đoán...) lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam trong bối cảnh cách mạng thế giới đương thời chưa được trang bị đúng mức, phải tự lực, vừa học, vừa làm. Nhưng lại vô cùng hứng thú vì đó là những vấn đề mới mẻ, có sức lôi cuốn trí tuệ và tình cảm mạnh mẽ. Nhất là văn học cách mạng và kháng chiến, tuy chưa đủ điều kiện đạt tới tầm kinh điển chiếm vị thế tối ưu trong nhà trường, song đó là tiếng

nói đầy sức sống về một dân tộc quật cường, tiếng nói hùng hồn và bi tráng có sức mạnh áp đảo tức thời tiếng nỉ non kêu rên náo nùng đầy rẫy trong văn chương cũ. Chương trình đã dành chỗ cho thơ Tố Hữu, Trần Huy Liệu, Sóng Hồng, Xuân Thủy, Xuân Miên, Hoàng Cầm, Xuân Diệu, Chính Hữu... Văn của Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Tô Hoài... Nội dung mới mẻ mà trước đây người ta không thể tưởng tượng lại có thể hiện diện ở chương trình giáo dục trong nhà trường, đó là buổi lao động tăng gia sản xuất hàng tuần. Có thầy giáo phụ trách, có học lý thuyết, rồi lao động thực hành.

Thời gian này thầy Trần Văn Học⁽²⁴⁾ vừa dạy môn Thể dục, vừa phụ trách môn Lao động sản xuất (có thời gian tham gia dạy cả tiếng Anh). Thầy Học dạy khá bài bản, đặc biệt rất nghiêm túc giáo dục học sinh không chỉ kiến thức khoa học và kinh nghiệm sản xuất, kỹ năng lao động mà hết sức chú ý rèn luyện tinh thần ý thức và đạo đức tác phong người lao động. Trừ số ít học sinh con em nông dân, với đa số thanh, thiếu niên thành thị lúc đó, môn Lao động sản xuất có ý nghĩa cải tạo con người về nhiều phương diện, từ tư tưởng không ngại khó ngại khổ, biết quý trọng người lao động đến khả năng lao động chân tay, có thể sống hòa nhập với nhân dân địa phương, và biết tăng gia sản xuất góp phần tự cải thiện đời sống vật chất còn nhiều thiếu thốn trước mắt. Đó cũng là nhiệm vụ chính trị quan trọng của trường học kháng chiến, như tinh thần nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (4 - 1947): Học sinh phải vừa

⁽²⁴⁾ Trần Văn Học là tên Việt Nam của một thầy giáo quốc tịch Nhật Bản. Trước Cách mạng tháng Tám, ông là một nhà kinh doanh, là phó giám đốc của hãng Daimarui (Nhật) ở Hà Nội. Tình hình thay đổi, ông đi theo kháng chiến. Cuối năm 1947 ông được Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên giới thiệu về công tác ở trường trung học Lương Ngọc Quyến.

học vừa tham gia sản xuất để tự túc một phần lương thực, thực phẩm.

Lao động sản xuất của học sinh ở đây là lao động chân tay đơn giản, như cuốc đất, bón phân, thu hoạch sản phẩm... Tất cả đều dựa vào dân, dân cho mượn ruộng đất, cấp giống, cho phân bón, cho mượn công cụ, và hướng dẫn kỹ thuật. Trong dịp thời vụ, học sinh được huy động giúp dân một số việc như tập trung chống hạn, bắt sâu cứu lúa, gặt hái thu hoạch mùa màng... Nhà trường linh hoạt kết hợp những việc này với chương trình môn Lao động sản xuất rất thuận lợi. Cũng nhờ được giáo dục lao động mà khi cần thầy trò đã có thể tự làm lấy lớp học, nhà ở sơ sài (vào năm sau ở nơi sơ tán).

Sự cố gắng của tập thể nhà trường trong việc thực hiện đường lối giáo dục của Đảng còn thể hiện rõ ở phương pháp giáo dục. Tất cả những vấn đề then chốt về *mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương thức* (dùng tiếng Việt)... đều gắn liền hiệu quả với bản chất phương pháp nhà trường.

Nhận thức rất rõ điều đó, nên ngay từ 11 – 1945, Ban chấp Trung ương Đảng đã nêu trong chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”: “...cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ”.

Do hoàn cảnh kháng chiến, Bộ Quốc gia giáo dục chưa tổ chức được việc nghiên cứu khoa học giáo dục một cách như mong muốn. Nhưng chính sự tồn tại của nhà trường giữa lòng cuộc kháng chiến lại đưa đến nhiều điều kiện thuận lợi để khắc phục “cách dạy học nhồi sọ” của nhà trường cũ.

Quan hệ dân chủ, đoàn kết giữa thầy và trò đã xóa đi những định kiến giả dối trong dạy và học.

Những kiến thức kinh viện xa xôi vô bổ (hoặc tạm thời chưa hữu ích) đã được đưa ra khỏi chương trình cải tổ. Trên

lớp học, những gì chưa thiết thực sẽ được xem xét một lần nữa trong không khí dân chủ, thầy khuyến khích tinh thần mạnh dạn chủ động tiếp thu và tích cực xây dựng bài học ở trò.

Ở Phương Độ không có phòng thí nghiệm, thiếu thiết bị nên khó tránh tình trạng “dạy chay”, nhất là với các môn Vật lý, Hóa học. Nhờ quan hệ gần bó thân thiết với nhân dân, được dân sẵn sàng giúp đỡ nên thường dễ dàng khai thác các sự vật, hiện tượng phong phú trong đời sống bình thường, chính là hình thái tồn tại tự nhiên hoặc là dạng thức ứng dụng của tri thức khoa học lý thuyết trong thực tế⁽²⁵⁾.

Đối với các môn khoa học xã hội, nhất là về chính trị, đạo đức hoặc lao động sản xuất, vấn đề “học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ” được xử lý thuận hơn. Bản thân cuộc sống chính trị xã hội và đời sống thường ngày ở nơi trường đóng luôn luôn là cái nôi, cũng đồng thời, là môi trường thực tiễn sinh động của bài học. Các cấp lãnh đạo Bộ và Liên khu vẫn luôn theo dõi thực tiễn triển khai chủ trương ở cơ sở. Tổng giám đốc nha trung học vụ Nguyễn Như Kon Tum đến thăm trường, dự lớp, kiểm tra học sinh. Thứ trưởng bộ QGGD Nguyễn Khánh Toàn từng ở trường mấy ngày. Các Giám đốc khu, Liên khu Việt Bắc Nguyễn Hữu Tảo, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Lân thường xuyên đến trường làm việc. Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền đã đến thăm và nói chuyện với thầy, trò toàn trường.

⁽²⁵⁾ Thầy Nguyễn Tường Lân kể lại trong bài hồi ký: Dạy bài Vật lý về quang học, đã mời ông thợ ảnh đến chụp ảnh kỉ niệm cho học sinh, nhân đó tận dụng ngay chiếc máy ảnh làm “giáo cụ trực quan”. Thầy trò vừa xuống hầm tránh máy bay, vừa thao tác trên chiếc máy ảnh đó.

Ngành giáo dục luôn đề ra các chủ trương đúng đắn và sáng tạo, chỉ đạo cơ sở coi trọng nâng cao chất lượng học tập. Tùy tình hình cụ thể mà Bộ chỉ đạo các Sở Giáo dục Liên khu, các Ty tiểu học tổ chức thi học sinh giỏi khu vực ở cả bậc tiểu học và trung học.

Năm học 1948 – 1949 có kỳ thi học sinh giỏi liên trường do Sở Giáo dục Liên khu Việt Bắc tổ chức cho 4 trường trung học trong khu vực:

- Lương Ngọc Quyến - Thái Nguyên.
- Ngô Sĩ Liên - Bắc Giang.
- Hàn Thuyên - Bắc Ninh (sơ tán lên Bắc Lý, Hiệp Hòa, Bắc Giang).
- Ngô Quyền - Phúc Yên (sơ tán lên Phổ Yên, Thái Nguyên).

Địa điểm: Trường trung học Hàn Thuyên.

Các môn thi gồm: Văn, Toán, Pháp văn đệ tam và đệ tứ. Mỗi môn ở mỗi lớp, trường chọn cử đi một người, tức tổng số thí sinh cả trường là 6 người. Kỳ thi năm ấy trường Lương Ngọc Quyến có những học sinh sau đây tham dự:

- Môn Văn:

Đệ tứ: Nguyễn Hoàn.

Đệ tam: Nguyễn Đồng Thoại.

- Môn Toán:

Đệ tứ: Nguyễn Bản.

Đệ tam: Vũ Ngọc Ngoạn.

- Pháp văn:

Đệ tứ: Bích Thuận.

Đệ tam: Nguyễn Thị Sơn Thủy.

Kỳ thi chỉ tuyên dương và trao thưởng cho giải nhất mỗi môn, không lấy các giải khác.

Trường Lương Ngọc Quyến được giải nhất môn Văn đệ

tam với bài thi của Nguyễn Đồng Thoại⁽²⁶⁾.

Thi học sinh giỏi liên trường cũng đồng thời có ý nghĩa khuyến khích phát triển tài năng. Đây là mục đích thường xuyên, quán triệt trong nhiệm vụ tự nhiên, đương nhiên của nhà trường. Vì thế không có hiện tượng tập trung bồi dưỡng đặc biệt, cá biệt, một sự chuẩn bị đột xuất... khác bình thường. Học sinh giỏi được nêu gương, thầy sẵn sàng giúp đỡ thêm, trò giỏi lại tích cực hỗ trợ bạn học. Sự phấn đấu tự thân đã là ý thức sâu sắc, mạnh mẽ. Tự học là phương pháp tối ưu, thích ứng với một quy chế thoáng và năng động.

Năm nào cũng có bằng thính sinh, họ rất nỗ lực tự bù đắp chương trình vì lý do thời cuộc mà không được học liên tục ở trường, để rồi nhanh chóng trở thành học sinh chính thức qua sát hạch. Có những học sinh vừa học lớp mình, vừa tự học chương trình lớp trên để cuối năm thi vượt lớp⁽²⁷⁾. Cho nên mặc dù thiếu rất nhiều điều kiện do chiến tranh, nhưng học sinh kháng chiến lại có kiến thức rất vững chắc.

⁽²⁶⁾ Tuy nhiên các học sinh giỏi ấy về sau đều thành đạt và có nhiều đóng góp trên cương vị công tác:

- Nguyễn Đồng Thoại là thiếu tướng QĐND Việt Nam.
- Nguyễn Hoàn là Tổng giám đốc Trung tâm triển lãm Hội chợ Việt Nam.
- Nguyễn Bản là nhà văn.
- Vũ Ngọc Ngoạn là Viện phó Viện Mác - Lê Nin.
- Bích Thuận là Tổng biên tập báo phụ nữ Việt Nam.
- Nguyễn Sơn Thủy là trưởng phòng kỹ thuật Xí nghiệp Dược Hà Nội.

⁽²⁷⁾ Như trường hợp học sinh Nguyễn Huy:

- Năm học 1948 – 1949: Học kỳ I là bằng thính sinh, học kỳ II là học sinh chính thức năm đệ nhị.
- Năm học 1949 – 1950: Mất 3 tháng vào quân đội. Được trở lại trường, vừa lo học bù chương trình đệ tam, vừa tự học chương trình đệ tứ và thi đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông cuối năm học đó

Những thành tựu nhiều mặt của nhà trường nhìn từ phía tác động tích cực có định hướng của Chi bộ Đảng đầu tiên ở năm học 1948 – 1949 đem lại niềm tin lớn cho trường, cho ngành và nhất là cho nhân dân.

Chi bộ mới thành lập, nhưng chứng chạc và phát triển nhanh một phần do chủ động có kế hoạch xây dựng ĐảngChấp hành chỉ thị của cấp trên⁽²⁸⁾ chi bộ thành lập Nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác. Anh Nguyễn Đồng Thoại, Hiệu đoàn trưởng, học sinh năm đệ tam làm trưởng nhóm. Tổ chức này thu hút khá đông thầy giáo và học sinh, được chia thành phân nhóm ở các lớp (do phân đoàn trưởng trong hệ thống Hiệu đoàn phụ trách). Các trí thức trẻ khát khao tìm chân lý, muốn định hướng cuộc sống theo một lý tưởng cao cả, nghiêm túc, thiêng liêng. Họ tìm được điều đó nhờ sự chỉ dẫn của các đảng viên, được các đồng chí ấy vận động, tổ chức vào nhóm nghiên cứu và luôn theo sát giúp đỡ.

Con đường đến gần Đảng rồi gia nhập Đảng của thầy giáo và học sinh trung học lúc đó thường bắt đầu từ nhận thức lý luận, rồi cùng với lý luận là sự giác ngộ qua hiểu biết về các bài học kinh nghiệm trong lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân và phong trào cộng sản thế giới. Gương hy sinh

(28) – Trong bản chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” của Trung ương Đảng CSDD (25 – 11 – 1945) ghi rõ: “...Phải duy trì tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng, tuyển thêm đảng viên... Phải tổ chức các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác bao gồm tất cả các phân tử có khuynh hướng cộng sản hay có tình cảm với cộng sản do người cộng sản điều khiển... Phải phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai”.

(Trích theo “Ba mươi lăm năm đấu tranh của Đảng” – NXB Sự thật, 4/1971, T1, tr.19, 20).

- Thái Nguyên có *Hội Văn hóa macxit* (ở thị xã), *Ủy ban tuyên truyền chủ nghĩa Mác* (ở các huyện).hiệp trung học phổ thông cuối năm học đó.

tranh đấu của các chiến sĩ cộng sản Việt nam có sức cảm hóa mạnh. Tất cả các vấn đề trên được chi bộ đưa vào nội dung sinh hoạt của nhóm nghiên cứu. Một số tài liệu được chú ý hồi đó là: “A,B,C du marxisme” (chủ nghĩa Mác sơ giải), “Lịch sử tiến hóa nhân loại”, “Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô”, “Kháng chiến nhất định thắng lợi” và “Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam” của đồng chí Trường Chinh, “Sửa đổi lỗi làm việc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ký tên X.Y.Z) v.v... Tờ báo “Sự thật” được theo dõi thường xuyên. Nhóm nghiên cứu sinh hoạt dưới hình thức đọc tài liệu (đọc chung hoặc chuyền tay nhau đọc), phân công người thuyết trình, rồi thảo luận. Các chủ đề “mới lạ” có sức cuốn hút mạnh mẽ bởi tính sâu sắc logic khoa học, vừa tác động mở mang trí tuệ, vừa thôi thúc hành động thực tiễn khiến các thành viên trong nhóm rất hứng khởi. Đặc biệt sôi nổi là những cuộc thảo luận thường diễn ra vào buổi tối, khi tan họp vẫn tiếp tục tranh cãi trên đường về nhà trọ. Nhiều người còn chong đèn đọc thêm tài liệu. Về mặt tổ chức, chi bộ vừa tập hợp, vừa phân loại đối tượng, phân công đảng viên giúp đỡ rất tích cực và chặt chẽ tiến tới kết nạp họ vào Đảng. Ngay trong năm học 1948 – 1949, chi bộ đã tổ chức kết nạp được một số đảng viên mới trong đó có người Hiệu trưởng đáng kính Dương Xuân Nghiên và người Hiệu đoàn trưởng có uy tín có năng lực và học giỏi Nguyễn Đồng Thoại. Liên trong hai năm 1949 và 1950, chi bộ kết nạp được 11 đảng viên mới. Đó là các đồng chí:

- Tô Hào, học lớp đệ nhị, người Hiệp Hòa, Bắc Giang;
- Vũ Đại, học lớp đệ nhị, người làng Xuân La xã Phương Độ, Phú Bình, Thái Nguyên;
- Đào Quang Thông, học lớp đệ nhị, người xã Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên;

- Nguyễn Xuân Ban, ở Bộ Nông nghiệp về học năm đệ tam;
- Lương Thái Hà, nữ sinh năm đệ nhị;
- Vũ Văn Thanh, giáo viên dạy các môn khoa học xã hội.
- Nguyễn Thị Tâm (người trẻ nhất, trở thành đảng viên khi chưa đầy 18 tuổi).

Cũng trong khoảng 2 năm 1949, 1950 nhiều thanh, thiếu niên trong quân đội hoặc ở các cơ quan cho về trường học tiếp. Trong số đó có những đảng viên từ văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng Liên khu ủy Việt Bắc, huyện Phú Bình về học. Năm học 1949 – 1950, có hai đảng viên là giáo viên mới được cử về là đồng chí Phạm Huy Châu và đồng chí Hà Thế Ngữ. Tổng số đảng viên thời điểm cao nhất lúc đó là 27 đồng chí. Từ khi chi bộ phát triển thành 6 đảng viên, cấp ủy hình thành với 3 đảng viên ban đầu:

- Bí thư: đồng chí Trần Văn Quốc
- Phó bí thư: đồng chí Nguyễn Huy
- Chi ủy viên: đồng chí Đồng Văn Năng.

Đến giữa năm 1949, đồng chí Quốc chuyển công tác đi nơi khác, đồng chí Phạm Huy Châu được bầu làm Bí thư, chi ủy viên vẫn là hai đồng chí cũ.

Chi bộ nhà trường bây giờ là một chi bộ lớn và vững mạnh, đã có thể đưa đảng viên ra nắm giữ hầu hết các vị trí then chốt. Đồng chí Nguyễn Đồng Thoại lên lớp đệ tứ, được cho rút công tác Hiệu đoàn trưởng và trưởng nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác, Chi bộ bố trí đồng chí Nguyễn Huy thay. Chẳng những đảm bảo tốt việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng mà Chi bộ với lực lượng mạnh cả về số và chất đã thực sự lãnh đạo sâu về mọi mặt hoạt động, đi tiên phong trong mọi phong trào.

III. Sang năm học 1949 – 1950, đề phòng giặc Pháp có thể tràn rộng ra vùng tự do giáp ranh, hoặc tấn công lên Thái Nguyên từ phía Nam, trường chuyển sang bên kia sông đóng ở thôn Úc Kỳ và xã Nhĩ Lộng. Nếu chiến sự xảy đến, thầy và trò sẽ tiện di tản lên hướng Bắc.

Đến địa điểm mới, trường vẫn học nhờ ở đình và phân tán vào các nơi có cây cao bóng cả cạnh miếu, nghề thờ cúng của dân. Các lớp lớn chuyển trước. Một số lớp khác và nơi ở của thầy giáo cùng nhiều “pô pốt” học sinh ở Phương Độ một thời gian sau mới chuyển dần. Vì vậy để đến lớp, thầy và trò vẫn phải hàng ngày đi đò ngang qua sông. Có lần máy bay Pháp bắn chìm đò làm chết nhiều người, may không có người nào của trường. Mùa sông cạn thì lội qua sông nước lạnh buốt.

Số lớp tăng: 3 lớp đệ nhất, 2 lớp đệ nhị, 2 lớp đệ tam, một lớp đệ tứ. Học sinh tăng thêm ở tất cả 4 khối lớp, tổng số khoảng 300.

Những năm ở Phương Độ, Úc Kỳ, Nhĩ Lộng có các thầy Dương Xuân Nghiên (Hiệu trưởng), Nguyễn Văn Quý, Trần Hữu Mai, Đào Hùng⁽³⁰⁾, Dương Xuân Hảo (em trai thầy Nghiên), Trần Văn Quốc, Nguyễn Tường Lân, Vũ Văn Thanh, Trần Văn Học, Hà Thế Ngữ, Nguyễn Hồng (dạy vẽ), Nguyễn Duy Bình (giám thị).

Việc phân công phụ trách giảng dạy bộ môn ở các khối lớp tùy thuộc năng lực, sở trường thầy giáo, nhưng cũng do yêu cầu thực tế. Số giáo sư trung học cũ được đào tạo qua Cao đẳng sư phạm, và giáo viên tiểu học (từng tốt nghiệp cao đẳng tiểu học trước khi đào tạo sư phạm hoặc vừa học

⁽³⁰⁾ Thầy Đào Hùng và một người con trai đã bị kẻ xấu sát hại ngay ở gần cổng làng thầy ở trọ vào buổi sáng sau giờ tan học. Lý do có liên quan đến chuyện chính trị trước đây (Theo Dương Xuân Nghiên, TL dd).

chương trình cao đẳng tiểu học vừa học sơ phạm) do có khả năng được điều lên dạy trung học (“dạy kê” ở các năm đầu bậc học), khi cần có thể dạy các môn theo yêu cầu. Các thầy khác xuất thân là sinh viên, là học sinh trung học chuyên khoa (tú tài) cũng có thể đáp ứng yêu cầu phụ trách bộ môn tương đối linh hoạt (ngoài sở trường).

Do hoàn cảnh kháng chiến, cuộc sống gần gũi chan hòa ở cùng một địa bàn trường đóng lại trở thành điều kiện để sinh hoạt chuyên môn thường xuyên, thuận tiện để các thầy giúp nhau khắc phục những khó khăn trong nghề nghiệp. Khó khăn, gian khổ về đời sống là tình trạng chung, đối với giáo sư trung học đòi hỏi sự chịu đựng cao hơn bình thường. Để học hành tới trình độ ấy, kinh tế gia đình phải vào loại khá giả. Bấy giờ, lương tháng của thầy chỉ 40kg gạo. Vậy mà nhiều thầy còn phải lo nuôi cả gia đình. Đã có vài người “dinh tề”⁽³¹⁾ do không chịu đựng nổi khó khăn (chứ không phải phản bội Tổ quốc đi theo giặc). Chính sách “trí vận” của Đảng và Chính phủ luôn được chú trọng. Ở Thái Nguyên, điểm tập trung trí thức đông đảo chính là trường trung học Lương Ngọc Quyến. Tuy nhiên khả năng thực tế của chúng ta cũng chỉ chăm lo được một cách hạn chế⁽³²⁾.

⁽³¹⁾ Bỏ kháng chiến vào Hà Nội – vùng tạm bị chiếm (Cách đọc từ “entrer” trong tiếng Pháp).

⁽³²⁾ Như trường hợp gia đình thầy giáo người Nhật Trần Văn Học. Thầy Dương Xuân Nghiên thay mặt nhà trường đề nghị tình quan tâm. Thầy Học đã được chủ tịch UBKCHC Lê Trung Đình gặp, thăm hỏi, động viên, trao một khoản trợ cấp, một ít vải may mặc cho hai cháu nhỏ và quà riêng cho hai vợ chồng. Thầy cảm động khóc nức nở, cảm ơn chính phủ Việt Nam, và hứa sẽ ở với Việt Nam kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Thầy Học giữ trọn lời hứa, mãi sau hòa bình lập lại 1954 mới đưa vợ cùng 2 con sinh ở Phương Độ (đặt tên Nghĩa) và ở Quyên (đặt tên Quyên) về Nhật. Năm 1990, người con trai tên Nghĩa đã trở lại tận nơi gia đình mình sống ngày ấy, hỏi thăm về chuyện “ông giáo Học”, và tặng quà cho mọi người. (Theo Dương Xuân Nghiên, TL dd).

Mặc dù vậy, các thầy vẫn giữ gìn phẩm chất trong sáng, lành mạnh, vẫn đồng cam cộng khổ với nhân dân, vẫn giữ lệ 10 ngày bớt một bữa ăn để dành lương thực quyên góp cho “hũ gạo kháng chiến” (toàn trường đã thực hiện tốt việc này theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh). Thỉnh thoảng hết gạo phải ăn cháo, cơm thì nấu loại gạo *mổ* thô, cứng, ít chất, thức ăn là thứ rau dễ trồng hoặc mọc tự nhiên quanh nhà, với muối vừng. Có thời gian địch ráo riết ngăn chặn giao thương tiếp tế, đến hạt muối biển cũng thiếu, phải ăn muối mỏ... Rồi bệnh tật, phổ biến là bệnh do sinh hoạt gian khổ và môi trường khắc nghiệt. Hầu như không có ai tránh khỏi sốt rét, ghẻ lở, chấy rận, cho dù trường đã chuyển về miền trung du. Thuốc men quá thiếu thốn, thường phải dùng lá, rễ cây... để chữa bệnh theo kinh nghiệm dân gian.

Nhờ tinh thần đoàn kết thương yêu đùm bọc nhau như anh em một nhà, tập thể các thầy giáo đã cùng nhau chia sẻ mọi nỗi sướng, khổ, vui, buồn trong sinh hoạt thường ngày, hỗ trợ nhau trong công tác, đảm bảo chương trình các môn học.

Niềm lạc quan lớn của người thầy là ở công việc. Lắm khi cơn sốt ban chiều chưa dứt hẳn, thầy đã choàng chăn, xách đèn đến tận “pô pốt” học sinh như đã hẹn. Giảng bài phụ đạo xong, thầy trò lại đàn hát tung bừng vui vẻ! Nhiều thầy hăng hái tham gia phong trào văn nghệ của trường⁽³³⁾, phụ trách dàn dựng và hướng dẫn tập luyện tiết mục ca nhạc, kịch...

⁽³³⁾ Cả thầy Học cũng biểu diễn điệu “Bắt cua” múa dân gian Nhật Bản, rất vui nhộn với những động tác giống kiểu bắt cua bỏ giỏ của Việt Nam.

rất công phu, có chất lượng và khí thế ⁽³⁴⁾. Với sự lãnh đạo của chi bộ, những phẩm chất và năng lực của thầy giáo, vừa là biểu tượng của nhà trường, vừa có ý nghĩa như tấm gương sống đối với học sinh. Từ đây trường đã chủ động tổ chức một đời sống tinh thần lành mạnh, sôi nổi, tác động sâu rộng trong trường và trong vùng.

Vào những dịp kỷ niệm ngày lễ lớn, trước khi nghỉ Tết, bế giảng năm học, hoặc để cổ động cho phong trào thực hiện chủ trương, chính sách lớn... trường tổ chức liên hoan biểu diễn văn nghệ. Sân đình là nơi các “tài năng” văn nghệ của trường thể hiện những tác phẩm tự biên khôi hài và sâu lắng, cùng những sáng tác mới của văn nghệ sĩ kháng chiến. Có những buổi được chuẩn bị chu đáo trong thời gian dài, người diễn luyện tập kỹ càng khác gì cách làm chuyên nghiệp ⁽³⁵⁾.

Đông đảo học sinh dễ đồng cảm, hứng khởi trước tác phẩm của lớp nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ thời kỳ đầu cách mạng và kháng chiến. Những bản tráng ca của Xuân Diệu, thơ Chính Hữu (và bài hát “Ngày về” Lương Ngọc Trác phổ nhạc), thơ Hoàng Cầm, Quang Dũng... cho họ những cung bậc khác nhau trong cảm xúc. Bài hát cũng vậy: vừa cất cao

⁽³⁴⁾ Thầy Thanh chỉ huy dàn đồng ca khá quy mô với cả ban nhạc đàn dây (ghita, vi-ô-lông, măng-đô-lin, băng-giô...) hát những bài tự biên về trường, trình bày cả những bản hợp xướng lớn như “Hồng Hà” (Đỗ Nhuận), “Trường chính ca” (Lương Ngọc Trác)...

- Điệu múa rất uyển chuyển, nhịp nhàng của nữ sinh trong vai đoàn tiên nữ với áo dài, quần trắng, khăn voan (lầm đôi cánh tiên) tươi đẹp, sang, thanh cao, có cả đàn hát làm nhạc nền.

⁽³⁵⁾ - Như trường hợp diễn vở kịch “Trở về” của nhà viết kịch, nhà hoạt động sân khấu, nghệ sĩ danh tiếng Trần Hoạt. Có đạo diễn (anh Nguyễn Đồng Thoại), có phân vai, có kế hoạch tập luyện, đặc biệt chính tác giả nghe tin đã đến trường cả chục ngày hướng dẫn và dự buổi diễn. Vở diễn thành công đến mức có tiếng vang khắp các trường, các cơ quan văn nghệ Liên khu và tỉnh nhà, được Chủ tịch tỉnh Lê Trung Đình hết sức khen ngợi.

giọng hùng tráng với “Tiếng gọi thanh niên”, “Lên đàn”(Lưu Hữu Phước), “Nhạc tuổi xanh” (Phạm Duy), “Chiến sĩ Việt Nam” (Văn Cao), “Đoàn vệ quốc quân” (Phan Huỳnh Điểu)... vừa lắng sâu tha thiết với “Tiếng hát quay tơ” (Tử Phác), “Quê hương anh bộ đội” (Xuân Oanh), “Đoàn quân đi” (Việt Lang), “Sơn nữ ca” (Trần Hoàn), “Nụ cười sơn cước” (Tô Hải)... Bay bổng, lãng mạn trong tưởng tượng, suy tưởng nội tâm có thể tô điểm cho thực tế khắc nghiệt gian lao bớt phần ảm đạm. Họ cảm nhận nỗi buồn từ nghệ thuật như vẫn từng kiên nhẫn, đứng cảm đứng vững trước những đau thương tang tóc của quê hương và gia đình (ở vùng tạm chiếm Bắc Ninh, Hà Nội, hay ở chính nơi tản cư Thái Nguyên, ở chiến trường...).

Những thanh niên học sinh ấy sẵn sàng xếp bút nghiên lên đường đánh giặc khi Tổ quốc cần.

Sân đình cũng là nơi diễn ra các đêm lửa trại. Hình thức liên hoan văn nghệ quần chúng, rất đậm tính dân chủ, bình dị, lành mạnh, sôi động mà vẫn lắng đọng. Đáng nhớ nhất là đêm lửa trại liên hoan tiền đoàn học sinh đi bộ đội (năm học 1949 – 1950) ở sân đình Úc Kỳ, vui nhộn rầm rộ và đầy lưu luyến, cứ kéo dài không muốn dứt. Đội văn nghệ học sinh thường lưu diễn quanh vùng phục vụ cho các cuộc vận động thực hiện chủ trương, chính sách lớn theo yêu cầu địa phương (thuế nông nghiệp, thi đua ái quốc, bình dân học vụ, dân công, tòng quân...).

Tính chất chính nghĩa, thiêng liêng của cuộc kháng chiến đã tập hợp hầu hết các tên tuổi hàng đầu ở tất cả các ngành văn học nghệ thuật nước ta thời đó. Họ được tổ chức thành các hội, các đoàn công tác, lưu động khắp tiền tuyến, hậu phương đến với bộ đội, dân công, cán bộ, trường học, nhân dân,... để phục vụ, động viên, tuyên truyền kháng chiến,

cũng để tự nuôi dưỡng tư tưởng, tình cảm, tâm hồn nghệ sĩ của mình. Trong các đối tượng ấy, trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến là một địa chỉ khá lý tưởng. Đó là môi trường công chúng có trình độ cao, có nền (cơ sở) đời sống văn hóa tinh thần phong phú, một công chúng mà khả năng rất nhạy cảm, đa dạng và có tâm. Tập thể công chúng này còn là hạt nhân truyền bá rộng xa các sản phẩm văn nghệ của đội ngũ chuyên nghiệp. Đó cũng là nguồn tiềm ẩn khả năng và tài năng hứa hẹn bổ sung cho đội ngũ văn nghệ sĩ, hay chí ít cũng trở thành lực lượng vệ tinh, trong phong trào quần chúng trên mặt trận văn nghệ bao la. Cho nên các cơ quan văn nghệ của Trung ương, Liên khu, tỉnh... đều quan tâm đến trường. Gần như tất cả các đoàn văn nghệ tuyên truyền của tỉnh, của quân đội ở Việt Bắc đều từng đến trường biểu diễn. Sân khấu “dã chiến” dựng vội trước sân đình, dưới ánh sáng tọa đăng, các nghệ sĩ làm say mê hàng ngàn khán giả học sinh, bộ đội, nông dân... Nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ nổi tiếng hay ghé qua trường trên đường đi công tác, nhân quen biết với thầy giáo, hay đơn giản chỉ là muốn gặp gỡ với thầy và trò một trường học danh tiếng!⁽³⁶⁾ Mọi quan hệ đó tạo thuận lợi để học sinh trường tham gia phong trào chung như thi sáng tác văn học do Hội nhà văn tổ

⁽³⁶⁾ - Nhạc sĩ Phạm Duy (em trai thầy Phạm Duy Nhượng) từng đi cùng đoàn văn nghệ tuyên truyền của mình đến trường biểu diễn.

- Nhà thơ Hoàng Cầm ngoài dịp đi với đoàn văn nghệ quân đội phục vụ bộ đội, nhân dân địa phương và trường, vẫn hay ghé lại trường nhân về thăm các cụ thân sinh tản cư ở chợ Hanh, Phú Bình. Mọi người có ấn tượng sâu với giọng ngâm thơ trầm ấm, xúc động và truyền cảm của nhà thơ qua các bài: “Đứng gác đêm giao thừa”, “Bên kia sông Đuống”, “Đêm liên hoan”, “Lửa Hồ”...

chức⁽³⁷⁾, dự các lớp bồi dưỡng ngắn ngày về công tác tuyên truyền, văn nghệ, v.v...

Hình thức phổ biến bình thường nhất, và là hoạt động không thể thiếu ở mỗi lớp là bích báo. Đó là phương tiện thể hiện nhiều nội dung, từ học tập đến sinh hoạt tư tưởng, tình cảm, thể nghiệm sáng tác nghệ thuật v.v... Báo nội bộ, nhưng được tổ chức, trình bày rất nghiêm chỉnh, hấp dẫn tuy điều kiện thiếu thốn. Chỉ riêng về phương diện hoạt động này cũng cho thấy trường trung học Lương Ngọc Quyến có vị thế của một trung tâm văn hóa trong vùng. Trường đã đem tới địa phương một loại hoạt động quen mà mới lạ - hoạt động dạy và học ở bậc trung học. Kéo theo nó là sự sống và sức sống trước đây chưa có. Sớm sớm từng đoàn học sinh chạy thể dục, rậm rạp bước chân theo nhịp còi, tiếng hô "Một! Hai! Ba! Bốn!" của thầy giáo "người Việt Nam mới" khuấy động xóm làng!⁽³⁸⁾ Xen lẫn với người nông dân vác cày vác cuốc ra đồng, từng nhóm học sinh trai, gái ríu rít cắp sách "ra đình" (lớp học). Sáng sáng tiếng hát Quốc ca vang lừng thôn xóm (hồi ấy lễ chào cờ tiến hành hàng ngày trước giờ vào lớp). Chiều chiều, học sinh chơi bóng chuyền, đá cầu dưới bóng rừng coi ven sông Cầu. Dòng sông Cầu, sông Máng trong xanh là nơi tắm tấp vầy vùng thỏa sức! Đêm đêm, những ngọn đèn dầu làm sáng ấm thêm bao mái rạ. Học sinh thường xuyên làm công tác dân vận đến từng nhà dân vận động nếp sống vệ sinh, tổ chức tổng vệ sinh thôn xóm hàng tuần. Trẻ em địa phương rất yêu quý các anh, các chị học sinh trung học, vì được chỉ bảo học

⁽³⁷⁾ Năm 1949, Nguyễn Đồng Thoại lớp đệ tứ được giải ba với tùy bút "Chiếc ba lô".

⁽³⁸⁾ Cách gọi phổ biến, dân dã nôm na chỉ tất cả những người ngoại quốc (kể cả hàng binh) tình nguyện đứng vào hàng ngũ Việt Nam kháng chiến. (Đây chỉ thầy Trần Văn Học người Nhật).

hành, dạy hát... Nhân dân địa phương tự hào về trường, gửi vào thể hệ học sinh này một niềm tin mới. Đây là thể hệ đang trưởng thành hoặc mới lớn lên sau 1000 ngày kháng chiến⁽³⁹⁾. Nét đậm nhất trong tâm hồn, tính cách học sinh mà nhà trường mới đem đến là tinh thần yêu nước cách mạng. Nó được kiểm nghiệm qua thực tiễn hoạt động nội, ngoại khóa; qua nếp sống thường ngày; những biểu hiện trung thực, tự nhiên, hồn nhiên của cuộc sống nội tâm (đa dạng, phong phú mà vẫn chung một định hướng vì Tổ quốc, vì dân tộc).

Mọi người dân trong kháng chiến, ai có thể trực tiếp chiến đấu khi giặc đến đều cần được luyện tập quân sự. Đó là công việc trong nếp sống thường ngày. Đàn ông, đàn bà, cả cụ già, em thiếu niên khắp thôn xóm, phố phường không khi nào, không ở đâu không có.

Trường trung học Lương Ngọc Quyến được huấn luyện quân sự khá bài bản theo chương trình một đợt kéo dài nửa tháng. Lãnh đạo quân sự địa phương cử người về trực tiếp phụ trách. Học sinh được phiên chế thành các đơn vị tiểu đội, trung đội, đại đội. Nội dung cũng khá đủ các khoa mục cho bộ binh: tập đội ngũ, hành quân, sử dụng vũ khí thông thường như súng trường, lưỡi lê, lựu đạn, mìn (đã thực tập nổ mìn ở trên đồi thôn Úc Kỳ). Luyện tập các động tác kỹ thuật tác chiến cá nhân, tổ, tiểu đội, trung đội... Sau những ngày lăn, lê, bò, toài, xung phong... trên đồi gò, bờ bụi, các nam nữ học sinh được dịp thể nghiệm chút ít hiện thực của “đời chiến sĩ” bổ khuyết cho cảm nhận trước đây trên sách

⁽³⁹⁾ Giữa tháng 9-1949 (chính xác là 13-9), có chủ trương kỷ niệm 1000 ngày kháng chiến. Thái Nguyên tổ chức rầm rộ dưới nhiều hình thức. Một đêm mít tinh (có bắn đại bác) ở sân vận động thị xã.

vở thường chỉ thấy “mộng mơ”, “oai hùng”! Mọi người rất hào hứng và cố gắng, tiếp thu tốt, kết quả tập luyện khả quan, đặc biệt là tác dụng rèn luyện tinh thần nền nếp kỷ luật cao sau ít ngày tập làm người lính.

Cuộc kháng chiến đang ở cuối giai đoạn cầm cự, khẩu hiệu lúc này là “Tích cực chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”. Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo công tác tuyển quân xây dựng bộ đội chủ lực. Năm 1949 có hai đợt vào tháng 4 và tháng 9, động viên được 2367 thanh niên nhập ngũ⁽⁴⁰⁾. Với tầm nhìn xa rộng, Đảng ta biết cách huy động hợp lý lực lượng thanh niên học sinh trung học (còn đang chưa nhiều) sao cho phục vụ tốt nhất đối với công cuộc kháng chiến và kiến quốc hôm nay và ngày mai. Quân đội tiến dần lên chính quy hiện đại, rất cần lớp người có trình độ văn hóa nhất định để đáp ứng yêu cầu khoa học quân sự cao, hiểu và nắm được nguyên lý về vũ khí, khí tài, cùng nhiều vấn đề khác.

Học sinh Lương Ngọc Quyến nhập ngũ hầu hết được đưa vào học. Trường Sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn và Trường Sĩ quan quân chính Bắc Sơn (thường gọi tắt là Trường Lục quân và Trường Quân chính).

Họ trở thành những sĩ quan chỉ huy về quân sự hay chính trị. Một số khác, sau thời gian huấn luyện, được điều về công tác ở cơ quan Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu...

Những đợt tòng quân ở trường được Chi bộ Đảng lãnh đạo rất tốt. Trước hết là tuyên truyền, giáo dục nhận thức tư tưởng. Ý thức công dân, tinh thần dân tộc được nêu cao như một giá trị thời đại. Rồi tiến hành vận động sâu rộng từ

⁽⁴⁰⁾ Theo “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên” tập I, xuất bản 2003, tr.259.

trong Đảng ra đến các đối tượng gần Đảng, dựa vào tổ chức Hiệu đoàn. Một không khí náo nức chưa từng thấy. Đảng viên xung phong gương mẫu⁽⁴¹⁾, học sinh các lớp thi nhau ghi tên, có lớp tất cả nam sinh xin đi hết. Nhiều học sinh mới 16, 17 tuổi cũng tìm cách khai tăng cho đủ 18 tuổi (hạn dưới tuổi nhập ngũ).

Một số học sinh không kịp bàn bạc với gia đình (hoặc cố ý làm thế vì sợ bố mẹ can ngăn), đã vội vàng viết đơn⁽⁴²⁾. Sau đợt tuyển quân, trường vắng hẳn, có lớp vắng quá nửa⁽⁴³⁾. Không khí lúc đó không sôi động như buổi tiền đưa. Trong số người ra đi có những học sinh thuộc loại ưu tú nhất, những cốt cán của phong trào: Chi ủy viên, Hiệu đoàn trưởng, Trưởng nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác, cán bộ Hiệu đoàn ở lớp (phân đoàn), học sinh xuất sắc về học tập, học sinh có năng khiếu về nhiều mặt... Các thầy giáo rất tự hào về các anh, trước đây các anh là niềm hy vọng của nhà trường trong tương lai. Bây giờ các thầy vẫn hoàn toàn tin rằng các anh sẽ trưởng thành, tiến bộ nhanh, sẽ cống hiến xứng đáng, vinh quang⁽⁴⁴⁾.

Các học sinh nam ở lại không tránh khỏi băn khoăn, thấy tiếc vì mình không được như các anh, các bạn ra đi (bởi nhiều lý do riêng). Các bạn nữ sinh đầy cảm tình và thiết tha

⁽⁴¹⁾ Theo hồi ký của cựu học sinh Nguyễn Huy: năm học 1949-1950 có 10 đồng chí trong tổng số 27 đảng viên của Chi bộ đã nhập ngũ (Sdd tr 65)

⁽⁴²⁾ Hồi đó tuyển quân theo chế độ tự nguyện.

⁽⁴³⁾ Tiếc rằng chưa thống kê thật chính xác số học sinh Lương Ngọc Quyến nhập ngũ ở những thời gian khác nhau. Theo cựu học sinh Đồng Văn Năng, số người tòng quân đợt 1 (1949) khoảng 40 người (Thư gửi cho Hiệu trưởng trường THPT Lương Ngọc Quyến nhân trường tổ chức biên soạn sách lịch sử của trường năm 2010).

⁽⁴⁴⁾ Trong số học sinh nhập ngũ năm học 1949 – 1950 sau này có 3 thiếu tướng, gần chục đại tá và nhiều sĩ quan cấp tá khác (Số liệu không đầy đủ).

mến phục, chia tay lưu luyến, không tỏ ra bịn rịn nhưng băng khuâng...

Tuy nhiên nhìn chung trường vẫn tràn đầy khí thế, nhất là sau mấy tháng luyện tập ở trường Lục quân, các anh được phép về thăm lại trường và chia tay thầy, bạn. Các anh đem về trường cũ một tinh thần mới: lạc quan một cách tếu táo đậm chất lính, sôi nổi đến ồn ào, mạnh mẽ đến cứng rắn... Đêm lửa trại ở sân đình Úc Kỳ đã thừa vẳng những tiết mục khơi nguồn đề tài xưa cũ trong sử sách của ta, của Tàu với cảm xúc bi tráng, biểu tượng ước lệ. Chiếm lĩnh cuộc liên hoan là cảm hứng say sưa tung bùng, vui nhộn cứ bay lên, cuốn vào một tâm điểm là bài hát các anh lính mới đem về:

“ Trường Lục quân đang cần lính đánh Tây

Tớ vội vàng bỏ nhà ra đi ngay

Bao công việc ầm ố phó thác cho bu mầy

Vào trường Lục quân ⁽⁴⁵⁾

Tập tành, bắn súng

Nghiêm! Đi đều! Đằng trước thắng!

Đằng sau quay!” ⁽⁴⁶⁾

Giai điệu, nhịp điệu tươi trẻ, khỏe khoắn, lời ca dân dã, “lính tráng” đã cuốn hút mọi người đồng thanh hát theo...

Phần lớn học sinh nhập ngũ đều lên đường theo sự phân bổ của quân đội ngay. Có một số học sinh lớp đệ tứ chỉ còn vài tháng nữa thi tốt nghiệp nhưng đã đầu quân. Xét trên lợi ích chung và riêng, Quân đội và ngành giáo dục thống nhất

⁽⁴⁵⁾ Lời ca nguyên văn của tác giả: “Thăng đường vào Trung”.

⁽⁴⁶⁾ Tô Hải sáng tác bài hát này như một tiết mục “tự biên tự diễn” theo yêu cầu cấp trên khi ông là học viên trường sĩ quan Lục quân ở miền Trung – Khu IV. Bài hát nhanh chóng phổ biến, được bộ đội và nhân dân ưa thích.

(Sau này thành nhạc sĩ chuyên nghiệp, Tô Hải có những đóng góp nhất định cho âm nhạc và nghệ thuật cách mạng. Bản hợp xướng “Tiếng hát người chiến sĩ biên thùy” là sáng tác tiêu biểu của ông).

để họ được về trường thi lấy bằng tốt nghiệp trung học phổ thông rồi trở lại quân ngũ. Một chủ trương khác, cấp trên cho tất cả học sinh trung học về trường học tiếp, dù họ đã qua mấy tháng huấn luyện trong quân đội.

IV. Năm học 1950 – 1951 trường chuyển về làng Quyên thuộc xã Bảo Lý sâu vào phía trong huyện Phú Bình. Đây là một vùng đồi rừng còn khá hoang vắng rậm rạp. Dân trong vùng phần lớn là tá điền, ruộng đất mới khai khẩn chưa lâu, cư ngụ và canh tác theo làng, ấp⁽⁴⁷⁾. Dân hiền hòa, đời sống vất vả, ở rải rác khắp đồi, gò. Trường di chuyển dần xa nơi tương đối đông vui sầm uất đến đây cho an toàn hơn. Lớp học dựng bằng tranh tre trên các sườn đồi. Thầy và trò hoặc ở nhờ nhà dân trong ấp, hoặc ở lán tự làm gần lớp học. Hầm trú ẩn đào sẵn cho nơi ở và nơi học. Vùng này do ưu điểm về địa hình và vị trí nên một số cơ sở hậu cần của quân đội, xưởng máy tư nhân, nhà máy in tiền quốc gia, Cục quân y, một số cơ quan Khu ủy và Liên khu ủy, cả cơ quan của tỉnh Bắc Giang đã chọn làm nơi đứng chân. Vì thế máy bay địch luôn luôn nhòm ngó bắn phá. Làng Quyên bị oanh tạc cháy rụi nhiều nóc nhà. Lớp học của trường cũng bị bắn cháy. May không có thiệt hại người. Thế là Chi bộ và lãnh đạo trường quyết định di chuyển sâu hơn về phía rừng. Thầy và trò phải tự làm lớp học, lán ở bằng vật liệu tự kiếm. Đây là một thử thách lớn. Được chính quyền địa phương ủng hộ, phụ huynh học sinh hưởng ứng chi bộ lãnh đạo Hiệu đoàn học sinh phát động đợt lao động xây dựng trường mới. Chủ trương được bàn bạc kỹ rồi triển khai qua tổ chức Hiệu đoàn – phân đoàn lớp... rất sôi nổi. Tất cả được phân công khá

⁽⁴⁷⁾ Các đồn điền: Bờ dạ...

hợp lý, ai từng quen làm hoặc biết qua loa công việc gì, ai có thể phụ giúp, ai chỉ có thể lao động đơn giản... Vất vả nhất là việc đi rừng lấy cây. Cơm đùm cơm nắm, muối vừng, cá khô... kéo quân đi từ hôm trước đến tận rừng Yên Thế (Bắc Giang) xa 15, 16 km lấy tre nứa, gỗ. Người khỏe vác chục cây nứa; người yếu 5, 6 cây. Đường núi khó đi, lại xa, nhất là với đôi chân và đôi vai các cô cậu thị thành. Đã được luyện rèn ít nhiều qua các giờ lao động sản xuất nội khóa và các buổi hoạt động ngoại khóa, song công việc này đòi hỏi một trách nhiệm khá rõ ràng. Nhiều người lúc đầu hăng hái vác 10 cây nứa. Trên đường về, cứ bỏ dần. Cuối cùng, dù có cởi cả áo quần dài lót vai cũng chỉ tha về được vài ba cây. Tuy nhiên rồi các lớp học cũng được dựng lên, bàn ghế cũng tự làm bằng tre nứa, ai nấy đều phấn khởi, thấy tự hào. Gian khó làm cho con người cứng cáp, trưởng thành hơn.

Chiến sự ngày một ác liệt. Ta mở chiến dịch biên giới. Dịch mở cuộc hành binh “Chó biển” đỡ đòn cho biên giới Việt – Trung chúng đang thất bại, hy vọng “đổi Cao Bằng lấy Thái Nguyên”. Trường nằm giữa hai đường tiến quân của địch lên thị xã Thái Nguyên (một theo hướng quốc lộ 3, một theo hướng sông Cầu lên Hà Châu – Phương Độ rồi theo đường 19). Ngày 29 – 9 – 1950 cánh quân Pháp từ Bắc Ninh, Bắc Giang qua Hiệp Hòa, theo sông Cầu lên tới Hà Châu thì bị chặn đánh, không đến được Phương Độ, phải tiến theo đường bộ. Ngày 1 – 10 – 1950 địch cho quân nhảy dù xuống sân bay Đồng Bẩm. Thị xã Thái Nguyên bị chiếm đóng. Trường tạm nghỉ để học sinh về với gia đình. Chi bộ lãnh đạo tổ chức việc này tương đối chặt chẽ. Ngoài những học sinh lớn gia đình ở mấy tỉnh phía tây nam, hoặc ở các địa phương ngoài hướng tấn công của giặc, số khác cần phải

đi qua những con đường nguy hiểm, nhất là các nữ sinh, và học sinh nhỏ tuổi, trường tổ chức thành từng đoàn khoảng 7, 8 người, có người thông thạo, nếu cần cử thầy giáo phụ trách.

Mất chừng 2 tuần xao động, học sinh trở lại tiếp tục học. Để tránh máy bay khủng bố, trường chuyển sang học đêm⁽⁴⁸⁾. Cứ khoảng chiều muộn, học sinh đến lớp, mang theo chiếc đèn dầu cá nhân. Thường đó là đèn tự tạo bằng hộp thuốc đánh răng, trong nén chặt bông tẩm dầu hỏa (để mang đi nhẹ nhàng lại không bị dầu lỏng tràn đổ), lấy chiếc van cũ của săm xe đạp làm ống muống dẫn ngọn bắc đèn. Bóng đèn là đoạn ống thủy tinh cắt từ ống tiêm hoặc ống nghiệm.

Lớp có đèn bão treo ở góc cao chiếu sáng cho bảng. Bảng cũng chỉ là tấm gỗ ghép, bào sơ sài, dùng lá khoai lang và nhọ nôi thay sơn đen. Phần là đất sét tự đập ra dùng dần. Vào những tháng mặt trời lặn muộn, có thể sau tiết học đầu mới phải lên đèn. Vào mùa đông, buổi tối sương lạnh, gió lùa lớp trống trải, cả thầy cả trò rét buốt thấu xương. Nhiều buổi trò trùm chần nghe giảng, thầy cũng khoác chần lên lớp.

Tan học lúc gần nửa đêm, hàng trăm ngọn đèn tỏa theo các ngã đường đồi về xóm ấp, nhấp nháy như hoa lửa, sao sa (đã có nhiều bài hát, bài thơ hình thành giai điệu và cấu tứ từ cảnh tượng này!). Nhiều đêm học xong, thầy trò dùng ngay mặt bàn kê lại thành giường ngủ luôn tại lớp.

Bước tiến triển mạnh mẽ của tình hình đất nước cho đến 1950 không chỉ biểu hiện ở mặt quân sự, chính trị, mà còn

⁽⁴⁸⁾ Những năm đó cho đến hết cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều hoạt động chuyển về đêm để tránh máy bay: Hộp chợ, phố xá bán hàng, dò dục, buôn bán đường xa, vận tải đường dài, bộ đội hành quân, dân công làm đường, tiếp tế phục vụ chiến dịch v.v...

được ghi nhận ở phương diện văn hóa – giáo dục. Tháng 7 – 1950 Hội đồng Chính phủ thông qua đề án cải cách giáo dục và quyết định thực hiện.

Ta nói sau Cách mạng tháng 8 – 1945, xuất hiện một nền giáo dục mới, thực ra mới là những thay đổi về bản chất chính trị, là những định hướng chủ yếu về nội dung, phương pháp theo yêu cầu thời cuộc. Do phải tiến hành cuộc kháng chiến gian khó nên dự định cải cách giáo dục không thực hiện được sớm hơn, mặc dù Đảng và Chính phủ đã chỉ đạo hoạt động giáo dục về quan điểm tư tưởng, cơ cấu tổ chức... từng bước hướng tới một cuộc cải cách chính thức. Đây là sự kiện lớn đòi hỏi một quá trình chuẩn bị nghiêm túc, chín muồi, nhưng tất yếu phải làm vì đất nước đã bước qua thời đại cách mạng mới. Gần 1000 năm phong kiến, tính trì trệ của xã hội không tạo nên một cuộc cải cách giáo dục nào (xét trên các tiêu chí nghiêm ngặt), ngoài những thay đổi ít nhiều về thể chế thi cử, về tổ chức mạng lưới trường học dưới triều đại này hay triều đại khác.

Chỉ có thể coi là cải cách giáo dục thực sự khi thực dân Pháp tiến hành xóa bỏ nền giáo dục Nho học thay bằng nền giáo dục Pháp – Việt ở nước ta.

Đề án cải cách giáo dục (1950) chỉ rõ về *bản chất và mục đích*: giáo dục dân chủ nhân dân, của dân, do dân, vì dân (không có giáo dục phi giai cấp, trung lập về chính trị). Về *mục tiêu đào tạo*: trường phổ thông giáo dục, bồi dưỡng thể hệ trẻ thành những “công dân lao động tương lai” trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. *Phương châm giáo dục* là học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Về *nội dung giáo dục*: Bồi dưỡng tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, chí căm thù giặc, tinh thần yêu chuộng lao

động, tôn trọng của công, tinh thần tập thể, phương pháp suy luận và thói quen làm việc khoa học.

Các vấn đề về quan điểm tư tưởng tuy đã quán triệt từ lâu, nhưng đến giờ mới được trình bày một cách hệ thống, đồng bộ cùng với những cải cách về cơ cấu nhà trường, nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy, về sách giáo khoa...

Về cơ cấu nhà trường: rút bớt số năm học cho phù hợp hoàn cảnh kháng chiến, từ 12 năm thành 9 năm. Trường phổ thông 9 năm gồm 3 cấp học:

- Cấp I (lớp 1, 2, 3, 4): Bốn năm
- Cấp II (lớp 5, 6, 7): Ba năm
- Cấp III (lớp 8, 9): Hai năm.

Xóa bỏ các kỳ thi tốt nghiệp ở mỗi cấp, chỉ có kỳ thi tốt nghiệp 9 năm tương đối nhẹ nhàng.

Về nội dung chương trình tuy về cơ bản vẫn giữ như chương trình cải tổ năm 1948, nhưng đã qui định chi tiết, cụ thể hơn. Ví dụ: tạm ngưng dạy ngoại ngữ, nhạc, vẽ, nữ công gia chánh ở cấp II và cấp III; tăng gia sản xuất 3 giờ chính khóa mỗi tuần; giờ sinh hoạt tập thể hàng tuần do Hiệu đoàn học sinh phụ trách, thầy chỉ làm cố vấn.

Kế hoạch giảng dạy cũng nhẹ, thoáng hơn ⁽⁴⁹⁾, phù hợp với tình hình kháng chiến đang chuyển vào giai đoạn quyết liệt.

⁽⁴⁹⁾ Số giờ dạy các môn chính:

	Cấp II	Cấp III
Quốc Văn	4	3
Toán	3	4
Lý, Hóa	2	2
Sinh ngữ	4	3
Các môn khác	1	1
Tổng cộng	20 giờ/tuần	21 giờ/tuần

Trong thực tế do được Bộ, Khu (và Liên khu) quan tâm nên trường Lương Ngọc Quyến từ năm học 1948 – 1949 số thầy giáo, cô giáo tương đối đủ đảm bảo dạy hết các môn trong chương trình (trước và sau cải cách giáo dục), kể cả hai môn sinh ngữ Pháp văn và Anh văn. Giáo viên cũng vốn quen với cách khắc phục khó khăn về tình trạng thiếu sách giáo khoa, vẫn phải tự lo tìm tài liệu soạn bài lên lớp⁽⁵⁰⁾ Trong khi triển khai cải cách giáo dục, chi bộ tiến hành kiểm điểm quá trình thực hiện đường lối chủ trương của Đảng ở trường. Ngoài những cố gắng sáng tạo trong chuyên môn của tập thể giáo viên, chi bộ đánh giá toàn trường đạt được nhiều thành tích thực sự qua các phong trào hoạt động theo phương châm “phục vụ kháng chiến chủ yếu là tiền tuyến, phục vụ nhân dân chủ yếu là nông nghiệp” (như tinh thần những đề nghị bổ sung đề án cải cách giáo dục của Đại hội giáo dục toàn quốc 7 – 1951)

Là một Chi bộ mạnh, tổ chức Đảng lãnh đạo tốt bộ máy quản lý của trường. Đề án cải cách giáo dục nhấn mạnh nguyên tắc lãnh đạo tập thể và dân chủ tập trung. Về chuyên môn, cấp trên bổ nhiệm thầy Hà Thế Ngữ làm hiệu phó. Thầy Ngữ vẫn đặc trách giúp đỡ phong trào Hiệu đoàn⁽⁵¹⁾

⁽⁵⁰⁾ Mùa hè 1950, Bộ lập trại tu thư ở Phú Thọ gồm 30 giáo viên giỏi các cấp quyết tâm khẩn trương biên soạn sách giáo khoa để đưa vào thực hiện cải cách giáo dục. Do chiến sự ác liệt, trại viết hoạt động gián đoạn, đến 1952 mới hoàn thành sách cấp I, còn cấp II và cấp III mới chỉ soạn được một số tài liệu giảng dạy về Sử, Chính trị, Công dân giáo dục. Nhiều môn khác chỉ cung cấp được bài mẫu phổ biến qua tờ *Giáo dục tập san*.

Những thiếu sót về việc chuẩn bị và triển khai cải cách giáo dục được đồng chí Trường Chinh vạch rõ và nhắc nhở.

⁽⁵¹⁾ Cho đến trước cải cách giáo dục ở nhiều nơi chức vụ Hiệu đoàn trưởng của Học sinh đoàn do một giáo viên phụ trách. Ở trường trung học Lương Ngọc Quyến chức vụ này thuộc về học sinh từ lâu (1947 – 1948), nhà trường cử một giáo viên theo dõi, làm cố vấn.

Trường thành lập thêm Hội đồng quản trị (ngoài Hội đồng chuyên môn và Hội đồng kỷ luật đã có từ trước cải cách giáo dục), bao gồm đại biểu giáo viên, đại biểu phụ huynh học sinh và đại biểu Hiệu đoàn. Đại biểu phụ huynh có vai trò thực sự, được hội nghị phụ huynh cử ra. Tuy phần lớn gia đình học sinh ở xa hoặc rất xa, nhưng từ khi trường về Phú Bình, khá đông con em nhân dân trong vùng đã có cơ hội đi học. Cũng phải nói đến một tình hình rất hay (mà khá phổ biến): nhân dân coi học sinh trọ học ở nhà mình thân thiết như con, học sinh coi chủ nhà như bố mẹ⁽⁵²⁾. Các “bố mẹ nuôi” đi họp hội nghị phụ huynh với nhà trường, vẫn có đủ tư cách đại diện gia đình kết hợp với nhà trường trong công tác giáo dục!

Từ 1950 phong trào Hiệu đoàn học sinh lên rất cao.

- Anh Nguyễn Huy là thành viên Ủy ban trung ương vận động thống nhất học sinh sinh viên Việt Nam (1950).

- 1952 anh Nguyễn Ngọc Chương (16 tuổi, là người Hiệu đoàn trưởng trẻ nhất trong Liên Khu) được Tỉnh đoàn Thanh niên Cứu Quốc chỉ định làm trưởng Ban vận động thành lập Tỉnh đoàn học sinh Thái Nguyên.

- Hàng năm có trại hè do Liên Khu đoàn học sinh tổ chức cho các trường trung học trong Liên khu Việt Bắc.

Để phục vụ cho chủ trương triển khai đề án cải cách giáo dục, Bộ Giáo dục tiến hành đồng thời mấy công tác chuẩn bị về cơ sở vật chất, chuyên môn kỹ thuật...tuy còn nhiều hạn chế, bất cập (mà đồng chí Trường Chinh đã vạch rõ và phân tích sâu sắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhắc nhở phải “kiểm thảo”). Các thầy giáo trường Lương Ngọc Quyến

⁽⁵²⁾ Hiện vẫn tồn tại quan hệ thân thiết giữa thế hệ sau của các gia đình địa phương và học sinh trọ nhờ ngày ấy.

trông đợi nhiều ở sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy và tham khảo do Trại tu thư biên soạn, chờ đợi những tài liệu hướng dẫn phương pháp giảng dạy tiên tiến theo 3 nguyên tắc *dân tộc, khoa học, đại chúng*... Nhưng sự đáp ứng còn ít ỏi. Thiếu các điều kiện “chính thống chính quy”, các thầy giáo tiếp tục phương thức tự lực tự túc “du kích” như những năm học vừa qua.

Tuy nhiên Bộ đã làm rất tốt một công tác lớn quan trọng, đó là cuộc vận động “rèn cán chính cơ” (rèn luyện cán bộ, chân chính cơ quan) trong ngành giáo dục. Các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền ở Liên khu và tỉnh hết sức quan tâm và chỉ đạo trực tiếp, chỉ thị cho cơ sở Đảng trực thuộc rõ về trách nhiệm của mình. Đợt sinh hoạt tư tưởng tập trung (khoảng một tháng) đã giải quyết nhiều vấn đề cơ bản về nhận thức quan điểm tư tưởng, tính khuynh hướng chính trị tất yếu của giáo dục, đả phá quan niệm chuyên môn thuần túy, xác định lý tưởng phục vụ nhân dân của nghề thầy giáo cao quý... Mấy năm sống dưới mái trường kháng chiến, cái nhìn của người trí thức đối với nhân dân đã thay đổi nhiều về mặt cảm tính.

Trong đợt sinh hoạt tư tưởng lớn đầu tiên này (kể từ sau Cách mạng), hình ảnh nhân dân quen thuộc đời thường được trừu tượng hóa thành khái niệm “nhân dân” lý luận với những thuộc tính vĩ đại, cao quý... mới mẻ, đã đi vào nhận thức người thầy giáo một cách thuyết phục sau những trăn trở vương mắc. Trở lại trường, ai ai cũng thấy mình có gì thay đổi, vững vàng hơn, tin tưởng hơn.

Đội ngũ các thầy càng vững mạnh sau khi tổ chức Công đoàn ra đời (1951) thay thế cho tổ chức Liên đoàn giáo giới (vốn không có tính chất giai cấp công nhân). Công đoàn giáo dục có tôn chỉ, mục đích nghiêm túc, chân chính, cao

quý, toàn diện. Công đoàn trường do thầy Nguyễn Hùng làm thư ký.

Song song với đợt “rèn cán chỉnh cơ” là cuộc vận động “cải tạo học tập” của học sinh trung học. Học sinh tập trung sinh hoạt tư tưởng khoảng 2 tuần lễ, dưới hình thức nghiên cứu, thảo luận, kiểm điểm cá nhân xung quanh các vấn đề về mục đích, tinh thần, thái độ học tập; tính chất, nguyên tắc của nền giáo dục nước nhà; phải nêu cao lòng yêu nước, biết ơn nhân dân, phải học tốt để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân... Đã phá nhận thức sai trái, mơ hồ về động cơ học tập (vì lợi ích cá nhân...).

Không khí học tập hào hứng, nghiêm túc, có phần căng thẳng khi bước vào phần viết tự kiểm điểm, thu hoạch. Có báo cáo điển hình trước tập thể ở hội trường, có phê phán mạnh mẽ, phân tích sâu.

Cuộc vận động “rèn cán chỉnh cơ”, học tập “cải cách” đối với các nhà giáo và cán bộ giáo dục, cùng với cuộc vận động “cải tạo học tập” trong học sinh vào những năm 1950, 1951 làm chuyển biến tận gốc nhận thức, tư tưởng của giới trí thức giáo dục. Các cuộc vận động này đã đạt được thành công tốt đẹp, trang bị cho đối tượng những quan điểm tư tưởng cách mạng sâu sắc.⁽⁵³⁾ Mặt khác nó phân hóa đối tượng: ai trung thành, ai xa lạ không muốn tiếp tục đi với kháng chiến (số này ít).⁽⁵⁴⁾

⁽⁵³⁾ Đó là đợt “chỉnh huấn”, “cải tạo tư tưởng” đầu tiên. Tiếp theo còn nhiều đợt trong ngành giáo dục. Với học sinh, khi bước vào cấp II là được dự ngay một đợt “cải tạo học tập”.

⁽⁵⁴⁾ Tuy nhiên có nhiều lúc nhiều nơi đã làm quá đà ít nhiều gây hậu quả không hay. Vì nhiều lý do mà bệnh ấu trĩ tả khuynh còn lặp lại. Việc khắc phục không đơn giản.

Sau Đại hội lần thứ hai, Đảng cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam. Các đoàn thể quần chúng của Đảng được chấn chỉnh hoàn thiện. Đoàn Thanh niên Cứu Quốc trong nhà trường được thành lập dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng. Những học sinh ưu tú được tuyên truyền giáo dục (nhiều người đã được sinh hoạt trong nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác) nay trở thành lớp đoàn viên đầu tiên của chi đoàn Thanh niên Cứu Quốc nhà trường. Bí thư Chi đoàn đầu tiên là anh Bùi Xuân Bách, một đồng chí đảng viên trẻ được chi bộ phân công. Nhiều đảng viên trong độ tuổi cũng tham gia sinh hoạt Đoàn làm cho Chi đoàn thêm vững mạnh (cô giáo trẻ Đặng Thị Hạnh, đảng viên, được bầu làm Phó bí thư phụ trách công tác tuyên huấn Chi đoàn).

Chi đoàn trở thành nòng cốt của tổ chức Hiệu đoàn, hoạt động sôi nổi và có chiều sâu về mọi mặt, có sức thu hút mạnh đối với lớp thanh niên học sinh tiên tiến. Hàng tháng chi đoàn dành một ngày (chủ nhật) sinh hoạt (Khi đã thành nếp, mọi người gọi đó là “ngày Đoàn”). Đoàn viên chuẩn bị nội dung họp, các “bạn Đoàn” quần chúng cảm tình thì tham gia chuẩn bị phục vụ. Mọi người học bài đầy đủ từ trước, hôm đó góp gạo, tiền thức ăn, bát đĩa... đến tập trung ở một địa điểm (lớp hoặc nhờ nhà dân). Chi đoàn họp rất nghiêm túc theo chương trình chặt chẽ 3 phần:

1. Thủ tục: Chào cờ, mặc niệm các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì tổ quốc... giới thiệu đại biểu, bầu chủ tọa, thư ký...

2. Nghị sự: Báo cáo kiểm điểm công tác cũ, đề án công tác mới...

3. Linh tinh: Đề nghị, chất vấn, phê bình...Bữa ăn tập thể do nhóm “bạn Đoàn” chuẩn bị, giản dị nhưng hết sức vui

về⁽⁵⁵⁾.

Sau phần họp chính đến phần vui văn nghệ, cả “bạn Đoàn” cùng dự. Hát tập thể, tốp, nhóm, cá nhân, đặt lệ chỉ định người hát; biểu diễn các “tài” vật vui nhộn. Rồi nhảy múa, theo các điệu phổ thông châu Âu đã “dân dã hóa” trong thời chiến. Đặc biệt sau khi giải phóng biên giới, các điệu nhảy múa tập thể đơn giản của Trung Quốc “sol la sol...” rất được ưa chuộng trong giới trẻ.

Hoạt động tuyên huấn của Chi đoàn được tổ chức khá sáng tạo. Ngoài một số cuộc học tập tài liệu chính thức (về nội dung công tác Đoàn, về lịch sử Đoàn, những tấm gương hy sinh anh dũng của đoàn viên tiêu biểu...), Chi đoàn thường tập trung nghe thuyết trình về văn học. Gây ấn tượng và có tác dụng nhất là những buổi trình bày của Phó bí thư Chi đoàn, cô giáo Đặng Thị Hạnh về tác phẩm văn học Xô - Viết (Hồi đó chưa có nhiều sách dịch tiếng Việt, phải đọc bản tiếng Pháp dịch từ tiếng Nga). “Thép đã tôi thế đấy” (N.Ôstrôvski) từng làm mê say, góp phần bồi dưỡng nhiệt huyết thanh niên học sinh ngày ấy. Đoàn viên, cả học sinh ngoài Đoàn luôn háo hức chờ những đêm thuyết trình như thế⁽⁵⁶⁾. Trước đó một số thầy giáo vẫn thường nhiệt tình mở rộng hiểu biết cho học sinh bằng cách kể lại tác

⁽⁵⁵⁾ - Gõ bát, múa đũa, hát một bài theo điệu hát bình dân Pháp Frere Jacques lời tự đặt: “Giờ ăn đến rồi/giờ ăn đến rồi...mời anh xoi/mời chị xoi...Giờ bát lên ta xem nào...giờ đũa lên ta xem nào...Ta cùng ăn...Ta cùng ăn...”

- Ăn giờ đầu đũa: một đầu gấp thức ăn, đầu kia và com (giữ vệ sinh theo phong trào tuyên truyền trên báo *Vui sống*)

⁽⁵⁶⁾ - Nếp sinh hoạt lành mạnh này đã tồn tại qua nhiều năm, đến cả thời kỳ Hòa bình (sau 1954). Các thầy có nhiều đóng góp: Hoàng Ngọc Hiến, Phan Trọng Luân. Một số học sinh cũng tham gia kể lại tác phẩm mình đọc được.

phẩm mà các em ít có điều kiện đọc⁽⁵⁷⁾. Những cuốn sách ấy hấp dẫn, không phải không bổ ích, nhưng không định hướng vào giáo dục nhân cách người thanh niên hôm nay một cách trực tiếp như tác phẩm Xô - Viết.

Đôi khi có những lớp bồi dưỡng về triết học tập trung 2 tuần ở Phúc Trìu, Đồng Hỷ. Đoàn viên và một số học sinh ngoài Đoàn hào hứng đi học. Các học viên trường Lương Ngọc Quyến có ấn tượng mạnh với những bài giảng của giảng viên chính Nguyễn Hồng Phong, khúc chiết và hùng biện.

Công tác phát triển Đoàn được chú ý, triển khai thận trọng, chặt chẽ gần như quy trình phát triển Đảng. Đoàn viên được nhìn như phần tử tiên tiến của phong trào, rất vinh dự, chiếm tỉ lệ thường từ khoảng 10 – 20% số học sinh.

Chi đoàn TNCQ được xác định chức năng phụ trách Đội thiếu nhi Tháng Tám (cũng vừa được thành lập cùng với tổ chức Đoàn). Chi đoàn cử chị Nguyễn Thị Tâm (đảng viên trẻ nhất) làm trưởng ban các anh chị Đàm Trung Giai, Vũ Thanh, Lê Quốc Túy, anh Trung, chị Kim làm uỷ viên)

Ban chỉ huy Đội có Đỗ Thụ (đội trưởng), Lê Thị Loan, Lê Minh Nguyệt, Dương Thị Mai, Trần Đình Hỷ... Đó là Ban phụ trách và Ban chỉ huy Đội Thiếu nhi Tháng Tám đầu tiên của trường trung học Lương Ngọc Quyến (1952). Đội thuộc lứa thiếu nhi đầu tiên của cả nước được vinh dự quàng khăn đỏ - một góc lá cờ Tổ quốc trên vai.

Tổ chức Đội mang tính chặt chẽ tương đối, kết nạp những thiếu niên tiên tiến theo thể thức nghiêm trang, khi

(57) Ví dụ: “Bí mật thành Paris” (Eugène Sue), “Nhà thờ Đức Bà Paris” (V. Hugo), những chuyện hiện thực mộng ảo quái dị của Edgar Allan Poe (Mỹ), truyện trinh thám ly kỳ như tập truyện về Sherlock Holm (Sir Althur Conan Doyle – nhà văn Anh) v.v...

hết tuổi thiếu niên, Đội làm lễ trưởng thành long trọng. Đội ca tự sáng tác. Các em được học nghi thức Đội, được giáo dục về tinh thần yêu nước, yêu nhân dân, đoàn kết, học tập chăm chỉ, yêu lao động... quan trọng là phải tiến hành tất cả các nội dung đó theo một phương thức phù hợp. Ban phụ trách ở đây lúc đầu chưa được tập huấn theo một chương trình, bài bản hoàn chỉnh, chỉ được gợi ý khái quát, nên đã chủ động tổ chức hoạt động theo sự hiểu biết của mình. Khá nhiều hình thức phong phú, sinh động. Những phân đội thiếu nhi chia nhau đi giúp gia đình các thầy giáo, cô giáo gặp khó khăn do neo đơn, đau ốm⁽⁵⁸⁾. Nhiều khi Đội còn giúp đỡ cả nhân dân địa phương - những gia đình gặp hoàn cảnh không may bất ngờ. Ban phụ trách Đội gồm các “Huynh trưởng” huy động cả kinh nghiệm trước đây từ phong trào *Hướng đạo sinh*⁽⁵⁹⁾ vào những hoạt động cắm trại, đánh trận giả, dã ngoại... với ít nhiều sáng tạo ở nơi cảnh quan núi đồi Phú Bình gợi màu sắc ly kỳ, phiêu lưu mạo hiểm vừa gây hứng thú, vừa giáo dục trí thông minh, tính gan dạ quả cảm, đức hy sinh, lòng vị tha, tinh thần đồng đội... Phong trào Đoàn, Đội của trường có tiếng vang tốt trong các trường trung học Liên khu, được các cấp lãnh đạo Đoàn thanh niên tỉnh, Liên khu và Trung ương chú ý.

Năm 1952 Đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế

⁽⁵⁸⁾ Như đi kiếm củi, dọn dẹp nhà cửa, gánh nước, săn sóc người ốm v.v...

⁽⁵⁹⁾ “Hướng đạo sinh” khởi thủy là tổ chức Scout do viên trung tướng quân đội Hoàng gia Anh tên là Robert Stephenson Smyth Baden – Powell (1857 – 1941) sáng lập. Ở Việt Nam phong trào “Hướng đạo sinh” phát triển mạnh vào những năm 1940 đến 1945, thu hút đông đảo thanh thiếu niên học sinh trí thức vào những hoạt động lành mạnh, bổ ích, hấp dẫn, lý thú. Nhiều tổ chức “Hướng đạo” có tinh thần yêu nước cao, tiêu biểu như Tráng đoàn Lam Sơn do Hoàng Đạo Thúy lãnh đạo (“huynh trưởng”), Tráng đoàn Bạch Đằng do Tạ Quang Bửu lãnh đạo (“huynh trưởng”).

giới (Festival) tổ chức tại Bucaret (Rumani). Đội viên Lê Minh Nguyệt của Trường Lương Ngọc Quyến vinh dự được cử tham gia đoàn đại biểu nước ta.

- Ngoài công tác trọng tâm là giáo dục đoàn viên, đội viên tinh thần học tập tốt, Đoàn và Đội luôn hăng hái tham gia công tác xã hội. Các lớp Bình dân học vụ tồn tại lâu dài ở khắp thôn làng, xóm ấp do thầy giáo và học sinh phụ trách góp phần quan trọng xóa nạn mù chữ, rồi bổ túc văn hóa cho đông đảo bà con nông dân địa phương, có công kiên trì vận động, cần mẫn dạy chữ của các cô cậu học sinh nhỏ mà “giỏi giang, ngoan ngoãn, đáng yêu”! Những buổi chiều muộn, tiếng loa cất lên giọng nói non trẻ mà rành rẽ vang vang khắp xóm làng: Mời đồng bào đi nghe nói chuyện về chiến thắng

biên giới... nghe nói chuyện về vệ sinh phòng bệnh,... đi dự mít tinh... mời đồng bào đi xem kịch...

Đội thiếu nhi Tháng Tám của trường đã góp phần làm sống động không khí thôn quê.

Giữa 1951 Chính phủ ban hành chính sách thuế nông nghiệp. Đây là chính sách lớn, liên quan tới tuyệt đại đa số người dân thời đó. Thực hiện tốt chính sách này sẽ đảm bảo nguồn lực quan trọng cho kháng chiến. Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết nghị phát động chiến dịch thuế nông nghiệp, tập trung học tập và tuyên truyền cho nông dân, huy động lực lượng tối đa xuống nông thôn làm công tác thuế.

Trong chiến dịch này, Trường Lương Ngọc Quyến tham gia tích cực. Chi bộ lãnh đạo toàn trường học tập để thông hiểu, nắm vững chính sách, quán triệt chỉ thị cấp trên, vận động học sinh tham gia trực tiếp vào một số công việc cụ thể

- Tuyên truyền, phổ biến, giải thích chính sách bằng loa phát thanh, nói chuyện thân mật với các gia đình nơi trọ học (sao cho nông dân hiểu rõ “thuế nông nghiệp công bằng, hợp lý, giản tiện”, và hăng hái “thi đua nộp mau, nộp đủ, nộp thóc tốt và nộp thóc khô” (Chủ tịch Hồ Chí Minh)).

- Tổ chức học sinh đi giúp địa phương tính thuế nông nghiệp cho các hộ nông dân.

Tính thuế là công việc có khối lượng rất lớn và rất phức tạp. Học sinh trung học Lương Ngọc Quyến đã góp phần xử lý giúp Ban thuế các xã phía đông nam huyện Phú Bình (quanh khu vực trường đóng) rất có hiệu quả, nhanh, chính xác. Trường vẫn dạy và học bình thường, học sinh tham gia công tác thuế nông nghiệp phải thức khuya dậy sớm tranh thủ học bài làm bài thầy cho về nhà. Bận và mệt hơn nhưng ai cũng vui vì thầy rõ ý nghĩa công tác “phục vụ nhân dân”! Công tác này trường còn tham gia nhiều năm sau đó. Trong thời gian nghỉ mùa,⁽⁶⁰⁾ Nhà trường cùng chi đoàn, Hiệu đoàn vận động những học sinh không có điều kiện về gia đình (do ở tỉnh xa quá, hoặc ở vùng địch hậu), hoặc không nhất thiết cần về nhà (không phải nhà nông) tham gia công tác tính thuế nông nghiệp. Học sinh được tổ chức thành từng đội trên dưới 10 người về một xã (không chỉ trong huyện Phú Bình), nhiệm vụ do Ban thuế xã phân công. Đoàn được chia nhỏ hơn, vài ba người về một thôn, Trưởng thôn phụ trách. Họ “ba cùng” thực sự với dân để thâm nhập thực tế. Sau đó tập trung làm công tác thuế. Kết thúc mỗi đợt có bàn giao nghiêm túc, trang trọng, rồi liên hoan văn nghệ chia tay.

Thời gian ở xã, họ được làm công việc của người cán bộ.

⁽⁶⁰⁾ Từ 1952, biên chế năm học theo năm tài chính và ứng với vụ cấy, vụ gặt hàng năm: khai giảng 1 – 1 (dương lịch), kết thúc 31 – 12 năm đó. Gồm 2 học kỳ, mỗi học kỳ 4 tháng, xen giữa là 2 đợt *nghỉ mùa* 2 tháng.

Đoàn viên TNCQ tham gia sinh hoạt với tổ chức Đoàn ở xã (theo giấy giới thiệu từ cơ sở của mình). Trở về chi đoàn địa phương có ghi nhận xét nghiêm chỉnh.

Mấy năm đầu thập kỷ 50 (Thế kỷ XX), đất nước dồn dập những sự kiện trọng đại. Ngành giáo dục cũng liên tiếp triển khai nhiều chủ trương lớn sau bước ngoặt cải cách giáo dục lần thứ nhất. Dưới tác động của tình hình đó, Trường trung học Lương Ngọc Quyến đã chuyển biến mạnh mẽ: về cơ cấu tổ chức (các hội đồng thuộc nhà trường), về thành phần và vai trò các đoàn thể (Công đoàn, Hiệu đoàn, chi đoàn TN, Đội thiếu nhi); về các cuộc vận động sôi nổi, sâu sắc (có khi gay gắt quá đà) trong giáo giới và học sinh v.v...

Đồng thời với việc triển khai những chủ trương lớn của Bộ, trường còn tiến hành bao nhiêu công việc gian khó, phức tạp để di dời địa điểm, xây dựng trường lớp, nhà giáo viên, học sinh... Thầy và trò đã phấn đấu tích cực, kiên trì để thực hiện mọi chỉ đạo của cấp trên trong nội khóa và ngoại khóa.

Sau những cuộc vận động “rèn cán chỉnh cơ”, “cải cách”, “cải tạo học tập”, nhận thức nâng cao hơn, hoạt động xã hội của thầy và trò đã mang tính tự giác chính trị rõ hơn. Tham dự những cuộc mít tinh, biểu tình đòi trả tự do cho các “chiến sĩ hòa bình” Pháp vì đấu tranh cực lực phản đối chính phủ thực dân tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam mà bị giam giữ⁽⁶¹⁾, học sinh của trường đã chứng tỏ trình độ hiểu biết rộng và sâu về thời cuộc, thái độ phân biệt bạn, thù minh bạch.

Đi dân công làm cầu, sửa đường (mà ta đã đánh sập, phá hoại ở giai đoạn đầu *phòng ngự*), không chỉ có học sinh lớn, mà nhiều thiếu nhi học sinh cũng hăng hái tham gia. Các em không chỉ giúp Ban cấp dưỡng đi chợ tiếp phẩm, gánh nước

uống ra công trường, hoặc ca múa phục vụ dân công, mà còn trực tiếp lao động. Cũng xuống lòng suối vớt sỏi đá, đào đất, chuyển đất... vất vả như các anh các chị.

Thời điểm triển khai cải cách giáo dục cũng là thời điểm Bộ và Sở giáo dục Liên khu chủ trương phát triển cấp III ở Trường Lương Ngọc Quyến⁽⁶²⁾. Năm học 1951 – 1952 trường có lớp 8 đầu tiên, cũng là năm trường tiếp nhận một số đông học sinh chuyển đến từ các trường Ngô Sĩ Liên, Hàn Thuyên, Ngô Quyền của các tỉnh bạn do tình hình chiến sự. Lúc đông nhất trường có khoảng 450 học sinh. Trường được bổ sung thêm một số thầy giáo, cô giáo (từ khi chuyển lên Quyên): Nguyễn Văn Được, Nguyễn Văn Thu, Đỗ Thị Nhiệm, Nguyễn Thị Hiền, Đặng Thị Hạnh, Lê Thị Bích, Trần Thị Tâm, Bùi Thị Phúc, Đỗ Xuân Trường, Hoàng Thiệu Sơn, Nguyễn Hùng, Lê Ngọc Bình, Nguyễn Văn Nga, Đỗ Đức Hiếu.

Giữa năm 1951, thầy Dương Xuân Nghiên được Bộ QGGD bổ nhiệm làm Trưởng ty Giáo dục Thái Nguyên, chức vụ Hiệu trưởng Trường trung học Lương Ngọc Quyên chuyển sang thầy Nguyễn Văn Được. Thế là sau 4 năm thầy Nghiên đã lãnh đạo xây dựng trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyên về mọi mặt, từ ngày đầu chưa có gì, đến hôm nay đã là một trường bề thế, nổi tiếng của Liên khu Việt Bắc, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp kháng chiến và

(61) Anh Henri Martin – người luôn đi đầu đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp chấm dứt chiến tranh “bẩn thiu” ở Việt Nam; chị Raymon Dienne – người đã nằm ngang đường sắt chặn đoàn tàu chở vũ khí cho quân Pháp đánh Việt Nam; đồng chí Jaque Ducleau - ủy viên trung ương đảng cộng sản Pháp, người tích cực đấu tranh ủng hộ Việt Nam kháng chiến...

(62) Theo thầy Dương Xuân Nghiên (tài liệu chưa công bố đã dẫn), lúc này trường Lương Ngọc Quyên nhập trường cấp I ở Quyên và mở thêm lớp 8 để thành một trường phổ thông có cả 3 cấp học (9 năm).

kiến quốc.

Thầy Dương Xuân Nghiên chuyển lên Ty quản lý hành chính nhà nước theo ngành cấp tỉnh, có chức năng quản lý cả trường phổ thông cấp II, cấp III (theo sự phân cấp mới). Ở cương vị công tác này, thầy có điều kiện quan tâm với những chủ trương sát hợp với trường cũ. Thầy Nghiên cũng là người cộng tác đặc lực với giám đốc sở Giáo dục Liên khu Việt Bắc Nguyễn Lân biên soạn tài liệu “rèn cán chính cơ” dùng cho các trường học và cơ quan giáo dục trong Liên khu.

Từ 1951, nhiều học sinh của trường được chọn đi đào tạo ở Khu học xá trung ương (đóng nhờ bên đất Trung Quốc), theo ngành khoa học cơ bản và sư phạm. Một số được đi học tiếp (hoặc học thặng) ở các nước xã hội chủ nghĩa (lúc ấy gọi là “dân chủ nhân dân” – gọi tắt là “các nước dân chủ”). Đây là những “hạt giống” cho sự nghiệp lâu dài của đất nước.

Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng Cộng Sản lãnh đạo nêu rõ hai nhiệm vụ: *phản đế* và *phản phong*. *Phản đế* là cấp thiết, cần một mặt trận tập hợp lực lượng theo tiêu chí dân tộc rộng rãi. Nhiệm vụ *phản phong* tiến hành từng bước theo sách lược hợp lý, tùy từng lúc, từng nơi.

Ở Thái Nguyên, cho đến trước 11 – 1952 chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ triển khai thực hiện chủ yếu theo phương thức vận động, thuyết phục các đối tượng thi hành. Từ cuối 1952, khi hai xã Đồng Bẩm và Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ) được chọn để thực nghiệm nghiên cứu thí điểm toàn diện, triệt để thì mới áp dụng hình thức phát động quần chúng đấu tranh quyết liệt, gay gắt, bạo lực.

Ngành Giáo dục đã tham gia cuộc đấu tranh “lay trời chuyển đất” này một cách không thụ động. Bộ đã chỉ đạo toàn ngành thực hiện nhiệm vụ trung tâm thường xuyên của ngành kết hợp với tham gia cuộc cách mạng ruộng đất cả trong nội dung giảng dạy và hoạt động xã hội của thầy và trò.

Trường Lương Ngọc Quyến là một đơn vị giáo dục lớn, được cấp trên triệu tập đi học chính huấn chính trị ở ATK và tham quan cuộc phát động quần chúng đấu tranh (thí điểm) ở Đồng Bẩm. Tham dự lớp chính huấn là các cán bộ Hiệu đoàn và chi đoàn của trường (mà đứng đầu và nòng cốt là những đảng viên được chỉ bộ cử ra). Sang 1953, như thường lệ, trong dịp tiến hành đợt “cải tạo học tập” (chủ yếu cho lớp học sinh mới nhập trường), theo chỉ thị cấp trên, toàn trường triển khai chính huấn chính trị (theo nội dung đã học ở ATK).

Trước đây thầy và trò Lương Ngọc Quyến hiểu biết về đấu tranh giai cấp qua học thuyết Mác (nhờ sinh hoạt ở Nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác và các bài học chính khóa, phụ khóa) còn khá trừu tượng, mà chủ yếu tập trung ở “trận đấu cuối cùng của lịch sử” giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Bây giờ qua chính huấn, nhìn vào nông thôn ngay nơi mình đang sống bằng nhãn quan giai cấp bỗng thấy có sự phân hóa đáng suy nghĩ. Những thanh thiếu niên học sinh rất nhạy cảm trong nhận thức cái mới, nhưng cũng khá non nớt trước những vấn đề khó của lịch sử. Trong khi ấy Thái Nguyên đang sôi sục “phóng tay phát động quần chúng triệt để giảm tô thực hiện giảm tức”. Liên tiếp các sự kiện đấu tranh rầm rộ, quyết liệt:

- 15/11/1952: 300 đoàn nông dân ở 2 xã Đồng Bẩm và Dân Chủ đấu tranh với địa chủ Nguyễn Thị Năm;

- 20/12/1952: Đại hội tổ khổ địa chủ Nguyễn Thị Năm; Tiếp đó Trung ương chọn thêm 4 xã làm thí điểm, có 2 xã Đức Liên và Nhã Lộng huyện Phú Bình. Thế là làn sóng cách mạng tràn đến địa bàn trường đóng. Ngày 22/5/1953, 4000 nông dân xã Đức Liên đấu tranh với địa chủ Đào Ký. Thầy và trò trường Lương Ngọc Quyến không chỉ tham gia vào các sự kiện bên ngoài theo chỉ thị cấp trên, mà còn tự mình tiến hành đấu tranh trong trường. Họ cũng học tập chính sách, cũng liên hệ tổ giác các học sinh con địa chủ, phân loại, bắt giam, tra hỏi, truy bức... bằng bạo lực. Rồi thiết lập trường đấu, tố cáo, xét xử... rất căng thẳng, dữ dội! Rất may, lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên đã kịp thời cử cán bộ xuống xem xét và xử lý. Đó là việc làm tự phát vô nguyên tắc của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể nhà trường, mà BCH chi bộ phải chịu trách nhiệm chính. Tùy theo sai lầm từng người mà cấp trên xử trí⁽⁶³⁾. Những học sinh bị xúc phạm nhân phẩm và thân thể được bảo vệ và an ủi động viên trở lại học tập bình thường.

Tuy nhiên đây là một vụ việc nghiêm trọng tổn hại đến thanh danh một trường cấp II - III lớn trong Liên khu, một trường học lớn nhất tỉnh.

Bộ giáo dục, Sở giáo dục Liên khu Việt Bắc, Ty giáo dục Thái Nguyên, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên thống nhất quyết định: chuyển trường phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến lên sáp nhập với trường phổ thông cấp II Ngô Quyền đang đóng ở xã Tân

⁽⁶³⁾ Do vụ này Bí thư chi bộ Đảng (thời gian này đã trực thuộc tỉnh ủy Thái Nguyên) bị đưa đi cải tạo. Lãnh đạo trường và các đoàn thể chi đoàn, Hiệu đoàn cũng bị xử trí thích đáng.

Do liên tưởng đến cuộc khởi nghĩa của nông dân được kể lại trong truyện "Thủy hử" của Thi Nại An (1296 - 1370, nhà viết tiểu thuyết Trung Quốc), nên học sinh gọi vụ biến động tự phát quá khích này là Lương Sơn Bạc.

Cương huyện Đồng Hỷ, lấy tên là Lương Ngọc Quyến. (Tên trường Ngô Quyền nay đặt cho trường phổ thông cấp II Phú Lương).

Thế là trường Lương Ngọc Quyến không ở lại Phú Bình chờ ngày kháng chiến thắng lợi để trở về thị xã Thái Nguyên. Cuộc di chuyển lần này thực tế là bị động, tuy cấp trên đã linh hoạt ra quyết định cần thiết, kịp thời, phương án lựa chọn là tối ưu. Nhưng dù sao, sự ra đi như vậy không tránh khỏi nỗi niềm bùi ngùi của thầy và trò. Ít nhiều nước mắt trong cuộc chia tay giữa dân làng với thầy giáo, cô giáo, học sinh. Tâm trạng thật ngổn ngang, với sự bồi hồi, luyến tiếc, nhất là tiếc, trong tình hình mà cả xã hội lẫn lòng người đang xao động sôi trào.

3. Trường phổ thông cấp II – III Lương Ngọc Quyến ở Tân Cương – Đồng Hỷ.

Việc hợp nhất giữa hai trường diễn ra thuận lợi. Hiệu trưởng là thầy Nguyễn Văn Thu⁽⁶⁴⁾, Hiệu phó là thầy Bùi Quang Huy⁽⁶⁵⁾ nguyên Hiệu trưởng (trường cấp II Ngô Quyền). Giáo viên cũ của hai trường nói chung vẫn dạy ở trường hợp nhất. Cho đến 1954, trường có thêm các thầy giáo, cô giáo (từ trường Ngô Quyền nhập vào hoặc mới được điều động đến): Nguyễn Văn Uyên, Trịnh Như Nghê,

⁽⁶⁴⁾ Thầy Nguyễn Văn Thu dạy môn Toán, tốt nghiệp Toán học đại cương (năm thứ nhất của bằng cử nhân theo hệ thống Đại học trước Cách mạng tháng Tám). Năm 1946 theo lời kêu gọi của Bộ QGGD, thầy Thu đi dạy học ở Phú Thọ, rồi được Bộ điều động tăng cường cho trường Lương Ngọc Quyến (khi trường chuyển về Quyến).

⁽⁶⁵⁾ GS trung học Bùi Quang Huy, tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, thầy giáo của nhiều trí thức, cán bộ cao cấp của Đảng và nhà nước sau này. Theo kháng chiến, trường của thầy tản cư lên Tân Cương, Đồng Hỷ, Thái Nguyên

Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Hữu Kim, Phạm Văn Kim, Nguyễn Ngọc Phúc, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Hoàn, Chu Thế Kỳ, Lương Vĩnh Khang, Bùi Thị Hợi, Lê Phương Hồng.

Từ vài năm trở lại đây Bộ đã xây dựng được một số trường sư phạm trung cấp và cao cấp, các lớp dự bị Đại học (ở trong nước và ở Khu học xá trung ương) nhằm đào tạo giáo viên một cách chính quy đáp ứng nhu cầu các trường cấp II và III ngày một tăng nhanh. Một số thầy giáo, cô giáo mới về giảng dạy ở trường Lương Ngọc Quyến từ những nguồn đào tạo này ⁽⁶⁶⁾.

Tân Cương là xã phía tây nam huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên), trong vùng đồi rừng bát ngát tới tận thị xã (cách hơn 10km), có con sông Công chảy qua. Dân cư phần đông là người dưới xuôi lên khai khẩn, làm tá điền... từ vài đời trước, sống chủ yếu nhờ ruộng nương, rừng đồi. Kháng chiến lan rộng đồng bào tản cư từ vùng xuôi lên, từ thị xã vào đông, vừa tăng gia sản xuất (nông nghiệp), vừa buôn bán nhỏ. Nhiều cơ quan nhà nước, trường học, trường Lục quân Trần Quốc Tuấn... đóng ở trong vùng. Khi trường Lương Ngọc Quyến chuyển lên, trường Ngô Quyền đã có đến lớp 8. Trường đóng ở xóm Soi, nơi có những đồi chè của địa chủ Hạng. Thầy, trò ở nhờ nhà dân hoặc tự làm nhà tranh tre đơn giản, tự lo việc ăn uống. Cơ sở vật chất của trường lúc đó là của trường Ngô Quyền cũ, còn rất đơn sơ, gồm một văn phòng, một số lớp học, tất cả đều là nhà tường "trình", mái lợp rạ nằm rải rác – để tránh máy bay Pháp oanh tạc – trên các đồi chè ven chân núi Guộc.

Bàn ghế, bục giảng đều làm từ những mảnh ván gỗ thô chưa

⁽⁶⁶⁾ - Như cô Lê Phương Hồng tốt nghiệp Sư phạm trung cấp Khu học xá trung ương (Nam Ninh – Trung Quốc);

- Thầy Lương Vĩnh Khang tốt nghiệp Sư phạm cao cấp Ban Toán, Lý;
- Thầy Nguyễn Văn Hoàn tốt nghiệp Sư phạm cao cấp Ban xã hội;
- Thầy Chu Thế Kỳ tốt nghiệp Sư phạm cao cấp Ban Toàn, Lý.

bào hoặc là những tấm giát nửa chẻ hoặc đập giập ra, đan ken lại, đặt trên hàng chân đỡ bằng thân cây có chạc. Ghế của thầy trò cũng vậy, là những thân cây rừng nhỏ, đặt trên hàng chân bằng cây có chạc... Còn bảng thì là những tấm ván xẻ mỏng ghép lại. Sơn không có. Trục nhật trước mỗi buổi học có nhiệm vụ đánh bằng bằng nhọ nôi và lá khoai lang. Phấn viết không có chỉ có một cục đá phấn to tướng, một con dao rửa cùn và một nắm lá dây khoai lang đã trộn nhọ nôi.

Trường nhanh chóng ổn định về mọi mặt và tập trung trước hết vào hoạt động nội khóa, tạo nề nếp để đảm bảo thực hiện chương trình (có bị ảnh hưởng do biến động bất thường vừa qua).

Thời gian này ngành giáo dục đứng trước đòi hỏi mới của tình hình là phải phát triển mạnh về mạng lưới trường học (về số lượng), đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo. Trường phổ thông cần phải có những cố gắng mới về cải tiến công tác giảng dạy và học tập. Tinh thần phương châm giáo dục tiếp tục được quán triệt, nêu cao như lời nhắc nhở của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Giáo dục liên hệ với đời sống nhân dân”, “phối hợp việc giáo dục của trường học với việc tuyên truyền giáo dục chính trị chung”.

Thầy và trò Trường Lương Ngọc Quyến đã có nhiều cố gắng và thành tích trong thực tiễn vận dụng phương châm mới, song đã tỏ ra khá lúng túng và từng mắc sai lầm. Vấn đề kết hợp hoạt động xã hội với nâng cao chất lượng giáo dục đòi hỏi thầy và trò cần ra sức thi đua cải tiến phương pháp dạy và học nhiều hơn nữa. Về phía thầy, nhà trường chú ý xây dựng các tổ bộ môn, đẩy mạnh các hoạt động như soạn bài tập thể, thăm lớp dự giờ thường xuyên, tổ chức các giờ dạy mẫu, rút kinh nghiệm chung... Sao cho bài học thể hiện được tinh thần phương châm giáo dục? Bài học môn khoa học tự nhiên và bài học môn khoa học xã hội có ưu thế

và hạn chế khác nhau thế nào khi thực hiện mỗi khía cạnh nội dung phương châm? v.v... Làm việc tập thể ở thời điểm này quả thật là một phương thức rất có hiệu quả. Tập thể các nhà giáo Lương Ngọc Quyến, sau bài học ở Quyến, nay đã thận trọng, sao cho việc giáo dục tư tưởng chính trị thông qua môn học văn hóa, liên hệ thực tế địa phương từ bài học, kết hợp phần thực hành với tham gia công tác địa phương... được nhuần nhuyễn, tự nhiên, tránh gò ép, khiên cưỡng, mất cân đối. Sau những năm đầu kháng chiến, các hội đồng chuyên môn của Bộ QGGD chưa đủ điều kiện nghiên cứu nhiều về khoa học giáo dục. Nay, giao lưu thế giới đã mở rộng hơn, Khu học xá Trung ương với sự tập trung nhất định số lượng và trình độ các nhà giáo dục đương thời, Bộ đã cung cấp cho các nhà giáo nhiều tài liệu lý luận và kinh nghiệm giáo dục bổ ích. Một số sách dịch của các nước bạn (như sách của nhà giáo dục Liên Xô Kairôp do Võ Thuần Nho dịch rất được chú ý) đem đến cho giáo dục nước ta thêm nhiều hiểu biết phong phú. Tờ *Giáo dục nhân dân* (thay tờ *Giáo dục tập san* cũ) đã có nhiều chấn chỉnh, cải tiến. Đây cũng là nội dung mới mẻ, hứng thú được các nhà giáo các tổ bộ môn của trường quan tâm trao đổi tìm hiểu.

Về phía học sinh, phong trào thi đua cải tiến phương pháp học tập được đẩy lên sôi nổi. Nó có ý nghĩa hỗ trợ cho phong trào thi đua của giáo viên, và chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập của học sinh. Nổi bật là cuộc vận động noi gương chiến sĩ thi đua Hà Học Hợi, học sinh gương mẫu được đi dự Đại hội liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc 1952. Trước giờ nghe giảng, các lớp thường hát vang bài hát về “ngọn đuốc sáng chói Hà Học Hợi” như một niềm tự hào thế hệ, như một điều tâm niệm hồn nhiên. Rồi một tấm gương khác, bản lược thuật thành

tích và kinh nghiệm học tập của một học sinh Khu học xá Trung ương cũng được phổ biến sâu rộng, được học sinh toàn trường, nhất là các lớp lớn quan tâm.

Đến 1953, Thái Nguyên đã có một mạng lưới trường cấp II ở các huyện. Riêng huyện Đồng Hỷ (bao trùm cả thị xã) đã có 3 trường công ở 3 xã: Hiệp Hòa, Đồng Tiến, Tích Lương và một trường tư (sau giải thể theo chủ trương chung, đưa học sinh vào trường Hiệp Hòa). Trường Lương Ngọc Quyến là trường lớn nhất tỉnh, đóng ngay ở trong huyện Đồng Hỷ nên Khu đoàn học sinh, Khu Đoàn TN cứu quốc, Tỉnh đoàn học sinh, Tỉnh Đoàn TN cứu quốc coi là một trọng điểm có vai trò trung tâm của phong trào⁽⁶⁷⁾. Vì vậy các cấp lãnh đạo vẫn dựa vào tổ chức Hiệu đoàn và Đoàn thanh niên của Trường Lương Ngọc Quyến để triển khai các chủ trương công tác.

Ban chấp hành các đoàn thể học sinh của Lương Ngọc Quyến được phân công đứng ra tập trung học sinh các trường cấp II trong huyện để tiến hành các đợt “chỉnh huấn”, “huấn luyện” (như “cải tạo học tập”, học các chính sách của Đảng và Chính phủ).

Những dịp đó, anh chị em học sinh 3 trường bạn ba lô khăn gói đi bộ đến tập trung ở trường Lương Ngọc Quyến. Hiệu đoàn, chi đoàn đã chuẩn bị chu đáo: phân phối từng tốp vào nghỉ ở các nhà dân, phổ biến nội quy, chương trình học tập, sinh hoạt. Cuối đợt có liên hoan lửa trại tưng bừng. Trường “anh cả” Lương Ngọc Quyến trở thành chỗ dựa tin cậy, là niềm mơ ước của lứa học sinh cận kề.

⁽⁶⁷⁾ Đồng chí Kim Quế Đình cán bộ Khu Đoàn, đồng chí Nguyễn Khánh cán bộ Tỉnh Đoàn (sau này là Phó thủ tướng Chính phủ) luôn theo sát chỉ đạo. Có thời gian đồng chí Kim Quế Đình công tác dài ngày tại trường.

Nhu cầu cán bộ có trình độ cao ngày càng cấp thiết. Trường trở thành nguồn cung cấp kịp thời mỗi khi ngành nào đó cần người. Có những đợt bất kỳ tuyển chọn số lượng ít, độ mười người (không đợi qua kỳ thi tốt nghiệp) đưa đi đào tạo ở nước ngoài. Sau khi Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong “phe dân chủ” lần lượt chính thức công nhận nước Việt Nam DCCH, Đảng và Chính phủ chỉ thị cho các cấp các ngành một mặt tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, mặt khác tuyên truyền giáo dục sâu rộng để nhân dân ta hiểu. Đối với hai người bạn lớn Liên Xô và Trung Quốc, ta tiến hành một hoạt động đặc biệt trong suốt một tháng, gọi là “Tháng hữu nghị Việt – Trung – Xô”. Trường Lương Ngọc Quyến hưởng ứng sự kiện này như một nhiệm vụ “phối hợp việc giáo dục của trường học với việc tuyên truyền giáo dục chính trị chung” (Chủ tịch Hồ Chí Minh). Ngoài việc tham gia các tổ tuyên truyền, phát thanh đi sâu vào thôn xóm, trường tổ chức một đội văn nghệ tuyên truyền lớn (do anh Đào Thế Ngữ làm đội trưởng) đi lưu diễn ở nhiều xã trong huyện từ Thịnh Đán, Thịnh Đức... đến Tân Quang, Túc Duyên... Ý nghĩa chính trị của sự kiện được tô đậm và sâu sắc thêm trong không khí văn hóa – nghệ thuật – sôi nổi, sinh động mà trường đem lại. Học sinh ca hát vang lừng, say sưa những bài hát ca ngợi đất nước và lãnh tụ Xô-Việt (Lênin, Stalin), về cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, cả những ca khúc về tình yêu trong chiến đấu và xây dựng của Liên Xô hoặc do nhạc sĩ Việt Nam sáng tác. Cũng như vậy đối với Trung Quốc, thanh, thiếu niên Lương Ngọc Quyến ưa thích giai điệu và hình ảnh người chiến sĩ gang thép hùng tráng, kỳ vĩ trong các bài hành khúc của Hồng quân Trung Hoa, các bản hợp xướng quy mô, các điệu múa khỏe khoắn với những động tác không cầu kỳ... Những trào lưu nghệ

thuật – chính trị như vậy làm hưng phấn đời sống tinh thần, tiếp sức cho kháng chiến vào giai đoạn cuối.

Xét một cách toàn diện, những hoạt động của trường theo định hướng chỉ đạo của phương châm giáo dục như vậy đã nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo.

Đầu 1954, hưởng ứng khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, học sinh Lương Ngọc Quyến lại tòng quân. Đợt này đi khá đông, vẫn những phần tử cốt cán tiên phong, học giỏi, tài hoa, có cả những bạn mới cất khỏi vai tấm khăn quàng đỏ chưa lâu. Lễ tiễn đưa ở sân trường trang nghiêm và xúc động. Đoàn “tân binh” xếp hàng ba chỉnh tề, bước đi hùng dũng, hiên ngang thẳng hướng núi Guộc. Đi sau cùng là bí thư chi đoàn TNCQ, lên khỏi con dốc cao còn gơ tay vẫy chào!

Chiến dịch Điện Biên Phủ thu hút một khối lượng khổng lồ sức người sức của (Có tài liệu nêu con số tỉ lệ: cứ mỗi người lính Việt Nam ở chiến trường này thì có 4 dân công phục vụ.) Chiến dịch được chuẩn bị kĩ lưỡng trên tầm xa cả về thời gian và không gian. Đường Tây Bắc cho chiến dịch thực tế là những chặng cuối nối tiếp bao con đường từ Việt Bắc, Khu IV, Khu III. Mở đường là nhiệm vụ của công binh, thanh niên xung phong, và đông đảo nhất là dân công. Ở hậu phương có lệnh huy động lực lượng các trường cấp II – cấp III tham gia chiến dịch (có khi cả học sinh lớn ở cấp 1).

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc, nhưng những công trường làm đường ở Thái Nguyên vẫn hoạt động. Trường Lương Ngọc Quyến đóng góp 100 người, tức một đại đội (biên chế theo kiểu quân đội) do thầy Lương Vĩnh Khang làm đại đội trưởng (C trưởng). Ban chỉ huy đại đội còn có thêm 2 C phó là 2 học sinh lớp 9. C Lương Ngọc Quyến làm nhiệm vụ trên “đường Bắc Sơn – Đình Cả - Thái Nguyên”,

đoạn từ đường 1B bây giờ ở Hoá Thượng nối với đường số 3 ở Sơn Cẩm. Công việc vất vả: khai thông mặt đường, vớt đá sỏi dưới lòng sông Cầu rải lên theo kỹ thuật rải “cấp phối”. Tất cả bằng sức người. Đào đất, chuyển đất, san lấp, đầm nén... Ngâm mình dưới nước vớt đá sỏi, lên rừng lấy nữa đan sọt gánh sỏi... Nền nếp lao động, sinh hoạt tại công trường và nơi ở (nhà dân địa phương) đều theo quy củ bán quân sự. Hiệu lệnh giờ giấc dứt khoát, tập hợp hành quân ra công trường, làm việc theo sự phân công trước, nghỉ giải lao, nghỉ giữa ngày, cuối ngày, tránh máy bay... theo kèng hết. Mỗi đơn vị dân công tự lo về mọi mặt (trừ dụng cụ và hướng dẫn kỹ thuật), từ tổ chức nhân sự đến hậu cần, nơi ăn chốn ở.

Rất mệt nhọc, nhưng ai cũng hăng hái thi đua lao động hết mình. Đợt dân công một tháng (23/6 đến 25/7/1954) kết thúc thắng lợi cùng với tin vui từ Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương. Đại đội dân công Lương Ngọc Quyến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tuyên dương tập thể và cá nhân⁽⁶⁸⁾. Trở về trường ai nấy cảm nhận như mình rắn rỏi hơn một chút.

Trường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ năm học trong không khí náo nức phấn khởi những ngày đầu hòa bình lập lại. Cảnh tượng sao mà lạ lẫm: người đi như trẩy hội giữa ban ngày, trường học ban ngày, chợ họp ban ngày... Hầm trú ẩn trở nên thừa! Dân ở địch hậu đã có thể lên tận Tân Cương gặp gỡ người nhà đang dạy hay học ở trường Lương Ngọc Quyến.

⁽⁶⁸⁾ - Chị nữ sinh Dương Thị Mai được bình bầu là chiến sĩ thi đua của đại đội, được đi dự Đại hội thi đua của công trường, được Ban chỉ huy công trường T118 tặng bằng khen.

- Thầy Lương Vĩnh Khang được tuyên dương danh hiệu “C trường xuất sắc nhất”.

Trường phát động đợt thi đua chào mừng hòa bình vừa lập lại. Thầy tận tâm giảng dạy, đi sát giúp đỡ từng tổ, nhóm học tập, phụ đạo thêm ngoài giờ chính khóa, góp ý với các phân đoàn học sinh, phân đoàn thanh niên trong việc lãnh đạo phong trào học tập của lớp. Có cô giáo thêm cờ thi đua để làm giải thưởng. Băng khẩu hiệu “Chăm học, siêng làm, kính thầy, yêu bạn” dán trên tường mỗi lớp. Giúp nhau học tập, phê bình, tự phê bình trong sinh hoạt tư tưởng, khiến cho mọi người đoàn kết thân ái hơn, xóa bỏ được những hiểu lầm, thành kiến giữa một số học sinh với nhau. Đoàn Thanh niên Cứu quốc luôn luôn dẫn đầu.

Trung ương Đoàn TNCQ được trao nhiệm vụ tổ chức Đội thanh niên xung phong công tác tiếp quản Thủ đô Hà Nội vào ngày 10 - 10 - 1954. Đội tập hợp một số học sinh (chọn lọc theo một số tiêu chuẩn thích hợp) của các trường Lương Ngọc Quyến (Thái Nguyên), Hùng Vương (Phú Thọ), Tân Trào (Tuyên Quang), Hàn Thuyên (Bắc Ninh), Ngô Sĩ Liên (Bắc Giang). Lễ tiễn đưa diễn ra vào sáng 28 - 8 - 1954. 30 anh chị em tập trung nghe thầy Nguyễn Văn Hoàn thay mặt nhà trường, lãnh đạo Hiệu đoàn, chi đoàn căn dặn và chúc lên đường hoàn thành nhiệm vụ.

Giữa lúc ấy một tin vui đến bất ngờ làm xôn xao, háo hức toàn trường: đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng Lao động Việt Nam, “người anh cả của cách mạng Việt Nam” (như báo chí đạo đó thường gọi) đến thăm trường. Tầng lớp trí thức kính phục đồng chí như một nhà lý luận mác-xít Việt Nam hàng đầu, người trực tiếp thay mặt Đảng vạch đường lối văn hóa giáo dục cách mạng. Đối với hầu hết thầy trò Lương Ngọc Quyến, đây là sự kiện đáp ứng mong chờ bấy lâu, “văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình” (mới nghe tiếng tăm, chưa thấy người).

Cuộc đón tiếp diễn ra trọng thể nhưng hết sức giản dị, ấm cúng. Đồng chí hỏi han ân cần và chăm chú, xúc động lắng nghe thầy và trò của trường nói về tình hình mọi mặt, từ đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm đến những cố gắng trong dạy và học. Nói chuyện với thầy giáo và học sinh trường, đồng chí nhắc lại truyền thống lịch sử của đất Thái Nguyên, phân tích ngắn gọn tình hình thời sự trước mắt, biểu dương thành tích nhà trường, khẳng định vai trò của trường trong sự nghiệp chung của đất nước, nhắc nhở nhiệm vụ của thầy và trò. Đặc biệt, nhà lý luận mác-xít Trường Chinh đã nói về vấn đề quan hệ thầy – trò theo quan niệm và đời sống cách mạng: đó là quan hệ đồng chí, giữa thế hệ trước và thế hệ sau, thế hệ những người anh, người chị và thế hệ các em... Lập luận chặt chẽ khoa học thuyết phục mà lời lẽ vẫn nhẹ nhàng ôn tồn.

Cho đến ngày đó, đồng chí Tổng bí thư của Đảng là vị lãnh đạo cao nhất trong số những nhà lãnh đạo cấp cao đến thăm trường Lương Ngọc Quyến. Tiễn đồng chí Trường Chinh lên đường tiếp tục chuyến công tác, thầy và trò trường Lương Ngọc Quyến lại phấn khởi hăng hái thi đua hoàn thành chương trình năm học. Chi đoàn, Hiệu đoàn, Đội thiếu nhi nhắc nhở ghi nhớ và thực hiện lời đồng chí Trường Chinh: “Chăm chỉ học tập là biểu hiện lòng yêu nước một cách thiết thực nhất”.

Năm học cuối cùng trong kháng chiến chống Pháp đã diễn ra sôi động với nhiều sự kiện lớn và trong tâm trạng học sinh, nhất là lớp cuối cấp II và cấp III. Họ đứng trước một ngưỡng cửa mới dẫn vào tương lai: các trường chuyên nghiệp, đại học mở thêm sau hòa bình lập lại.

Trong bận bịu công việc, trường còn lo xúc tiến công tác chuẩn bị chuyển địa điểm về thị xã Thái Nguyên.

- Trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến đã đi trọn cuộc kháng chiến chống Pháp (1947 – 1954), bốn lần di chuyển địa điểm, đứng chân trên 5 xã của ba huyện Đại Từ, Phú Bình, Đồng Hỷ.

- Nhờ dựa vào dân và phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, nhất là được các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương quan tâm thích đáng, trường đã bắt đầu từ chỗ chưa có gì trải qua thăng trầm gian khó, kiên định, nay trở thành một trường phổ thông cấp II – III hoàn chỉnh thuộc hàng ngũ các trường lớn.

- Trường đã đào tạo cho đất nước các thế hệ thanh niên trí thức có trình độ trung học phổ thông 4 năm (đệ tứ), rồi tốt nghiệp phổ thông (lớp 9). Đó là lực lượng không thể thiếu trong công cuộc “kháng chiến, kiến quốc” trước mắt và lâu dài.

- Quá trình phấn đấu tồn tại và phát triển của trường cũng đem lại nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị về ý chí tự lực tự cường, về tinh thần sáng tạo năng động, về ý thức và bản lĩnh tự tin trong đào tạo và tự đào tạo hướng về những phẩm chất nhân cách người công dân mới của đất nước.

- Riêng ngành Giáo dục hẳn cũng xem đây như một thực tiễn sinh động rất có ý nghĩa suốt 8 năm triển khai đường lối, chủ trương giáo dục của Đảng.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN Ở PHÚ BÌNH - THÁI NGUYÊN

Ảnh: Anh Đinh Văn Định cung cấp



Chi bộ Đảng LĐVN của trường (Quyên 1952)



Lớp 6A - Năm học 1949 - 1950 ở Quyên



Lớp học đặt tại đình Úc Kỳ.



Lớp học đặt tại đình Phương Độ.



Nữ sinh Lương Ngọc Quyến ở Phú Bình.



Ban văn nghệ Lương Ngọc Quyến ở Phú bình

Chương III
TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP II – III
LƯƠNG NGỌC QUYẾN TRONG SỰ NGHIỆP
XÂY DỰNG NHÀ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
(1955 – 1965)

I. Năm học 1955 trường phổ thông cấp II – III Lương Ngọc Quyến chuyển về thị xã Thái Nguyên, đóng tại một quả đồi thuộc khu vực Kép - le⁽¹⁾, cách điểm trung tâm thị xã chừng hơn 1km về phía tây. Vùng này đang còn thưa dân, lác đác hàng quán, xung quanh bát ngát đồi sim, mua, vất qua sườn đồi là những con đường mòn đất sỏi. Thầy, trò phải leo một con dốc khá cao, xe đạp phải dắt để lên trường.

Trường là 4 dãy phòng học 4 phía quay mặt vào mảnh sân ở giữa. Phía gần cổng trường là nhà văn phòng. Tất cả làm bằng tranh, tre, nứa lá. Bàn ghế có khoảng 20 bộ bằng gỗ loại xấu, còn toàn phải chôn cọc xuống đất đặt tấm ván lên trên. Đơn sơ và có vẻ tạm bợ thế, nhưng trường cũng có hàng rào nứa bao quanh chân đồi, có cổng trường (không có cánh cổng) dựng bằng những cây bương to cao... Quang cảnh đã khác thời kháng chiến hôm qua rất nhiều.

Chuyển ra thị xã, trường Lương Ngọc Quyến sáp nhập thêm các trường cấp II Hiệp Hòa, Đồng Tiến, Tích Lương (đã có tới lớp 6), tuyển sinh lớp 5 mới, lớp 8 (có học sinh từ huyện xa về). Khá nhiều học sinh tỉnh ngoài hồi hương sau hòa bình, nhưng lại có một số học sinh tỉnh khác chủ yếu ở Cao Bằng, Bắc Kạn về học lớp 8 vì các tỉnh đó chưa có cấp

⁽¹⁾ Kép-le là tên một chủ đồn điền người Pháp. Khu vực đồn điền này rộng 1650.48 ha (trung tâm thuộc phường Đồng Quang thành phố Thái Nguyên ngày nay) cũng gọi theo tên của người chủ. Bây giờ là địa điểm của Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp của Sở giáo dục và đào tạo Thái Nguyên.

III. Một số học sinh ở Hà Nội xin ra đây học vì ngưỡng mộ nhà trường cách mạng. Tổng số học sinh khoảng 600, với 13 lớp, cấp II mỗi khối 3 lớp, cấp III mỗi khối 2 lớp.

Thầy giáo, cô giáo cũng đông hơn và có một số thay đổi. Thầy Hiệu phó Bùi Quang Huy nghỉ hưu, về Hà Nội. Một số ít chuyển đi, nhiều thầy mới chuyển về:

- Lại Đức Thông, Nguyễn Huy Khánh, Nguyễn Văn Hạnh nguyên là giáo viên trường cấp II Hiệp Hòa.

- Võ Trọng Vinh, Đào Trọng Dậu... dạy cấp II.

- Phan Trọng Luận, Lê Đình Kỳ, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Đình Khâm, Nguyễn Xuân Nam... dạy cấp III.

Ngoài một số ít thầy có gia đình ở gần trường, còn hầu hết vẫn phải trọ nhờ nhà dân. Dân vẫn rất quý trọng thầy giáo và sẵn lòng giúp đỡ chẳng khác những năm kháng chiến. Tuy nhiên với những thầy giáo có gia đình đi theo thì thường phải tìm nhà dân có điều kiện thích hợp ở hơi xa, mà không có phương tiện đi lại nào khác ngoài đôi chân đi bộ⁽²⁾. Với học sinh, tình hình có khác hơn. Số anh chị em người thị xã và các xã lân cận (cách trường 5, 7, 10km) khá đông, họ không phải trọ học. Số khác tìm nhà trọ ở các xóm quanh trường. Có nhiều anh chị em địa phương rủ bạn học về nhà mình ở cho vui và tiện hỗ trợ nhau học tập⁽³⁾. Khoảng hai chục anh chị em học sinh trung học từ Hà Nội do có họ hàng thân thích đi kháng chiến ở Thái Nguyên, nay có điều kiện theo học một trường lớn có tiếng của chiến khu, hy vọng bù đắp những thiệt thòi do quá khứ sống trong vùng địch hậu và bị nhồi sọ bởi nền giáo dục nô dịch. Họ rất hăm hở, hào

(2) - Thầy Nguyễn Văn Uyên cùng con gái mới từ Hà Nội ra với bố để học trường Lương Ngọc Quyến, đã ở nhà phụ huynh học sinh cách trường 3km;

- Thầy Võ Trọng Vinh cùng vợ ở nhà học sinh cách trường 5km.

(3) Rất nhiều mối quan hệ như thế trở nên gắn bó tình nghĩa suốt đời.

húng với tất cả những điều mới mẻ, từ quy chế giáo dục, nội quy nhà trường, phong cách giảng dạy của thầy, quan hệ thầy trò, bè bạn, đến tổ chức đoàn thể, hoạt động xã hội,... Họ không tỏ ra chán nản trước cảnh tượng đơn sơ, nghèo nàn của trường sở, thầy trò kháng chiến, trái lại rất khâm phục. Họ cũng muốn tự rèn luyện mình qua sinh hoạt gian khổ, nam thì quần nâu áo vải, dép lốp, mũ nan, nữ thì quần thâm áo cánh...

Cơm ăn cũng dưa muối, cà chua. Họ trú lại sau lưng không luyện tiếc bộ ga-ba-đin Mỹ vừa đẹp vừa sang, bộ áo dài quần trắng thướt tha yếu điệu... Nhiều người chấp nhận học chậm lại một thời gian để phù hợp với năm học ở đây ⁽⁴⁾, cũng để học đuổi phần khoa học xã hội của chương trình kháng chiến vốn rất khác chương trình của trường địch. Mặc dù ở năm đầu hòa bình, trường chưa được đầu tư nhiều về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (tất cả chỉ chứa đầy đôi bờ người lao công gánh trên vai từ Tân Cương ra thị xã, gồm đồ thí nghiệm đơn giản: chai lọ, ống nghiệm, lực kế, v.v...) nhưng trong hoàn cảnh mới nhiều thuận lợi như học ban ngày, trường lớp tập trung, trường về nơi trung tâm của tỉnh và khu, đời sống có phần đỡ khó khăn hơn (nhu yếu phẩm đỡ khan hiếm, đơn điệu), nên việc dạy và học có khởi sắc về phong trào và tốt lên về hiệu quả. Đời sống văn hóa tinh thần được cải thiện rõ rệt. Sách, báo phong phú hơn. Bãi chiếu bóng đôi phim mới sau 2 tuần hoặc mười ngày. Rạp hát tư nhân Quyết Tiến chuyên diễn kịch hát dân tộc (cải

(4) – Năm học trong vùng địch hậu từ tháng 9 năm này tới tháng 5 năm sau, còn năm học của trường cách mạng biên chế theo năm dương lịch.

- Cấp trung học phổ thông vùng địch hậu gồm 4 năm: đệ thất, đệ lục, đệ ngũ, đệ tứ - tương đương với cấp II 3 năm; cấp trung học chuyên khoa vùng địch hậu gồm 3 năm: đệ tam, đệ nhị, đệ nhất - tương đương với cấp III 2 năm (trước cải cách giáo dục 1956).

lương, tuồng, chèo) ra đời từ hồi kháng chiến nay có điều kiện phát triển hơn.

Một số gánh hát, gánh xiếc tư nhân từ Hà Nội ra biểu diễn. Thịnh thoảng có đoàn nghệ thuật nước ngoài (Triều Tiên, Trung Quốc) sang nước ta biểu diễn cũng dành một số buổi cho Thái Nguyên. Tuy các đoàn nghệ thuật lớn của trung ương và quân đội thời gian này ưu tiên phục vụ đồng bào vùng mới giải phóng là chính, nhưng các tiết mục lớn đặc sắc bao giờ cũng công diễn ở Thái Nguyên trước (vì cần sự thưởng thức và thẩm định của một công chúng có quá trình tham gia cách mạng và kháng chiến để chỉnh lý nếu cần). Môi trường văn hóa đó ảnh hưởng tốt đến quá trình giáo dục của nhà trường.

Năm học 1955 kết thúc đối với lớp 9, tốt nghiệp trường phổ thông 9 năm theo quy định phải học một năm dự bị trước khi vào đại học.

Nhưng do tình hình và yêu cầu chung, họ được tuyển vào đại học ngay, một số khoảng mười người được gửi đi nước ngoài. Ai cũng lo khó mà theo học được, nhưng thực tế họ đã vượt lên, và nhiều người đạt thành tích cao. Đó là nhờ truyền thống cần cù, tinh thần khát khao vươn lên, nhất là đã quen với phương pháp tự học của người học sinh kháng chiến.

Năm học 1955 có nhiều thay đổi về lãnh đạo trường. Thầy Nguyễn Văn Thu được Bộ điều động đi viết sách giáo khoa một thời gian⁽⁵⁾, công việc Hiệu trưởng trường do thầy

⁽⁵⁾ Hoàn thành công việc viết sách GK, 1956 thầy Nguyễn Văn Thu trở lại trường giảng dạy. Khoảng cuối học kỳ, thầy chuyển về Hà Nội làm chuyên viên (sau làm giám đốc) thư viện Khoa học Nhà nước. Được hợp lý hóa gia đình (vợ, con đã chuyển từ Phú Thọ về), thầy có điều kiện thuận lợi hơn để chăm sóc sức khỏe (chữa chứng đau đầu, “vừa vất vả vừa đầu nhưc” như thầy vẫn nói).

Nguyễn Văn Hoàn đảm nhiệm theo quyết định của Bộ. Sang học kỳ II, thầy Hoàn chuyển ngành sang công tác nghiên cứu Văn học, Ty Giáo dục Thái Nguyên chỉ định thầy Chu Thế Kỳ phụ trách trường. Sau đó thầy Kỳ có quyết định chính thức cử làm Hiệu trưởng.

Ngay từ khi chưa phụ trách chung, thầy Chu Thế Kỳ đã trực tiếp giúp thầy Hiệu trưởng Nguyễn Văn Thu lo việc tìm địa điểm mới và xây dựng trường sở. Địa điểm không hiểm trở, phải đủ không gian để đáp ứng yêu cầu về phòng học, văn phòng, phòng thí nghiệm, nhà tập thể giáo viên, ký túc xá học sinh nội trú, hội trường, sân tập trung, sân bãi thể thao v.v... Thầy Kỳ cùng các cộng sự đã bỏ nhiều công sức. Sau nhiều buổi leo đồi lội suối nhễ nhại mồ hôi khảo sát các vùng quanh thị xã, và sau nhiều lần trình báo, xét duyệt, Khu tự trị Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên quyết định cho trường được xây dựng tại địa điểm hiện nay mà lúc đó chỉ là 3 quả đồi bát úp, lơ thơ sim, mua, cỏ dại và dây dó lác đác vài cái mả nên nhiều thầy cũng sợ. Trường quyết định ưu tiên dành quả đồi thấp cạnh con đường đất Kép-Le và cạnh con đường mòn vào xóm Cầu Tre làm nơi dựng các lớp học, Lúc đầu các lớp học đều làm bằng tranh, tre, nứa, lá, nhưng làm chắc chắn, rộng rãi, thoáng đãng, cửa sổ chấn song đều có cánh phen, xung quanh lớp có hiên rộng, lan can bao quanh. Văn phòng trường làm ở dưới chân đồi... Hầu hết các thầy, cô giáo là người ở vùng xuôi, không có gia đình ở thị xã Thái Nguyên. Khu tập thể giáo viên, công nhân viên đầu tiên bằng tranh, tre, nứa, lá được xây dựng ở quả đồi bên cạnh đồi lớp học... Nhiều người, nhất là các cô rất e ngại ở trên đám "tha ma, mộ địa". ...Khu tập thể học sinh cũng hình thành vì hồi bấy giờ trường được giao nhiệm vụ tiếp nhận và

nuôi dạy một số học sinh miền Nam tập kết và vượt tuyển⁽⁶⁾ mà con số lúc cao điểm là 75 người. Về sau lại cố gắng kết hợp tổ chức nội trú cho học sinh cấp 3 miền núi ở các tỉnh trong Khu tự trị như Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn về học...”

Theo thầy Nguyễn Đình Khâm “Trên đồi hoang vắng có một túp lều của hai bà cháu. Cạnh túp lều có một cây mận. Túp lều dời đi nhưng cây mận được giữ lại. Khi trường vừa dựng xong thì cũng là lúc cây mận nở những bông hoa đầu tiên. Bà cụ đã ở trong túp lều trước đó kể lại rằng bà đã trông đợi bao nhiêu năm mà cây mận vẫn chưa ra hoa. Đến nay, trường vừa xây dựng xong thì mới thấy những bông hoa đầu tiên đó. Thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên hàm chứa một tứ thơ rất hay, thầy Nguyễn Đình Khâm đã dựa vào tứ thơ đó để soạn ra bài “Cây mận nở hoa”. Bài hát chỉ đơn giản kể lại câu chuyện về sự hòa hợp (6b) giữa trời đất và con người.

Năm học 1956 - 1957 khai giảng ở ngôi trường mới, phong quang, bề thế, khang trang. Trường được sự quan tâm rất lớn của tỉnh và Khu tự trị Việt Bắc, được giúp đỡ kịp thời và trong giới hạn cao nhất mỗi khi trường đề đạt yêu cầu. Ty giáo dục luôn đi sát chỉ đạo về mọi mặt. Khu Đoàn thanh niên, tỉnh Đoàn thanh niên coi trường Lương Ngọc Quyến là

⁽⁶⁾ Học sinh miền Nam dưới chế độ Ngô Đình Diệm không chấp nhận hiện trạng nên đấu tranh đòi được ra miền Bắc. Chính quyền miền Nam buộc phải chấp thuận theo điều khoản quy định trong Hiệp định Giơ-ne-vơ. Học sinh vượt tuyển học ở trường Lương Ngọc Quyến đều là nam giới, người Sài Gòn. (Chu Thế Kỳ - “Một thời để nhớ” tập 2, tr. 28, 29).

^(6b) Do quy hoạch xây dựng mới, cây mận không giữ được. Năm 2005), Hội cựu HS LNQ ở Hà Nội đã trồng lại được “CÂY MẬN HUYỀN THOẠI” này kịp đón mừng mùa xuân 2006, kỷ niệm 60 năm thành lập trường hướng về một tương lai tốt đẹp”

cơ sở có phong trào nhảy bén, sôi nổi mạnh mẽ nhất, là nơi chỉ đạo thí điểm điển hình các chủ trương lớn.

Năm 1956, thầy Lương Vĩnh Khang Bí thư chi đoàn thanh niên giáo viên được bầu vào Ban chấp hành tỉnh đoàn Thái Nguyên (lúc này đồng chí Nguyễn Tiên Phong làm bí thư). Đây cũng là thời gian trường cấp II – III Lương Ngọc Quyến thực sự xây dựng về mọi mặt, từ bộ máy lãnh đạo, cơ sở Đảng, biên chế giáo viên, công nhân viên, các tổ chức, đoàn thể của thầy, của trò...

Việc xây dựng các tổ chức Hiệu đoàn và Chi đoàn trong học sinh được nhà trường và tổ chức cơ sở Đảng quan tâm đặc biệt. Dựa vào sự điều tra khảo sát nhiều nguồn, trường và đoàn thể chỉ định một hệ thống cán bộ lâm thời. Khoảng 1 tháng sau tiến hành dần các đại hội từ lớp đến trường. Không khí đại hội rất rầm rộ, sôi nổi, nhất là trong dịp bầu Ban chấp hành Hiệu đoàn. Làm sao bầu được những người đại diện xứng đáng cho nhiều thành phần học sinh, khả dĩ không thua kém lắm so với lớp cán bộ Hiệu đoàn và Chi đoàn rất giỏi về mọi mặt, chững chạc về tư thế, gương mẫu, chuẩn mực về đạo đức tư cách – họ vừa tốt nghiệp ra trường cuối năm trước⁽⁷⁾? Qua những cuộc hội họp tuyên truyền vận động bằng nhiều hình thức cuối cùng các đại hội lần lượt diễn ra và thu được kết quả tốt.

Tất cả dần đi vào ổn định, hoạt động nền nếp, có chiều sâu chất lượng, bắt đầu từ năm học thứ nhất thực hiện

⁽⁷⁾ Như các anh Kiều Tuân, Chữ Văn Tàn, Nguyễn Đậu, Nguyễn Nha, Trần Quán Anh; đảng viên Bằng Minh Châu, v.v... Sau này họ đều phần đầu học tập để có trình độ tri thức cao, giữ cương vị công tác tương xứng và có đóng góp đáng kể.

chương trình cải cách giáo dục ⁽⁸⁾.

Bước đầu chuẩn bị thực hiện cải cách giáo dục lần thứ hai (1956) là các trường học thêm một học kỳ chuyển tiếp, coi như học kỳ III của năm học kéo dài 1955 – 1956, để từ đó biên chế năm học trở lại như trước 1952 (tức không đồng nhất với năm tài chính dương lịch). Trong học kỳ này, các lớp sẽ học bổ sung một số kiến thức mà chương trình phổ thông 9 năm không có. Ngoài ra về căn bản quy chế giáo dục vẫn như trước. Cuối học kỳ các lớp đã tổ chức thi học kỳ I theo từng môn học do giáo viên bộ môn phụ trách. Hết cấp II không có kỳ thi tốt nghiệp, học sinh đủ điểm được lên thẳng lớp 8 của trường.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, ngành giáo dục đứng trước tình hình có hai hệ thống nhà trường cùng tồn tại, mỗi hệ thống đều có những ưu điểm, nhược điểm riêng, cần xử trí một cách hợp lý khi tiến hành thống nhất lại (theo tinh thần nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa 11, 3 – 1955). Lý do quan trọng tất yếu nữa của cuộc cải cách này là nhiệm vụ cách mạng đã thay đổi. Cho nên cuộc CCGD (cải cách giáo dục) 1956 vừa mang tính *cải cách* thực sự, vừa bao gồm những điều chỉnh có tính chất *cải tiến*.

Sau khi nghiên cứu (kể cả có tham khảo nền giáo dục Liên Xô), đề án cải cách giáo dục đưa ra mô hình trường phổ thông 10 năm thay cho loại hình trường phổ thông 9 năm ở vùng tự do và trường phổ thông 12 năm vùng tạm chiếm cũ. Hệ thống 12 năm còn mang nhiều tàn tích giáo dục thực dân. Hệ thống 9 năm thì kiến thức quá thấp, thiếu

⁽⁸⁾ Đề án cải cách giáo dục được Chính phủ nước VNDCCH thông qua tháng 5 – 1956, triển khai thực hiện từ năm học 1956 – 1957 trở đi và kết thúc vào khoảng 1960.

cập nhật hiện đại, thiếu những môn cần thiết như ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục thẩm mỹ. Cấu tạo chương trình chưa hợp lý lắm nhất là về mặt sư phạm.

Cấu trúc hệ thống 10 năm như sau:

* Võ lòng = 1 năm

* Cấp I = 4 năm

* Cấp II = 3 năm

* Cấp III = 3 năm

Cuối cấp I và cấp II học sinh phải thi hết cấp, cuối cấp III thi tốt nghiệp phổ thông. Thời gian thực học từ 33 đến 35 tuần cho mỗi năm học, số tiết học ở cấp II, III mỗi tuần là 29 – 30 tiết.

Chương trình học được thiết kế theo quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, nhằm từng bước bồi dưỡng cho học sinh thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, và quán triệt nhiệm vụ chính trị của Đảng, Chính phủ trong giai đoạn cách mạng mới.

Nội dung chương trình mang tính toàn diện bao gồm bốn mặt giáo dục: Đức, Trí, Thể, Mỹ. Phân tích mối quan hệ giữa bốn mặt giáo dục này, Đại hội giáo dục phổ thông toàn quốc họp tháng 3 – 1956 đã xác định: “Trí dục là cơ sở”.

Công tác biên soạn sách giáo khoa đã được tiến hành khẩn trương, và thường xuyên được bổ sung, chỉnh lý.

Đối với trường Lương Ngọc Quyến, việc triển khai cải cách giáo dục không gặp những vấn đề phức tạp (như với các trường cũ ở vùng mới giải phóng). Vẫn là quan điểm tư tưởng cơ bản: giáo dục phục vụ chính trị, kết hợp với lao động sản xuất, lý luận liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành, kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và hoạt động xã hội.

Những “điều chỉnh” lớn về nhiệm vụ chính trị và mục tiêu

giáo dục là tất yếu căn cứ trên hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng đề ra cho miền Bắc⁽⁹⁾. Cụ thể là:

- Giáo dục có nhiệm vụ phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng miền Bắc vững mạnh, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà (“Điều chỉnh” lớn so với nhiệm vụ mà Cải cách giáo dục lần I, 1950 đề ra);

- Mục tiêu giáo dục: Đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người phát triển về mọi mặt, những công dân trung thành, những người lao động tốt, có tài, có đức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta.

Là một nhà trường sinh ra và trưởng thành trong kháng chiến, trường trải qua quá trình đấu tranh để xác định nguyên lý, phương châm giáo dục mới, loại trừ quan niệm mơ hồ phi chính trị, phi giai cấp của giáo dục, đến nay vấn đề quán triệt quan điểm tư tưởng của cải cách giáo dục nói chung không xa lạ. Một số ít giáo viên mới vào nghề trên nền giáo dục phổ thông vùng mới giải phóng, khi đến trường được sinh hoạt trong các tổ chuyên môn gồm những đồng nghiệp có bề dày kinh nghiệm ở trường kháng chiến nên nhanh chóng bắt kịp yêu cầu, nhất là ý thức và thao tác giáo dục tư tưởng qua môn học, bài học, cũng như khai thác, tận dụng cơ hội vận dụng tri thức khoa học vào thực tiễn một cách hợp lý. Tuy nhiên những năm đó tình hình trong nước và thế giới có những vấn đề phức tạp tác động xấu đến uy tín của Đảng ta và chế độ XHCN ở các nước bạn. Cụ thể là:

- Những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ

⁽⁹⁾ Đó là:

- Xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn hậu thuẫn cho miền Nam hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ,
- Chuẩn bị từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

chức;

- Những va vấp trong cải tạo giai cấp tư sản thành thị;
- Mất mùa, vỡ đê Mai Lâm;
- Không có hiệp thương tổng tuyển cử sau 2 năm như Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định (do Mỹ - Diệm phá hoại);
- Sự phá hoại, phản ứng của bọn phản động tay sai Mỹ - Diệm còn lại ở miền Bắc;
- Đại hội lần thứ 20 Đảng cộng sản Liên Xô công bố sai lầm của lãnh tụ Stalin (tệ sùng bái cá nhân cùng những hệ lụy); nêu vấn đề ‘quá độ hòa bình lên CNXH’.
- Vụ Pô-zơ-nan (Ba Lan) và vụ chống đối ở Hunggari (không muốn đi theo con đường xã hội chủ nghĩa)... khiến một bộ phận trí thức, văn nghệ sĩ nước ta (trong đó có những phần tử lạc hậu phản động) tập hợp xung quanh tờ báo “Nhân văn” và các tạp chí “Giai phẩm mùa thu”, “Giai phẩm mùa xuân”, ở trường đại học (Sư phạm và Tổng hợp) có tờ “Đất mới”, tạo nên một trào lưu chống đối chế độ.

Do vậy ngành giáo dục và trong đó cả trường Lương Ngọc Quyến không tránh khỏi những khó khăn nhất định.

“Trào lưu Nhân văn” tai hại hơn ở chỗ nó mở rộng nhân sự chi phối nhiều cơ quan xuất bản, ngôn luận, truyền thông, lũng đoạn dư luận, khiến cho không chỉ văn nghệ sĩ mà cả giới trí thức, sinh viên, học sinh và nhân dân bị ảnh hưởng tiêu cực. Ngoài trừ một số sách báo có dụng ý chống đối chính trị rõ ràng mà chúng ta dễ nhận biết và gạt bỏ, còn rất nhiều sách báo, phim ảnh, tác phẩm văn nghệ trên đài phát thanh... chứa đựng nội dung suy đồi, duy tâm thần bí, gieo rắc tư tưởng bi quan yếm thế, lãng mạn mộng mơ, chủ nghĩa hưởng thụ cá nhân ích kỷ...

Trong bối cảnh ấy, trường cấp II – III Lương Ngọc Quyến, như một mảnh gương, không quá lớn, nhưng cũng

rất nhạy cảm để phản ánh ít nhiều dáng nét thời cuộc ⁽¹⁰⁾.

Thực ra không phải tất cả những biểu hiện đó đều là xấu, mà chủ yếu chỉ vì xuất hiện vào thời điểm không thích hợp.

Trong giai đoạn đấu tranh phức tạp, cần tập trung tinh lực cho hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng thì lực lượng này lại gây tác động ngược lại.

Giữa lúc đất nước chia cắt đau thương, nhân dân lao động vất vả, thiếu đói, họ lại say sưa với những khuynh hướng tư tưởng tình cảm xa lạ. Tất cả những biểu hiện của tình hình trên đều bắt nguồn từ nguyên nhân sâu xa là cách mạng nước ta đã chuyển giai đoạn, mục tiêu, đối tượng, nội dung, tính chất, phương pháp đấu tranh đã thay đổi. Những thế lực chống đối cần loại trừ. Những gì chưa thích nghi cần cải tạo, giáo dục. Hàng ngũ cách mạng cần xốc lại nghiêm chỉnh. Vì vậy Bộ chính trị Đảng Lao động Việt Nam đã chỉ thị phải xử trí vụ Nhân văn – Giai phẩm một cách triệt để, đồng thời tiến hành những đợt giáo dục chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, đặc biệt là tầng lớp văn nghệ sĩ, trí thức các ngành có liên quan. Cuộc đấu tranh phê phán tiến hành từ cuối 1956 đến cuối 1957 đã thu được kết quả bước đầu, tiếp tục và căn bản kết thúc thắng lợi vào năm 1958.

II. Trong ngành giáo dục, cuộc đấu tranh tư tưởng diễn ra

⁽¹⁰⁾ – Ví như khi ngoài rạp chiếu phim “Tiếng hát trái tim” (của nước ngoài) khá “ướt át tình cảm”, thì mấy hôm sau bài hát chính trong phim vang lên rất thích thú đây đó trong trường, và tờ báo tường của một lớp đã ngang nhiên lấy tên là “Tiếng hát trái tim” với hình vẽ minh họa rất gợi cảm.

- Những sáng tác văn, thơ nghiệp dư của học sinh trên báo tường, hoặc đóng thành tập (chép tay) cũng xoay quanh những chủ đề tương tự như thầy ngoài xã hội: “Đêm”, “Trai gái yêu nhau”, “Mối tình đầu” ...

- Có sáng tác (bản thảo) nhìn xã hội bằng con mắt đen tối...

trong khuôn khổ cuộc vận động xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa (từ năm học 1958 - 1959). Hè 1958, Bộ tổ chức lớp học chính trị tập trung cho 3200 giáo viên cấp II và cấp III toàn miền Bắc tại Hà Nội, tài liệu học tập là: “Phấn đấu xây dựng nhà trường XHCN” (NXB Giáo dục 1958), nhằm xác định dứt khoát lập trường tin theo Đảng Lao động Việt Nam, con đường tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Do vậy, nhà trường phải là công cụ của chuyên chính vô sản phục vụ cho cách mạng Xã hội chủ nghĩa. Lớp học mang tính chất chính huấn, một cuộc đấu tranh tư tưởng thực sự.

Tham dự lớp học hè 1958, giáo viên Lương Ngọc Quyến đã liên hệ phân tích tình hình thực tế của trường mình trong những năm qua dưới ánh sáng tư tưởng chính trị và quan điểm giáo dục đã xác định. Mọi người đều nhận rõ những biểu hiện thiếu lành mạnh, lệch lạc đây đó trong một bộ phận thầy và trò và đã phê phán có lí, có tình.

Từ năm học 1958 – 1959, cùng với toàn ngành giáo dục, trường Lương Ngọc Quyến đã chuyển biến sâu sắc. Một khí thế rầm rộ chưa từng có, sôi động ở cường độ cao, duy trì suốt thời kỳ dài.^(10b)

Biểu hiện rõ rệt nhất là khí thế đấu tranh cho công cuộc thống nhất đất nước, lúc này là hướng vào chủ đề nóng hổi: tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam. Từ những vụ Hướng Điền, Duy Xuyên trả thù hàng loạt người kháng chiến cũ, vụ tra tấn hành hạ tàn bạo điển hình đối với chị Trần Thị Lý, đến đỉnh cao là vụ đầu độc dã man thảm sát hơn 1000 tù nhân ở trại giam Phú Lợi.

Trường Lương Ngọc Quyến đã phát động đấu tranh chính trị dưới nhiều hình thức. Mít tinh, biểu tình tuần hành

^(10b) Bồng bột trào sôi (1958 - 1960), định hướng tập trung (1960 - 1964), đặc biệt bốc cao (1964 - 1972), tiếp tục nhiệt tình (1975 - 1980).

trong trường và ngoài thị xã Thái Nguyên. Hát, đọc thơ (về từng chủ đề cụ thể) trên Đài truyền thanh tỉnh. Treo băng d'rôn, biểu ngữ ở trường, lớp, đính khẩu hiệu bướm trên vai, mũ nón. Tất cả các lớp đều dùng tiết 'thời sự văn học' để giảng 2 bài thơ 'Người con gái Việt Nam' (về chị Trần Thị Lý) và 'Thù muôn đời muôn kiếp không tan' (về Phú Lợi). Nhiều tiết giảng gây được hiệu quả cao trong việc truyền cảm xúc đau thương sâu và ý chí căm thù mạnh, nhất là với anh chị em học sinh miền Nam nước. Toàn trường luôn xúc động hướng về miền Nam, day dứt về tình trạng chia cắt đất nước vì tội ác của Mỹ Diệt ngày càng gia tăng từ khi luật 10/59 ra đời. Nhà trường đã thực sự quán triệt nhiệm vụ chính trị cơ bản của cách mạng trong giáo dục nội khóa và ngoại khóa theo tinh thần các chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng (số 125 CT/TW ngày 30 - 1 - 1959) và của Bộ giáo dục.

Biểu hiện lớn thứ hai trong cuộc vận động xây dựng nhà trường XHCN ở Trường Lương Ngọc Quyến là cao trào thực hiện một nội dung của nguyên lý giáo dục: học tập kết hợp với lao động sản xuất. Đã có sự thông suốt từ các cấp lãnh đạo Đảng, nhà nước, ngành giáo dục đến cơ sở trường đối với vấn đề này. Đó là nhận thức sáng tỏ và niềm tin dứt khoát rằng, đây là hạt nhân cơ bản của toàn bộ nguyên lý giáo dục. Học tập kết hợp với lao động sản xuất là phương pháp duy nhất để hình thành con người toàn diện (theo tinh thần ý kiến của K. Mác). Chính vì vậy nên việc đưa lao động vào trường cấp II, cấp III đã trở thành phong trào rộng khắp toàn miền Bắc với khí thế rầm rộ. Với trường Lương Ngọc Quyến, cao trào lao động, sản xuất vừa có chiều sâu, vừa có bề nổi, vừa được duy trì dài lâu. Từ chủ trương chung của lãnh đạo nhà trường, triển khai qua tổ chức phân công xác

định chức năng phụ trách, qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm, phối hợp nhịp nhàng với tổ chức Hiệu đoàn, Chi đoàn học sinh... Có thể xem như một phong trào quần chúng được phát động, khơi dậy mọi khả năng tiềm tàng của thầy và trò trong trường. Tinh thần làm chủ được đánh thức, bao nhiêu nghĩ suy trăn trở ngày đêm, bao nhiêu sáng kiến bùng nổ, bao nhiêu việc làm âm thầm bền bỉ hoặc táo bạo đột xuất đem lại những kết quả bất ngờ làm nức lòng thầy trò và niềm phấn khởi ngỡ ngàng của xã hội!

Về tổ chức, năm 1958 thầy Hiệu trưởng Nguyễn Đình Khâm đi học nước ngoài, thầy Hiệu phó Lương Vĩnh Khang phụ trách thay đã liên hệ chặt chẽ, đúng nguyên tắc với các tổ chức Đảng (do đồng chí Bùi Đình Khoát làm tổ trưởng), Công đoàn (do thầy Nguyễn Như Ất làm thư ký) để điều hành mọi công việc. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác lao động, lãnh đạo trường đã phân công thầy Vũ Đình Liên làm giáo viên chủ nhiệm lớp 10C thay thầy Trịnh Văn Vải chuyển sang phụ trách lao động. Thầy Vải đã chỉ huy bao quát và sâu sát hoạt động lao động ở quy mô trường cũng như từng đơn vị lớp.

Hàng tuần các lớp đều có buổi lao động xây dựng trường sở. Theo quy hoạch nội tại, trường phải tự làm đường đi rộng rãi, ngay ngắn, hợp lý, phải tạo sân vận động rộng lớn đủ kích thước sân bóng đá bằng phẳng (sân vận động của trường chính là địa điểm bên ô tô Thái Nguyên hiện nay), phải trồng cây hai bên đường mới, quanh lớp học, xen với ô đất trồng hoa... Tất cả đều do công sức, mồ hôi của thầy và trò suốt mấy năm liền từ ngày trường chuyển về địa điểm này. Rất vất vả nhưng học sinh lao động trong không khí hội hè. Ngày hoàn thành một đợt lao động dài chẳng khác ngày đại lễ hội: 2 đoàn học sinh ở hai bờ đất do thầy Hiệu trưởng

và thầy trưởng ban lao động dẫn đầu, trống giông cò mở, cả nghìn người reo hò ủa ra vùng đất đồi mới được san bằng hòa vào nhau tượng trưng Nam – Bắc đã nối liền.

Trước năm học 1958 – 1959, trường mới dựa vào lợi thế gần vùng đồi hoang nên tiến hành lao động sản xuất nông nghiệp theo đặc điểm trung du là vỡ đất trồng sắn, trồng dứa. Nay hoạt động lao động có bước nhảy vọt với rất nhiều hình thức phong phú, đạt hiệu quả kinh tế nhất định, và chủ yếu mang ý nghĩa giáo dục – đào tạo. Trời đông rét mướt, các thầy giáo cùng học sinh vẫn xắn quần lội ruộng, xắn tay áo bón phân cho mạ. Sẵn trình độ tri thức sinh học, thầy Nguyễn Như Át cùng với một số thầy giáo và học sinh nghiên cứu làm ruộng thí nghiệm cao sản ở Đồng Quang. Biện pháp kỹ thuật lúc đó là cấy dày 5x5x20cm, thẳng hàng theo hướng đông – tây (gọi là “song long quá hải” – đôi rồng qua biển). Kỹ thuật này được nông dân xã Đồng Quang học tập và áp dụng. Gặp trời hạn, trường huy động gần như toàn thể học sinh gánh nước từ sông Cầu đổ vào ruộng tưới lúa (quãng đường phải vượt chừng 3km), mệt nhọc mà rất vui. Nhân dân thán phục trước một việc chưa từng thấy bao giờ! Thầy Át hướng dẫn một nhóm phụ trách trông, chăm sóc cây trong vườn trường. Có đủ loại cây đại diện các họ, các chủng loại. Cũng thực hành chiết, ghép, thực nghiệm khoa học (lúc đó đang thịnh hành lý thuyết Litxencô và kinh nghiệm Mitsurin). Thầy Hồ Đình Đăng dạy Địa lý đã hướng dẫn học sinh lao động xây dựng vườn địa lý, bao gồm những thiết bị chuyên dùng và tự tạo. Hàng ngày thầy trò làm việc ở vườn: quan sát mây, hướng gió, đo tốc độ gió, đo độ ẩm không khí... rất hào hứng.

Học sinh khối cấp III còn đi lao động ở mỏ than Quán Triều và mỏ than Làng Cẩm. Tuy chỉ tham gia trực tiếp vào

những công việc chân tay giản đơn như “bóc” đất đá tầng trên, hoặc khai thác than lộ thiên, nhưng cơ hội thâm nhập vùng mỏ, gần gũi người công nhân mỏ đã đem lại cho học sinh những bài học tư tưởng, tình cảm mới mẻ.

Hàng năm vào vụ gặt mùa, trường đưa học sinh đến giúp dân các xã thu hoạch lúa. Đồng bào vùng huyện Phú Lương hồi đó trồng nhiều nương sắn. Thời vụ đến cần thu hoạch gấp, nếu để quá thời gian củ sắn sẽ cho ít bột. Thế là trường lại được huy động đi giúp đồng bào xã Cổ Lũng cả tuần lễ.

Được sự chỉ đạo và giúp đỡ của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Phan Văn Tỉnh, Trường Lương Ngọc Quyến đã kết nghĩa với Trường dạy nghề quân đội 382. Từ đó, một số lớp học sinh hàng tuần đến học các nghề gò, hàn, nguội, tiện, cơ khí, điện... Nhiều học sinh rất ham mê và đã rèn luyện được tay nghề bước đầu, về dạy lại cho các bạn ở trường và tự làm được một số việc có ý nghĩa. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cũng giúp đỡ việc thành lập một xưởng trường với những thiết bị thủ công thông thường làm cơ sở giáo dục lao động cho học sinh, lại cấp cho một chiếc xe Jeep (ô tô chiến lợi phẩm) cũ để học về máy nổ. (Thầy Phạm Khang dạy Hóa cùng mấy học sinh miền Nam đã tu sửa cho chạy thử trong khu vực trường rồi cao hứng chạy thẳng ra thị xã lượn một vòng qua mấy phố reo hò phấn khích!) Có thể nói chính đồng chí Phan Văn Tỉnh là người lãnh đạo Đảng cao nhất tỉnh đã quan tâm rất sâu sắc và chỉ đạo sát sao vấn đề thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong nhà trường. Có những việc làm chủ động của các lớp rất đáng ghi nhận, một khi đường lối xây dựng nhà trường XHCN đã thấm nhuần, biến thành ý chí của thầy trò.

Lớp 10A (1958 - 1959), do thầy Lê Văn Bài làm chủ nhiệm, thầy rất nhiệt tình, khơi dậy và khuyến khích mọi

sáng kiến cá nhân, tạo điều kiện để thực hiện đến cùng những việc làm hay. Sáng kiến táo bạo mà anh Lê Công Thanh đề xuất trước phân đoàn Thanh niên Lao động là làm một lò đúc gang. Trong lớp không có ai hay biết gì về công việc, không hình dung được cái lò ấy ra sao. Bàn bạc sôi nổi trong khí thể tiến công, cuối cùng Phân đoàn thanh niên 10A quyết định làm. Lê Công Thanh xung phong đảm trách. Anh loay hoay vẽ bản thiết kế, sùng sục lao đi tìm người tư vấn. Rồi tự tay chế tạo các bộ phận của bể thổi lửa bằng cánh quạt quay tay. Có nhiều việc phân đoàn cử đoàn viên cùng anh Thanh đến xưởng cơ khí quân đội xin vật liệu và nhờ máy móc, dụng cụ của xưởng, nhờ cán bộ kỹ thuật và công nhân hướng dẫn làm. Cuối cùng một lò đúc thủ công rất nhỏ như một mô hình giáo cụ trực quan ra đời và hoạt động ngay trong khuôn viên trường. Cũng có đủ: lò nấu gang, bể thổi lửa, khuôn cát, gang vụn, than cốc... Tuy vậy còn rất nhiều khó khăn. Mất nhiều ngày vất vả với 3, 4 lần thất bại. Cả trường động viên. Tổ đảng của trường quan tâm, đến tận nơi chỉ đạo, khích lệ. Không ai nản lòng, tất cả hạ quyết tâm: đúc thành công một lưỡi cày trước khi nghỉ, nếu cần ở lại ăn tết ngay bên lò đúc! Kiên trì tham khảo sự hướng dẫn kỹ thuật của cán bộ chuyên môn, mẻ đúc thứ 5 đã thành công như ý! Sau 3 ngày đêm liên tục thay nhau quay bể, thao tác nấu gang, đổ khuôn... chiếc lưỡi cày 51 hiện ra trong tiếng reo vui đến nổ trời của tập thể lớp 10A!

Lớp 10B, thầy chủ nhiệm Hoàng Mạnh Kha cùng học sinh xây dựng một lò rèn thủ công, cũng làm được những dụng cụ lao động đơn giản. Lớp 10C với sự hướng dẫn trực tiếp của thầy phụ trách lao động toàn trường Trịnh Văn Vải đã xây lò thủ công cải tiến và luyện than cốc thành công. Như vậy là toàn khối lớp 10 anh cả của trường đã hăng hái

đi đầu phong trào học kết hợp với lao động sản xuất.

Các lớp khác tùy theo điều kiện mà tổ chức những hoạt động sản xuất riêng. Khối cấp II hướng vào việc làm phân bón từ rác thải hoặc phân đất hun để trồng khoai, sắn. Học sinh lớp 9C đọc báo hay tin Trung Quốc làm bơm nước chạy bằng sức gió, liên hệ đến cảnh toàn trường gánh nước sông Cầu tưới ruộng, bèn đề xuất với thầy giáo chủ nhiệm Phạm Khang cho chế tạo máy bơm nước như thế. Nhân chuyến tham quan xưởng quân giới, các anh xin hai chiếc vỏ đạn đại bác và một số ống thép về chế tạo kiểu bơm hai xi-lanh, có hệ thống van, có cần đẩy tay, cánh quạt gió... Dem chạy thử bơm nước vào ruộng thí nghiệm, cánh quạt gió quay, nhưng nước không lên. Nhờ một đồng chí ở xưởng quân giới góp ý, các anh đã chỉnh lại. Đây cũng là sản phẩm của óc sáng tạo đầy tính lãng mạn, của lòng kiên nhẫn trong lớp học sinh say mê, tin tưởng hướng vào sự nghiệp xây dựng nhà trường XHCN.

Nhìn chung Trường Lương Ngọc Quyến từ năm học 1958 – 1959 có bước chuyển đột biến trong việc thực hiện nguyên lý, phương châm giáo dục mà hạt nhât cơ bản là kết hợp học tập với lao động sản xuất. Hiệu quả giáo dục là rất lớn, đã tạo được niềm tin trong nhận thức, tinh thần quý trọng và làm quen với một số kỹ năng lao động chân tay, có vận dụng tri thức đã học về các mặt nông nghiệp, công nghiệp thông thường. Họ nhận rõ lao động có ý nghĩa cơ bản trong việc bồi dưỡng, đào tạo con người mới XHCN.

Tuy nhiên chúng ta đã không tránh khỏi những sai lầm, hạn chế (có tính lịch sử). Quan niệm về nguyên lý giáo dục có phần cực đoan, cường điệu, và thực hiện lại giáo điều, đơn giản hóa, áp dụng đồng loạt ... nhất là việc học tập kinh nghiệm các nước xã hội chủ nghĩa (gần nhất là phong trào

“cần, công, kiệm, học” của Trung Quốc) một cách máy móc. Thực tế là ở trường Lương Ngọc Quyến nhiều khi hoạt động lao động lấn át hoạt động dạy và học (cả về thời gian, cường độ và khí thế. Lắm khi học sinh vắng mặt giờ lên lớp chính khóa tới $\frac{1}{4}$ số lượng, và dùng tất cả thời gian ban ngày còn lại để lao động). Muốn đảm bảo chất lượng trí dục, thầy trò chỉ còn cách tăng cường độ dạy và học, lần thời gian nghỉ đêm... một cách không bình thường đối với nền nếp hoạt động nhà trường. Nhiều loại hình lao động không nằm trong nội dung của nguyên lý giáo dục đã bị lạm dụng tràn lan. Đây là tình trạng chung của hầu hết các trường cấp II – III toàn miền Bắc, trường càng lớn, phong trào càng mạnh thì sự lệch lạc, mất cân đối giữa các mặt giáo dục càng rõ. (Ví như trường phổ thông cấp III A Hà Nội đã trao tặng trường kết nghĩa Lương Ngọc Quyến một chiếc nồi nhôm đúc từ xưởng trường. Anh Hiệu đoàn trưởng báo cáo trong buổi giao lưu: tất cả học sinh đều trồng trọt tại gia đình, nhà ở phổ thì treo đất lên trong thùng, trong chậu mà trồng rau).

Chính vì vậy, sang năm học 1959 – 1960, Bộ Giáo dục đã chỉ đạo các trường điều chỉnh theo thông tư ngày 6-8-1959: Hợp lý hóa công tác giáo dục lao động, đặt vấn đề lao động theo hướng giáo dục kỹ thuật tổng hợp, khắc phục khuynh hướng chỉ thấy lợi ích kinh tế; Điều hòa các mặt học tập, lao động, sinh hoạt và công tác trong nhà trường (ngoài 25 tiết lên lớp chính khóa, mỗi tuần chỉ có 1 buổi lao động, 1 buổi hoạt động ngoại khóa, 1 buổi dạy bổ túc văn hóa).

Từ cuối năm học 1958 – 1959, Bộ đầu tư cho trường Lương Ngọc Quyến một ban lãnh đạo xứng tầm với một đơn vị tiêu biểu của khu vực (trong chủ trương chung tăng cường cho cơ sở những cán bộ nòng cốt). Thầy Nguyễn Huy Ái về

làm Hiệu trưởng (tháng 3 - 1959), thầy Nguyễn Quang Ân về làm Hiệu phó cùng thời gian này. Kế thừa một di sản đang chuyển động tích cực, Ban giám hiệu mới đã sáng suốt hướng các hoạt động đầy khí thế cách mạng vào nền nếp hợp lý. Ban lãnh đạo mới của trường đang ở độ tuổi 30, rất hăng hái, năng động, và từng qua công tác quản lý chuyên môn, từng tham gia cấp ủy trong công tác Đảng. (Thầy Nguyễn Huy Ái có thời gian làm việc ở Khu giáo dục Liên khu IV, Nha giáo dục phổ thông của Bộ, Phó trưởng ty giáo dục tỉnh Hà Tĩnh).

Việc rất quan trọng cần tiến hành ngay là xây dựng cơ sở Đảng. Vấn đề xây dựng chi bộ Đảng ở các trường phổ thông, đặc biệt ở trường cấp III được Trung ương Đảng đặt ra như một yêu cầu cấp bách. Hàng năm, các cấp tỉnh ủy, huyện ủy vẫn chủ trì các hội nghị chuyên đề “chi bộ lãnh đạo toàn diện trường học”. Tại Trường Lương Ngọc Quyến mấy năm qua các đảng viên giáo viên chuyển công tác hết, đảng viên học sinh thì tốt nghiệp ra trường, nên không đủ số lượng ổn định cho một chi bộ. Bây giờ, trường đã có 4 đảng viên, hai đồng chí cũ: Bùi Đình Khoát – nhân viên văn phòng, Lam Điền – nữ y tá miền Nam tập kết phụ trách trạm xá trường, hai đồng chí mới trong Ban giám hiệu

Được sự quan tâm của tổ chức Đảng Ty Giáo dục, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thái Nguyên vào đầu năm 1960 Chi bộ Đảng trường Lương Ngọc Quyến thành lập, bầu đồng chí Nguyễn Quang Ân làm bí thư. Đây là sự kiện quan trọng đánh dấu sự xuất hiện trở lại của tổ chức cơ sở Đảng, giữ vai trò lãnh đạo mọi mặt ở một trường lớn. Hướng tới kỷ niệm 30 năm đấu tranh của Đảng Lao động Việt Nam, Trung ương Đảng đề ra cuộc vận động kết nạp đảng viên mới. Chi bộ trường coi đây là nội dung sinh hoạt

chính trị trọng tâm, tích cực phát triển Đảng, đẩy mạnh phong trào phấn đấu gia nhập Đảng đối với giáo viên và học sinh.

Khác với thời kỳ kháng chiến chống Pháp, bây giờ số học sinh từng tham gia công tác cách mạng đã hoặc sắp được kết nạp Đảng trước khi về trường học tiếp là rất ít. Vì vậy, cuộc vận động kết nạp đảng viên ở trường phổ thông kể cả đối tượng học sinh là một chủ trương mạnh dạn, tạo ra tinh thần, khí thế mới rất sôi nổi, phấn khởi. Chỉ một thời gian ngắn, Chi bộ đã phát triển nhanh chóng trong hàng ngũ thầy và trò. Bên cạnh đảng viên mới là giáo viên trẻ ở độ tuổi trên 20 như cô Nguyễn Thị Bích Ngọc, thầy Đỗ Am có cả thầy giáo đã trên 40 tuổi, từng dạy học từ trước cách mạng tháng Tám 1945, gắn bó nhiều năm với công tác giáo dục Thái Nguyên và Lương Ngọc Quyến – đồng chí Lại Đức Thông. Bác Hoàng Ngọc Quế- người lao công lâu năm của trường cũng được kết nạp Đảng trong thời gian này. Một số học sinh ưu tú là cán bộ Đoàn thanh niên, Hiệu đoàn học sinh được gia nhập Đảng như các anh Nhâm Chấn Hưng, Lê Tân Khoa, chị Nguyễn Thị Phon... và anh Phạm Quốc Chính (cán bộ chuyên trách công tác Đoàn). Các đồng chí giáo viên môn chính trị được phân công về trường (theo tinh thần chỉ thị 125 CT/TW ngày 30/1/1959 của Ban bí thư Trung ương Đảng) cũng làm cho chi bộ tăng thêm về số lượng và chất lượng.

Công tác Đoàn thanh niên Lao động được chú ý hơn. Từ 1958 về trước, trường có một chi đoàn giáo viên (thầy Lương Vĩnh Khang làm Bí thư) và một chi đoàn học sinh (anh Lại Đình Cương làm Bí thư). Từ 1959, theo chủ trương tăng cường công tác Đoàn trong trường cấp III, Trung ương Đoàn Thanh niên lao động phối hợp với Bộ giáo dục tổ chức

hệ thống cán bộ Đoàn chuyên trách. Anh Lại Đình Cường được lấy đi huấn luyện để tham gia công tác này. Về trường Lương Ngọc Quyến là anh Phạm Quốc Chính làm Bí thư Đoàn trường – gồm nhiều chi đoàn của các khối lớp (mỗi khối một chi đoàn) và chi đoàn giáo viên.

Ngoài vai trò làm nòng cốt và phối hợp với Hiệu đoàn trong công tác tự quản của học sinh, Đoàn thanh niên còn giữ vai trò chính phụ trách Đội thiếu niên. Tinh thần chỉ thị số 197 CT/TW ngày 19 – 3 – 1960 của Trung Ương Đảng và nghị quyết Hội nghị lần thứ V Trung Ương Đoàn xác định rõ vai trò chủ đạo của nhà trường trong công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng, đưa công tác Đội vào trường học, biến Đội thành trường học cộng sản chủ nghĩa của tuổi trẻ. Ban chấp hành Đoàn trường cử ra Ban phụ trách Đội thiếu niên gồm các đoàn viên ở những lớp lớn có đạo đức, tư tưởng chính trị tốt, lại có năng khiếu văn nghệ thể thao. Những năm đó Đội thiếu niên đã hoạt động sôi nổi, có nền nếp trong phong trào “kế hoạch nhỏ”, tham gia công tác xã hội, cùng những việc làm có ý nghĩa giáo dục tuổi trẻ. Đội thiếu niên tạo được dấu ấn có màu sắc riêng đáng ghi nhận.

Đoàn TNLD thời kỳ này nêu cao khẩu hiệu: cống hiến thật nhiều cho CNXH. Trung ương Đoàn xây dựng và quản lý một số cơ sở sản xuất mang danh hiệu riêng, một phần vốn cơ bản huy động từ phong trào lao động XHCN của thanh niên và thiếu niên. Hè 1959, Đoàn TNLD trường Lương Ngọc Quyến tổ chức một đợt lao động XHCN lấy tiền ủng hộ quỹ xây dựng nhà máy nhựa Tiên Phong (chủ yếu sản xuất đồ dùng và đồ chơi phục vụ thiếu nhi). Lực lượng tham gia là thanh thiếu niên học sinh từ lớp 6 đến lớp 9, tự nguyện dành một phần thời gian nghỉ hè đi lao động không nhận thù lao riêng. Tất cả tổ chức thành một công

trường, đơn vị lao động là các trung đội (khoảng 30 người một), nòng cốt là những đoàn viên TNLD. Công việc là mở một con đường mới, nhằm phục vụ việc vận chuyển đá vôi khai thác từ Núi Voi đến khu gang thép Thái Nguyên – nguyên liệu cần cho yêu cầu sản xuất của khu công nghiệp lớn nhất miền Bắc mới khởi công xây dựng trước đó. Khi đó khu vực này còn hoang vu, dân ở thưa thớt. Các trung đội dựng lán tranh, tre, nứa, lá để ở. Một số phân tán ở nhờ nhà dân. Cơm tập thể thường xuyên có rau muống, cá khô, đôi khi có đậu phụ, thịt kho lấy nước chấm rau là chính. Nước uống là nước lá rừng – một thứ lá có mùi thơm tựa mùi cơm nếp, hoặc lá vối tươi. Công việc đào đất, gánh đất, san lấp mặt đường... nặng nhọc giữa trời hè tháng 6 nắng như đổ lửa. Các trung đội nhận mức giao khối lượng từng ngày, thi đua hoàn thành vượt mức. Ai nấy đều tự giác làm việc hết mình. Gian khổ nhất là mấy em nữ sinh Lào, từ bé được nuôi ăn học ở trường nội trú, không quen lao động với cường độ cao. Chỉ qua vài ngày gánh đất, đôi vai sưng tấy, trầy xước bật máu, phải dùng thuốc đỏ sát trùng và áo quần quần vào đòn gánh lót vai. Nhưng không ai kêu ca, vẫn kiên nhẫn lao động hết đợt. Đoàn thanh niên lo tổ chức cuộc sống tinh thần vui tươi lành mạnh. Một nền nếp trẻ trung, có văn hóa được hình thành với “công trường thanh niên học sinh”: sáng tập thể dục theo đội hình cố định, chiều tan ca chơi thể thao, tối tập trung ca hát... Không ai xin về giữa chừng, không ai nản chí phải nhờ đến tập thể động viên. Không khí đoàn kết, thương yêu nhau chân thành, cởi mở biểu hiện rõ nhất trong những buổi tối sinh hoạt tư tưởng. Kết thúc đợt lao động là đêm liên hoan lửa trại tung bừng, rộn ràng, phấn khởi.

Đoàn thanh niên trường luôn làm nòng cốt trong phong

trào thi đua học tập tốt. Trung ương Đoàn đề xướng cuộc vận động xây dựng phong cách học tập mới, triển khai sâu rộng đến các trường phổ thông và đại học. Đoàn TNLD Trường Lương Ngọc Quyến sau khi lĩnh hội chủ trương từ cấp trên về mở hội nghị cán bộ Đoàn, hội nghị các chi đoàn thảo luận nội dung, kế hoạch vận dụng thực hiện. Khái niệm phong cách học tập mới được xác định một cách đại cương:

- 1 – Học có mục đích;
- 2 – Học có kế hoạch;
- 3 – Học có độc lập suy nghĩ.

Ý kiến hội thảo sôi nổi nhất và hào hứng nhất tập trung quanh điểm thứ 3: độc lập suy nghĩ. Vấn đề này từng là ưu điểm của các thế hệ học sinh Lương Ngọc Quyến từ thời kháng chiến chống Pháp, như là ý thức phản kháng đối với lối học nhồi sọ thời nô lệ. Nay vấn đề đó càng cần khẳng định như là nhân tố làm nên phẩm chất sáng tạo trong nhân cách con người mới XHCN. (Cuộc vận động rất có ý nghĩa này chẳng những đạt được hiệu quả thiết thực trong thành tích học tập của học sinh Lương Ngọc Quyến, mà còn đem lại lợi ích lâu dài khi họ trở thành những cán bộ trong nhiều ngành quan trọng của xã hội).

Năm học 1959 – 1960 đánh dấu bước chuyển biến về cơ cấu hệ thống tổ chức của trường. Một Ban giám hiệu chính thức có trình độ sư phạm và năng lực, kinh nghiệm công tác tốt. Một hệ thống giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình, năng động, có uy tín cao.

Chi bộ vững mạnh bao gồm các đảng viên nằm trong bộ máy lãnh đạo chuyên môn, đoàn thể, có giáo viên, có cán bộ nhân viên, có học sinh.

Hệ thống các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Hiệu đoàn học sinh được kiện toàn.

Tất cả đi vào hoạt động nhịp nhàng, ổn định, có bề nổi, có chiều sâu ngày càng đúng hướng.

III. Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954) Trường cấp II – III Lương Ngọc Quyến còn có những nhiệm vụ có tính đặc biệt. Đó là dạy dỗ học sinh miền Nam, học sinh Lào, học sinh dân tộc thiểu số miền núi.

Từ 19 – 8 – 1956 Khu tự trị Việt Bắc thành lập, lấy thị xã Thái Nguyên làm Thủ phủ. Các chính sách về dân tộc thiểu số của Đảng được ban hành và thực hiện trong điều kiện được chiếu cố thỏa đáng hơn. Nhiều học sinh dân tộc thiểu số ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, và các huyện Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ trong tỉnh về học được trường tiếp nhận vào ăn ở nội trú, một số được cấp học bổng hàng tháng. Nhà trường hiểu rất rõ đây là thành phần quý hiếm mà Cách mạng cần đào tạo thật nhiều cho tương lai “miền núi tiến kịp miền xuôi”. Phần nhiều họ lớn hơn độ tuổi trung bình của lớp, do hoàn cảnh địa phương thường phải đi học muộn. Nhiều người có gia đình riêng ở quê, cá biệt có người như anh Ma Ngọc Huê lớp 10A (1958 - 1959) từng làm “quan lang” hời ở nhà. Lúc mới đến trường ai cũng ngại ngùng, rụt rè do những khó khăn riêng: tài chính eo hẹp, vốn tiếng Việt hạn chế, nhịp sống và lối sống phố thì xa lạ... Họ dần hòa nhập với cuộc sống mọi mặt ở trường, được các thầy, các bạn quý mến, không hề kỳ thị, phân biệt đối xử. Nhờ quan hệ lành mạnh trong sáng đó, anh chị em thấy tự tin, ra sức cố gắng. Họ rất cần cù, chăm chỉ, thật thà, khiêm tốn học hỏi, riêng về lao động thì rất giỏi, đặc biệt tháo vát đối với công việc chân tay cơ bắp. Nhiều người phát huy được năng lực trí tuệ, và sở trường, năng khiếu riêng, học

khá, giỏi, cả sau khi ra trường. Có những anh học rất giỏi, tu tưởng chính trị và khả năng hoạt động công tác tốt như Bàn Minh Châu dân tộc Cao Lan, Nguyễn Đậu dân tộc Tày (tốt nghiệp hệ phổ thông 9 năm 1955).

Những năm sau có chính sách tuyển thẳng vào đại học đối với học sinh dân tộc thiểu số, ngành và trường tự chọn theo nguyện vọng riêng. Một số người được gửi đi nước ngoài đào tạo. Như vậy, từ 1955 – 1956 đến 1964 (sau hòa bình lập lại đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ nhất) mỗi năm có vài chục học sinh dân tộc miền núi tốt nghiệp cấp III Lương Ngọc Quyến rồi học lên đại học, một số học lên cao nữa. Từ Lương Ngọc Quyến đi lên có hàng trăm trí thức người Tày, người Nùng, người Dao, người Cao Lan, người Sán Chí... có bằng tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư các ngành địa chất, lâm nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, vô tuyến điện, kiến trúc sư, luật sư, bác sĩ, có học vị phó giáo sư. Có đủ cả nhà văn (Vi Hồng), nhà báo (Nông Thị Nhuận, Hoàng Văn Thê), nhà giáo (PGS.TS Hoàng Chung, các giảng viên đại học Tô Phi Hổ, Lâm Xuân Đình, Nông Thị Thu...), nhà nghiên cứu (Lục Văn Pảo), nghệ sĩ (Vi Chi)... Nhiều người giữ cương vị phụ trách cấp cục, vụ (TS Ma Chương Thọ), giám đốc một bệnh viện lớn của quân đội (đại tá, tiến sĩ, bác sĩ Phan Văn Hòn), phó tổng giám đốc đài phát thanh tiếng nói Việt Nam (TS Phan Văn Nho), Hiệu trưởng trường đại học Y Thái Nguyên (Phan Văn Các). Một số nữa phục vụ trong quân ngũ sau khi tốt nghiệp đại học, có người hy sinh ở mặt trận phía Nam (Hứa Xiên, Vi Nghĩa Hỷ). Riêng với Thái Nguyên, nhiều anh chị em học xong đại học trong nước hoặc nước ngoài lại có may mắn trở về phục vụ quê hương (kỹ sư Nông Thái Nghiệp – chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, luật sư Phan Sum – viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Tiếp nhận học sinh miền Nam là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Khoảng 10.000 học sinh đưa về một số tỉnh miền Bắc, số đông vào các trường tập trung (ở Hải Phòng, Hà Đông, Đông Triều). Ở Thái Nguyên chỉ có Trường Lương Ngọc Quyến được giao một số lượng phù hợp với khả năng tiếp nhận của mình. Đó là vinh dự, là trách nhiệm trực tiếp góp phần vào nhiệm vụ đấu tranh thống nhất nước nhà mà trường phải cố gắng thực hiện. Ngay sau những chuyến tàu tập kết sớm, trường Lương Ngọc Quyến đã đón tiếp khoảng 20 học sinh miền Nam (Liên khu V) do Bộ và Ban Thống nhất Trung ương gửi đến. Trong số này có em rất trẻ, có 4 nữ, có mấy người từng tham gia công tác kháng chiến một vài năm. Họ là hình ảnh “bằng xương bằng thịt” của “Thành đồng Tổ quốc”, “Khu V dằng dặc khúc ruột miền Trung”, “nửa Việt Nam yêu quý”, “đau thương và anh dũng”. Âm sắc là lạ trong tiếng nói, một số từ ngữ và cách nói đặc biệt của địa phương... đem đến trường nét mới mẻ, ngộ ngộ và dễ thương. Anh chị em rất chăm học, sinh hoạt cực kỳ giản dị, được nhà trường quan tâm nhiều, các bạn miền Bắc mến phục. Những năm sau, trường đón nhận tiếp một số lượng đông, có lúc 50, 70 học sinh (trước sau khoảng gần 100 học sinh miền Nam đã học ở Lương Ngọc Quyến). Họ bao gồm hai thành phần chính: học sinh Liên khu V tập kết ra Bắc theo tiêu chuẩn bản thân hoặc con em bộ đội, cán bộ kháng chiến; học sinh Nam bộ, chủ yếu là Sài Gòn, không chấp nhận chế độ Mỹ (theo điều khoản Hiệp định Giơ-ne-vơ, gọi là học sinh “vượt tuyến”) ở vùng tự do Liên khu V thời chống Pháp, các Trường trung học Phan Châu Trinh (Quảng

Nam), Lê Khiết (Quảng Ngãi), Nguyễn Huệ (Bình Định) đã đào tạo nhiều thanh niên trí thức cho địa phương và đất nước. Nay Đảng và Chính phủ thấy cần đưa số học sinh đủ tiêu chuẩn ra Bắc tiếp tục đào tạo ở nhà trường cách mạng để phục vụ đất nước hiện tại, và nhất là chuẩn bị cho chiến lược cán bộ tương lai khi thống nhất Nam – Bắc. Họ được tôi luyện trong kháng chiến gian khổ, khi ra Bắc, trừ số ít, hoặc các em nhỏ tuổi, phần nhiều họ gia nhập Thanh niên xung phong, có vài năm lao động nặng nhọc vất vả. Cũng như vậy đối với học sinh vượt tuyến, tuy tình hình có khác đôi chút vì anh em vốn người thành phố chưa quen lao động gian khổ. Tuy nhiên tổ chức Thanh niên xung phong thực sự là một trường học dũng cảm đã thử thách, đào luyện tuổi trẻ học sinh trở thành lớp người cứng cáp.

Trở lại với cuộc sống học trò, ai nấy đều có vẻ chững chạc. Họ ý thức sâu sắc về trách nhiệm trong hiện tại và tương lai. Họ già dặn trong các nhiệm vụ được phân công trong lớp, trong trường, và sôi nổi, mạnh mẽ, chắc chắn trong các hoạt động nội khóa, ngoại khóa.

Tuy vậy, có một số vấn đề mà nhà trường phải quan tâm giải quyết. Trước hết là chuyện đoàn kết. Điều bất ngờ là hầu như không có khúc mắc gì, trái lại giữa học sinh miền Bắc và học sinh miền Nam có sự thân mến, quý trọng lẫn nhau rất chân tình. Bạn miền Nam không mặc cảm, đề từ đó sinh ghen ghét, ác cảm với bạn miền Bắc vì cảnh ngộ khác nhau, một đằng xa gia đình, quê hương, một đằng tình cảm quê hương, gia đình đầy đủ. Chuyện rắc rối lại xảy ra trong nội bộ tập thể học sinh miền Nam, giữa anh em Liên khu V và anh em Nam bộ. Do đặc điểm tính cách địa phương, do quá khứ cuộc sống và học tập khác nhau, do sự quản lý có phần khắc khổ, nghiêm nghị quá mức của một số cán bộ

(người Liên khu V), lại có khi thiếu công bằng và khéo léo, tệ nhị khiến anh em Nam bộ và anh em Liên khu V không hòa thuận với nhau. Nhà trường, chi bộ, Đoàn thanh niên sau khi đi sâu tìm hiểu, dựa vào số anh em cán bộ Đoàn, đoàn viên TNLD cốt cán đã dần dần giải tỏa vấn đề. Anh em đã thông cảm với nhau, gạt bỏ những chuyện hiểu lầm, chấp nhận sự khác biệt tất nhiên do đặc điểm vùng miền, cùng đoàn kết hướng tới nhiệm vụ chung trong tình thế chung:

“Ngày Bắc đêm Nam”

“Quên buồn nhớ học”

Tình thế ấy là một thử thách không bình thường, nhất là tình trạng chia cắt đất nước kéo dài, tội ác Mỹ - Diệm ngày càng chồng chất, tin tức đau thương của người thân, gia đình, quê quán cứ dồn dập. Những dịp nghỉ học, đặc biệt vào tết Nguyên đán, thật khó tránh cho anh em miền Nam tâm trạng buồn nhớ có khi nặng nề, đưa đến phản ứng bất thường tiêu cực.

Đúng vào đêm 30 tết, sau khi tổ chức liên hoan xong, mọi người đi nghỉ để chuẩn bị đón giao thừa thì một số học sinh miền Nam kéo nhau ra cầu Gia Bảy và diễn văn nghệ ngay trên cầu, người hát hò, kẻ khóc mếu... Dịp tết nhớ nhà quá, lại thiếu tình cảm nên anh em đã làm như vậy. một cuộc thuyết phục vận động anh chị em trở về trường đón giao thừa. Đồng chí chủ tịch Ủy ban tỉnh đã đến thăm hỏi chúc tết và tặng quà giao thừa cho anh chị em”...⁽¹¹⁾

Tổ chức giáo dục học sinh miền Nam trong các nhà trường miền Bắc vào những năm tháng ấy là cả một nhiệm vụ có tính đặc thù, đòi hỏi sự quan tâm toàn diện của Nhà nước và xã hội.

⁽¹¹⁾ (Chu Thế Kỳ - Sđd tr. 30)

Học sinh miền Nam được hưởng một chế độ chính sách lúc ấy có thể coi là ưu đãi. Ngoài số ít anh em trước đây đã là cán bộ, nay vẫn hưởng lương theo chế độ, số học sinh phổ thông (thuần túy) được trợ cấp hàng tháng trung bình bằng 75% lương của nhân viên hành chính sơ cấp. Họ còn được cấp phát định kỳ quần áo, chăn, màn, áo rét... đầy đủ. Ở Thái Nguyên, các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBHC tỉnh luôn quan tâm săn sóc tỉ mỉ, chu đáo, Ty giáo dục thường nhận được chỉ thị cấp trên nhắc nhở phải chăm lo. Nhà trường cử giáo viên đặc trách công tác học sinh miền Nam. Các thầy Đỗ Bình Trị, Trần Minh Trân, Vũ Đình Liên được phân công phụ trách, học sinh miền Nam coi như người ruột thịt vì các thầy cư xử rất tận tình (mà đối với những học sinh miền Nam thiếu tình cảm gia đình, điều đó có ý nghĩa rất lớn, có sức cảm hóa, thuyết phục rất sâu sắc). Mỗi mẩu về sau họ vẫn ghi đậm trong tâm khảm hình ảnh các thầy. Học sinh lỡ thiếu tiền ăn, thầy Liên dùng tiền riêng đóng cho nhà bếp, rồi nhắc nhở phải giữ nền nếp ăn uống bình thường để bảo đảm sức khỏe học tập. Nhà thầy ở Hà Nội, nhưng tết vẫn ở lại trường để chia sẻ cảnh xa nhà của học sinh miền Nam. Nhiều anh em coi nhà thầy Trân như mái ấm của mình. Mỗi khi có ai ốm đau, nhất là gặp dịch cúm lúc chuyển mùa, Ban giám hiệu, bộ phận y tế cùng thầy phụ trách lo săn sóc ân cần. Có một mùa đông trời đột ngột rét dữ, sương muối đọng trắng mái nhà, học sinh xứ nóng quanh năm không sao chịu nổi. Nhà trường bèn liên hệ với bên quân đội giúp cho hai xe tải chở chăn bông chống rét.

Vào dịp tết Nguyên đán 1958, Hội phụ huynh học sinh có nhã ý đề xuất với trường để các gia đình ở thị xã Thái Nguyên đón học sinh miền Nam về ăn tết. Sau khi bàn bạc, nhà trường nhất trí. Số học sinh miền Nam ở đây ít hơn số

gia đình có thiện ý muốn đón tiếp rất nhiều. Thường các bạn (Nam – Bắc) thân nhau nên rủ nhau về nhà.

Từ đó, anh em học sinh miền Nam thực sự coi Thái Nguyên là quê hương thứ hai, đồng bào thị xã là ruột thịt. Nhân dân Thái Nguyên thương yêu, đùm bọc rất mực chân tình đối với những đứa con miền Nam, chính là biểu hiện giản dị, sinh động của chân lý “miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam...” (Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Tất cả học sinh miền Nam ở Trường Lương Ngọc Quyến đã phấn đấu vượt qua mọi thử thách gian khó, hòa đồng với môi trường. Các anh tham gia Ban chấp hành các tổ chức Đoàn thanh niên (anh Lê Quảng), Hiệu đoàn (các anh Cao Văn Thử, Lê Công Thanh), có mặt trong mọi hoạt động của trường, đóng góp vào thành tích chung. Đội bóng đá của trường với sự tham gia của các cầu thủ giỏi Vĩnh Giáp, Quang Ngọc, Lâm... từng thi đấu nhiều trận hay với các đội mạnh khu vực như đội Quân khu, đội thị xã, và rất hào hứng trong trận giao hữu với đội học sinh trường phổ thông cấp III A, Hà Nội (kết nghĩa).

Đội bóng chuyền có Cao Văn Thử, Bá Tùng, Tấn Giáo... thi đấu ngang ngửa với các đội bóng hạng A của thanh niên thị xã và của các cơ quan Khu và tỉnh. Anh Hiếu nhờ chăm chỉ tập luyện nên có thể hình khỏe đẹp nhất trường, là người được chọn cầm cờ dẫn đầu đoàn diễu hành trong các cuộc lễ hội chính trị, cũng là một đô vật có hạng.

Anh em miền Nam đem đến Thái Nguyên đôi nét đặc sắc về văn nghệ: đàn và ca cải lương Nam bộ, một số điệu nhảy sôi động của châu Âu, châu Mỹ Latinh.

Nhìn chung học sinh miền Nam ở trường Lương Ngọc Quyến đều học được, cả tinh thần thái độ và khả năng trí

tuệ.⁽¹²⁾

Trường phổ thông cấp II – III Lương Ngọc Quyến từng đảm nhận một nhiệm vụ quốc tế đặc biệt: giáo dục học sinh nước bạn Lào.(10D)

Năm 1955, sau Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, bạn Lào đã gửi 150 cán bộ, chiến sĩ và thanh thiếu niên sang Việt Nam học văn hóa. Khu ủy Việt Bắc được Trung ương giao trọng trách chăm lo vốn quý đó của nhân dân các dân tộc Lào. Cán bộ, chiến sĩ tập trung ở phân hiệu 2, thanh thiếu niên ở phân hiệu 1, cả 2 phân hiệu đều đặt tại Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

Từ 1958, các em thanh thiếu niên đều là con em cán bộ cao cấp Lào, ngày ngày rời trú xá về học tập tại trường cấp II – III Lương Ngọc Quyến. Mãi đến năm 1961 cả 2 phân hiệu mới rời Thái Nguyên chuyển về trường mới xây dựng riêng cho lưu học sinh Lào tại Kim Trảng, Tân Yên (Bắc Giang). Những năm ở Lương Ngọc Quyến, các em học sinh Lào sống trong vòng tay chăm lo đầy tình cảm ấm cúng và trách nhiệm sâu sắc mà nhóm cán bộ đặc trách là cô giáo Ngọc, chú Nhuệ và cô Diên. Các em đoàn kết, tôn trọng thầy cô, học tập cần cù và thông minh, nói tiếng Việt rất tốt, nổi trội đặc biệt về văn nghệ, thể thao”.

Về trường, các em được đưa vào các lớp theo trình độ khác nhau, chủ yếu học cấp II, chỉ có mấy em vào lớp 8. Học cùng với các bạn Việt Nam, có Bắc, có Nam, có dân tộc

(12) Nhiều người học giỏi, đã đi xa trên đường học vấn. Đa số đều thành công trên đường phấn đấu trở thành cán bộ nòng cốt cho miền Nam (và cả nước) sau ngày thống nhất nước nhà. Thường các anh làm cán bộ quản lý, lãnh đạo các sở, ban, ngành chuyên môn cấp tỉnh khi trở lại tiếp quản miền Nam quê hương. Anh Trần Anh Kiệt làm Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Anh Phạm Khánh Toàn và anh Trương Nghĩa Tiến là 2 nhà báo cốt cán tiếp quản và xây dựng cơ sở phát thanh, truyền hình Sài Gòn sau giải phóng. Anh Lê Quảng là Vụ trưởng trong Ủy ban KT và KH nhà nước, anh Nguyễn Bửu Quyền là Vụ trưởng ở Bộ kế hoạch và đầu tư. Anh Nguyễn Minh Tuấn, tiến sĩ Khoa học, công tác ở Viện Khoa học Việt Nam...

thiếu số miền núi, nhưng học sinh Lào hòa hợp rất tự nhiên về mọi mặt. Chỉ trừ chế độ quản lý nhân sự, ăn ở... theo quy định riêng, còn việc học tập hoàn toàn theo quy chế nhà trường. Các em được hưởng mọi quyền lợi học hành, rèn luyện toàn diện, đồng thời thực hiện nhiệm vụ như đối với học sinh Việt Nam. Không có phân biệt đối xử trong hoạt động nội khóa và ngoại khóa. Các em tham gia đấu tranh chính trị, tham gia lao động, hoạt động xã hội, hoạt động thể thao, văn nghệ... theo sự tổ chức của nhà trường, của đoàn thể học sinh, và được xác định rõ về nhận thức: tất cả đều thuộc nội dung và phương thức giáo dục của nhà trường cách mạng. Các em được quyền gia nhập Đoàn thanh niên lao động và Đội Thiếu niên Tiền phong Việt Nam. Có em được bầu vào BCH Hiệu đoàn và phụ trách mảng công tác quan trọng do khả năng nổi trội của mình (em Minh – con trai lớn của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông chủ tịch nước CHDCND Lào, cán bộ Hiệu đoàn phụ trách văn nghệ). Em Ngọc, cô gái xinh xắn, học giỏi và có giọng hát rất hay. Em Kiều Nga (em ruột anh Minh) múa giỏi, từng đoạt giải cao nhất trong một cuộc thi văn nghệ ở hội trường Khu với điệu múa Lào “Hoa Chăm Pa”. Các em rất ham thích thể thao, nhất là môn bóng chuyền.⁽¹³⁾

Sống, học tập chan hòa thân thiết với các bạn Việt Nam dưới một mái trường, các em lưu giữ mãi hình ảnh những người bạn tri kỷ đầy tình nghĩa Lương Ngọc Quyến.

Sau này, từ những năm cuối thập kỷ 60 (thế kỷ XX) trở đi, các em đều trở thành cán bộ cốt cán trung cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào: Đavon Vôông Xắc (tên Việt Nam là Ngọc) - ủy viên dự khuyết TW Đảng NDCM Lào, Thứ trưởng Bộ y tế; tiến sĩ Udôm Xý-cha-lon (tên Việt Nam là

⁽¹³⁾ (Nguyễn Huy Ái – “Một thời để nhớ” tập 2)

Hoàng) – Phó chủ nhiệm văn phòng Quốc hội nước CHDCND Lào; Bua Phết (tên Việt Nam là Hải Âu) – vụ trưởng, phó trưởng ban nghiên cứu tổng hợp và thanh tra giáo dục thuộc Bộ giáo dục Lào; Bun Năm Phay Đang (tên Việt Nam là Duy Liên) – Phó hiệu trưởng trường ĐHSP Viên Chăn; Chăn Tha Nom (tên Việt Nam là Hồng) – Hiệu trưởng trường y sĩ trung ương; Nhọt Kẹo Xu Pha Nu Vông (tên Việt Nam là Kiều Nga) – Vụ trưởng; Đuông Chăn Vông Vi Chit (tên Việt Nam là Kim Vân) trưởng ban biên tập kịch bản Bộ tuyên truyền báo chí; Bác sĩ Thắng (con chủ tịch Nu Hắc Phun Xa Vẳn); các anh Minh, Nguyễn Trung...đều thành đạt; có người hy sinh trong chiến trận: trung úy Nguyễn Văn Khương... Ngoài ra, còn những em đã trở thành bác sĩ, kỹ sư, nhà giáo, cán bộ chính trị, sĩ quan quân đội...Tất cả dù ở cương vị nào cũng luôn ghi nhớ những kỉ niệm đẹp ở Lương Ngọc Quyến một thời, và nhất là không bao giờ quên công ơn dạy dỗ của các thầy giáo, cô giáo cùng ân nghĩa sâu nặng của nhân dân Thái Nguyên, Khu ủy khu tự trị Việt Bắc, Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam. Tình nghĩa đó được thể hiện rất chân thành, sâu sắc và cảm động qua sự giao lưu (trực tiếp hoặc gián tiếp) giữa học sinh Lào thời ấy với thầy cũ, bạn cũ Lương Ngọc Quyến, hoặc những cuộc viếng thăm của họ trên cương vị công tác sau này đối với trường cũ.

Đặc biệt thầy Nguyễn Huy Ái và thầy Lương Vĩnh Khang trong thời gian là chuyên gia giúp Lào xây dựng và phát triển ngành giáo dục (những năm 1960 - những năm đầu 1970) từng gặp lại các học sinh Lào ở Lương Ngọc Quyến hồi đó. Các cuộc gặp gỡ tình cờ ở giữa rừng Lào, trong hang đá vùng kháng chiến, trên đường công tác gian khó, hiểm nguy, hay trong những cuộc đón tiếp trọng thể giữa Thủ đô

Viêng Chăn, các học sinh Lào ngày ấy giờ đã giữ những trọng trách khác nhau đều nhận ra hai thầy Hiệu trưởng trường Lương Ngọc Quyến, và bày tỏ lòng kính yêu vô cùng cảm kích.

Tháng 7 – 1961, trong một bài viết trên báo *Nhân dân*, chủ tịch Hồ Chí Minh gợi ý:

“Năm học này đúng vào năm đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của chúng ta. Đồng bào ta đang có phong trào thi đua sôi nổi “Đại phong”, “Duyên hải”, “Ba nhất”, “Thành công”. Vậy các trường cũng nên phát động một phong trào thi đua “Hai tốt”, tức là dạy thật tốt, học thật tốt”.

Xem đó như một chỉ thị, Bộ giáo dục và Công đoàn giáo dục Việt Nam đã quyết định mở cuộc vận động thi đua “Hai tốt” trong toàn ngành. Hội nghị phát động thi đua tháng 10 – 1961 đã công nhận trường cấp II Bắc Lý (Lý Nhân, Hà Nam) là lá cờ đầu của toàn ngành.

Trường Lương Ngọc Quyến với đà phát triển mạnh mẽ, đã hưởng ứng phong trào thi đua “Hai tốt” một cách sôi nổi. Tuy nhiên rút kinh nghiệm những năm qua, Ban lãnh đạo giàu bản lĩnh của trường đã tỉnh táo, sáng suốt nhìn nhận vấn đề cốt tử của một nhà trường - vấn đề chất lượng giáo dục. Không xem nhẹ chất lượng giáo dục chính trị và giáo dục lao động (mà trường đã từng thực hiện có phần quá đà), nhưng cần phải điều chỉnh vấn đề *giáo dục toàn diện* một cách cân đối biện chứng, trên quan điểm coi *trí dục là cơ sở*.

Để nâng cao chất lượng trí dục, trường đã có nhiều cố gắng trong suốt những năm qua từ khi chuyển đến địa điểm mới. Đầu tiên là tăng cường cơ sở vật chất. Phòng thí nghiệm Lý – Hóa – Sinh là nhà xây đầu tiên của trường, được cung cấp một số lượng đồ dùng, thiết bị chứa đầy 5 xe vận

tải cỡ lớn (mà thầy Hiệu trưởng Chu Thế Kỳ cùng thầy Đức, thầy Tuân, anh Hoài trong BCH Hiệu đoàn về Hà Nội tiếp nhận). Đây là sự kiện có tính chất “bước ngoặt” khiến toàn trường phấn khởi, cả nhân dân thị xã Thái Nguyên cũng hết sức vui và tin tưởng (trường đã tổ chức triển lãm giới thiệu, mở cửa phòng thí nghiệm mời nhân dân vào tham quan).

Năm 1963, thời gian thầy Chu Thế Kỳ trở lại làm Hiệu trưởng, trường được xây tòa nhà 3 tầng – nhà cao tầng đầu tiên, thay dần những dãy lớp học cũ.

Trong mọi hoàn cảnh, nhà trường luôn khuyến khích các thầy bộ môn phát huy tinh thần tự lực cánh sinh làm đồ dùng dạy học. Cô Hồng, thầy Tuân, thầy Đức... là những người rất chịu khó về mặt này. Tiêu biểu nhất là thầy Lại Đức Thông. Ngay từ những năm kháng chiến chống Pháp, người dân thiếu từng tấc vải may mặc, thầy đã chất chiu thu xếp để có được những mảnh vải diềm bầu quý giá, vận động học sinh có khả năng đến vẽ thành những tấm bản đồ dưới sự chỉ dẫn của thầy. Cho đến thời gian này, thầy Thông vẫn tiếp tục tạo những tấm bản đồ đơn sơ nhưng rõ ràng, bền, tiện sử dụng khi lên lớp.

Các thầy bộ môn lập ra các nhóm sinh hoạt, đi vào các chuyên đề, giúp đỡ học sinh tự thuyết trình về các nội dung mở rộng tri thức môn học. Nhiều buổi sinh hoạt hứng thú về văn học, sử học, sinh học. Có tập san của nhóm Toán học được học sinh hoan nghênh.

Từ 1957, trường được tiếp đón nhiều giáo viên tốt nghiệp các trường sư phạm đại học và trung cấp chính quy. Để giúp giáo viên trẻ nhanh chóng tiếp thu kinh nghiệm của lớp trước, các tổ bộ môn tăng cường hoạt động dự giờ, thăm lớp, tổ chức giờ dạy mẫu, trao đổi, góp ý rộng rãi, thiết thực. Nhà trường còn tạo điều kiện cho chi đoàn thanh niên giáo viên

tổ chức về tham quan dự giờ tại các trường lớn của Thủ đô như trường Phổ thông cấp III A, Hà Nội, trường cấp III Trung Vương.

Bộ và Công đoàn giáo dục Việt Nam khuyến khích hình thức tự học và nêu gương, giới thiệu kinh nghiệm giáo viên giỏi, vươn lên không ngừng về văn hóa và nghiệp vụ xứng đáng với danh hiệu “kỹ sư tâm hồn” (mà các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng vẫn đề cao). Ở trường Lương Ngọc Quyến, lịch sử cho thấy: tự học là phương thức để tồn tại (rõ nhất ở thời chống Pháp) và phát triển (thời kỳ 1954 – 1965). Tất cả các giáo viên dù ở độ tuổi nào, dù trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghề nghiệp như thế nào, ai ai cũng chăm chỉ, cần cù tự học.

Có thể nói giáo viên Lương Ngọc Quyến thời kỳ này đẩy lên một phong trào tự học sôi nổi. Chưa có trường lớp chính quy đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý lãnh đạo, các thầy được đề bạt giữ chức vụ Hiệu trưởng, Hiệu phó đã tự học qua sách vở, tài liệu, như SGK Giáo dục học của Kai-rôp, “Quản lý và lãnh đạo nhà trường” của Pô-pôp (Liên Xô). Các giáo viên trẻ học tiếng Nga qua sách dạy bằng tiếng Pháp (Le Russe), tiếng Anh (Russian) v.v...

Giáo viên Lương Ngọc Quyến rất tích cực tham gia công tác xã hội, như dạy bổ túc văn hoá cho cán bộ khu và tỉnh, thuyết trình phổ biến khoa học ở địa phương... Đặc biệt là chủ động tham gia công tác đổi tiền (1958).

Từ năm học 1956 – 1957, theo chương trình cải cách giáo dục, trường Lương Ngọc Quyến dạy hai môn tiếng Nga và tiếng Trung (lúc đó gọi là Nga văn, Trung văn). Môn giáo dục thể chất được tăng cường với số giáo viên trẻ, khỏe, hăng hái, nhiệt tình. Tuy nhiên trường vẫn chưa có giáo viên để triển khai giáo dục thẩm mỹ, nghệ thuật. Để đảm bảo

mục tiêu giáo dục toàn diện, trường đã tăng cường hoạt động ngoại khóa.

Ngay từ sau khi trường chuyển về thị xã Thái Nguyên, hoạt động văn nghệ được tổ chức rất sôi nổi. Tham gia phong trào chung của Khu tự trị Việt Bắc và tỉnh nhà, trong các cuộc “lễ hội chính trị”, trường Lương Ngọc Quyến luôn là một đơn vị được chú ý. Ban ca nhạc của trường thường xuyên đóng vai trò “dàn nhạc sống” giúp phòng truyền thanh của thị xã. Đặc biệt, khi thầy Nguyễn Đình Khâm và thầy Hoàng Ngọc Hiến về trường thì phong trào văn nghệ có bước đột biến về chất lượng. Thầy Khâm tổ chức các đội ca, múa, nhạc rất quy mô, tập hợp được tất cả các khả năng trong học sinh. Dàn hợp xướng cả trăm người với ban nhạc dây, sáo trúc, áo quần đồng phục tươi trẻ được chính thầy dàn dựng và chỉ huy từng có tiếng vang trong và ngoài trường, cán bộ các cơ quan Khu và tỉnh, nhân dân và bộ đội rất ngợi ca, khâm phục.

Ca nhạc là loại hình nghệ thuật nhạy cảm, các bài hát thời thượng được ban văn nghệ trường thể hiện vừa góp phần nâng cao tình cảm, tư tưởng học sinh, vừa như một tiếng nói nêu cao niềm phấn khởi hòa bình, tự hào chiến thắng⁽¹⁴⁾. Đội kịch do thầy Hoàng Ngọc Hiến lãnh đạo, đã diễn rất thành công một số vở kịch hay của Việt Nam và nước

(14) – Các bài hát được biểu diễn: “Giữ mãi tuổi xuân” (của Hoàng Hà?) ca ngợi hòa bình và tuổi trẻ; “Hà Nội – Bắc Kinh – Mạc Tư Khoa”; “Hành khúc thanh niên”; “Bài ca thanh niên quốc tế”; “Sinh viên Mạc Tư Khoa”... (của Liên Xô); “Hoa nở tươi hai bờ sông Hoài”, “Tôi cười ngựa qua thảo nguyên” (của Trung Quốc), “Li...li...li...” (của Triều Tiên)...

- Các bài hát của thầy Nguyễn Đình Khâm chào đón hòa bình, chào đón con tàu đưa người của ta ra Bắc tập kết...

- Nhiều bài hát được ưa thích về chủ đề miền Nam, miền Bắc, bài hát quốc tế (Ba Lan, Indonesia...)

ngoài⁽¹⁵⁾.

Thầy Hiến đã có công khơi dậy khả năng của một lớp học sinh làm sân khấu nghiệp dư rất đáng khâm định: Dương Hoàng (học sinh miền Nam, đạo diễn), Trần Quán Anh (tác giả vở “Tiền tuyến gọi”, nổi tiếng thời chống Mỹ), Nguyễn Vĩnh, Nguyễn Thị Kim Vĩnh, Đào Nga, Mộng Nga, Phan Đức Tỉnh, Doãn Long, Vân Long... Khi hai thầy phụ trách văn nghệ đã chuyển đi, một số anh, chị ra trường, phong trào văn nghệ theo đà cũ vẫn tiếp tục phát triển và thu hút thêm những nhân tố mới. Về ca nhạc, hầu như lớp nào cũng có đội, hoặc cá nhân tham dự những cuộc thi sôi nổi, hào hứng (như dịp chào mừng các ngày lễ lớn hàng năm, như phong trào “Cất cao tiếng hát dâng Đảng” v.v... Trường lại thành lập cả đội múa rối với nhiều tiết mục vui nhộn, lý thú, sinh động.

Về hoạt động thể thao, Đoàn thanh niên và Hiệu đoàn học sinh liên tục tổ chức phong trào thi đấu bóng chuyền, bóng đá giữa các lớp. Trường có đội bóng đá chân giày mạnh, có thứ hạng, tên tuổi ở khu vực, có đội bóng chuyền hạng A và nhiều đội hạng B. Đội bóng rổ có sự tham gia của thầy Hạnh, thầy Kỳ (Hiệu trưởng). Các giáo viên thể dục luôn duy trì nền nếp tập thể dục giữa giờ, tổ chức, điều hành hoạt động thể thao sao cho hợp lý trên cơ sở sân bãi của trường.

Năm 1959, lần đầu tiên trường tổ chức một cuộc triển lãm trưng bày các sản phẩm được xem như một phần bề nổi thành tích giáo dục của nhà trường. Nhiều hiện vật trong cao trào kết hợp giáo dục với lao động (lò gang, xưởng rèn, ngui, máy bơm nước, giống cây trồng...), những đồ dùng dạy học cải tiến v.v... rất có ấn tượng. Những ảnh chụp,

(15) Vở “Dôi-a” của Liên Xô nói về nữ anh hùng Xô Viết Dôi-a trong chiến tranh vệ quốc chống phát xít Đức; “Chuyến xe tự do”, “Biệt thự bỏ hoang”...

tranh vẽ cổ động ghi lại hình ảnh các cuộc đấu tranh chính trị của thầy trò toàn trường. Ảnh chụp, hiện vật trong phong trào thể thao, văn nghệ tươi vui, cùng những lá cờ giải thưởng, bằng khen... rất đồ sộ hào. Khách tham quan có thể dừng lại trầm trồ trước những bài làm xuất sắc đạt điểm 5⁽¹⁶⁾ các môn Toán, Lý, Hóa, Văn, Ngoại ngữ... mà lớp nào cũng có. Khu trưng bày báo tường, tập san thật phong phú đa dạng. Đây là những bức chân dung tâm hồn do chính học sinh tự vẽ: cảm xúc, suy tư về mọi mặt cuộc sống quan thiết đến người học sinh Lương Ngọc Quyến hôm nay.

Triển lãm là một hình thức báo cáo sinh động công việc của nhà trường trước các cấp lãnh đạo và nhân dân. Cũng là dịp để thầy và trò nhìn lại mình, rút ra những bài học cần thiết cho bước đường đi tới. (Đồng chí Bí thư tỉnh ủy Phan Văn Tỉnh đã đến thăm trước vì mắc đi Hà Nội họp vào đúng ngày khai mạc. Hôm về, đồng chí gửi tặng bó hoa).

Năm 1960, ngày hội trường lần đầu của Lương Ngọc Quyến được tổ chức. Ngày hội được đón tiếp trọng thể các vị lãnh đạo địa phương, và rất vui với sự trở lại thăm trường của đông đảo thầy giáo, học sinh nhiều thế hệ hơn mười năm qua.

(Thầy Bùi Quang Huy nguyên Hiệu phó của trường đã nghỉ hưu từ 1954 cũng về lại với rất nhiều xúc động).

Hội trường càng vui, càng thêm tự hào với chiếc huy hiệu chính thức biểu trưng đặc sắc của trường Lương Ngọc Quyến được trao tặng cho mọi người. (Đây là kết quả cuộc thi sáng tác từ năm trước. Khá đông học sinh hưởng ứng và

⁽¹⁶⁾ Theo thang điểm Liên Xô: điểm 1: kém nhất; điểm 2: kém; điểm 3: trung bình; điểm 4: khá; điểm 5: giỏi nhất (áp dụng từ CCGD 1956). Từ CCGD 1950 đến 1956: điểm cho từ 0 đến 10. Từ 1950 về trước ở bậc trung học: điểm cho từ 0 đến 20.

được giải, tiêu biểu là các mẫu vẽ của anh Vũ Hưng, anh Đào Văn Hanh... Trường đã tổ chức tập hợp, chỉnh sửa để có được mẫu huy hiệu này).

Thời kỳ 1954 – 1965, đất nước đã trải qua nhiều biến động lịch sử to lớn, nhân dân ta đã tiến hành các nhiệm vụ chiến lược trọng đại dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Cùng với toàn ngành Giáo dục, Trường phổ thông cấp II – III Lương Ngọc Quyến đã nghiêm chỉnh thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ 2, ra sức phấn đấu xây dựng nhà trường XHCN, đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp.

Những lứa học sinh thuộc nhiều thành phần (trong đó có cả học sinh miền núi, miền Nam, Lào) được hưởng sự giáo dục của nhà trường chính là thành phẩm mà xã hội có thể nhìn vào để phán xét, có tin tưởng, tự hào, cũng cần rút ra những kinh nghiệm điều chỉnh.

Học sinh Lương Ngọc Quyến thời kỳ này đã xác định dứt khoát lý tưởng XHCN cao đẹp, một lòng tin tưởng và ra sức phấn đấu trong thực tiễn cuộc sống. Họ quá tin và hết lòng hướng về hình ảnh một xã hội mà trong đó tất thảy đều tuyệt vời, trước hết là quan hệ “người với người là bạn”. Cho nên họ đã phấn đấu tận lực, cống hiến hết mình, tất cả cho xã hội, rất trong sáng, vô tư, quan niệm ấy thật đẹp và đã biến thành sức mạnh vật chất thật sự đưa đến những thành công nhất định (có khi rất cao).⁽¹⁷⁾ Trường khi đó đa số là học sinh nghèo, một số rất nghèo. Họ tự túc hoàn toàn, hoặc là

⁽¹⁷⁾ Gia đình một học sinh lớp 10A (1958-1959) gặp tai nạn cháy nhà. Cả lớp tổ chức một ngày lao động lấy tiền giúp bạn. Nhìn khẩu hiệu bướm trên vai, mũ, nón : « TÌNH BẠN CAO CẢ » của cả một lớp học sinh. Ban chỉ huy công trường rất cảm động và dành cho họ nhiều ưu đãi.

lao động chính trong gia đình khó khăn (tỉ lệ học sinh nghèo so với thể hệ thời kháng chiến chống Pháp cao hơn nhiều). Vậy mà họ học được, nhiều người khá, giỏi theo yêu cầu giáo dục khá căng thẳng của nhà trường. Ra trường, họ sẵn sàng chấp nhận sự phân chia vào ngành học, trường đại học của tổ chức dù trái với nguyện vọng ban đầu của họ. Họ đã học tốt, và thành đạt trong công tác. Số người có học vị tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư ước tính hàng trăm. Có những cống hiến đáng kể về khoa học (anh Nguyễn Mộng Hùng đã nghiên cứu nhân giống vô tính thành công con cá trê khi đang học ở Nga, trước hiện tượng cừu Dolly khoảng 30 năm; anh Nguyễn Tiến Nguyên – Viện trưởng Viện nghiên cứu Năng lượng nguyên tử đầu tiên của Việt Nam). Các anh các chị phát huy tốt khả năng nghiên cứu và giảng dạy ở các cơ quan khoa học và trường đại học, các cơ sở của quân đội khắp đất nước.

Số người làm công tác quản lý lãnh đạo cấp cục, vụ (và tương đương) cũng khoảng hàng chục. Anh chị em được đề bạt vào cương vị lãnh đạo ở các địa phương cấp tỉnh có hàng chục, cấp huyện thì gấp nhiều lần hơn. Những hạn chế trong công tác giáo dục của trường là thực tế. Nó bắt nguồn từ hạn chế của lịch sử, khi mô hình xã hội XHCN mới chỉ là sản phẩm lý trí, chưa từng hiển hiện thành công trong thực tế. Do vậy, trong khuôn khổ đó, mô hình nhà trường XHCN và mẫu hình con người mới theo mục tiêu đào tạo của nhà trường không tránh khỏi tính chất duy ý chí, ảo tưởng. Phần khô cứng, thô ráp trong tính cách bắt nguồn từ nhận thức, niềm tin đơn giản, công thức (mà càng trong sáng vô tư thì những nét đó càng đậm). Trong một ít trường hợp tình trạng đó dễ đưa người ta đến chỗ cực đoan, lệch hướng trong hành động (ví như trong cuộc tranh luận sôi nổi và gay gắt,

trên báo tường lớp 10A 1958 – 1959, có ý kiến đánh giá thấp xu thế thi vào đại học, và đề cao hướng đi vào giai cấp công nhân để rèn luyện vươn lên theo con đường mà các lãnh tụ vô sản đã đi! Và thực tế đã có mấy người đi vào mỏ than Làng Cẩm – Thái Nguyên sau khi tốt nghiệp phổ thông năm ấy. Tất nhiên sai lầm của lịch sử sẽ do lịch sử giải quyết).

Đánh giá toàn cục sẽ thấy cả tập thể giáo viên, cán bộ, công nhân viên nhà trường là một khối đoàn kết, vững mạnh, tiến bộ đồng đều. Đồng chí Bùi Đình Khoát là một đảng viên lâu năm, có vai trò đáng kể đối với việc xây dựng cơ sở Đảng trong trường. Bác Hoàng Ngọc Quế, người lao công duy nhất từ trường cấp II Ngô Quyền, đã theo trường cho đến ngày về hưu là một con người rất đáng yêu mến và quý trọng đối với tất cả những ai đã làm việc, học tập ở trường Lương Ngọc Quyến. Các cô, chú, anh chị công nhân viên khác rất thương yêu, hết lòng phục vụ thầy giáo và học sinh, được mọi người biết ơn thành thực. Trong hàng ngũ giáo viên, nhờ phấn đấu vươn lên không ngừng, nên nhiều thầy giáo, cô giáo được bố trí ở vị trí công tác cao hơn.

Thầy Chu Thế Kỳ, trưởng phòng phổ thông Sở giáo dục Khu tự trị Việt Bắc, Trưởng ty giáo dục Bắc Thái.

Thầy Nguyễn Đình Khâm, Hiệu trưởng Phân viện 5 Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Vụ trưởng Vụ các trường Đảng của Ban TW.

Thầy Lại Đức Thông, Phó hiệu trưởng trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến.

Thầy Nguyễn Huy Ái, từ 1962 đến 1974 làm Trưởng đoàn chuyên gia giáo dục TW ở Lào, Phó trưởng đoàn chuyên gia giáo dục tại Campuchia, Phó vụ trưởng Vụ quan hệ quốc tế Bộ giáo dục và đào tạo.

Thầy Lương Vĩnh Khang, chuyên gia giáo dục tại Lào, Ăng-gô-la, Hiệu trưởng trường Sư phạm 10+3 Bắc Thái, cố vấn bậc 2/3 Bộ giáo dục và đào tạo.

Thầy Nguyễn Huy Khánh, Hiệu trưởng trường phổ thông dân tộc nội trú Việt Bắc.

Các thầy Đỗ Minh Tuấn, Vũ Đình Liên, Tạ Kỳ, Triệu Vinh, Nguyễn Tiết Long, Võ Trọng Vinh, Phạm Khang, Trần Minh Trân được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng các trường trong tỉnh hoặc tỉnh khác.

Thầy Trịnh Trúc Lâm học lên ĐHSP (hàm thụ) rồi làm Hiệu trưởng trường cấp III vừa học vừa làm Thái Nguyên, được phong tặng Nhà giáo nhân dân.

Thầy Nguyễn Văn Hoàn trở thành giáo sư Phó viện trưởng Viện văn học Việt Nam.

Thầy Đỗ Bình Trị, giáo sư Cục trưởng cục đào tạo – Bồi dưỡng Bộ GD&ĐT.

Thầy Hoàng Mạnh Kha, Phó giám đốc Sở Giáo Dục Khu tự trị Việt Bắc.

Các thầy Lê Đình Ky, Đỗ Đức Hiểu, Phan Trọng Luận, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Xuân Nam đều trở thành Giáo sư.

Thầy Nguyễn Như Ất, thầy Nguyễn Thê Hùng đỗ bằng Tiến sĩ.

Các thầy giáo cấp II đều đi học tập trung hoặc hàm thụ ĐHSP: Lưu Ngọc Lợi, Đặng Nhật Tân, Đặng Đức Thường, Nguyễn Đức Hùng.

Các thầy giáo cấp III đều trở thành cốt cán ở các trường hoặc cơ quan nghiên cứu, chỉ đạo: Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Triệu Căn, Nguyễn Đan Quế, Phạm Long, Nguyễn Tiến Đĩnh, Trịnh Văn Vải, Lê Khánh Kiểm, Phạm Huy Khánh, Cáp Trọng Thức, Hồ Đình Đăng, Bùi Tiến Hoa,

Đàm Thị Đoài, Nguyễn Văn Kiên, Phan Lạc Châu, Nguyễn Văn Đào, Nguyễn Văn Bảo, Nguyễn Văn Thịnh, Lê Văn Bài. Trong số giáo viên, từ 1957 có những học sinh cũ của trường: Cáp Trọng Thức, Trịnh Văn Vải, Đặng Đức Thuởng, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Đỗ Am, Lê Thị Bảy, nhiều người sau được đề bạt lên chức vụ quản lý lãnh đạo: Phan Văn Dũng (Hiệu phó), Nguyễn Văn Long (Hiệu phó, Phó phòng phổ thông Sở GD Thái Nguyên), Lương Đình Lũng (Giám đốc Sở văn hóa Thái Nguyên), Nguyễn Thị Phơn (Hiệu phó).

Quá trình thực hiện vai trò chủ đạo trong công tác đào tạo học sinh cũng đồng thời là quá trình người giáo viên tự đào tạo để phát triển, trưởng thành. Ý chí tự lực tự cường đó của người thầy vừa là tấm gương, vừa chuyển hóa thành nội dung và phương pháp giáo dục học sinh. Chính vì vậy học sinh thời kỳ này được hình thành nét phẩm chất và năng lực khá đậm là ý thức tự giác học tập, khả năng tự học, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Nó cắt nghĩa một thực tế là tuy chương trình giáo dục phổ thông của ta (9 năm rồi 10 năm) chưa cao, chưa thật sự hiện đại, nhưng học sinh Lương Ngọc Quyến học lên Đại học trong nước hay nước ngoài đều tự cố gắng vươn lên theo kịp yêu cầu.

Về mặt phát huy vai trò của một trung tâm văn hóa khoa học ở địa phương, trường Lương Ngọc Quyến thời kỳ này đã làm tốt, nhất là trong các hoạt động ngoại khóa. Thầy và trò của trường đã có nhiều việc làm cụ thể nhằm phổ biến khoa học trong cán bộ các cơ quan Khu, tỉnh và nhân dân địa phương, được hoan nghênh và đánh giá cao.

Trường mở rộng quan hệ đối ngoại, vừa nhằm nâng cao vị thế, vừa thu nhận tác động tích cực từ bên ngoài đối với yêu cầu giáo dục. Đáng kể nhất ở thời gian này là hai quan

hệ kết nghĩa khá sâu sắc, với Trung đoàn Sông Lô (từng tham gia chiến dịch Điện Biên) đang đóng quân ở Thái Nguyên và với trường trung học Banka Bitslitka của Tiệp Khắc. Sự giao lưu này góp phần làm phong phú hoạt động giáo dục của trường.

Trường đạt được thành tựu như vậy trong sự phấn đấu thực hiện đường lối giáo dục của Đảng còn do sự lãnh đạo đúng đắn chặt chẽ của các cấp chuyên môn và Đảng, Chính quyền. Từ ngày trường về thị xã, các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch tỉnh Thái Nguyên như Lê Dục Tôn, Phan Văn Tỉnh, Vũ Hưng, Chu Quốc Hưng, Lê Đức Chính rất quan tâm. Đồng chí Phan Văn Tỉnh dành cho trường một sự ưu ái đặc biệt. Đồng chí Bí thư Khu ủy Chu Văn Tấn từng đến trường giảng cho thầy và trò nghe về Nghị quyết của Đảng cả buổi sáng.

Các vị lãnh đạo ngành Giáo dục luôn đặt trường Lương Ngọc Quyến ở vị thế cao nhất khu vực miền núi, và ở hàng đầu của miền Bắc. Do vậy Bộ chú ý đầu tư cho trường về nhân sự và cơ sở vật chất. Năm 1958, Thứ trưởng Nguyễn Khánh Toán đến thăm trường. Cuối 1959, Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền lên thăm trường.

Đặc biệt ngày 13 - 3 - 1960 Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chuyến công tác với Khu tự trị Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên đã có chương trình thăm trường Lương Ngọc Quyến. Dù chỉ trong khoảng một giờ, Bác vẫn đi thăm đủ cả: nhà trẻ, nhà bếp, vườn trường, lớp học, nói chuyện với thầy giáo, cán bộ, nhân viên, và căn dặn học sinh:

“Các cháu phải học tập tốt, lao động tốt, đoàn kết tốt”.

Rồi Bác chụp ảnh kỉ niệm cùng mọi người.

Từ đó, trường Lương Ngọc Quyến lấy ngày 13 - 3 hàng năm làm Ngày truyền thống của nhà trường.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Lương Ngọc Quyến 13/03/1960



MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CẤP II - III
LƯƠNG NGỌC QUYẾN (1957 - 1960)

Ảnh: Thầy Trịnh Văn Vải



Chi bộ Lương Ngọc Quyến 1960



*Những học sinh miền nam đầu tiên của trường
(1955 - 1957)*



Trong giờ hoá học của thầy Trịnh Văn Vải



*Ruộng thí nghiệm trồng lúa cao sản của trường
(1958 - 1959)*



Một bộ phận đội văn nghệ của trường (1956-1957)



*Khai trương Xưởng rèn đầu tiên của trường,
mùa xuân 1959*



“Quay suốt đêm ngày” Lò Gang lớp 10A (1958 - 1959)



Hai đội bóng chuyền (A+B) (1957 1959)

Chương IV

TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP III LƯƠNG NGỌC QUYẾN TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1965 - 1975) .

Sau hiệp định Giơnevơ (1954), đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp dựng chế độ Ngô Đình Diệm, cai trị miền Nam rồi tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt hòng dập tắt phong trào đấu tranh thống nhất đất nước của nhân dân ta.

Bị thất bại trong chiến lược chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ ồ ạt đổ hàng chục vạn quân vào miền Nam tiến hành chiến tranh cục bộ trên qui mô lớn.

Để cứu vãn những thất bại nặng nề liên tiếp diễn ra trong chiến tranh cục bộ, ngày 5/8/1965 đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ồ ạt đánh phá vào miền Bắc nước ta, nhằm phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam. Cả nước lúc này đã ở trong trạng thái có chiến tranh và chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn thể dân tộc ta.

Thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-TW ngày 10/4/1965 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 103/NQ-TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn chính thức hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái kể từ ngày 1/7/1965. Mục đích của việc hợp nhất là nhằm khai thác hiệu quả hơn các điều kiện thuận lợi về tự nhiên và xã hội để xây dựng nền kinh tế hoàn chỉnh, cân đối về mọi mặt, vững về chính trị, mạnh về an ninh quốc phòng trong tình hình mới.

Thành phố Thái Nguyên từ đó vừa là tỉnh lỵ tỉnh Bắc Thái, vừa là thủ phủ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của Khu tự trị Việt Bắc. Do sự kiện trên, trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến cũng tiếp nhận được nhiều học sinh là con em các gia đình cán bộ, viên chức từ tỉnh Bắc Kạn trước đây chuyển chuyển công tác về các cơ quan của tỉnh Bắc Thái, đóng tại thành phố Thái Nguyên; nhất là lớp toán đặc biệt (chuyên Toán) đầu tiên của trường thời kỳ đó, đã thu hút được một số học sinh giỏi ở rất xa thành phố Thái Nguyên như ở các huyện Chợ Đồn, Chợ Rã, Na rì, Ngân Sơn, Bạch Thông, thị xã Bắc Kạn được tuyển về học.) Tháng 3-1965 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 đề ra nhiệm vụ mới:

“Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong toả bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh địch trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội ”

Trước yêu cầu nhiệm vụ của đội ngũ giáo viên trong tình hình mới, thay vì tổ chức lớp bồi dưỡng về chuyên môn và học tập nhiệm vụ năm học mới trong mỗi dịp hè như mọi năm, Ty Giáo dục kết hợp với Tỉnh Đội Bắc Thái đã kịp thời tổ chức Trại hè quân sự ở xã Ký Phú huyện Đại Từ cho tất cả giáo viên cấp II và III trong toàn tỉnh vào cuối tháng 6-1985 để học tập và quán triệt tinh thần Nghị quyết XI tháng 3/1965 của Trung ương Đảng, Nghị quyết số 111/NQ-TW ngày 10 - 4 - 1965 của Bộ Chính trị đồng thời tiến hành huấn luyện quân sự, học tập cấp cứu, tải thương...Giáo viên được phiên chế thành các tiểu đội, trung đội, đại đội và sinh hoạt theo nếp sống quân sự hoá.

Các giáo viên Trường phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến được Chi bộ và Ban giám hiệu xác định tư tưởng và động viên tinh thần tham gia học tập, nên ai nấy đều phấn khởi tham dự đầy đủ, nghiêm túc học tập chính trị, quân sự và rèn luyện nếp sống quân sự. Thông qua đợt học tập, nhận thức về tình hình nhiệm vụ cách mạng cũng như về ý thức trách nhiệm của mỗi đảng viên, giáo viên trong trường đã được nâng lên rõ rệt, tất cả đều chuẩn bị tinh thần sẵn sàng bước vào năm học mới đầy thách thức trong chiến tranh.

Trước tình hình giặc Mỹ tăng cường cho máy bay hoạt động trinh sát, chuẩn bị đánh phá vào địa bàn tỉnh, ngày 8-7-1965 Ủy ban hành chính (UBHC) tỉnh Bắc Thái ra Chỉ thị về các biện pháp cơ bản trong công tác phòng không nhân dân, chia địa bàn Thái Nguyên thành 2 vùng:

Vùng ở trạng thái bị uy hiếp gồm thành phố Thái Nguyên, các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Phú Bình và các thị trấn ở các huyện. Vùng trong trạng thái phòng thủ là các huyện còn lại. Chỉ thị chỉ rõ nhiệm vụ của các huyện, thành phố, thị trấn trong vùng ở trạng thái bị uy hiếp và vùng ở trạng thái phòng thủ. Thực hiện Chỉ thị của UBHC tỉnh, đến đầu tháng 8/1965, tại thành phố Thái Nguyên, đa số cán bộ nhân viên trong các cơ quan, đơn vị hành chính đã sơ tán cách xa trung tâm thành phố từ 8 km trở lên, số còn lại cũng phân tán cách các trọng điểm có thể bị địch đánh phá ít nhất 1 km.⁽³⁾

(3) “Trước tình hình trên, Đảng bộ Thành phố Thái Nguyên kịp thời đề ra những chủ trương mới thích hợp, ngay từ năm 1964, công tác phòng không nhân dân đã được tổ chức triển khai, bước sang năm 1965, quán triệt tinh thần nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ II (12/2/1965) và lần III (19/6/1967) công tác phòng không sơ tán, chuẩn bị chiến đấu được tiến hành khẩn trương. Các cơ quan, kho tàng, người già, trẻ em được tổ chức rời khỏi thành phố đến các khu vực an toàn”

(Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên 1930-1975. tr 113)

1. Tiến hành nhiệm vụ triệt để sơ tán, chia tách trường và hình thành trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến

Chấp hành Chỉ thị số 8 - NC và Chỉ thị số 483 - NC của UBHC tỉnh về tổ chức phòng không, sơ tán, sáng ngày 10 - 8 - 1965, lãnh đạo Chi bộ và Ban Giám hiệu Trường phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến đã tiến hành cuộc họp triển khai kế hoạch sơ tán và chia tách trường đã được UBHC tỉnh, Ty Giáo dục, và UBHC thành phố nhất trí chuẩn y cho thực hiện. Để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ phòng không, sơ tán trong thời chiến, UBHC tỉnh đồng ý với đề nghị của Ty Giáo dục cho tách Trường phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến thành 2 trường: Trường phổ thông cấp II trực thuộc Phòng Giáo dục thành phố, Trường phổ thông cấp III trực thuộc Ty Giáo dục.

Vì Trường phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến là một nhà trường đã có bề dày lịch sử, với truyền thống phấn đấu vẻ vang trong 20 năm qua (1946 - 1965), trong quá trình đó đã có sự đóng góp của cán bộ giáo viên và học sinh nhiều thế hệ của cả 2 cấp. Vì vậy, căn cứ vào đề nghị của nhà trường, UBHC tỉnh quyết định vẫn giữ tên nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến cho cả 2 trường và đặt tên là: Trường phổ thông cấp II Lương Ngọc Quyến và Trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến.

Ty Giáo dục cùng với Thành ủy Thái Nguyên thống nhất cử Đ/c Đỗ Minh Tuấn nguyên là Phó Hiệu trưởng Trường phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến, làm Hiệu trưởng trường cấp II Lương Ngọc Quyến. Đ/c Dương Văn Tài nguyên là bí thư chi bộ, quyền Hiệu trưởng Trường PT cấp II - III Lương Ngọc Quyến, làm Hiệu trưởng Trường PT cấp

III Lương Ngọc Quyến. Việc phân chia tài sản chung khi tách trường, đã được xử lý thấu đáo như sau:

Về tài sản vì trường vốn có một phòng thí nghiệm do Trung Quốc viện trợ từ năm 1956 để phục vụ việc dạy - học theo chương trình đào tạo của cả cấp II và cấp III nên lãnh đạo hai nhà trường lúc đó đều thống nhất giải pháp: trang thiết bị thí nghiệm dùng cho cấp nào thì chuyển giao cho trường cấp đó sử dụng.

Công việc được giao cho thầy giáo Nguyễn Văn Tuấn, người phụ trách phòng thí nghiệm, tiến hành việc phân loại để thực hiện bàn giao cho từng trường.

Về xưởng trường cũng được chia ra như sau: Xưởng mộc giao cho trường cấp II, Xưởng cơ khí giao cho trường cấp III. Phòng truyền thống giao cho trường cấp III bảo quản. Bàn ghế, bảng đen được chia đầy đủ cho 8 lớp của trường cấp II, còn lại dùng cho các lớp của trường cấp III.

Từ sau ngày 10 - 8 - 1965 cả hai trường bắt đầu hoạt động độc lập dưới sự lãnh đạo của chi bộ, ban giám hiệu mới. Sau khi chia tách, cả hai trường đều khẩn trương tiến hành kế hoạch sơ tán trong vòng tháng 8 và đầu tháng 9 năm 1965.

Trường PT cấp II Lương Ngọc Quyến sơ tán vào xã Thịnh Đán, thuộc huyện Đồng Hỷ và bố trí các phòng học phân tán rải rác trên một số quả đồi guột.

Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến cũng vừa phải tiến hành việc tháo dỡ trường lớp cũ, vừa làm công tác vận động các cơ quan đã đi sơ tán như Toà án tỉnh, Viện Kiểm sát, Ty Bưu điện... ủng hộ những căn nhà tre gỗ cũ, để thầy trò dỡ lấy vật liệu, mang vào khu sơ tán dựng thành lớp học. Công việc trên do thầy Cáp Trọng Thức phụ trách. Nhà trường được Công ty Gang thép điều cho một chiếc xe tải lớn trong 7 ngày và Ty Công nghiệp cũng ủng hộ 3 chuyến xe tải, để

chuyên chở vật liệu bàn ghế...vào nơi sơ tán nên công việc vận chuyển được tiến hành khẩn trương, nhanh chóng.

Trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến, lúc đầu sơ tán vào xã Thịnh Đức, huyện Đồng Hỷ, nhưng mới dựng xong lớp học, đào xong hầm trú ẩn và giao thông hào, tiến hành khai giảng năm học mới (1965 - 1966) và học tập được ít ngày thì lại được lệnh phải di chuyển đi vì ở nơi đó chuẩn bị xây dựng trận địa tên lửa bắn máy bay Mỹ. Thầy trò nhà trường một lần nữa lại phải tháo dỡ lớp học, khuôn vác tre, nứa, lá, bàn ghế... chuyển sang địa điểm mới ở xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ để dựng trường. Các lớp học được phân tán thành 3 khu vực cách nhau. Học sinh và một số giáo viên ở trong các nhà dân, phân tán trong xóm Chùa, xóm Khuôn, xóm Na Lải... Trụ sở làm việc của lãnh đạo trường được bố trí ở nhà cụ Đình Văn Ứng xóm Lai Thành. Công việc bận bịu, mọi việc dựng trường lớp, thầy trò phải làm cả ngày lẫn đêm để nhanh chóng kịp có phòng học cho 12 lớp phục vụ cho năm học mới.

“Giữa tháng 10/1965, đế quốc Mỹ mở một chiến dịch lớn cho không quân đánh phá ác liệt các tuyến giao thông phía Bắc và Đông Bắc thủ đô Hà Nội. Cầu Gia Bảy thành phố Thái Nguyên là một trong những mục tiêu đánh phá chủ yếu của không quân Mỹ trong chiến dịch này.

Cầu Gia Bảy bắc qua sông Cầu, nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, có chiều dài khoảng 100m, được chia làm 3 nhịp, với lưu lượng xe ô tô các loại qua cầu mỗi ngày khoảng 1.000 lần chiếc. Đây là một chiếc cầu lớn nằm trên tuyến vận chuyển quan trọng, có ý nghĩa chiến lược cả về quốc phòng và kinh tế. Các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh và hàng hoá do Liên Xô, Trung Quốc và các nước Xã hội chủ nghĩa anh em viện trợ cho nước ta từ biên giới Việt - Trung theo

Quốc lộ 1B qua cầu Gia Bảy về thành phố Thái Nguyên, xuôi theo Quốc lộ 3 về Hà Nội để chuyển tới các chiến trường.

Từ 9 giờ 55 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 17/10/1965, giặc Mỹ huy động 29 lần chiếc máy bay, ném 116 quả bom phá xuống khu vực cầu Gia Bảy và bắn nhiều loạt đạn tên lửa xuống trận địa pháo cao xạ của bộ đội Trung đoàn 210 ở xóm Xuân Quang (xã Gia Sàng) mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của chúng vào địa bàn Thái Nguyên. Cầu Gia Bảy bị hỏng 2 chỗ, dầm chủ và dầm bên thượng lưu bị đứt 3 chỗ, giao thông hoàn toàn bị ngưng trệ ; 147 người bị chết và bị thương; 45 ngôi nhà ở 2 bên đầu cầu bị cháy, đổ; 3 cơ sở sản xuất thủ công nghiệp, 2 xe ô tô và 19 xe đạp bị phá huỷ”⁽¹⁾

Như vậy, tính đến thời điểm sáng ngày 17-10-1965, khi đế quốc Mỹ mở đầu đợt ném bom phá hoại xuống địa bàn thành phố Thái Nguyên, thì thầy trò Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến cũng đã kịp rút khỏi thành phố, sơ tán an toàn vào xã Thịnh Đức rồi Phúc Triu, tiến hành khai giảng năm học mới dưới tán rừng và bước vào năm học đầu tiên trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 - 1975).

2. Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến trong thời kì sơ tán lần thứ nhất (1965 - 1969)

Sau khi tiến hành tách trường và tách chi bộ (10 - 8 - 1965). Chi bộ Đảng Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến do thầy Lại Đức Thông làm Bí thư chi bộ, thầy Dương Văn Tài làm chi uỷ viên. Từ năm 1967 thầy Lại Đức Thông là bí thư chi bộ, thầy Lương Đình Lũng là chi uỷ viên.

⁽¹⁾ (Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên 1930 - 1975.)

Đội ngũ đảng viên trong thời kì đó (1965 - 1968) ngày càng phát triển, gồm các đồng chí: Bùi Đình Khoát, Lương Đình Lũng, Nguyễn Văn Long, Dương Văn Loan, Nguyễn Phúc Lộc, Lại Thị Mỹ, Nguyễn Minh Nguyệt, Dương Văn Tài, Lại Đức Thông, Nguyễn Văn Thư, Cáp Trọng Thức.

Từ năm học 1965 - 1966 đến năm 1970 thầy Dương Văn Tài, giáo viên chính trị, ủy viên ban cán sự giáo dục của tỉnh làm Hiệu trưởng.

Cũng như các nhà trường phổ thông hồi đó, Trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến luôn tôn trọng việc lãnh đạo của “bộ tứ” (gồm Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn, Thư ký Công đoàn). Các đoàn thể chính trị trong nhà trường đã lãnh đạo tổ chức phát huy vai trò của tổ chức mình trong việc thực hiện các nội dung chủ yếu mà nghị quyết Đại hội chi bộ đầu năm học 1965 - 1966 đã đề ra cần:

- Quan tâm hàng đầu đến công tác phòng không, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho thầy và trò.

- Chú trọng rèn luyện tư tưởng đạo đức, kỷ luật và tác phong quân sự hoá.

- Duy trì và đẩy mạnh thường xuyên phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ giáo viên và học sinh nhất là đối với học sinh sơ tán theo trường.

- Thực hiện tốt mối quan hệ với nhân dân. Phối hợp chặt chẽ với địa phương trong công tác bảo mật, tuần tra canh gác.

Chi bộ Đảng đã phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện tuyệt đối mọi hoạt động của nhà trường.

Mặc dù điều kiện tiên hành dạy và học trong hoàn cảnh sơ tán, lại phải chuyển đổi nhiều địa điểm, nhưng chi bộ vẫn

kiên trì chỉ đạo nhà trường giữ vững đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng và thực hiện đầy đủ nghị quyết của đảng bộ cấp trên cũng như nghị quyết Đại hội chi bộ trường hàng năm đề ra. Các đảng viên đều gương mẫu về mọi mặt, luôn đi đầu trong việc thực hiện nghị quyết của Chi bộ và các chủ trương, kế hoạch của nhà trường đề ra.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác Đoàn Thanh niên. Năm 1965 - 1966 Chi bộ Đảng đã phân công đồng chí Nguyễn Văn Long làm Bí thư Đoàn trường thay đồng chí Đỗ Am được điều động lên công tác tại Tỉnh Đoàn.

Năm 1967 đồng chí Nguyễn Văn Long được tuyển vào đơn vị Bộ đội tên lửa thì Chi bộ cử chi ủy viên là thầy giáo Lương Đình Lũng làm Bí thư Đoàn trường.

Từ 1968 là thầy Nguyễn Phúc Lộc, một đảng viên trẻ làm Bí thư Đoàn trường.

Đoàn Thanh niên nhà trường luôn là lực lượng xung kích trong mọi phong trào. Từ việc lao động chuyên trường, dựng lớp, đào hầm hào, tuần tra canh gác đến công tác dân vận, tham gia cùng nhân dân địa phương chống hạn, làm bèo hoa dâu, gặt lúa, hái chè, dỡ sắn...

Đoàn đẩy mạnh mọi hoạt động trong phong trào “tự quản” của học sinh và tổ chức các hoạt động thi đua tập trung vào chủ đề “dạy tốt, học tốt”.

Thông qua việc phổ biến về tình hình thời sự và giới thiệu về các tấm gương điển hình trong thanh niên cả nước trên các mặt trận chiến đấu, sản xuất và học tập, Đoàn trường đã xây dựng cho đoàn viên và học sinh về lý tưởng sống và niềm tin chiến thắng. Các đoàn viên đều đăng ký “3 sẵn sàng” theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Học sinh toàn trường đều tự giác rèn luyện nếp sống quân sự hoá, tôn trọng

tổ chức, kỷ luật. Xây dựng được tình đoàn kết, thân thiết, yêu thương bạn bè cùng lớp, cùng trường.

Bộ phận học sinh đi sơ tán theo trường được bố trí ở theo nhóm trong các nhà dân trong xã. Học sinh đều chịu khó vào rừng kiếm củi, trồng sắn, trồng rau, tự tổ chức nấu ăn, sống cần kiệm và có tinh thần giúp đỡ nhau trong cuộc sống xa gia đình.

Năm nào Đoàn trường cũng tổ chức đợt hành quân cắm trại theo hình thức “quân sự hoá” với mũ cứng, gậy tre, áo sẫm màu, vai khoác lá ngụy trang... Trên đường hành quân, học sinh phải giải các bài tập khó mới được vượt qua các “cửa ải” để tiếp tục “hành quân”. Trại được cắm dưới chân núi Cốc. Cả trường đi lấy củi về chất thành đống lớn. Tối đến, quanh ngọn lửa trại bập bùng rực cháy, thầy trò hào hứng cùng nhau quay vòng, sôi nổi vỗ tay theo nhịp và hát vang các bài “Đêm Trường Sơn nhớ Bác”, “Chiếc gậy Trường Sơn”, trại rất vui và mang một không khí trang nghiêm như trước giờ xuất trận...

Về Công đoàn trường, đồng chí Nguyễn Đức Lực tiếp đó là đồng chí Nguyễn Thị Phon được Chi bộ phân công đảm nhiệm chức vụ Thư ký Công đoàn.

Công đoàn trường tập trung động viên phong trào thi đua dạy tốt và chăm lo ổn định cuộc sống của cán bộ giáo viên nơi sơ tán.

Công đoàn làm tốt công tác giáo dục tư tưởng cho đoàn viên, giới thiệu những đoàn viên ưu tú để cho chi bộ Đảng xét kết nạp. Công đoàn phối hợp chặt chẽ với chuyên môn, tổ chức phong trào dự giờ, dự lớp, tổ chức các cuộc thi dạy giỏi, góp phần làm cho tập thể giáo viên khắc phục khó khăn, hăng hái hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn. Công đoàn trường cũng đã chú trọng chỉ đạo phong trào tăng gia

tự túc, động viên bác Bảy và chị Phượng xây dựng tốt bếp ăn tập thể của cán bộ giáo viên và của học sinh lớp toán đặc biệt. Ban chấp hành Công đoàn cùng với ban Chi uỷ và Hiệu trưởng còn tích cực làm công tác dân vận, do vậy trong những năm tháng sơ tán, thầy trò nhà trường được bà con địa phương quý mến, đùm bọc, giúp đỡ rất tận tình.

Năm học 1965 -1966, năm học đầu tiên của thời kỳ sơ tán, Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến có 12 lớp: 4 lớp 8, 4 lớp 9, 4 lớp 10, mỗi lớp có khoảng 45 - 47 học sinh, với tổng số trên 500 học sinh .

Việc dạy và học trong thời kỳ này cũng đầy ấn tượng và rất đổi tự hào. Để đảm bảo việc học tập, ngay trong những ngày đầu sơ tán ở xã Thịnh Đức, trong khi thầy trò chưa dựng xong các lớp học tại nơi sơ tán, thì học sinh đã tập trung ngay dưới những gốc cây to có tán lá rộng hoặc ven bụi tre ở các sườn đồi, làm địa điểm để học.

Các ghế băng dài thường ngồi hàng ngày, trở thành bàn viết còn dếp, guốc trở thành “ghế” ngồi. Học sinh chăm chú nghe các thầy cô giáo giảng bài và ghi chép vào vở đặt trên ghế băng. Khó khăn gian khổ là vậy, nhưng không khí học tập vẫn nghiêm túc, hăng say.

Tại Phúc Trìu, thầy trò nhà trường cũng đã trải qua những ngày đêm ra sức đào hầm hào để tránh bom đạn. Xung quanh lớp được đắp lũy đất dày, bốn phía hiên lớp học có lá cọ che giáp tới mặt lũy. Trước các cửa lớp có các đường hào dẫn ra các tuyến hào ditch dắc chạy quanh quả đồi ẩn dưới các tán rừng cây rậm rạp.

Mỗi lớp có độ 40 học sinh, được bố trí có một khoảng hào nhất định, trong khoảng hào lại đào các ngách đủ chỗ cho tất cả học sinh từng lớp xuống hào trú ẩn tránh bom đạn.

Có những ngày chỉ trong một buổi học, học sinh và thầy

cô phải tạm ngừng đến 3 - 4 lần để khăn trương thoát ra hầm hào, đến khi máy bay địch đã bay xa, có keng báo yên, thì thầy trò lại từ các căn hầm, các ngách giao thông hào, khăn trương kéo về lớp, tiếp tục học tập.

Ngay trong năm đầu đi sơ tán, trường đã quyết tâm tuyển một lớp toán đặc biệt (thời đó chưa gọi là lớp chuyên toán) và đây cũng là lớp toán đặc biệt đầu tiên trong lịch sử nhà trường cũng như của Ngành Giáo dục tỉnh Bắc Thái.

Vượt qua hiểm nguy do máy bay Mỹ bắn phá, các thầy giáo trong tổ toán ngày ấy đã phân công nhau đạp xe tốp đi khắp các huyện trong tỉnh, tuyển được hơn 40 em học sinh giỏi về học. Thầy Lương Đình Lũng là giáo viên chủ nhiệm lớp toán đặc biệt đầu tiên. Hệ lớp toán đặc biệt được duy trì đến năm 1971 - 1972 do thầy Bùi Kính Hùng, cô Lại Thị Mỹ, thầy Đào Thế Hưng là những thầy, cô dạy toán đầy nhiệt huyết và dày kinh nghiệm dẫn dắt các em. Đến năm 1972 do chiến tranh ác liệt, trường lại phải chia nhỏ ra để dễ hoạt động, do vậy lớp toán đặc biệt này cũng không duy trì được, (cho đến năm học 1982-1983 trường mới mở lại các “Lớp Chọn”).

Ủy ban Hành chính tỉnh và Ty Giáo dục Bắc Thái cũng đã có chế độ ưu đãi đối với học sinh của lớp toán đặc biệt. Trong khi miền Bắc chúng ta đang thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Tuy đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, nhưng học sinh lớp toán đặc biệt của Trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến cũng vẫn được hưởng tiêu chuẩn như dân thành phố: Một tháng được mua 15 kg lương thực (gạo, mỳ hoặc ngô, sắn), được cấp tem phiếu mua vải, đường, thịt và học bổng hàng tháng là 9 đồng 6 hào (lúc đó chỉ có 4 hào 1kg gạo).

Cuộc sống sinh hoạt và học tập của học sinh lớp toán đặc biệt được cán bộ, giáo viên nhà trường chăm sóc và dạy dỗ chu đáo.

Tuy phải ở trọ nhà dân nhưng các thầy cô luôn dành thời gian, đến từng nhóm học sinh trọ để hướng dẫn phương pháp học, chỉ bảo thực hiện nền nếp trong sinh hoạt, tác phong quân sự phù hợp với thời chiến và làm tốt công tác dân vận.

Hàng ngày, học sinh lên lớp nghe giảng buổi sáng, buổi chiều tự học theo nhóm trọ ở nhà dân. Các môn khác đều tự học, riêng môn toán các thầy thầy tự ra và sưu tầm trong báo “Toán học tuổi trẻ” hoặc dịch từ sách tiếng Nga cho học sinh rất nhiều bài tập về nhà, để học sinh tìm được phương pháp hay, đồng thời rèn luyện tính kiên trì, ham học và kỹ năng tính toán.

Trong điều kiện thời chiến như vậy nhưng học sinh vẫn duy trì nền nếp sinh hoạt và hoạt động tập thể: Thứ bảy hàng tuần sinh hoạt lớp để lớp trưởng và bí thư chi đoàn nhận xét, kiểm điểm. Hàng tháng, thầy chủ nhiệm họp với các nhóm ở trọ nhà dân để lắng nghe phản ánh của các gia chủ, nắm bắt diễn biến tư tưởng cũng như tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của từng học sinh, động viên chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập nhưng không quên công tác dân vận để “đi dân nhớ, ở dân thương”.

Từ đầu năm học, các lớp 8 tiếp quản khu nhà ở tập thể và lớp học của các anh chị 10 đã tốt nghiệp phổ thông, bước vào các trường đại học trong và ngoài nước. Nhà tập thể mà thầy trò đến ở là hai nhà cột tre mái lợp cỏ tranh, ở bên các đồi sim, mua của thôn Lai Thành xã Phúc Triu...

Lớp học cũng rất giản đơn được làm theo kiểu nhà hầm cho phù hợp với thời chiến để chống được bom đạn của giặc

Mỹ, đó là “ngôi nhà” không cột, chỉ có kèo để mái lá cỏ tranh úp lên căn hầm to đào chìm dưới đất, bốn phía có lối thoát ra giao thông hào đứng ngập đầu đến các hầm kèo trú ẩn xung quanh, mỗi khi có còi báo động của Khu Gang thép hoặc keng báo động của địa phương.

Thông thường, buổi tối học sinh học đến 9 -10 giờ dưới ánh đèn dầu tù mù.

Đời sống khó khăn nhưng không ảnh hưởng đến việc dạy và học của thầy trò nhà trường. Các thầy thay đổi phương pháp dạy toán làm cho học sinh tiếp thu bài thoải mái: Thầy đưa ra cách giải bài mới, sau đó thầy giải ngắn gọn, hay nhất là thầy trò cùng tranh luận để tìm ra phương pháp giải hay nhất, trong kỳ thi học sinh giỏi toán lớp 10 toàn tỉnh năm 1969-1970 các em Chính, Văn, Ban, Bình, Minh đều đạt giải nhất, nhì của tỉnh và được cử đi thi học sinh giỏi toán toàn miền Bắc đạt giải ba và khuyến khích...

Trước tình hình đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ra cả hai miền Nam, Bắc nước ta. Ngày 17 – 07 - 1966 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước:

“... Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”

Hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhà trường đã kịp thời tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt cho cán bộ giáo viên và học sinh, học tập “Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và liên hệ tư tưởng, xác định tinh thần ý chí quyết tâm

hoàn thành nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước trên mặt trận giáo dục.

Giữa lúc nhà trường đang gặp phải hoàn cảnh có nhiều khó khăn, vừa lo phòng không sơ tán, vừa tiếp tục đẩy mạnh hoạt động dạy và học, lo tăng gia sản xuất, lo giữ vững sinh hoạt đời sống cho cán bộ và học sinh, thì ngày 16 - 10 - 1968 thầy trò nhà trường rất phấn khởi được đón nhận thư của Hồ Chủ tịch gửi cho cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp năm học mới, trong đó Bác đã căn dặn: ***“Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt, học tốt”*** Lời dặn của Bác đã giữ vững tinh thần để thầy trò quyết tâm khắc phục khó khăn dạy và học thật tốt. Lời Bác dặn từ đó đã trở thành khẩu hiệu hành động của nhà trường. Tuy dạy và học trong hoàn cảnh sơ tán có nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng vẫn giữ vững tinh thần quyết tâm thực hiện lời Bác dạy.

Không khí bao trùm trong nhà trường lúc đó là tinh thần rèn luyện phấn đấu “vừa hồng vừa chuyên”. Thầy cô say sưa miệt mài soạn giáo án dưới ánh đèn dầu. Trò miệt mài học bài và làm cho hết bài tập với khẩu hiệu đề ra là “Chưa làm hết bài tập thì chưa đi ngủ”. Trong học sinh có phong trào truy bài theo nhóm và giúp đỡ nhau trong học tập. Tháng nào trường cũng tổ chức thi giảng dạy. Mỗi tuần, mỗi tháng đều có chủ điểm thi đua riêng. Việc rèn luyện quân sự và phong trào cất cao “Tiếng hát át tiếng bom” rất sôi nổi.

Do việc dạy và học được duy trì với khí thế sôi nổi và quyết tâm, nên trường vẫn luôn đứng đầu về số giáo viên dạy giỏi trong tỉnh về tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp và về số học sinh giỏi. Đội ngũ giáo viên của Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến cũng dần được tăng cường (trong đó có nhiều thầy cô dạy giỏi).

Giáo viên dạy toán gồm có các thầy Bùi Kính Hùng, Đào Thế Hưng, Lương Đình Lũng, Phạm Đan Quế, Hồ Ngọc Vân và các cô Lại Thị Mỹ, Trần Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thuý Khảm. Lê Kim Cương

Dạy lý gồm các thầy Vũ Ngọc Du, Nguyễn Xuân Hải, Dương Trục Sỹ và cô Hoan.

Dạy hoá có các cô Nguyễn Thị Phơn, Đỗ Thị Thân, Phạm Thị Trinh Mai, và thầy Trịnh Văn Vải

Dạy sinh có Thầy Phan Tiến Dũng,

Dạy văn gồm các thầy Hạnh, thầy Vũ Ngọc Nhâm, thầy Phẩm, thầy Phúc Lộc, thầy Lê Huy Linh, Cô Chung, cô Vũ Thị Minh Hương.

Dạy sử gồm cô Châu, thầy Hoàng, thầy Lê Trọng Hồng, cô Nguyễn Thị Ngọc Nhi, thầy Cáp Trọng Thúc.

Dạy địa có cô Tuyết.

Dạy chính trị có thầy Dương Thế Lương, thầy Lại Đức Thông.

Dạy Nga có thầy Lưu Giàu, thầy Chuyên, thầy Vân Long, thầy Kỳ Tài.

Dạy Trung văn có thầy Lực.

Dạy thể dục có thầy Trần Mạnh Chương.

Buổi tổng kết năm học đầu tiên (1965-1966) diễn ra dưới tán cây đồi Trám. Giấy khen cho học sinh giỏi chỉ là một tờ giấy pơ luya đánh máy, vậy mà học sinh đều nâng niu trân trọng, sung sướng và cảm thấy vinh dự vô cùng.

Đến nay, thế hệ học sinh thời kì sơ tán lần đầu tiên ấy rất tự hào khi được biết, trong số học sinh đó có nhiều người sau này đã phấn đấu rất thành đạt như:

Nguyễn Văn Vỵ tiến sĩ vật lý là Giám đốc sở Công nghệ - Môi trường tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn Bền Giám đốc sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Kạn, Ma Khánh Bào

giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên, Tô Đức Long tiến sỹ cơ khí tại Cục Đăng kiểm, Đặng Thị Đáp Giáo sư tiến sỹ sinh hoá (UBKHKHKT VN), Nguyễn Văn Toàn đại tá Học viện Quân sự, Nguyễn Cương tổng Cục phó Kiểm Lâm, Vũ Thụy Hùng tiến sỹ giảng viên Đại học Thái Nguyên, Trần Đình Động tiến sỹ vật lý, giảng viên trường Đại học Nông nghiệp I, Nguyễn Thị Sở giảng viên Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Lê Minh Chính tiến sỹ y khoa Đại học y khoa Thái Nguyên và còn nhiều sỹ quan cao cấp trong quân đội, nhiều tiến sỹ các ngành khoa học và nhiều chuyên viên, kỹ sư, bác sỹ đầy tài năng...

3. Thời kì trở lại hoạt động tại địa điểm trường cũ (1969 - 1972)

Trước thắng lợi to lớn của quân và dân hai miền Nam - Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và sau chiến thắng xuân Mậu Thân 1968, chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ bị phá sản. Ngày 31/3/1968 đế quốc Mỹ phải “xuống thang”, tạm ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Từ sau ngày hiệp định Pari được ký kết, bước vào năm học 1969 - 1970, Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến cũng đã được lệnh từ nơi sơ tán chuyển về địa điểm trường cũ. Thầy trò lại khẩn trương tu sửa, xây dựng cơ sở vật chất, nhanh chóng ổn định hoạt động dạy và học.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đang thu được nhiều thắng lợi trên cả hai miền Nam Bắc thì hồi 9 giờ 47 phút ngày 2/9/1969. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của nhân dân ta đã từ trần, để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta một tổn thất vô cùng lớn lao, một nỗi đau thương vô hạn.

“Với niềm thương tiếc và lòng biết ơn sâu sắc, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp phiên đặc biệt, ra Nghị quyết lãnh đạo tổ chức lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tỉnh và các huyện, thành phố, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, trường học trong toàn tỉnh”

(Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II tr. 87)

Trường phổ thông Cấp III Lương Ngọc Quyến đã kịp thời tổ chức trang nghiêm, trọng thể Lễ truy điệu và để tang Chủ tịch Hồ Chí Minh trong niềm tiếc thương vô hạn.

Biến đau thương thành hành động, thầy trò nhà trường đã hạ quyết tâm nhanh chóng tháo dỡ các lớp học tre nứa, rồi khiêng, gánh, thồ bằng xe đạp, chuyển hơn 10 cây số về khu trường cũ, thầy trò lại cùng nhau khẩn trương dọn vệ sinh trường sở, (lúc ấy khu nhà tầng đang là kho chứa đầy thuốc trừ sâu DDT, thầy trò phải xúc chuyển đi nơi khác, rồi gánh nước rửa sạch nền các lớp học, để nhanh chóng bước vào năm học mới.)

Thực hiện lời căn dặn của Bác Hồ trong Di chúc của Người, thầy trò nhà trường quyết tâm thực hiện việc cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập. Năm học 1969-1970 trường được Ty Giáo dục đánh giá chất lượng giáo dục đạt cao nhất trong các trường cấp III toàn tỉnh.

Năm học 1970 - 1971, nhà trường cũng đã đón nhận thêm các học sinh từ Đồng Hỷ chuyển sang học, làm cho số lớp và học sinh trường thêm đông. Qui mô đã lên tới 21 lớp, với gần 1000 học sinh, trong đó vẫn có hệ thống các lớp của khối học sinh toán đặc biệt

Từ năm 1970 Thầy Phạm Khang được bầu là Bí thư chi bộ. Hiệu trưởng nhà trường vẫn là thầy Dương Văn Tài. Đội ngũ giáo viên của trường cũng có nhiều biến động, Theo yêu cầu xây dựng đội ngũ giáo viên, một số thầy cô giáo được cử

đi công tác ở trường khác và một số thầy cô giáo nơi khác được tăng cường về trường như các thầy Bùi Quang Bảo, Vũ Hưng, Trần Hùng, các cô Phan thị Hạnh, Nguyễn Thị Phúc... Ngoài ra trường còn có nhiều sinh viên mới tốt nghiệp Đại học sư phạm hệ hoàn chỉnh 4 năm về trường công tác như thầy Nguyễn Văn Thụ, Chu Thôn, Hà Đức Lục, Nguyễn Thành Luận, Dương Văn Loan, cô Lê Thị Nga. *(hai thầy Thụ và Loan đã là đảng viên được kết nạp từ trường Đại học sư phạm).*

Khó khăn đặt ra lúc này là cơ ngơi trường sở lại chỉ có một dãy nhà 3 tầng với 12 phòng học, một nhà thí nghiệm và hai dãy nhà tập thể giáo viên.

Trước tình hình đó, nhà trường đã nhanh chóng tìm cách kịp thời làm thêm phòng học tạm (cột mai mái lá) để đảm bảo cho yêu cầu của dạy và học.

Hưởng ứng cuộc phát động của Công đoàn, giáo viên của trường có phong trào làm “đồ dùng trực quan” bổ sung đồ dùng dạy học bị hư hỏng trong khi di chuyển sơ tán và có thêm nhiều đồ dùng dạy học trên lớp.

Những ngày đầu trở lại trường cũ, song song với việc ổn định đời sống cho các gia đình cán bộ giáo viên, nhà trường đã đưa hoạt động dạy - học nhanh chóng đi vào nề nếp. Phong trào thi đua “Hai tốt” vẫn được giữ vững và liên tục được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức và biện pháp tích cực.

Thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo gương điển hình tiên tiến lúc đó là Trường cấp II Bắc Lý, Trường Thanh niên Dân tộc xã hội chủ nghĩa tỉnh Hoà Bình do Bộ Giáo dục phát động. Việc đưa lao động sản xuất vào nhà trường, đã trở thành một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác của nhà trường. Hàng tuần, mỗi lớp đều có một buổi lao động, sửa sang trường lớp, tiến hành trồng cây, làm vườn ươm giống

cây, vườn cây ăn quả. Thầy trò nhà trường hăng hái đào móng, san nền, dựng thêm những phòng học bằng tre lá, phòng họp Hội đồng giáo dục, phòng làm việc của Ban giám hiệu... Dẫu còn là nhà tre mái lá đơn sơ, nhưng cũng đã làm đủ số phòng cho học sinh học theo hai ca.

Mỗi năm nhà trường đều tổ chức 1-2 đợt lao động công ích xã hội chủ nghĩa. Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia lao động gặt mùa, dỡ sắn, đắp đê, san lấp hồ bom...

Từ năm 1971, thầy Dương Văn Tài được điều ra làm trưởng Phòng Giáo dục thành phố, thầy Bùi Quang Sang, cán bộ miền Nam tập kết, nguyên là cán bộ tổ chức của Ty Giáo dục Bắc Thái và là uỷ viên Ban cán sự giáo dục tỉnh, được cử về làm Hiệu trưởng.

Năm học 1970 - 1971 của Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến kết thúc hết sức thắng lợi, không chỉ là kết quả khôi phục lại trường sở sau chiến tranh mà cả phong trào thi đua "Hai tốt" cũng diễn ra sôi nổi. Năm học đã kết thúc với tỷ lệ chất lượng các mặt giáo dục của các khối lớp đạt khá cao, học sinh tốt nghiệp đạt tỷ lệ cao so với toàn tỉnh.

Thời kỳ 1969 -1972 đối với Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến là một quá trình mang nhiều ý nghĩa:

Năm 1969 là năm mở đầu cho thời kỳ khôi phục lại trường sở sau chiến tranh phá hoại lần I, đồng thời cũng là năm tiếp tục thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ III (6 - 1967)

Năm 1971 trở đi là năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khoá IV (tháng 4 -1971) về phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội. Nhà trường đã đề ra phương hướng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhằm góp phần đào tạo con người lao động mới cho địa phương và đất nước sau chiến tranh.

4. Thời kì sơ tán lần thứ II (1972 - 1973)

Tháng 3 năm 1972, trên đà thắng lợi, quân giải phóng miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược, chọc thủng 3 tuyến phòng thủ mạnh nhất của Mỹ- Ngụy trên những địa bàn chiến lược quan trọng. Chiến lược “Việt Nam hoá” chiến tranh của đế quốc Mỹ, đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn.

Nhằm cứu vãn tình thế thất bại, đế quốc Mỹ thực hiện việc “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, đồng thời chúng liều lĩnh gây ra cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2, đối với miền Bắc nước ta.

Từ tháng 4 năm 1972, đế quốc Mỹ đã huy động một khối lượng lớn máy bay hiện đại và hải quân, tăng cường ném bom nhằm phá hoại hệ thống giao thông, các cơ sở kinh tế quốc phòng. Thành phố Thái Nguyên cũng là một trọng điểm bắn phá của không quân Mỹ lần này.

Ngày 25/4/1972 Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp ra Nghị quyết chỉ rõ:

“Cần phải tiến hành gấp việc tổ chức sơ tán, phân tán, giãn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại xuống mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải đảm bảo sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt”

Đến cuối tháng 4/1972, các cơ quan, bệnh viện, trường học, những người già, trẻ em, phụ nữ có thai... được lệnh sơ tán gấp ra khỏi thành phố Thái nguyên. Trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến đã được lệnh tiếp tục sơ tán sang xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, bên kia sông Cầu, phía đông thành phố. Thầy Dương Văn Loan là đảng viên, bí thư Đoàn trường cùng với số đông nam học sinh lớn, có sức khoẻ, đã thức trắng nhiều đêm, hì hục ghép tre nửa thành mảng, chõ

các vật liệu: tranh tre nứa lá, bảng, bàn ghế qua sông Cầu để dựng trường lớp. Chẳng bao lâu 12 phòng học tranh tre, một dãy nhà tập thể giáo viên đã được thầy trò dựng xong, hệ thống hầm kè, giao thông hào và lũy đất bao quanh lớp được nhanh chóng hoàn thành.

Thời gian này⁽⁷⁾ không quân Mỹ đã dùng cả Pháo đài bay B52 và máy bay F111A ném bom ác liệt xuống những vị trí gần nơi sơ tán của trường. Có nhiều buổi học phải bỏ dở, nhiều tiết học bị gián đoạn nhưng giáo viên, học sinh vẫn không nao núng. Máy bay địch đến đánh phá thì nhanh chóng xuống hầm trú ẩn, máy bay đã bay xa, lại trở vào lớp, tiếp tục học tập. Giờ dạy bị gián đoạn, lại được dạy bù, dạy đuổi cho kịp chương trình năm học, vì vậy nhà trường đã đảm bảo đúng tiến độ năm học và đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp.

5. Trở lại hoạt động tại địa điểm trường cũ sau khi chiến tranh phá hoại chấm dứt.

Ngày 7 - 11 - 1972, hơn một tháng sau khi đặc cử, tiếp tục làm tổng thống Hoa Kỳ, Ních - xon lại ra lệnh tăng cường đánh phá Miền Bắc, chúng huy động một lực lượng tới 729 lần chiếc máy bay B52, 1900 lần chiếc máy bay cường kích, tập kích 12 ngày đêm vào Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Mô, Kép, Thái Nguyên.

Do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam - Bắc nhất là sau chiến thắng Điện Biên Phủ trên không 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 tại Hà Nội, ngày 27/1/1973, Đế quốc Mỹ

⁽⁷⁾ “Từ tháng 10/1972, trên địa bàn Thái Nguyên giặc Mỹ tăng cường sử dụng máy bay F111A đánh phá ban đêm. Chỉ trong 22 ngày máy bay địch đã bắn phá Thái Nguyên 46 trận”...

(Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập II tr.107)

buộc phải chính thức ký Hiệp định Pa - ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, cam kết công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, rút hết quân đội viễn chinh, quân đồng minh và các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta. Hoà bình được lập lại trên miền Bắc.

Sau ngày hiệp định Pa - ri được ký kết, Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến lại được lệnh từ xã Linh Sơn trở về địa điểm trường cũ. Thầy trò phấn khởi, khẩn trương vừa vận chuyển vật liệu, bàn ghế về ngôi trường cũ, vừa bắt tay xây dựng lớp học, lại vừa tiếp tục khẩn trương hoàn thành chương trình học kì II năm học 1972 - 1973. Kỳ thi tốt nghiệp năm đó trường vẫn giữ được tỷ lệ học sinh đỗ cao.

Năm học 1974 - 1975, thầy Đỗ Như Hiện, Hiệu trưởng Trường PT cấp III Đại Từ, được cử về làm Hiệu trưởng nhà trường, thay cho thầy Bùi Quang Sang, được Bộ Giáo dục điều đi công tác miền Nam.

Lãnh đạo Chi bộ do thầy Lại Đức Thông làm Bí thư và Chi uỷ viên là thầy Đỗ Như Hiện.

Trường sở lúc đó vẫn chỉ có 1 dãy nhà 3 tầng và 1 phòng thí nghiệm, xây dựng từ năm 1956. Qua nhiều năm chiến tranh, tường lớp bong lở, cánh cửa sổ và cửa ra vào cũng không còn! Trường cũng còn vài lớp học tranh tre xiêu vẹo và văn phòng nhà trường chỉ là 3 gian nhà lá. Bàn ghế không đủ, học sinh phải ngồi 5 em một bàn dài.

Trước hoàn cảnh khó khăn trên, các đồng chí giáo viên là đảng viên như các thầy Vũ Hưng, Bùi Quang Bảo, cùng anh Truyền, anh Lân là cán bộ văn phòng, được cử phụ trách tổ chức học sinh lao động tu sửa và xây dựng lại trường sở.

Được tỉnh cấp kinh phí, nên cơ sở vật chất nhà trường cũng nhanh chóng được sửa sang. Trường sở được kiến thiết

ngày càng khang trang hơn, tạo đà cho thầy trò phấn khởi hào hứng thi đua dạy và học.

Học kì II năm học 1974 - 1975 diễn ra trong không khí thầy trò hết sức vui mừng phấn chấn trước tin chiến thắng vang dội từ chiến dịch giải phóng Tây Nguyên. Niềm phấn khởi cứ dâng trào trước đà tiến công giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung và theo bước tiến quân thần tốc của năm cánh quân trong “Chiến dịch Hồ Chí Minh” bao vây tổng tiến công giải phóng Sài gòn.

Phấn khởi trước bước tiến công như vũ bão của các chiến sĩ giải phóng, học sinh các lớp có phong trào thi đua giành nhiều điểm giỏi. Các lớp qui ra và cộng các điểm 10 lại thành cây số để theo kịp bước các anh tiên quân. Học kì II năm học 1974 - 1975 tiếp tục tiến hành vào giữa thời điểm chiến dịch Hồ Chí Minh đang khép chặt vòng vây, năm mũi tiến công như vũ bão tiến thẳng vào giải phóng Sài gòn.

Ngày 2 - 5 - 1975, sân Trường Lương Ngọc Quyến rực rỡ cờ hoa, thầy trò hân hoan trong niềm vui sướng tràn ngập, mừng ngày toàn thắng đã về ta, non sông đất nước từ nay đã thu về một mối. Bài ca “ Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” vang lên khắp khu trường, vang mãi không ngớt. Trong không khí phấn khởi mừng chiến thắng mọi người lại nhớ tới trong suốt cả thời kì chống Mỹ cứu nước, từ mái trường Lương Ngọc Quyến lớp lớp học sinh đã tạm biệt quê hương và mái trường xung phong ra mặt trận, trong đó có nhiều học sinh tuy đã vào học các trường Đại học, nhưng cũng tiếp tục tình nguyện tòng quân vào Nam chiến đấu. Các anh đã chiến đấu dũng cảm và trở thành những Dũng sĩ diệt Mỹ. Nhiều người trong các anh đã hy sinh dũng cảm trên các chiến trường, cống hiến tuổi xuân cho đất nước mà tiêu biểu là liệt sĩ Vũ Xuân. Các anh đã để lại những bài học

tinh thần vô giá về lý tưởng, đạo đức và những tình cảm cao đẹp của thế hệ thanh niên thời chống Mỹ và trở thành những tấm gương sáng cho các thế hệ thanh niên hôm nay và mai sau noi theo.

Cùng với lớp lớp học sinh lên đường ra tiền tuyến, một số thầy giáo của trường Lương Ngọc Quyến cũng đã tạm biệt mái trường và gia đình lên đường tham gia quân đội như thầy Nguyễn Văn Long, thầy Phạm Khang hay đi vào chiến trường B như các thầy Nguyễn Tiết Long, Bùi Quang Sang, Nguyễn Ngọc Tám, Đặng Đức Thương, Trần Ngọc Vĩnh.

Thời kì 1965-1975, trong hoàn cảnh ác liệt của chiến tranh, Trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến được cấp uỷ và chính quyền của tỉnh và Thành phố Thái Nguyên, Ty Giáo dục Bắc Thái lãnh đạo và chỉ đạo sát sao được các cơ quan, đoàn thể sẵn lòng hỗ trợ, giúp cho nhà trường phấn đấu vượt qua khó khăn, trở ngại để giữ vững và phát triển cả về qui mô số lượng học sinh và chất lượng đào tạo.

Nhà trường đã nghiêm chỉnh chấp hành lệnh phòng không, sơ tán, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho thầy và trò qua suốt cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ.

Chi bộ Đảng, Ban Giám hiệu, Đoàn Thanh niên, Công đoàn và toàn thể cán bộ, giáo viên nhà trường đã nắm vững và kiên trì vượt khó thực hiện sáng tạo những nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong quá trình hoạt động, trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn luôn kiên trì đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”.

Đội ngũ giáo viên của trường bằng nhiều hình thức khác nhau, đã tự nâng cao được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, luôn nêu gương sáng trước học sinh. Nhiều thầy cô được công nhận là chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi.

Trong khó khăn gian khổ, tình đoàn kết giữa các thầy giáo cô giáo, giữa giáo viên với các em học sinh càng thêm thân thiết, gắn bó.

Cơ sở vật chất của trường được tạo dựng với tinh thần “tự lực” rất cao: 10 năm 4 lần dỡ trường, chuyển trường, đổi thay địa điểm. Khó khăn là vậy, nhưng thầy trò luôn đồng lòng chung sức, tạo dựng nên trường sở, đảm bảo cho hoạt động dạy tốt, học tốt.

Có thể nhận định rằng thời kì 1965 - 1975 của Đảng bộ và nhà trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến đã ghi dấu ấn về một thời hào hùng trong lịch sử trường.

Đó là một thời kì thầy trò quyết tâm thực hiện lời Bác dạy **“Dù khó khăn gian khổ đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy thật tốt, học thật tốt”** và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Thời kì thầy trò đoàn kết và gắn bó với bà con nhân dân địa phương và luôn giữ được niềm tin đối với phụ huynh học sinh và trong nhân dân.

Thời kỳ để lại những tình cảm không phai mờ của các thế hệ học sinh đối với các thầy cô và với mái trường thân yêu. Thời kỳ Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến luôn giữ vững được danh hiệu “Trường tiên tiến xuất sắc” trong phong trào thi đua “Hai tốt” trước biết bao cam go thử thách.

Chương V
TRƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN
TỪ SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT
(1975 – 1986)

Công cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta kéo dài trên 20 năm đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ngày 30/04/1975, miền Nam được giải phóng hoàn toàn, “Non sông được thu về một mối”. Cách mạng nước ta chuyển sang thời kỳ mới, với hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau chiến tranh, Đảng và nhân dân ta còn bộn bề trăm ngàn công việc, không giải quyết hậu quả chiến tranh, không công tác hậu phương quân đội, lo ổn định đời sống nhân dân... Công việc chưa làm được bao nhiêu thì chúng ta lại phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh không kém phần ác liệt, đó là cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và cuộc chiến tranh ở biên giới phía Bắc, trong khi nguồn viện trợ quốc tế, một nguồn lực rất quan trọng lại bị cắt giảm quá nhiều. Chúng ta một lần nữa lại phải huy động sức người, sức của gửi ra tiền tuyến.

Thực hiện Nghị quyết số 40 NQ-TU Ngày 5 – 5 – 1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát động đợt thi đua ngắn ngày “Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng”, trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến đã khấn trương vừa tìm cách sửa chữa khôi phục và xây dựng mới trường sở, vừa tiếp tục giải quyết những khó khăn nhiều mặt để sớm ổn định nền nếp hoạt động của nhà trường.

Tháng 12 – 1976, Đại hội toàn quốc lần thứ tư của Đảng vạch ra con đường tiến lên CNXH của cả nước. Vị trí của nền giáo dục phổ thông được Đại hội xác định là “...nền tảng văn hóa của đất nước, là sức mạnh tương lai của dân ta. Nó đặt cơ sở ban đầu rất trọng yếu cho sự phát triển của con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Ngày 11 – 1 – 1979, Bộ chính trị TW Đảng ra nghị quyết số 14/NQ-TW về cải cách giáo dục, hướng vào xây dựng nền giáo dục XHCN mang tính dân tộc và hiện đại Việt Nam⁽¹⁾.

Trong bối cảnh xã hội nước ta đang lâm vào khủng hoảng, các trường phổ thông nói chung và trường Lương Ngọc Quyến nói riêng phải cố gắng gấp bội để vượt qua vô vàn khó khăn trên con đường từng bước thực hiện CCGD.

Thời gian này thầy Lại Đức Thông vẫn là Bí thư chi bộ Đảng, sau khi thầy Thông nghỉ hưu, chi bộ Đảng bầu thầy Lưu Giàu là giáo viên môn Nga văn làm Bí thư.

Năm 1982, đồng chí Lưu Giàu chuyển công tác về UBMT Tổ quốc thành phố Thái Nguyên, đồng chí Nguyễn Văn Long phó Bí thư thay làm Bí thư, sau đó từ năm 1983 Đ/C Hiệu trưởng Nguyễn Đăng Kền được bầu làm Bí thư chi bộ.

Năm 1981 chi bộ cũng mới có 10 đảng viên, các đồng chí đều là những người có tinh thần trách nhiệm cao, phẩm chất

⁽¹⁾ Cuộc cải cách giáo dục lần thứ 3 này sẽ tiến hành làm 2 vòng, kéo dài 12 năm, bắt đầu từ năm học 1981 – 1982 trên cơ sở thực hiện tốt hơn và phù hợp hơn với thời đại mới những nguyên lý giáo dục đã khẳng định từ 2 cuộc CCGD trước: Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội. Đề án CCGD lần này có quy mô rất lớn, có tham vọng giải quyết rất nhiều yêu cầu trọng đại của nền giáo dục nước nhà trong tương lai lâu dài. Riêng về giáo dục phổ thông có việc thống nhất 2 hệ thống 10 năm của miền Bắc và 12 năm của miền Nam (Ngụy) thành hệ 12 năm.

đạo đức trong sáng và một lòng một dạ trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Gia đình các đảng viên đều nghiêm chỉnh thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên tỉ lệ đảng viên trong nhà trường còn rất thấp, chỉ bộ ngoài 3 đồng chí trong Ban giám hiệu còn có 1 đồng chí phụ trách thí nghiệm, 1 đồng chí là kế toán, 1 đồng chí phụ trách công nghệ phẩm và văn phòng phẩm (tất cả đều sinh hoạt ở tổ hành chính) và chỉ có 4 đồng chí là giáo viên.

Trong khi đội ngũ giáo viên thì đông, trong đó có nhiều đồng chí không những chỉ là cốt cán bộ môn của trường mà là của toàn tỉnh như đồng chí Chu Văn Thôn, Trần Hùng, Phan Tiến Dũng, Lê Thị Nga, Trần Thị Bảy, Nguyễn Thúy Bình, ... nhưng tất cả lại đều chưa phải là Đảng viên. Các tổ chuyên môn gồm Văn, Toán, Lý, Hóa không có ai là đảng viên cả. Chỉ có tổ xã hội có 2 đảng viên dạy chính trị đó là đồng chí Dương Thế Lương, Trần Bích Thiện, 2 đồng chí này tuổi đã cao; tổ Ngoại ngữ có đồng chí Lưu Giàu dạy Nga văn là Bí thư chi bộ; tổ Sinh – Kỹ thuật có đồng chí Đặng Đình Nguyên. Các thầy cô làm Thư ký công đoàn, Bí thư đoàn trường, bí thư chi đoàn giáo viên cũng đều chưa phải là Đảng viên. Như vậy là cả một bộ phận hùng hậu, quyết định nhất trong công việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, trung tâm trong nhà trường là “dạy tốt học tốt” lại trống vắng đảng viên.

Để phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ trong nhà trường. Chi ủy nhất trí chọn phương án trước hết cần xây dựng chi bộ vững mạnh để làm tiền đề xây dựng đội ngũ giáo viên: xây dựng chi bộ phải tiến hành song song hai nhiệm vụ là nâng cao chất lượng đảng viên và đẩy nhanh việc phát triển đảng viên.

Chi bộ đưa ra quyết định các đồng chí trong Ban Giám hiệu

không sinh hoạt với tổ hành chính mà tỏa về sinh hoạt gần với các tổ chuyên môn: đồng chí Nguyễn Đăng Kền Hiệu trưởng sinh hoạt với tổ toán và theo dõi tổ Lý, Hóa. Đồng chí Hiệu phó Lê Duy Sơn sinh hoạt với tổ văn và theo dõi tổ Xã hội. Đồng chí Hiệu phó Nguyễn Văn Long sinh hoạt với tổ ngoại ngữ và theo dõi tổ Sinh – Kỹ thuật nông nghiệp.

Chi bộ nhất trí công tác phát triển đảng phải nhằm vào các CBGV xuất thân từ thành phần cơ bản, gia đình cách mạng, gia đình chính sách nhưng trước hết phải là những giáo viên có trình độ chuyên môn khá giỏi, có tinh thần trách nhiệm cao, có uy tín với đồng nghiệp. Những giáo viên được chi bộ chọn đầu tiên để tuyên truyền vận động giáo dục và tổ chức kết nạp là các đồng chí: Vũ Thị Thắm tổ trưởng tổ Toán, là vợ liệt sỹ. Phan Tiến Dũng thư ký hội đồng nhà trường là con bác Phan Văn Tĩnh nguyên phó chủ tịch UBHC khu tự trị Việt Bắc, Bí thư tỉnh ủy Thái Nguyên cùng các giáo viên cốt cán khác như Chu Thôn tổ trưởng tổ Lý Hóa, Trần Hùng tổ trưởng tổ Vật Lý - KTCN (tách ra từ tổ Lý Hóa), Phan Thị Hạnh bí thư Đoàn trường. Nguyễn Ngọc Kim tổng chủ nhiệm...

Từ năm học 1974 – 1975, thầy Đỗ Như Hiện làm hiệu trưởng. Kết thúc năm học 1980 – 1981, thầy Đỗ Như Hiện được nghỉ hưu theo chế độ.

Ngày 25 – 8 – 1981, thầy giáo Nguyễn Đăng Kền được Ty giáo dục Bắc Thái ra quyết định bổ nhiệm làm Hiệu trưởng.

Vào giữa tháng 8 năm 1981, thầy Hiệu trưởng Đỗ Như Hiện ốm phải nằm bệnh viện nên 3 lần tổ chức bàn giao (do đồng chí Nguyễn Anh Tuấn trưởng phòng tổ chức chủ trì) đều không thực hiện được.

Ngày 1- 9-1981 theo chỉ đạo của đồng chí Trưởng ty Giáo

dục La Văn Ngâm, đồng chí Nguyễn Đăng Kền cùng đồng chí Nguyễn Anh Tuấn là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Ty giáo dục về trường, gặp 2 đồng chí Hiệu phó đương nhiệm là Nguyễn Văn Long và Lê Duy Sơn. Đồng chí Tuấn công bố quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng và yêu cầu 2 đồng chí phó hiệu trưởng phối hợp với Hiệu trưởng mới để tổ chức thật tốt lễ khai giảng năm học 1981-1982 và sớm ổn định nhà trường để hoạt động dạy và học đi vào nề nếp.

Hai đồng chí Hiệu phó đều còn trẻ, rất có trách nhiệm. đồng chí Long lúc đó là phó bí thư chi bộ, Hiệu phó phụ trách cơ sở vật chất, đồng chí Sơn phụ trách chuyên môn đã cùng với đồng chí Hiệu trưởng nhanh chóng triển khai các công việc một cách suôn sẻ.

Từ sau ngày đất nước thống nhất, chi bộ Đảng đã chỉ đạo nhà trường tập trung vào việc kiến thiết lại trường sở. Trường PT cấp III Lương Ngọc Quyến năm ấy vẫn chỉ có 2 công trình bằng gạch: 1 nhà 3 tầng có 12 phòng học và 1 nhà thí nghiệm, qua bao nhiêu năm chiến tranh bị bỏ hoang, có thời kỳ là nhà trọ của khách đi ô tô, đến khi trở lại thì tường bị lở loét mốc meo, nhà không còn 1 cánh cửa sổ. Phòng thí nghiệm cũng đã dột nát, trần nhà rơi rụng hết, ngói vỡ lung tung, mưa xuống dột cả vào những tủ đựng dụng cụ thí nghiệm và nước lênh láng dưới nền. Còn lại là những dãy nhà tranh nóc rách, vách lở, cột xiêu vẹo. Bàn ghế học sinh không đủ; có lớp 5, 6 học sinh chen chúc nhau trên cùng 1 chiếc ghế băng. Văn phòng của Hiệu trưởng, Hiệu phó, nhân viên Hành chính và nơi tiếp khách của trường cũng chỉ là một chỗ. Đồ dùng dạy học và thư viện cũng rất ít ỏi...

Với sự cố gắng của tập thể CBNV nhà trường, cơ sở vật chất dần dần được bổ sung thêm một cách nhanh chóng. Nhiều dãy nhà tranh được làm lại, nhà 3 tầng được lắp cửa

kính, cửa ra vào, từng nhà được nề đắp lại và quét vôi, rồi phòng thí nghiệm, nhà thư viện, hai dãy lớp học, nhà hành chính, 1 dãy nhà ở của giáo viên... được xây dựng bằng gạch ngói. Sách của thư viện cũng phong phú lên nhiều, công tác quản lý sách giáo khoa của thư viện đã đưa vào nề nếp. Đồ dùng dạy học cũng được Ty Giáo dục cấp với số lượng lớn, chất lượng cao. Trường lớp thay da đổi thịt nhanh chóng. Cơ quan Ty giáo dục đã chuyển đi, nhà trường lại có được một mặt bằng rộng lớn.

Lúc này tường rào của trường chưa có, nhân viên làm công tác bảo vệ trường cũng chưa, nên có rất nhiều khó khăn trong việc bảo vệ trật tự an ninh. Trong khi đó nhà trường lại phải đối phó với tình trạng lộn xộn của một số học sinh chậm tiến trong trường và số thanh thiếu niên hư ngoài nhà trường đến quấy phá. Có nhiều biểu hiện tiêu cực đã thường xảy ra như:

Dịp kết thúc năm học 1980 - 1981, trong buổi liên hoan, một lớp 8 ở tầng 3 đã đem rượu đến nhậu, rồi thi nhau nhảy “rốc-en-rôn” đến tận khuya, làm gây một loạt bàn ghế!

Đáng nhớ nhất là sự việc xảy ra ngày kết thúc năm học 1980 - 1981. Khi lễ bế giảng mới kết thúc chưa được 10 phút, trên sân trường xảy ra vụ đâm chém nhau: 4 học sinh của trường bị thanh niên ngoài phố xông vào đâm bị thương phải đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Trong các buổi họp, anh chị em giáo viên đã có nhận xét: “Học sinh có biểu hiện lười học!”. Mọi người đều băn khoăn “Cơ sở vật chất rõ ràng tốt hơn. Anh chị em cán bộ quản lý cũng như giáo viên đều tự thấy có tinh thần trách nhiệm, có kinh nghiệm quản lý và giảng dạy, mà sao chất lượng giáo dục lại sút kém?”. Đây cũng là tình hình chung của các trường phổ thông cả nước, nhất là ở miền Bắc. Vì vậy, để

bắt đầu thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ 3, Ủy ban CCGD trung ương ra Quyết định số 1 phát động phong trào “Tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong trường học”, nhằm nâng cao sức chiến đấu chống những hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh, trong sáng môi trường giáo dục. Chi bộ Đảng đã nghiêm túc nghiên cứu và triển khai thực hiện Quyết định số 1 của Ủy ban CCGD trung ương, đề ra chủ trương cần tăng cường hơn nữa công tác giáo dục đạo đức nhất là công tác giáo dục học sinh cá biệt, song song với việc đó nhà trường cần phải nhanh chóng có nhân viên bảo vệ để gìn giữ trật tự an ninh.

Nhà trường đã kịp thời liên hệ với Công an và được đơn vị Công an Cứu hỏa ở gần nhà trường bố trí 1 - 2 chiến sĩ công an đến bảo vệ giúp nhà trường vài tháng để sớm ổn định tình hình. Tiếp đó và cho đến nhiều năm sau này Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh giới thiệu những chiến sĩ tốt đã xuất ngũ tham gia hợp đồng bảo vệ nhà trường. Hội đồng phụ huynh học sinh biểu quyết khoản đóng tiền hợp đồng bảo vệ trường để giúp nhà trường giữ được trật tự trị an.

Thực hiện chủ trương của chi bộ, đoàn Thanh niên đã xây dựng chế độ tự quản của học sinh. Tổ chức nhiệm cùng với Đoàn thanh niên phối hợp theo dõi sâu sát việc thực hiện nội quy và nề nếp học tập của học sinh. Mỗi Chi đoàn cử 2 thanh niên cờ đỏ, thường xuyên theo dõi kiểm tra chéo các lớp, việc kiểm tra được ghi vào sổ sách hàng ngày và được điểm hóa. Ngoài ra mỗi tuần có 1 lớp trực tuần thực hiện việc tổng kết điểm theo nội dung thi đua đã đề ra. Với những giải pháp như trên, tình hình trật tự trị an ở chung quanh khu vực nhà trường cũng như nề nếp của học sinh trong trường đã có những chuyển biến rõ rệt.

Để sinh hoạt nhà trường vào nề nếp, điều rất quan trọng

cần giải quyết việc chống “rỗng giờ”. Có nhiều tiết rỗng cũng có nghĩa là có nhiều lớp không những không thực hiện được tiến độ chương trình, mà còn gây nên việc mất trật tự trong trường, thiếu bầu không khí học tập nghiêm túc. Tránh được giờ rỗng tức là đã tránh được sự lộn xộn của lớp học, bớt đi sự bức bối của các thầy cô giáo, bớt đi sự hoang mang lo lắng của cha mẹ học sinh.

Trong những lúc khó khăn, sáng kiến được xuất hiện. Đầu tiên là tổ Toán do đồng chí Vũ Thị Thắm làm tổ trưởng, đề xuất với ban giám hiệu là hãy bố trí thời khóa biểu làm sao mỗi ngày trong tuần có 1 giáo viên Toán không có giờ lên lớp. Giáo viên nào không có giờ hôm ấy được phân công “trực tổ” có nghĩa là có mặt tại trường suốt cả buổi học, nếu không may có giáo viên vắng đột xuất thì sẵn sàng lên lớp dạy thay đồng nghiệp và được tính ngay vào tiết dạy thừa giờ, hôm nào không có đồng nghiệp nào vắng thì soạn bài, chấm bài tại trường. Sau tổ Toán và tổ Lý - Hóa do đồng chí Chu Văn Thôn làm tổ trưởng cũng áp dụng hình thức “trực tổ” như tổ Toán, cái khó của tổ này là: nếu người trực là giáo viên Vật lý mà lại rỗng tiết Hóa thì buộc phải dạy Lý và tuần sau đó trả lại 1 tiết Lý cho giáo viên Hóa dạy bù. Chỉ trong vòng không đầy 1 tháng, lần lượt các tổ: Văn do đồng chí Vũ Thị Việt làm tổ trưởng, tổ Xã hội (Sử, Địa, Chính trị) do đồng chí Nguyễn Thị Nga làm tổ trưởng, tổ Ngoại ngữ - Thể dục do đồng chí Nguyễn Thúy Bình làm tổ trưởng lần lượt “đăng kí” quyết tâm không “để giờ rỗng”. Người xếp thời khóa biểu phải làm việc khá vất vả. Vì ngoài nguyện vọng cá nhân ra, còn có nguyện vọng chung của các tổ, nhưng rồi đồng chí Lê Duy Sơn hiệu phó phụ trách chuyên môn và đồng chí Phan Tiến Dũng thư ký hội đồng đã hoàn thành xuất sắc các yêu cầu này. Tổng kết năm học hầu như

mọi người đều ghi nhận điểm tiến bộ rất lớn của nhà trường là chóng được rộng giờ làm cho nền nếp dạy và học đã được chấn chỉnh lại.

Nhận thức được ý nghĩa và giá trị của lao động sản xuất trong nhà trường và việc trồng cây, nên ngay từ năm 1981 - 1982 nhà trường đã qui hoạch trồng cây, giao đất và khoán cho các lớp đào hồ, tự túc cây giống để trồng, từng học sinh tự đào hồ trồng cây. Cách làm khoán trắng xô bồ như trên kém hiệu quả. Sau nhiều lần bàn bạc rút kinh nghiệm, để đảm bảo có chất lượng nhà trường quyết định trồng thí điểm, mỗi lớp hãy trồng 1 cây nhưng phải chăm sóc bảo vệ cẩn thận, học sinh trực nhật phải tưới cây hàng ngày. Cuối năm xét thi đua về kết quả cây trồng. Kết quả là 100% cây trồng thí điểm đều sống và mọc xanh tốt.

Khi đã rút được kinh nghiệm trồng cây rồi, thì vấn đề khó khăn nhất lúc này là cây giống. Thời gian này ở Bắc Thái chỉ có 2 cơ sở có cây giống là Lâm trường Đồng Hỷ và trường Đại học Nông lâm Việt Bắc. Tuy vậy 2 cơ sở này cũng không bán cây giống, muốn có cây giống, nhà trường phải đưa hàng ngàn lượt học sinh đến Đại học Nông lâm lao động để đổi lấy 50 cây phượng về trồng. Gian khổ nhất là đưa hơn 3000 học sinh đến Lâm trường Đồng Hỷ lao động 3 - 4 ngày liền. Nhiều em ở xa đến 15km, cự ly các lớp lao động cũng cách nhau 3 - 4 km. Phương tiện đi lại chủ yếu là xe đạp, tuy vậy nhiều giáo viên và học sinh cũng không có xe đạp, nên phải đi nhờ xe của nhau, chỉ sau khi kết thúc đợt lao động, không xảy ra tai nạn giao thông, tai nạn lao động, không có vụ va chạm đánh nhau giữa học sinh với thanh thiếu niên các địa phương trên đường đi và nơi lao động thì cả trường mới thở phào nhẹ nhõm. Sau đợt lao động, Lâm trường Đồng Hỷ đã tặng trường 3 ha đồi đã trồng cây (để

làm vốn), vài trăm cây giống (cây mỡ) về trồng tại trường, giúp phương tiện vận chuyển (xe chuyên dụng), giúp thủ tục lấy về trường trên 20m³ gỗ. Số gỗ này đã đóng được hơn 100 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi cho học sinh, giảm đáng kể tình trạng 3 - 4 học sinh phải ngồi chung một bộ. Nhà trường còn đóng tặng mỗi giáo viên 1 tủ đứng cao 1,2m. Số cây giống đem về trồng tại trường vì không hợp thổ nhưỡng nên cây cứ chết dần. Vấn đề nan giải lúc này vẫn lại là cây giống. Được 2 anh Nguyễn Mộng Hùng và Nguyễn Tiên Nguyên giới thiệu chúng tôi đã liên hệ được với các anh ở Tổng cục lâm nghiệp là Bùi Xuân Yên vụ trưởng Vụ đối ngoại, anh Nguyễn Tôn Quyền vụ trưởng Vụ công nghiệp rừng, anh Ma Chương Thọ trưởng ban định canh định cư, các anh đã giúp cho trường 2kg hạt bạch đàn Australia.

Khi đã có hạt giống, trường tổ chức gieo ươm dưới sự điều hành của các cô giáo Vũ Thị Thắm, Hồ Thị Nhung, Đoàn Bích Liên, Nguyễn Thị Quang và một số học sinh lớp chuyên môn sinh. Tuy gieo hạt lần đầu tiên nhưng kết quả đạt được thật không ngờ: Tỷ lệ nảy mầm trên 90% , cây con mọc đều. Khi có cây giống nhà trường bố trí phân đất cho các lớp đào hố, mỗi em đào 1 hố cho đủ phân, đất mùn, chờ khi mưa xuống mới được mang cây con đến trồng. Với sự chăm sóc cẩn thận, nên cây nào cũng sống khỏe, mới sau một năm mà cây đã cao trên 1 mét đến 2 mét.

Ngày 9/1/1986 Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Thị Bình, thứ trưởng Trần Xuân Nhĩ, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Phan Xuân Đột, thứ trưởng Trần Sơn Thủy, chủ tịch UBND tỉnh Nông Đức Mạnh cũng với các giám đốc, phó giám đốc 18 tỉnh thành phía Bắc từ Bình Trị Thiên trở ra đến tham quan và trồng cây lưu niệm tại trường.

Trong lời phát biểu của mình đồng chí Bộ trưởng Nguyễn

Thị Bình tỏ ý hài lòng và khen ngợi nhà trường về thành tích chủ động tìm hạt ươm cây giống, áp dụng các biện pháp kỹ thuật đảm bảo được tỉ lệ cây sống cao. Thành tích chủ yếu của trường Lương Ngọc Quyến trong việc trồng cây là đã tiên phong đi đầu trong việc áp dụng kỹ thuật sản xuất cây giống, trồng kín khu vực trường và cung cấp cây giống cho các trường bạn và nhân dân địa phương...

Các đồng chí đại biểu đến tham quan đã trồng 18 cây lát hoa để làm lưu niệm với nhà trường.

Trường cấp III Lương Ngọc Quyến với sự lãnh đạo của chi bộ đảng nhà trường từ sau khi đất nước thống nhất 1975 đến năm 1986 đã khắc phục biết bao khó khăn để kiến thiết lại trường sở và khôi phục nền nếp dạy và học của nhà trường. Tiếp đó từ năm 1981 trường tạo nên sự chuyển biến bước đầu trong việc thực hiện phương châm gắn giáo dục với lao động sản xuất, hoạt động trên không chỉ mang lại hiệu quả về giáo dục mà còn có lợi ích thiết thực trong việc đổi mới bộ mặt của trường.

Sau một thời gian phấn đấu tập thể cán bộ giáo viên đã đưa sinh hoạt dạy và học của nhà trường vào nền nếp, các sinh hoạt chính trị, sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt chuyên môn đã dần nâng cao được chất lượng. Thầy trò đã yêu mến gắn bó với nhà trường. Số giáo viên đăng ký là chiến sĩ thi đua, số tổ đăng ký thi đua xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa ngày càng nhiều.

Hai năm liền 1982 - 1983 và 1983 - 1984 trường được công nhận là trường tiên tiến cấp tỉnh, được UBND tỉnh Bắc Thái tặng bằng khen.

Cuối năm 1982 - 1983 có hai tổ chuyên môn đạt tổ Lao động XHCN và 5 cán bộ giáo viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, có 5 học sinh đạt giải Học sinh giỏi quốc

gia, năm 1983 - 1984 có 14 em đạt giải học sinh giỏi quốc gia.

Năm 1984 trường được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, cuối năm 1984 - 1985 được Sở GD - ĐT, UBND Tỉnh thống nhất với Bộ GD - ĐT đề nghị, Nhà nước đã tặng Huân chương Lao động hạng III.

Năm 1985, 100% tổ đăng ký xây dựng tổ LDXHCN, số học sinh khá giỏi đã tăng, tốt nghiệp phổ thông thường đạt trên 90%, đỗ đại học bình quân trên 40%, học sinh lớp chọn đỗ đại học 80 - 90% (cao nhất tỉnh). Như vậy nếu tính từ năm học 1980 - 1981, sau những khó khăn ban đầu, với sự nỗ lực của thầy và trò, có sự chung tay góp sức của toàn xã hội, kỷ cương học đường đã được thiết lập lại. Thành tích thi đua 2 tốt đã được cấp ủy chính quyền và ngành giáo dục khẳng định, uy tín của trường ngày một lên cao, số học sinh cấp 2 thi tuyển vào trường ngày một đông thì cơ sở vật chất càng ngày càng thiếu. Đứng trước tình hình đó, nhà trường xin được xây thêm phòng học. Kinh phí không có đã đành, mặt bằng xây dựng cũng không có. Trong một cuộc họp phụ huynh học sinh toàn trường, 1 vị phụ huynh đã hiến kế là san quả đồi ở phía sau nhà 3 tầng 12 lớp học xuống khu ao trũng, như vậy vừa có mặt bằng xây lớp học, vừa có sân chơi bãi tập. Căn cứ vào đề xuất của trường, bác Đôn Văn Cước Phó CT UBND tỉnh đã cấp cho trường đủ số xăng dầu, công ty xây dựng thủy lợi Bắc Thái đã ủng hộ trường 3 ca máy ủi, sau đó là hàng chục ngàn công lao động của thầy và trò đã góp phần san đồi, và bước đầu hình thành 1 sân vận động. Việc làm này đã tiết kiệm hàng trăm triệu đồng (thời kỳ 85 - 86), đủ điều kiện xây nhà 3 tầng 18 phòng học ở phía sau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục thể chất (các giờ TD, TT đã có thể tiến hành trong nhà) giáo dục

quốc phòng, cắm trại, quân sự và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Từ khi có thêm 18 phòng học nhà trường không phải học ca 3, không phải lo tổ chức bảo vệ an toàn trật tự cho thầy và trò trong các đêm học. Trước khi có sân vận động việc tổ chức hành quân cắm trại quân sự (Thường vào dịp 22 - 12) hoặc việc tổ chức lửa trại truyền thống của Đoàn thanh niên (Thường vào dịp 26 - 3). Nhà trường phải tổ chức cho các em đi rất xa, tận Phúc Trìu, Khe Mo - Đoàn Kết hoặc Chùa Hang, Cao Ngạn... Có năm hội trại tại đồi cây các cụ trồng ở Đồng Bầm. Đây là dịp tốt để giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát, óc sáng tạo, tinh thần tập thể cho học sinh, giáo dục tình bạn, tình thầy trò và cũng là bước đầu để các em làm quen với công tác dân vận. Trong dịp này, các chi đoàn tổ chức kết nạp đoàn viên mới ngay trong đêm lửa trại. Ban chỉ huy trại thường tổ chức thi văn nghệ, thi thể dục thể thao như bóng chuyền, bóng đá, thi ném vòng cổ chai, thi ném bóng bàn vào chậu, thi kéo co, thi xếp đội hình đội ngũ và các động tác quân sự cơ bản. Năm nào Thành đội Thái Nguyên cũng cử các sĩ quan, chiến sĩ đến huấn luyện giúp các nội dung quân sự học đường theo chương trình. Có năm Đoàn còn kết hợp với Công đoàn tổ chức các cuộc thi khéo tay kỹ thuật như cắt tỉa hoa, cắm hoa, thi trang trí, thi nấu ăn, thi ứng xử, thi học sinh thanh lịch. Được tham gia các hoạt động này các em sẽ không bao giờ quên. Từ khi có thêm 18 phòng học, có thêm sân chơi, bãi tập có cây cao, bóng mát, đường đi phẳng rộng, sân chào cờ lát gạch, trải bê tông, dưới các tán cây có nhiều ghế đá thì các giờ thể dục thể thao, những phút nghỉ giữa giờ, các em không còn ngồi lì hoặc nô đùa trong lớp nữa mà cùng nhau ủa ra sân trường hít thở khí trời, vui chơi nhộn nhịp khác hẳn so với các năm học trước.

Sau giờ giải lao là bước vào giờ học mới hứa hẹn có chất lượng cao. Có thể nói giai đoạn 1975 – 1986 là giai đoạn mà nhà trường đã phải phấn đấu vượt bậc để lập lại nền nếp kỷ cương học đường, đảm bảo an ninh an toàn trong các tiết học, gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng Đảng với việc phát hiện bồi dưỡng giáo viên trở thành chiến sĩ thi đua giáo viên dạy giỏi, thi đua yêu nước trở thành động lực to lớn trong giáo viên học sinh. Nhiều tổ LD XHCN, tập thể học sinh XHCN đã được suy tôn. Nhiều cơ quan ban ngành giúp đỡ tạo nên sự phong phú về cơ sở vật chất mà không tốn kém!

Ngày 13 tháng 3 năm 1986, ngày Hội truyền thống đầu tiên của trường kỷ niệm 40 năm xây dựng và trưởng thành, anh chị em cán bộ giáo viên hết sức phấn khởi và tự hào là những người đã nối tiếp được truyền thống phấn đấu của các thế hệ cán bộ giáo viên đi trước, tiếp tục giữ vững, luôn đổi mới Nhà trường xã hội chủ nghĩa với qui mô tới 40 lớp và hơn 2400 học sinh.

Chương VI

TRƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYỀN

TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1987 – 2010)

1. Trường PTTH Lương Ngọc Quyền trong giai đoạn 1987 – 2000

Trải qua 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, nhân dân ta đã giành được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, cải biến được một phần cơ cấu kinh tế xã hội. Bên cạnh đó chúng ta còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm, sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985, đã đưa nền kinh tế của đất nước đến những khó khăn mới... Trước tình hình đất nước đòi hỏi, Đảng đã tích cực chuẩn bị và tiến hành Đại hội theo yêu cầu đổi mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986. Đại hội tiếp thu ý kiến xây dựng của toàn Đảng, toàn dân và tỏ rõ trách nhiệm của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Đại hội đã khẳng định những thành tựu, kiểm điểm sâu sắc những sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội trong những năm qua và đề ra đường lối đổi mới, coi đổi mới là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội VI, ngành giáo dục đào tạo đã có những chuyển biến tích cực. Trước hết là đổi mới tư duy giáo dục.

- Về quan điểm tư tưởng: giáo dục không chỉ nằm trong phạm vi cách mạng tư tưởng văn hóa, mà nó giữ vị trí trọng yếu trong chiến lược con người – trung tâm của toàn bộ chiến lược kinh tế - xã hội của đất nước.

- Do đó đến Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ tư khóa VII (1993), quan điểm “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu” được xác định.

(Đầu tư cho giáo dục chính là nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Cho nên cần tạo nguồn đầu tư theo hướng “Nhà nước và nhân dân cùng làm” (sau này là chủ trương “xã hội hóa giáo dục”).

- Về quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục: thực hiện đa dạng hóa. Các loại hình trường lớp như dân lập, bán công, chuyên ban... dần dần được phép xuất hiện theo quy chế hợp pháp.

Chuyển hướng theo sự nghiệp Đổi mới, Trường Lương Ngọc Quyến đã có nhiều việc làm tích cực, như đẩy mạnh việc thực hiện ngói hóa trường sở, mở hệ B trong giáo dục PTTH, phát triển trường theo hướng gắn giáo dục với lao động sản xuất, đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, từng bước khắc phục tình trạng thất học trong thanh thiếu niên...

Về sự phát triển của chi bộ Đảng, năm 1983 chi bộ mới có 10 đảng viên, đồng chí Nguyễn Đăng Kền là bí thư, năm 1986 chi bộ có một số đảng viên được điều chuyển đi đơn vị khác như đồng chí Lê Duy Sơn sang làm hiệu trưởng trường PT cấp III Đồng Hỷ, đồng chí Nguyễn Văn Long lên làm phó phòng phổ thông Ty giáo dục, đồng chí Nguyễn Ngọc Kim sang làm Hiệu phó trường PT cấp III Ngô Quyền, các đồng chí Mạc Thị Chung, Trần Văn Hùng được điều về trường THPT Năng khiếu tỉnh. Do tích cực làm công tác phát triển đảng viên mới nên đến năm 2000 số đảng viên đã lên tới 31 đồng chí.

Trong quá trình hoạt động, chi bộ Đảng luôn được xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt nên trong lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn không một đảng

viên, cán bộ nào trong nhà trường dao động, nao núng, nghi ngờ. Tất cả đều có niềm tin vào Đảng, và thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng.

Về công tác phát triển Đảng, Chi bộ đã lãnh đạo Đoàn Thanh niên và Công đoàn qua phong trào thi đua phát hiện những đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng. Năm 1998 đã mở được 1 lớp cảm tình với 20 đồng chí từ đó kết nạp được nhiều cán bộ giáo viên ưu tú vào Đảng. Năm 1999 kết nạp được 4 đảng viên, đầu năm 2000 kết nạp 7 đảng viên mới. Việc bồi dưỡng giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua đã được các tổ chuyên môn hết sức coi trọng. Hàng năm cứ vào đầu năm học, các đồng chí giáo viên cùng bộ môn thống nhất chọn ra 10 bài khó dạy, tất cả giáo viên đều phải sưu tầm tài liệu, soạn giáo án (kể cả các bài giải thực hành thí nghiệm) để đến lúc phải thao diễn giảng dạy nhân các ngày lễ 20 - 11, 8 - 3... Các giáo viên lần lượt bốc thăm, ai gặp bài nào dạy bài ấy để tổ dự giờ cho điểm xếp loại bài giảng. Đây là 1 trong các căn cứ đánh giá các danh hiệu thi đua cuối năm học.

Việc bồi dưỡng học sinh giỏi cũng có nhiều sáng tạo. Căn cứ vào nội dung yêu cầu chung, các đồng chí tổ trưởng chuyên môn chọn một số chuyên đề, phân công các giáo viên của tổ nghiên cứu và xếp lịch giảng dạy, bồi dưỡng học sinh giỏi. Do vậy các em được học nhiều thầy cô, học nhiều chuyên đề, và các giáo viên ai cũng có trách nhiệm học tập tích lũy phấn đấu trở thành giáo viên dạy giỏi. Vì thế số giáo viên giỏi hàng năm cứ tăng lên, có nhiều giáo viên trẻ sớm trở thành giáo viên dạy giỏi.

Chi bộ cũng rất quan tâm và có những chủ trương cụ thể đối với hoạt động của đoàn Thanh niên và Công đoàn. Trong BCH Công đoàn có 2 đồng chí chi ủy trực tiếp tham gia chỉ đạo, vì thế hoạt động của Công đoàn đạt nhiều kết quả tốt.

Ban chỉ ủy đã quan tâm xây dựng cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, đề ra kế hoạch bồi dưỡng đối tượng Đảng, tạo điều kiện thuận lợi cho những quần chúng tích cực có nguyện vọng, động cơ phấn đấu đúng đắn được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Việc thẩm tra kết nạp đảng viên được tiến hành kịp thời.

Trong quá trình hoạt động, có đồng chí mắc sai lầm khuyết điểm đã được chi bộ góp ý phê bình chân tình thẳng thắn để cho đồng chí sửa chữa tiến bộ.

Từ năm 1986 đến năm 2000 chi bộ nhà trường luôn được công nhận là trong sạch vững mạnh. Trường đã có chuyên đề “Công tác xây dựng đảng trong trường học” được sở Giáo dục và Thành ủy đánh giá cao. Trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ thành phố, đồng chí Nguyễn Đăng Kền được bầu vào ban chấp hành Thành ủy. Từ đó đến nay Đảng bộ trường THPT Lương Ngọc Quyến có đại diện tham gia Ban chấp hành Thành ủy.

Ngày 3 - 7 - 1991 đồng chí Nông Đức Mạnh ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đã thăm trường và ghi trong sổ vàng những lời động viên và căn dặn sau:

“Là một trong những trường được Bác Hồ đến thăm, là một trong những trường trung học lớn, nếu không nói là đầu đàn của tỉnh Bắc Thái. Đã từng là trường trong nhiều năm liền tiên tiến được tặng thưởng nhiều huân chương cao quý.

Tôi nghĩ rằng, tự hào về truyền thống, về những thành tựu đã đạt được, không thể không nghiêm túc nhìn thẳng vào những thiếu sót khuyết điểm để tự khẳng định mình. Làm được như vậy tôi tin rằng trường Lương Ngọc Quyến sẽ mãi mãi xứng với truyền thống đã có và sẽ tạo ra những bước tiến mới trong tương lai...”

Đối với công tác của Đoàn Thanh niên, suốt thời kỳ 1986

– 2000, năm nào Đoàn Thanh niên nhà trường cũng được Chi bộ Đảng chỉ đạo chặt chẽ và tập trung vào 2 nhiệm chủ yếu đó là công tác giáo dục truyền thống và xây dựng các “Tập thể học sinh Xã hội chủ nghĩa”.

Về giáo dục truyền thống: từ “Ngày cắm trại hành quân theo chân Bác” năm 1986 – 1987, nhân ngày kỷ niệm thành lập Đoàn cho đến ngày hội trại nhân kỷ niệm 45 năm ngày thành lập trường 13 – 3 – 1991 đều có những nội dung đáp ứng với yêu cầu giáo dục nói chung. Qua giáo dục truyền thống đoàn viên thanh niên được củng cố thêm về kiến thức, hiểu thêm về Đảng và Bác Hồ, về lịch sử dân tộc, về mái trường Lương Ngọc Quyến. Hình thức giáo dục truyền thống ngày càng phong phú hấp dẫn, từ việc tổ chức nghe nói chuyện, cắm trại, đọc sách báo, đến xem phim và còn được lồng vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...

Bên cạnh nội dung giáo dục truyền thống, Đoàn trường cũng đẩy mạnh các hoạt động giáo dục hướng nghiệp thông qua việc học tập ở Trung tâm hướng nghiệp kỹ thuật tổng hợp, 100% đoàn viên thanh niên đã tham gia học ở các lớp cắt may, mộc, vô tuyến, hàn điện... có nhiều học sinh tham gia vào đội thi khéo tay kỹ thuật của tỉnh và toàn quốc.

Xây dựng tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa cũng đã trở thành điểm mạnh của Đoàn Trường THPT Lương Ngọc Quyến. Bằng những việc làm cụ thể như 100% chi đoàn học sinh đều tổ chức nhóm học tập, có tổ trưởng và cán sự bộ môn phát huy tác dụng quản lý và giúp nhau trong học tập rất hiệu quả. Nhiều chi đoàn còn tổ chức câu lạc bộ 20 điểm 10, 60 điểm khá giỏi... Đoàn đã đưa ra khẩu hiệu “3 không” (không đi học muộn, không bị điểm kém, không nói chuyện trong lớp) đã có tác dụng thiết thực tới phong trào học tập,

dem đến kết quả cao cho nhiều năm học.⁽¹⁾

Đoàn trường liên tục đạt tiêu chuẩn Đoàn vững mạnh được Trung ương Đoàn tặng cờ luân lưu mang chân dung Bác Hồ.

Với Công đoàn trường, thời kỳ 1986 – 2000 là thời kỳ Công đoàn phải làm nhiều việc và trên thực tế đã có nhiều đóng góp rất thiết thực như đã cùng với nhà trường triển khai kế hoạch xây dựng “Làng giáo viên”, cùng tham gia quản lý các hoạt động sản xuất của trường ở xưởng hàn, xưởng xay sát gạo. Cùng nhà trường có phương án chi tiền phúc lợi, tiền học phí khối C hàng tháng.

Công đoàn đã phát động thi đua, vận động và giúp đỡ anh chị em giáo viên đăng ký và phấn đấu thành giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua. Ban CHCĐ cũng giới thiệu nhiều giáo viên ưu tú để Chi bộ xét kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

⁽¹⁾ Năm học 1987 – 1988 có 6 học sinh giỏi, 203 học sinh tiên tiến, thi học sinh giỏi cấp tỉnh đội Lý và Ngoại ngữ xếp thứ nhất đội toán xếp thứ nhì, đội văn xếp thứ 5. Trường có 8 học sinh tham gia thi toàn quốc, học sinh Bùi Xuân Trường, Đào Việt Chiến đoạt giải nhì môn Vật Lý, Lê Tuấn Ngọc và Ngô Như Khoa đoạt giải ba môn Lý.

Năm học 1988 – 1989 có 4 học sinh giỏi toàn diện, 215 học sinh tiên tiến, có 5 em đoạt giải nhì toàn tỉnh và 5 em đoạt giải nhì toàn quốc.

Năm học 1989 – 1990 có 232 học sinh tiên tiến, 8 học sinh giỏi tham gia kỳ thi toàn quốc.

Năm học 1997 – 1998 nhà trường có 18 học sinh giỏi toàn diện, 651 học sinh tiên tiến. 42 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, 3 học sinh dự thi học sinh giỏi quốc gia. Tốt nghiệp THPT đạt 94% (toàn tỉnh đạt 92%).

Năm học 1998 – 1999 nhà trường có 94 học sinh giỏi toàn diện, 1143 học sinh tiên tiến, 42 học sinh đoạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, có 4 học sinh dự thi học sinh giỏi quốc gia, tốt nghiệp THPT 95% (toàn tỉnh 82%). Toàn trường có 14 tập thể học sinh XHCN.

Năm học 1999 – 2000 trường đã có 149 học sinh giỏi toàn diện, 1152 học sinh tiên tiến, 82 học sinh đoạt giải học sinh giỏi tỉnh, 12 học sinh dự thi học sinh giỏi quốc gia trong đó có 3 học sinh đạt giải quốc gia, tốt nghiệp THPT đạt 97.17% (toàn tỉnh 91%). Toàn trường có 15 tập thể XHCN.

Là một nhà trường có tỉ lệ nữ rất cao nên công tác nữ công luôn được đặt thành trọng tâm trong công tác của Công đoàn trường. Cán bộ Công đoàn là những đồng chí rất gần gũi với đoàn viên để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng và có những giúp đỡ cụ thể thiết thực. Năm 1998 đồng chí Lưu Thị Toàn chủ tịch Công đoàn đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú.

Nhờ hoạt động tích cực của chi bộ Đảng và các đoàn thể Thanh niên, Công đoàn nên trường THPT Lương Ngọc Quyến đã có nhiều chuyển biến năng động và đầy sáng tạo.

Năm 1986 tỉnh thành lập Trường Phổ thông cấp III Đồng Hỷ, đặt tại khu vực gần núi Voi, thu hút các học sinh từ Đồng Bẩm đến Khe Mo, từ Đoàn Kết tới Trại Cau, nông trường Sông Cầu...

Năm học 1986 – 1987 Trường Lương Ngọc Quyến tách 8 lớp (4 lớp 11, 4 lớp 12) về học tại Đồng Hỷ, các lớp 10 trường Đồng Hỷ tự tuyển sinh theo kế hoạch.

Thời gian này cùng với uy tín của trường ngày một tăng thì số học sinh thi vào trường ngày càng đông. Chi bộ đã họp bàn và thống nhất chủ trương để tạo điều kiện đáp ứng cho số học sinh có nhu cầu tiếp tục được học lên cấp III đồng thời cũng tạo điều kiện cho giáo viên có thu nhập chính đáng bằng nghề nghiệp của mình, Nhà trường dự tính mở thêm một số lớp ngoài kế hoạch (gọi là khối C). Trường lúc ấy đã có 36 lớp công lập được chia làm 2 khối. Khối A học buổi sáng là những lớp học có môn Pháp văn. Khối B học buổi chiều là những lớp học có môn Nga văn. Thời gian đầu vì học 2 buổi nên họp hội đồng phải bố trí vào sau tiết 5 buổi chiều (từ 18 đến 20 giờ) nên cũng có nhiều khó khăn nhất là đối với chị em ở xa có con nhỏ.

Việc mở thêm khối C, theo phương án: học theo chương

trình chính qui, học phí thu theo thỏa thuận với Hội cha mẹ học sinh. Tiền thu một phần để gây quỹ phúc lợi cho Công đoàn quản lý, phần còn lại chia đều cho các tiết dạy, đã được cán bộ giáo viên nhất trí hưởng ứng. Chủ trương mở khối C như trên đã được phụ huynh học sinh hoan nghênh tuy có phải đóng mức học phí cao hơn. Chủ trương này cũng được Ty Giáo dục phê duyệt và chỉ đạo sát sao từ việc xây dựng qui chế, cách thức tuyển sinh, bố trí đội ngũ giáo viên giảng dạy, phương án sử dụng tiền học phí, và đặc biệt là vấn đề thi tốt nghiệp đối với học sinh khối C...

Năm học 1986 – 1987 tổ chức được 4 lớp khối C, các năm sau cứ tăng dần đến 8 lớp mỗi khối, toàn trường có tới 24 lớp khối C và vì không đủ phòng học nên khối C đành phải học vào buổi tối.

Từ khi mở khối C, nhiều giáo viên đã có thu nhập thêm từ 1/3 suất lương chính đến hơn cả suất lương chính của mình, mọi giáo viên đều phấn khởi. Nhà trường chọn những giáo viên nam khỏe có nhiều kinh nghiệm dạy học để dạy khối C và đồng thời phải làm cả bảo vệ, vì lúc đó trường chỉ có 20 phòng học không có hàng rào bao quanh, trường lại gần bến xe nên cũng có nhiều phức tạp.

Để giáo viên yên tâm đứng lớp thì nhất thiết buổi học nào cũng phải có mặt ít nhất 1 đồng chí trong Ban giám hiệu, đồng chí Phan Tiến Dũng phó hiệu trưởng nhà trường lúc đó được phân công phụ trách thường trực khối C.

Vì học ban đêm nên vấn đề ánh sáng là khâu thiết yếu. Nhà trường đã vận động được các đồng chí ban Giám đốc nhà máy điện Cao Ngạn thông cảm với khó khăn của trường và hết lòng giúp đỡ đã đồng ý cấp điện, lại cấp pha ưu tiên, ủng hộ cả cột điện, đường dây để phục vụ cho khối C.

Nét nổi bật trong hoạt động của trường là bên cạnh việc

duy trì nền nếp việc dạy và học, nhà trường đã có chuyển hướng nhằm thực hiện phương châm giáo dục kết hợp với lao động sản xuất. Gắn kết nhà trường với nhiều xí nghiệp để cho học sinh được tham quan, tham gia lao động tại nhà máy để vừa có kiến thức thực tế, vừa làm sinh động thêm bài học, nhà trường lại có thu nhập để làm phong phú thêm cơ sở vật chất.

Nhà trường đã trăn trở tìm tòi nhiều phương án để tổ chức hoạt động lao động sản xuất. Lúc đầu, mới chỉ chọn ra một nghề dễ làm, ít tốn kém, đó là nghề làm gạch nung. Trường tổ chức cho học sinh đào đất, làm nhuyển, đóng khuôn. Đất làm gạch lúc đó lấy ngay ở khu sân vận động bây giờ. Sau đó trường lại đặt ra chế độ cho học sinh làm khoán gạch mộc ở nhà. Các em phải nộp đủ 10 viên/tuần. Nhà trường tập kết số gạch mộc và nhờ bác Thắng là phụ huynh học sinh đến hướng dẫn cách xây lò và nung gạch. Mẻ gạch đầu tiên ra lò thì viên chín, viên non, viên to, viên nhỏ! Nhưng rồi cũng đủ để xây được 4 khu vệ sinh cho học sinh và bán được một số gạch tốt, thu về đủ tiền than. Sau này nhà trường thấy việc làm gạch hiệu quả thấp nên lại tìm hướng chuyển sang các việc lao động khác như:

Liên hệ và được Nhà máy điện Cao Ngạn ủng hộ xỉ lò của nhà máy để chuyển về cho học sinh đóng gạch “Pa Panh”. Loại gạch không nung, dùng để xây dựng công trình phụ nhà trường.

Liên hệ với nhà máy luyện cán thép Gia Sàng, hàng năm cho thầy trò vào tham quan và tham gia một số buổi làm vệ sinh nhà máy để gây quỹ trường. Được lãnh đạo nhà máy đồng ý, nhà trường còn tiến hành chiến dịch thu dọn sắt phế liệu do thầy giáo Nguyễn Ngọc Kim chỉ huy và chọn một số lớp 12 thực hiện. Làm gần 1 tuần lễ, số thép phế thu được có

đến hàng chục tấn. Trường liên hệ với Hợp tác xã Cộng Lực mua lại số thép phế đó và đổi lại cho trường bằng cột bê tông, vì kèo sắt để về xây dựng một số khu nhà cấp 4 (cột bê tông vì kèo sắt và lợp ngói) chấm dứt thời kỳ giáo viên, học sinh phải ở và học trong những nhà tạm bợ. Cũng từ tiền bán số sắt thép phế liệu mà mua được 1 số sắt thép chính phẩm để làm được 200 bộ bàn ghế sắt 2 chỗ ngồi. Nhà máy cơ khí 3 - 2 cho chỉ tiêu mua tôn làm mặt bàn mặt ghế và cử công nhân đến gia công giúp. 200 bộ bàn ghế sắt đã giải quyết thêm 800 chỗ ngồi cho học sinh trên 2 ca. Có thể nói thời kỳ này cơ bản giải quyết tốt việc trang bị bàn ghế trên lớp học. Như vậy là bằng sức lao động của thầy và trò, có sự giúp đỡ của các nhà máy xí nghiệp, nhà trường đã tiết kiệm cho nhà nước hàng trăm triệu đồng.

Ngày ấy nhà máy Z159 còn tặng trường 1 máy hàn có công suất lớn, cử cán bộ công nhân đến lắp đặt và hướng dẫn giáo viên học sinh cách vận hành sửa chữa các thiết bị trong trường nhất là số bàn ghế sắt bị hư hỏng rất kịp thời mà lại không tốn kém. Các nhà máy Z127, Z159, Z115 còn cử cán bộ kĩ thuật giúp trường dạy môn kĩ thuật công nghiệp.

Nhà máy xay xát gạo Mỏ Bạch bán lại cho trường một máy xay xát gạo cũ với giá thanh lý và cho công nhân đến trường hướng dẫn vận hành. Hoạt động của xưởng xay xát cũng hết sức nhộn nhịp và bà con nông dân lân cận thường mang thóc đến xay. Tiền thu về nhập quỹ phúc lợi của Công đoàn cũng khá, số cám được phân phối, bán rẻ cho giáo viên chăn nuôi lợn, gà.

Do có quan hệ gắn bó với trường, nhà máy Z159 đề nghị trường tổ chức lớp học ngay trong nhà máy, cơ sở vật chất, xưởng thực hành, giáo viên kĩ thuật do nhà máy đảm nhận,

còn giáo viên bộ môn văn hóa cơ bản do nhà trường phụ trách. Được Sở Giáo dục đồng ý việc mở “lớp bán công” ngay trong nhà máy đã tạo cơ hội cho hầu hết con em công nhân cán bộ nhà máy được học cấp III. Việc này duy trì được 2 năm, sau lại phải rút về học tại trường, do yêu cầu bí mật quốc phòng.

Năm 1987, tình hình kinh tế đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Số giáo viên ở trong khu tập thể phải tận dụng từng mảnh đất nhỏ để trồng rau tự túc cho bữa ăn, rau nuôi lợn. Cả tập thể giáo viên trên 40 hộ chỉ có 1 giếng nước ăn. Về nhà ở mới chỉ có 14 hộ ở nhà cấp 4, còn hơn 20 hộ và số độc thân phải ở trong các gian nhà tranh tre nứa lá.

Mặc dù công cuộc đổi mới đã tiến hành được hơn một năm, đất nước có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên tình hình kinh tế - xã hội trong nước nói chung và của tỉnh Bắc Thái nói riêng còn có nhiều khó khăn gian khổ. Mức sống thực tế của cán bộ giáo viên nhà trường tiếp tục giảm sút; tiền lương chưa đủ đảm bảo mức sống cần thiết nhất cho cán bộ giáo viên và gia đình họ. Hầu hết cán bộ giáo viên lúc đó ngoài việc dạy học phải tìm cách làm nhiều việc khác nhau bằng sức lao động của mình.

Nhận thức rõ khó khăn đó, chi bộ Đảng, ban Giám hiệu một mặt động viên cán bộ giáo viên đề cao tinh thần khắc phục khó khăn, khuyến khích các gia đình phát triển tăng gia, chăn nuôi, làm nghề phụ... mặt khác đồng chí Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường cùng với đồng chí Thư ký Công đoàn, bàn cách phải tìm đất, mượn đất để chia cho giáo viên tăng gia sản xuất, tự cải thiện cuộc sống. Người giúp giải quyết việc này là bác Vũ Ngọc Lan chủ nhiệm hợp tác xã Đồng Quang (sau này là chủ tịch xã Đồng Quang). Bác đã gợi ý nhà trường nên xin đất làm nhà cho cán bộ giáo

viên. Khu đất mà bác Lan giới thiệu chính là khu “Làng giáo viên Lương Ngọc Quyến” hiện nay. Được bác Lan chỉ dẫn, lãnh đạo trường và Công đoàn đến gặp bác Tư là trưởng ban kiểm soát hợp tác xã, và được bác sẵn sàng ủng hộ. Bác Tư còn chỉ cho cách xin chuyển đổi từ đất canh tác sang đất thổ cư. Có giấy tờ của Hợp tác xã Đồng Quang trong tay, lãnh đạo nhà trường lên UBND tỉnh gặp đồng chí Mai Phúc Toàn chủ tịch, đồng chí Nguyễn Ân phó chủ tịch để trình bày. Đồng chí Nguyễn Ân là phó chủ tịch UBND tỉnh, phụ trách nông nghiệp đã nhất trí ngay và cho thảo công văn, giao cho UBND thành phố làm thủ tục cấp đất.

Việc quy hoạch, việc chia đất, cấp cho ai, tỉnh và thành phố ủy nhiệm cho lãnh đạo nhà trường và Công đoàn giải quyết sao cho công khai, công bằng. Với mục đích là xin đất để giáo viên làm nhà ở và cải thiện đời sống nên hộ nào cũng được cấp trên 100m². Sau này nhà trường còn tiếp tục xin được đất làm nhà cho hơn một chục hộ phía cổng trường và gần chục hộ ở phía sau nhà 3 tầng, phía bên ô tô đi lên, nên đã gần như đáp ứng đầy đủ nơi ăn chốn ở của giáo viên, tạo điều kiện cho nhiều giáo viên “an cư lạc nghiệp”. Lần đầu tiên trường đã xóa bỏ được việc bao cấp chỗ ở tập thể cho cán bộ, giáo viên.

Trong lần Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo đột xuất đến thăm trường giữa lúc nhà trường đang tổ chức hội thảo về “Phong cách giáo viên Lương Ngọc Quyến”. Bộ trưởng đã chú ý nghe ý kiến thảo luận. Kết thúc buổi họp, Bộ trưởng đi thăm trường lớp, thăm làng giáo viên, Bộ trưởng đã ghi vào sổ lưu niệm của trường:

“Tôi rất vui mừng hôm nay được dự buổi họp của hội đồng nhà trường, nghe đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục, đồng chí Hiệu trưởng và nhiều đồng chí giáo viên phát biểu

ý kiến. Rất mong các đồng chí gắng sức tiến lên xây dựng tập thể giáo viên và cán bộ nhà trường thành tập thể sư phạm đoàn kết, mẫu mực, cùng nhau đưa trường ta phát huy truyền thống Lương Ngọc Quyến. Thật sự trở thành một trường dạy tốt kiến thức cơ bản, lao động, kỹ thuật hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông.

Thay mặt Bộ Giáo dục, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương những cố gắng to lớn của trường ta và mong các đồng chí tiến lên, xứng đáng là trường tiên tiến xuất sắc của tỉnh, tiến lên là trường mô hình đẹp chào mừng Đại hội VI”.

Năm 1990, Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Tâm lý hoang mang, lo lắng, tác động vào nhà trường. Hiện tượng giáo viên bỏ nghề, học sinh bỏ học diễn ra ở nhiều nơi rất đáng lo ngại. Trong bối cảnh đó, để ổn định tư tưởng, lấy lại sự cân bằng trong các hoạt động, chi bộ chỉ đạo nhà trường tổ chức một cuộc sinh hoạt chính trị sâu rộng lấy tên là xây dựng “Phong cách giáo viên Lương Ngọc Quyến”.

Phong cách giáo viên Lương Ngọc Quyến lúc đầu được xác định có 5 tiêu chí “Đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ, kỷ cương, hiệu quả”. Khi vào dự khai giảng năm học 1991 – 1992 đồng chí Nguyễn Ngô Hai lúc đó là ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí góp ý kiến nhất trí 4 tiêu chí đầu, riêng tiêu chí “hiệu quả” nên đổi thành “Trí tuệ”. Lương Ngọc Quyến là phải trí tuệ. Từ đó trở đi tiêu chí phong cách của trường được ghi là “Đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ, kỷ cương, trí tuệ”.

Khẩu hiệu trên đã thôi thúc động viên mọi người tự học, tự bồi dưỡng, hỗ trợ giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Tổ Văn của trường luôn là một tổ mạnh, nhiều đồng chí được giáo viên văn của các trường bạn biết tới, lớp cao tuổi có các cô Vũ Thị Việt, Nguyễn Thị Tuất, Hà Thị Đào, Đàm Minh

Thuận... lớp tiếp theo là các cô Nguyễn Thu Đông, Lê Kim Thoa... Các cô Nguyễn Tú Minh, Nguyễn Việt Hà, là giáo viên lần đầu tiên dự thi đã đạt giáo viên giỏi cấp tỉnh. Riêng cô Nguyễn Tú Minh vốn là giáo viên văn, vì muốn hợp lý hóa gia đình, đồng chí nhận dạy môn GDCD, tuy “trái tay”, nhưng thi giáo dục công dân lần đầu đã đạt giáo viên giỏi cấp tỉnh loại xuất sắc. Trước khi được đề bạt phó hiệu trưởng, thầy Bùi Anh Tuấn cũng nhiều năm đạt giáo viên dạy giỏi văn cấp tỉnh. Về môn Lý tiếp theo thầy Trần Hùng là các thầy cô Lại Đức Kế, Nguyễn Cảnh Tiên, Lương Tú Thủy, Phạm Thanh Nga, Trần Thị Thuận, Dương Xuân Hải. Về môn Địa có thầy cô Lê Thị Nga, Nguyễn Thị Lệ Diễm, Nguyễn Tiến Việt, Giang Văn Kham, môn Sử có cô Nguyễn Thị Thắng, Nguyễn Thị Oanh, Phan Thị Mai. Môn Hóa có cô Bùi Thị Loan, Nguyễn Thị Phương Dung, Ma Thị Bạ, Ma Quỳnh Nga, Bùi Bích Thủy, tiếp bước thầy Chu Văn Thôn. Môn Sinh có cô Trần Thị Bẩy, Đoàn Bích Liên, tiếp đây là Chu Thị Quỳnh, Ninh Thị Thanh Vân, Vũ Hoàng Yến. Môn Toán có các thầy cô Nguyễn Trần Nguyên, Nguyễn Huy Tuyển, Phan Yến Lan, Lê Thúy Ngân, Nguyễn Việt Hương, Đào Bình Minh, Nguyễn Thị Hương Xạ, Bùi Hồ Thủy, Tống Thị Liên Hoan, Lý Hồng Hạnh. Môn Thể dục thể chất có thầy cô Nguyễn Thanh Giang, Đinh Xuân Sinh, Nguyễn Ngọc Cường... Môn Giáo dục công dân có các cô Trần Minh Nguyệt, Ngô Thị Hòa Bình (cô Ngô Hòa Bình vốn là giáo viên văn). Các thầy cô trên, mỗi người có một hoàn cảnh riêng nhưng có cùng chung một quyết tâm, trách nhiệm, một tình yêu nghề, yêu trường lớp, yêu học sinh.

Năm 1994 nhân Bộ giáo dục tổ chức liên hoan văn nghệ thể thao cho các trường dân tộc nội trú ở Bắc Thái, vì trường

có sân vận động, có thể tổ chức được một số môn, nên được chọn là một trong các địa điểm thi đấu, lúc này Thái Nguyên chưa có nhà đa năng nên Sở Giáo dục đã đầu tư xây dựng nhà đa năng để phục vụ trước mắt cho hội thi, tiếp đó đầu tư xây dựng phòng thư viện, phòng thí nghiệm.

Vì đoạn đường từ ngã tư Đồng Quang vào trường còn lầy lội, trường báo cáo việc này với đồng chí Mai Phúc Toàn - Chủ tịch UBND tỉnh. Đồng chí Chủ tịch đã giao cho sở Giao thông khảo sát thiết kế thi công ngay. Nhân có Festival mà hệ thống lưới điện trong trường được UBND tỉnh lắp đặt hơn chục đèn cao áp, chạy xung quanh trường.

Năm 1986 trong dịp lễ hội kỷ niệm 40 năm thành lập trường và đón nhận huân chương lao động hạng Ba, nhiều thầy, cô giáo và học sinh cũ nêu ý tưởng cần có tấm ảnh Bác Hồ ngày về thăm trường treo trong phòng truyền thống, có tượng Bác đặt tại gốc cây xà cừ - nơi Bác đã nói chuyện với thầy cô giáo, cán bộ nhân viên và học sinh. Ý tưởng đó cũng là nguyện vọng chung của các thế hệ thầy, trò, kể cả phụ huynh học sinh. Ban lãnh đạo trường đã tích cực xúc tiến công việc với mong muốn đến kỳ hội trường 1991 (kỷ niệm 45 năm thành lập và đón huân chương lao động hạng nhì) nguyện vọng đó sẽ thành hiện thực.

Nhưng thực tế có rất nhiều khó khăn: tìm tấm ảnh ấy ở đâu? Làm sao có được tấm ảnh đẹp và chuẩn mực? Vấn đề đặt tượng Bác trong khuôn viên trường còn nan giải hơn, vì trường không phải là di tích lịch sử đã được xếp hạng. Ngay việc đúc tượng Bác cũng phải trải qua một qui trình thủ tục chặt chẽ và công đoạn kỹ thuật nghiêm ngặt.

Theo qui định chung: Nhà lưu niệm Bác Hồ chỉ được xây ở nơi di tích lịch sử đã được xếp hạng. Để đảm bảo tính giáo dục tư tưởng chính trị, tính khoa học và tính thẩm mỹ, việc

đúc tượng Bác nhất thiết phải trải qua các công đoạn bắt buộc và được các cấp chức năng thẩm định đầy đủ

- Hình mẫu 1: cao 20 cm.
- Hình mẫu 2: kích thước bằng người thật.
- Tượng chính thức có kích thước phù hợp với khuôn viên đặt tượng.

Để có tấm ảnh Bác như ý, trường đã liên hệ với nhiều nơi: Bảo tàng Việt Bắc; Bảo tàng quân khu I; Bảo tàng Hồ Chí Minh... Cuối cùng đến Thông tấn xã Việt Nam xin được tấm ảnh tư liệu nội bộ, muốn trưng bày phải phục chế. (Chị Tâm học sinh cũ của trường đã giúp công việc phục chế này)

Như vậy, để xây được nhà lưu niệm Bác Hồ, trường đã tiến hành một quá trình phấn đấu bền bỉ liên tục cả về phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” và cố gắng làm tốt mọi thủ tục để đáp ứng các qui định chung. Quá trình này kéo dài qua 2 kỳ hội trường kỷ niệm ngày truyền thống 13 – 3 (1991: đón nhận huân chương lao động hạng nhì, 1996: đón nhận huân chương lao động hạng nhất) mà chưa có nhà lưu niệm Bác Hồ.

Tuy nhiên, nhà trường quyết tâm và năng động, biết huy động các nguồn ủng hộ, từ UBND tỉnh, Sở giáo dục, Sở văn hóa, Tổng cục chính trị QĐNDVN... qua sự giúp đỡ chí tình chí nghĩa của các cựu học sinh như thiếu tướng Lê Ngọc Thủy, đại tá Đặng Đức Kim... cuối cùng mọi khó khăn đã vượt qua. Công việc xây dựng nhà lưu niệm được tiến hành rất khẩn trương với nhiệt tình ủng hộ của Công ty xây dựng số 1 của tỉnh (có 2 cựu học sinh của trường là kiến trúc sư Báu, đội trưởng đội thi công Điệp). Hội cha mẹ học sinh góp một phần kinh phí cùng với khoản tiền trích từ lãi suất tiết kiệm của quỹ phúc lợi (học phí khối C gửi ngân hàng). Công trình được hoàn thành trong vòng 1 tháng

mà không cần đến tiền từ ngân sách nhà nước!

Theo luận chứng qui hoạch của nhà trường: Khuôn viên đặt tượng Bác có diện tích rộng, thoáng, cảnh quan xanh tươi với vườn cọ, cây cao bóng cả, hài hòa với cổng trường cao rộng mở ra đường Lương Ngọc Quyến... Tượng bác vừa toát lên tính trang trọng linh thiêng, vừa mang dáng dấp hiền hòa, giản dị gần gũi rất hợp với phong thái của Bác. Nhưng do nhiều điều kiện việc qui hoạch đã diễn ra không hoàn toàn được như mong muốn.

Ngày 13 - 3 - 2001, ngày mà nhà trường đón nhận danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh, thành phố, các thế hệ thầy cô giáo và học sinh được vinh dự thấp nén nhang tưởng niệm đầu tiên, kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của Bác tại nhà tưởng niệm để nguyện phấn đấu sống, học tập, lao động theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến được phong tặng danh hiệu thi đua cao quý như vậy là nhờ đạt được nhiều thành tích nổi bật. Từ một trường ở thứ hạng trung bình, sau 10 năm phấn đấu nhà trường đã có một đội ngũ giáo viên có tình cảm thiết tha yêu nghề, yêu trường, luôn phấn đấu theo Đảng. Từ một chi bộ có 10 đảng viên đã phấn đấu thành một đảng bộ có hơn 30 đảng viên và hơn 10 đảng viên khác được điều động làm chuyên viên cho các cơ quan như Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Tỉnh đoàn, Hiệu trưởng, Hiệu phó một số trường bạn. Một số giáo viên giỏi được điều động bổ sung cho trường chuyên của tỉnh. Số giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua ngày một nhiều. Các năm học trước không có chiến sĩ thi đua, không có tổ lao động xã hội chủ nghĩa thì đến giai đoạn này chiến sĩ thi đua cấp cơ sở chiếm 40% trên tổng số giáo viên, nhiều người là chiến sĩ thi đua

cấp tỉnh, nhiều người được bằng khen của Bộ giáo dục, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ. Hai cán bộ giáo viên được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú. Số tổ lao động Xã hội chủ nghĩa cứ tăng dần. Có nhiều năm cả 6/6 tổ chuyên môn được công nhận là tổ lao động Xã hội chủ nghĩa. Đoàn viên giỏi của trường đi thi giáo viên giỏi của tỉnh được xếp thứ hạng cao, nhiều năm đạt giải nhất, nhì toàn đoàn.

Về phía học sinh, từ 36 lớp tăng lên 60 lớp, từ khi chưa có học sinh giỏi toàn quốc, đã vươn lên là trường có số học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh nhiều nhất. Ngay cả khi có trường năng khiếu thì trường vẫn có học sinh tham gia đội tuyển và được giải quốc gia. Số học sinh tốt nghiệp phổ thông và thi đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng luôn đứng ở tốp nhất nhì của tỉnh.

Trong các kỳ hội khoẻ Phù Đổng và thi giọng hát hay khối Trung học phổ thông, đoàn của trường thường xếp thứ nhất, luôn là trường dẫn đầu có các em tham gia đội của tỉnh, nhiều em được huy chương vàng và bằng khen, một số em được ưu tiên tuyển vào các trường năng khiếu Thể dục thể thao, các trường Văn hoá nghệ thuật trong và ngoài quân đội. Từ những năm 1980 - 1981, tình trạng học sinh hư và nhiều hiện tượng tiêu cực gây bức xúc và trở thành nỗi ám ảnh đối với nhà trường, gia đình và xã hội. Dần dần bằng nhiều biện pháp tích cực, tình trạng trên đã bị đẩy lùi, trong trường không có em nào nghiện hút, đánh nhau, trốn học hoặc vô lễ với thầy cô giáo.

Công đoàn nhà trường nhiều năm là đơn vị dẫn đầu khối các trường Trung học phổ thông được Liên đoàn lao động tỉnh, Công đoàn giáo dục Việt Nam tặng bằng khen cho tập

thể và cá nhân.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường, có một đội ngũ thạo việc, biết tập hợp đoàn kết đoàn viên thanh niên có nhiều hoạt động sáng tạo, nắm bắt được tâm lý và nguyện vọng của thanh niên, kết hợp tốt các hoạt động hàng ngày với giáo dục lý tưởng, truyền thống. Nhiều đoàn viên giáo viên đã được kết nạp vào Đảng. Nhiều chi đoàn học sinh được công nhận là tập thể học sinh Xã hội chủ nghĩa, tập thể “Học tập và rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”. Đoàn trường đã được Trung ương đoàn nhiều năm tặng cờ Nguyễn Văn Trỗi và cờ thưởng luân lưu mang chân dung Bác Hồ. Nhiều đoàn viên được tỉnh đoàn và Trung ương đoàn khen thưởng.

Trường đã có nhiều thành tích trong việc thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục. Bằng nhiều biện pháp khắc phục khó khăn, thiếu thôn về cây giống, kỹ thuật ương trồng và cố gắng huy động công sức thầy, trò. Nhà trường đã dần dần thay đổi bộ mặt, khiến cho toàn bộ khuôn viên nhà trường (36.000 m²) đã được phủ xanh. Hiệu quả cây sống trên 90%, được coi là điển hình của toàn quốc, được Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ lâm nghiệp biểu dương, được giám đốc các Sở giáo dục, các Sở Lâm nghiệp của các tỉnh từ Bình Trị Thiên trở ra đến tham quan và tham khảo kinh nghiệm. Từ một cơ ngơi chỉ có 20 phòng học, không có điện nước, phải học 3 ca, từ chỗ học sinh tập thể dục, tập quân sự học đường phải ra ngoài trường, không an toàn, không giữ được kỷ cương, nề nếp, nay trường đã phấn đấu để có một mặt bằng xây được 18 phòng học (nhà 3 tầng), có sân vận động để học và chơi thể dục, thể thao, học tập quân sự học đường, cắm trại và các hoạt động tập thể khác. Cũng từ việc thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục nhà trường

đã huy động được nhiều nguồn lực bên ngoài để cùng với sức lao động của thầy và trò đã tự túc được 100 bộ bàn ghế gỗ 2 chỗ ngồi, đồng thời tình trạng lớp học, nhà giáo viên bằng tranh tre, nứa lá tạm bợ đã được xoá bỏ. Đặc biệt cần ghi nhận thành tích tận dụng được nguồn lực trí tuệ, tay nghề và thiết bị chuyên dụng của xã hội vào nhiệm vụ giáo dục kỹ thuật tổng hợp cho học sinh (như đã nói ở phần trên) Trường hết sức chăm lo đời sống của cán bộ giáo viên và học sinh. Thực hiện chủ trương đa dạng hoá giáo dục, được Sở giáo dục cho phép trường mở thêm các lớp khối C (Sau này là lớp bán công) và tổ chức hợp lý để giáo viên nào cũng phát huy được khả năng chuyên môn, vừa giải quyết nhu cầu xã hội, vừa tăng thu nhập chính đáng (như đã trình bày ở phần trên). Ở trường, các tổ chuyên môn có phòng họp riêng, lúc giải lao hoặc chờ lên lớp có phòng chờ giáo viên, có nước uống, nhà vệ sinh tự hoại, có đèn sáng, quạt điện, có báo chí, sách tham khảo, có phòng y tế ... tất cả nhằm tạo điều kiện để giáo viên được giảng dạy và sinh hoạt tại trường một cách thuận lợi nhất. Mỗi kỳ hè Công đoàn nhà trường còn tổ chức tham quan du lịch ở hầu hết các nơi có danh tiếng của đất nước.

Tuy vậy giáo viên của trường vẫn còn rất khó khăn về nơi ăn, chốn ở. Nhà tập thể theo chế độ bao cấp trước đây giờ trở nên quá chật chội và bí bách. Lãnh đạo nhà trường đã làm được một việc có ý nghĩa đột biến nhằm cải thiện đời sống giáo viên là vận động xin đất làm nhà ở cho các thầy giáo, cô giáo. Mỗi người được cấp khoảng 100m² đất, 60 hộ lập thành “Làng giáo viên” Đây là “Làng giáo viên” ra đời sớm nhất và cho đến nay vẫn là duy nhất trong các trường trung học phổ thông toàn tỉnh.

Với những thành tích nổi bật như trên trường Trung học

phổ thông Lương Ngọc Quyến đã được nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Từ năm học 1994 – 1995, nhà trường đã đẩy lên cao trào xây dựng cơ sở vật chất, đầu tiên là Hội cha mẹ học sinh đóng góp kinh phí cải tạo nâng cấp nhà thí nghiệm thành nhà 2 tầng. Thư viện và dụng cụ thí nghiệm được chuyển lên tầng 2, tầng dưới được chia thành 6 phòng cho 6 tổ chuyên môn sinh hoạt, rồi làm nhà bảo vệ, khoan giếng lấy nước, sau khi đã chủ động được nước, nhà trường đã mua bình lọc cho học sinh uống. Bình lọc nước được đặt ở phòng y tế học đường, thùng nước có nắp đậy có khóa, theo dõi gần 1 tháng, không thấy có em nào việc gì, từ đây trở đi trực nhật các lớp đem ca lấy nước lọc, đem về lớp cho thầy và trò dùng, học sinh không còn lý do xin ra ngoài uống nước nữa. Ngoài ra trường còn tiếp tục xây 2 khu vệ sinh tự hoại gần phòng giáo viên.

Trong những năm 1992 – 1995 nạn đói phảo trong trường đã thành nỗi ám ảnh các thầy cô giáo và các nhà dân xung quanh trường, phải tốn nhiều công sức lắm mới dẹp được. Nhưng một tệ nạn mới lại xuất hiện nguy hiểm hơn, làm tăng nỗi lo lắng của toàn xã hội, đó là tệ nạn ma túy trong trường học. Để giải quyết tệ nạn này, nhà trường đã có nhiều giải pháp. Trước hết tiến hành tuyên truyền giáo dục. Tổ chức dạy lồng ghép trong các bộ môn như giáo dục công dân, địa lý, sinh học, văn học... mời chuyên gia tư vấn về nói chuyện chuyên đề cho toàn thể giáo viên học sinh, tổ chức các hòm thư kín nhằm phát hiện các em bị nghi vấn. Quản lý chặt chẽ việc học sinh vào, ra trường trong các giờ nghỉ giải lao. Đầu năm học cha mẹ học sinh cam kết với giáo viên chủ nhiệm là sẽ phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý con em mình, không để các em bị lôi kéo vào con đường

xấu. Đặc biệt nhà trường đã được Sở công an, Sở y tế, Bệnh viện A hết lòng giúp đỡ trong việc kiểm tra đột xuất bằng que thử đối với những em bị nghi vấn (việc thử phải bí mật bất ngờ để các em trong diện không kịp đối phó). Lần thử đầu tiên 10/65 em có phản ứng dương tính. Các em nhiễm nặng gia đình tự nguyện xin nghỉ học để tự cai tại nhà. Các em nhẹ hơn thì vừa đi học vừa tự cai. Số các em bị dương tính cứ giảm dần. Đến những năm 1999 – 2000 thì không phát hiện em nào dương tính nữa. Do làm tốt công tác giáo dục phòng chống nghiện hút ma túy, phòng chống HIV AIDS nên nhà trường đã được UBND tỉnh tặng 2 bằng khen.

Phòng y tế học đường ra đời trong một hoàn cảnh trường rất quyết tâm, nhà trường đã mạnh dạn báo cáo với Sở Giáo dục cho ký hợp đồng với cô: Nguyễn Thị Hồng - tốt nghiệp trung cấp Y, tiền lương lấy từ quỹ khối C. Lúc đầu chỉ trang bị được một cơ sở thuốc tối thiểu, phục vụ cho học sinh bị cảm cúm, tiêu chảy cấp hoặc sơ cứu các trường hợp bị ngã bị ngất do tập thể dục, tập quân sự. Nhưng sau này trường liên hệ thêm với trường Đại học y khoa và Bệnh viện đa khoa Thái Nguyên tổ chức cho học sinh khám mắt, khám răng miệng định kỳ, tổ chức cho Nữ giáo viên khám phụ khoa v.v...

Phòng y tế học đường còn kết hợp với tổng chủ nhiệm, đoàn TNCS Hồ Chí Minh tích cực vận động tuyên truyền việc mua bảo hiểm y tế cho học sinh. Những năm đầu do chưa hiểu mục đích, ích lợi của việc mua bảo hiểm nên các em còn mua ít, nhất là các em có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Sau này dần dần các em tham gia đông hơn. Tiền hoa hồng mà bảo hiểm trích lại (10%) một phần để tái đầu tư, mua trang thiết bị y tế, trang thiết bị cho việc lọc nước máy thành nước tinh khiết phục vụ thầy trò, số còn lại mua bảo

hiểm y tế cho các em học sinh nghèo. Do cách làm này mà nhiều năm liền 100% học sinh có thẻ BHYT, luôn dẫn đầu khối THPT. Các đoàn kiểm tra y tế học đường khi về trường đều có nhận xét là phòng thuốc phong phú, cán bộ y tế có trình độ chuyên môn tốt, có tinh thần trách nhiệm cao. Khu vực công cộng đảm bảo được vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường.

Cũng năm 1997 nhà trường được cấp kinh phí xây dựng cổng trường, xây dựng cải tạo lại khu văn phòng, phòng truyền thống, trang bị phòng họp cho giáo viên bằng toàn bộ bàn ghế Xuân Hòa. Khu sân trường thì thay bậc đàn bằng các cây phượng, bằng lăng, cây anh đào, dưới tán cây có khá nhiều ghế đá do học sinh các khóa và Hội cha mẹ học sinh tặng.

Nhà trường còn được đầu tư kinh phí xây 4 phòng học vi tính với trên 40 máy 1 phòng học tiếng cho 40 học sinh, được xây thêm một phòng chờ cho giáo viên 2 tầng, tầng trên là thư viện, phòng đọc, phòng khách, được hỗ trợ kinh phí cải tạo các phòng học cấp 4 thành nhà 2 tầng, tăng thêm được 8 phòng học.

Năm 1998, 3 trường: Lương Ngọc Quyến; Hàn Thuyên (Bắc Ninh); Ngô Sĩ Liên (Bắc Giang) lần đầu tiên tổ chức giao lưu văn hóa tại trường Lương Ngọc Quyến. Nội dung cuộc thi là một chương trình văn nghệ, thi học sinh giỏi các môn văn, toán, thi đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ, đôi nữ hai môn cầu lông, bóng bàn. Hội thi giao lưu văn hóa đã được các Sở giáo dục, lãnh đạo UBND các huyện thành, lãnh đạo UBND các tỉnh đến dự, cổ vũ động viên, có giấy khen ngay lần đầu tiên đã để lại nhiều dấu ấn, nhiều cảm xúc cho các đại biểu, cho thầy và trò trường bạn. Từ đó trở đi các trường luân phiên nhau đăng cai tổ chức, số thành viên lúc đầu chỉ

là 3, nay có thêm các trường: THPT Việt Bắc (tỉnh Lạng Sơn), THPT Trần Phú (tỉnh Vĩnh Phúc), THPT thị xã Cao Bằng (tỉnh Cao Bằng).

Từ năm 1986 đến 2001, nhà trường đã tổ chức 4 lần lễ hội truyền thống và đón nhận các danh hiệu cao quý được Đảng và Nhà nước phong tặng:

* 13 - 3 - 1986 Kỷ niệm 40 năm truyền thống và đón nhận Huân chương lao động hạng Ba.

* 13 - 3 - 1991 Kỷ niệm 45 năm truyền thống và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì.

* 13 - 3 - 1996 Kỷ niệm 50 năm truyền thống và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhất.

* 13 - 3 - 2001 Kỷ niệm 55 năm truyền thống và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Có thể nói đây là những mốc son, những thời điểm quan trọng để nhà trường tổ chức thi đua, tạo ra sự chuyển biến về chất trong hoạt động dạy và học, trong việc giáo dục lòng yêu nghề, yêu người, giáo dục lòng tự hào về quê hương, về mái trường thân yêu, từ đó phấn đấu rèn luyện để trở thành chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi, trở thành những đảng viên ưu tú của Đảng. Cũng nhân những ngày lễ này, bằng xã hội hóa giáo dục, bằng lao động của thầy và trò, bằng sự hỗ trợ của Nhà nước, cơ sở vật chất của trường ngày một khang trang và phong phú, từng bước đáp ứng yêu cầu của dạy và học trong nền giáo dục hiện đại. Bàn đi tính lại mãi trường được Sở giáo dục và UBND tỉnh nhất trí cho chọn ngày 13 - 3, ngày Bác Hồ đến thăm trường (13 - 3 - 1960) làm Ngày truyền thống của nhà trường.

Ngày 13 - 3 - 1986 cũng là ngày trường tổ chức ngày Hội truyền thống đầu tiên, nên việc tổ chức được chuẩn bị khá sôi nổi và kỹ càng.

Để lập thành tích chào đón ngày hội lớn, thầy và trò đã phấn khởi đẩy mạnh phong trào thi đua Hai tốt, chuẩn bị cho học sinh dự thi kỳ thi học sinh giỏi tỉnh, chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp lớp 12, phấn đấu để năm học đạt thành tích cao với nhiều chiến sĩ thi đua, nhiều tổ lao động xã hội chủ nghĩa, nhiều tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa.

Mọi việc điều hành chuyên môn trong trường đều do thầy Phan Tiến Dũng, Phó hiệu trưởng chủ trì, có sự hỗ trợ đắc lực, hiệu quả của thầy Chu Văn Thôn lúc đó là Thư ký hội đồng.

Đồng chí Hiệu trưởng lúc đó tập trung lo công tác “đổi ngoại”, lo nhất lúc ấy vẫn là kinh phí tổ chức, phương án mời và tiếp đón đại biểu, cũng như giáo viên, học sinh cũ...

Khi nhà trường báo cáo kế hoạch với UBND tỉnh, đồng chí Nguyễn Ngô Hai (lúc ấy là Phó Chủ tịch UBND tỉnh) chủ trì. Đồng chí nêu ý kiến cho phép trường mời Chính phủ, Bộ Giáo dục, TW Đoàn, Đại sứ quán Tiệp Khắc, Đại sứ quán Lào. Việc ăn ở đi lại của các vị khách trên sẽ do UBND tỉnh lo. Trường lo đón tiếp các cán bộ giáo viên cũ. Với học sinh cũ của trường thì Câu lạc bộ cựu học sinh ở Thái Nguyên và Hà Nội góp phần lo tiếp đón.

Riêng phần học sinh cũ ở xa về, Ban Giám hiệu trường rất băn khoăn, nhưng rồi có các anh Đinh Quang Ân, Chu Văn Cường, Nguyễn Tiến Huân (ban liên lạc cựu học sinh ở Thái Nguyên) các anh Lại Đình Cương, Nguyễn Đăng Long,... (ban liên lạc cựu học sinh ở Hà Nội) thống nhất phương án đón tiếp, lo nơi ăn chốn ở chu đáo.

Sau Tết âm lịch 1986, cả trường gồm thầy, trò, Hội cha mẹ học sinh, câu lạc bộ Nhà giáo hưu trí Lương Ngọc Quyến, câu lạc bộ Học sinh cũ Lương Ngọc Quyến Thái Nguyên và Hà Nội sôi nổi chuẩn bị cho ngày Hội truyền thống đầu tiên

13 - 3 - 1986. Ở trường việc dạy và học vẫn tiến hành bình thường, không để giờ rỗi, các lớp đã sửa chữa và sơn lại bàn ghế, lắp đặt lại cánh cửa, vá tường và nền lớp, quét vôi ve, trang trí lớp theo qui định, làm vệ sinh khu vực được phân công cho từng lớp. Yêu cầu giữ cho trường lúc nào cũng sạch, cũng đẹp đã được các đồng chí Nguyễn Ngọc Kim, Bùi Quang Bảo, Phan Tiến Dũng, Vũ Thị Thắm,... phối hợp tổ chức điều hành rất nhịp nhàng, hiệu quả. Tối 12 - 3 - 1986 việc chuẩn bị đã hoàn tất, chu đáo. Lễ đài đã được trang trí hoành tráng, sân khấu đã chuẩn bị xong, cờ khẩu hiệu đã căng lên đỏ rực sân trường. Ngoài phố đã có băng rôn, áp phích và treo đèn trang trí. Mấy ngày trước đó, chương trình, kịch mục đã được duyệt đi duyệt lại, màn đồng diễn múa nón và thể dục nhịp điệu cũng được diễn thử đến mấy lần (phần này đồng chí Bùi Quang Bảo có nhiều kinh nghiệm chỉ huy). Tập san kỷ niệm 40 năm đã nghiệm thu và đóng dấu kính biểu. Hoa tặng đại biểu đã đặt, các giáo viên nữ được phân công tặng hoa đã được tập huấn... Đêm đó cả Ban giám hiệu, lãnh đạo Công đoàn, đoàn Thanh niên và tổng chủ nhiệm, chủ nhiệm lớp trực tuần không ngủ.

6^h sáng 13 - 3 - 1986 đồng chí Nguyễn Văn Tuất chánh văn phòng UBND tỉnh và đồng chí Hiệu trưởng được cử về cầu Đa Phúc (địa đầu của tỉnh) đón Đại sứ quán Tiệp Khắc, Đại sứ quán Lào, cùng tháp tùng có 1 xe của cảnh sát giao thông... Theo lễ nghi các Đại sứ quán đã tới UBND tỉnh để chào xã giao.

7^{h30'} đoàn xe đến trường, có đồng chí Vũ Ngọc Linh, Nguyễn Ngô Hai, các đại sứ quán, các đồng chí lãnh đạo khác của tỉnh ủy, UBND tỉnh... Thầy trò hết sức phấn khởi, xúc động, đồng loạt đứng vỗ tay theo nhịp đi để nồng nhiệt chào đón khách quý.

Phần lễ hội diễn ra đúng chương trình, trong đó ấn tượng nhất là phần đón nhận Huân chương lao động hạng Ba. Riêng phần văn nghệ có phát sinh đặc biệt là khi 2 cô: Nguyễn Thúy Bình; Bé Hồng Minh lên hát và múa một bài dân ca Nga, nửa chừng bài hát thì vợ chồng đại sứ Tiệp Khắc Bôhuxlaphandoli, Đ/c Đại sứ Lào rồi đồng chí Vũ Ngọc Linh; Nguyễn Ngô Hai; Vũ Đức Thịnh Chủ tịch UBND thành phố, cũng lên sân khấu múa theo. Tiếp theo các học sinh cũ như anh Đình Văn Định; Trâm Anh cũng lên hát các bài về nhà trường do thầy trò lựa các anh sáng tác, trong đó ấn tượng nhất là bài “Cây mận nở hoa”... Không khí buổi lễ càng trở nên vui tươi rộn ràng, ấm cúng nghĩa tình.

Ngày 13 - 3 -1991 nhà trường đã tổ chức kỷ niệm 45 năm truyền thống. Đồng chí Đàm Quang Trung Bí thư TW Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng nhà nước đã đến dự và thay mặt Hội đồng nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì cho nhà trường. Đồng chí đã ghi vào sổ vàng của trường:

“Ngày 13 - 3 - 1991,

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập trường PHTH Lương Ngọc Quyến (13/3/1946 - 13/3/1991) 45 năm qua nhà trường đã đạt được nhiều thành tích góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo được nhiều thế hệ nhân tài trong công cuộc bảo vệ và xây dựng tổ quốc cũng như làm nghĩa vụ quốc tế.

Mong nhà trường giữ vững truyền thống tốt đẹp đã qua, một trường điển hình tiên tiến của tỉnh, xứng đáng với tên tuổi nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến - Một người đã chiến đấu kiên cường và hy sinh đời mình cho nền độc lập của dân tộc Việt Nam.

Tôi mong lại có dịp để đến chúc mừng nhà trường đón

nhận huân chương cao quý hơn nữa.

Chúc nhà trường tiếp tục phát triển theo hướng Đại hội Đảng VI đã vạch ra và Nghị quyết Đại hội Đảng VII sắp tới về chiến lược xây dựng và phát triển con người. Chiến lược trăm năm trồng người như Bác Hồ đã dạy...”

Ngày 13 - 3 - 1996, nhà trường đã tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập trường. Buổi lễ được phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đến dự và thay mặt Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất cho trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến.

Với niềm vui mới, toàn trường sôi nổi hoàn thành nhiệm vụ năm học, kết quả là Nhà trường được công nhận là Trường tiên tiến, số chiến sỹ thi đua, giáo viên dạy giỏi, lớp tiên tiến tăng hơn năm trước, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp cao nhất tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng luôn đứng nhất toàn đoàn. Cuộc thi tiếng hát hay PTTH có nhiều giải vàng, bạc, đoàn giáo viên tham gia thi giáo viên giỏi cũng đạt kết quả tốt.

Năm 1996 đồng chí Nguyễn Đăng Kền hiệu trưởng nhà trường đã vinh dự được Hội đồng Nhà nước phong tặng danh hiệu: Nhà giáo ưu tú.

Trong quá trình phát triển Trường THPT Lương Ngọc Quyến, trường luôn nhận được những sự chỉ bảo ân cần, những tình cảm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ Lâm nghiệp; các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành ủy, UBND Thành phố khi đến thăm trường như các đồng chí Nông Đức Mạnh, Nguyễn Khánh, Nguyễn Thị Bình, Đàm Quang Trung, Nguyễn Phú Trọng, Phạm Minh Hạc, Vũ Ngọc Linh, Đặng Quốc Tiến, Nguyễn Ngô Hai, Mai Phúc Toàn, Lương Đức Tính, Nguyễn Ân, Đôn Văn Cước, Hồ Đức Việt, Doanh Hằng, Phan Thế Duệ, Lê Xuân Hùng, Phạm Xuân Dương...

các đồng chí mang đến nguồn động viên khích lệ hết sức lớn lao đối với thầy trò cùng cha mẹ học sinh toàn trường.

Nhà trường cũng đã được các cơ quan ban ngành, đoàn thể, các hội cha mẹ học sinh đã giúp sức cho trường vượt qua những khó khăn trong những bước đi từng bậc, từng bậc lên cao đó là các phần thưởng: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1984, Huân chương lao động hạng Ba 1986, Huân chương lao động hạng Nhì 1991, Huân chương lao động hạng Nhất 1996, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2000.

Trong báo cáo tổng kết tại Đại hội đảng bộ trường lần thứ nhất (30 - 9 - 2000) đã nêu: *"Sau 15 năm đổi mới đặc biệt là 5 năm trở lại đây, từ một trường ở thứ hạng trung bình đã phấn đấu trở thành trường tiên tiến xuất sắc của tỉnh, được Bộ Giáo dục tặng Bằng Khen là trường tiên tiến điển hình xuất sắc toàn quốc. Từ một chi bộ có trên 1 chục đảng viên nay đã là một đảng bộ với trên 30 đảng viên. Công tác giáo dục toàn diện đã thu được kết quả tốt đẹp. Đảng bộ nhà trường nói riêng và Trường THPT Lương Ngọc Quyến nói chung đã xứng đáng với sự tin yêu của cấp ủy Đảng, các cơ quan, ban ngành và nhân dân địa phương. Tuy nhiên nghiêm túc kiểm điểm, đảng bộ vẫn còn có một số thiếu sót sau:*

Trình độ của đảng viên nói riêng, cán bộ giáo viên nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu mới. Chưa thành thạo trong các giờ thực hành, chưa đủ trình độ tư vấn nghề nghiệp cho học sinh. Thiếu kế hoạch chủ động trong việc tự bồi dưỡng, còn lúng túng trong việc nghiên cứu khoa học và đổi mới phương pháp dạy học.

Trường còn chưa có phòng thực hành thí nghiệm, chưa có thư viện và kho sách điều đó hạn chế đến chủ trương xây

dựng tủ sách giáo khoa dùng chung và việc đọc thêm của học sinh; ảnh hưởng đến việc gắn lý luận với thực tiễn, lý thuyết với thực hành; ảnh hưởng đến việc đào tạo cán bộ kỹ thuật công nhân lành nghề cho sự nghiệp Công nghiệp hoá – Hiện đại hoá đất nước”.

2. Trường THPT Lương Ngọc Quyền trong nhiệm kỳ I của Đảng bộ trường (2000 – 2005)

Căn cứ vào chất lượng và số lượng 31 đảng viên, ngày 11 - 8 - 2000 Thành ủy Thái Nguyên có quyết định số 143 - QĐ/TY về việc thành lập Đảng bộ cơ sở và chỉ định ban chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm đồng chí Nguyễn Đăng Kền bí thư, đồng chí Lưu Thị Toan phó bí thư, các đồng chí Lại Đức Kế, Nguyễn Cảnh Tiến, Trần Thị Nhuận là Đảng ủy viên.

Ngày 5 - 9 - 2000 đồng chí Nguyễn Phú Trọng ủy viên Bộ Chính trị đã đến dự lễ khai giảng năm thứ 54 của nhà trường, mang đến cho thầy trò nhà trường nguồn động viên khích lệ lớn lao.

Ngày 30 - 9 - 2000 Đảng bộ nhà trường đã tiến hành Đại hội lần thứ nhất và đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm các đồng chí Nguyễn Đăng Kền bí thư, Lại Đức Kế phó bí thư, các đồng chí Bùi Thị Loan, Trần Thị Nhuận, Nguyễn Cảnh Tiến, Lưu Thị Toan, Bùi Anh Tuấn là đảng ủy viên. Có thể nói đây cũng là một thời điểm lịch sử rất quan trọng, vì lần đầu tiên một trường THPT của tỉnh Thái Nguyên thành lập Đảng bộ để lãnh đạo hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Năm 2005 Đảng bộ đã có 45 đảng viên sinh hoạt tại 2 chi bộ (chi bộ khoa học tự nhiên và chi bộ khoa học xã hội) đây là những hạt nhân quan trọng luôn là đầu tàu gương mẫu trong mọi phong trào, nhất là phong trào thi đua “Hai tốt”

(dạy tốt – học tốt). Đội ngũ giáo viên là đảng viên cũng là những nhân tố đi đầu trong việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cũng như việc đổi mới phương pháp giảng dạy, trong số 108 cán bộ giáo viên đã có 30% giáo viên có trình độ thạc sỹ trở lên (trong đó có 8/45 đảng viên có trình độ trên đại học). Đặc biệt trong 41 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2 - 3 lần, có 24 đồng chí là đảng viên.

Từ năm 2001 đến 2005 Đảng bộ đã kết nạp được 22 đảng viên, riêng năm 2005 đã có 7 quần chúng ưu tú được đứng trong hàng ngũ của Đảng, đây là điều kiện tốt nhất để đóng góp sức mình xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ nhà trường, Công đoàn đã tổ chức chỉ đạo phong trào “Giỏi việc trường – Đảm việc nhà”⁽²⁾ một cách có hiệu quả, giúp cho chị em cán

(2) Đoàn chủ tịch Tổng LĐLĐVN vừa ban hành Chỉ thị số 03/CT-TLĐ về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong nữ CNVCLĐ. Gồm 6 nhiệm vụ chủ yếu sau:

1/- Tiếp tục quán triệt NQ số 11/NQ-TW ngày 22/4/2007 của Bộ chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH – HĐH đất nước, Luật bình đẳng giới, chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2010 – 2020. Lồng ghép phong trào với thi đua “LĐ giỏi, LĐ sáng tạo”, cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

2/- Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, tiêu chuẩn thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”

3/- Chủ động tham gia với chính quyền, người SDLĐ tạo việc làm cho nữ CNVCLĐ.

4/- Đẩy mạnh các hoạt động xã hội, nhân đạo, duy trì và phát triển các quỹ “Vi nữ CNLĐ nghèo”, “Trợ vốn”, “Mái ấm CĐ”, “Bảo trợ trẻ em của CĐVN”.

5/- Phát hiện, giới thiệu những nữ CĐVCLĐ ưu tú, trưởng thành từ phong trào để đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp hoặc tham gia vào các cấp ủy, bộ máy lãnh đạo CĐ, chính quyền các cấp.

6/- Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp CĐ, tiếp tục kiện toàn ban nữ công các cấp đủ về số lượng, nâng cao chất lượng để làm tốt việc tham mưu về công tác vận động nữ CNVCLĐ.

bộ, giáo viên, công nhân viên phấn khởi hăng say làm tốt cả hai nhiệm vụ: việc trường và việc nhà.

Ban chấp hành Công đoàn luôn lắng nghe tâm tư nguyện vọng của chị em để làm tham mưu với Công đoàn và nhà trường về tổ chức thi đua cho phù hợp.

Với nguyên tắc chỉ đạo sát sao và có tính kế hoạch của BCHCD cộng với sự phối hợp chặt chẽ cùng các tổ chuyên môn đồng cấp, các phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” và phong trào “Tự học - tự rèn” trong Nữ cán bộ giáo viên đã phát triển sôi nổi. Trong 5 năm (2001 – 2005) đã có 31 nữ giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Tiêu biểu là các chị Bùi Hồ Thủy, Đào Bình Minh, Phạm Bích Thủy, Nguyễn Thị Tuất, Lê Thị Kim Thoa, Nguyễn Thu Đông, Nguyễn Thị Phương Dung, Trần Thị Thuận, Nguyễn Lệ Diễm, Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Việt Hà...

Không chỉ làm tốt việc trường nhiều chị đã giáo dục con cái trở thành những học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, một số cháu đã đỗ thủ khoa vào các trường Đại học, Cao đẳng, tiêu biểu là các chị: Nguyễn Thúy Hiền, Nguyễn Thị Tiến, Lê Kim Thoa, Trần Thị Thuận, Đào Thúy Nga, Vũ Bích Liên, Nguyễn Lệ Diễm, Ngô Kim Thúy, Phạm Bích Thủy, Đào Bình Minh, Nguyễn Thị Tuất, Lê Thị Lai...

Tổng kết 5 năm phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trường THPT Lương Ngọc Quyến đã có 48 chị đạt danh hiệu “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” cấp cơ sở, 15 chị danh hiệu cấp tỉnh, 9 chị đạt danh hiệu cấp trung ương.

Ban chấp hành Công đoàn đã được nhận Bằng khen của Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên về thành tích “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” 5 năm giai đoạn 2001 – 2005.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy, ban Giám hiệu,

sự cộng tác phối hợp của các đồng chí giáo viên chủ nhiệm và với sự năng động sáng tạo của các cán bộ Đoàn, Đoàn Thanh niên đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao chất lượng đoàn viên nhằm bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, củng cố niềm tin, giúp các đoàn viên thanh niên trong nhà trường xác định đúng đắn mục tiêu, thái độ, động cơ học tập, có ý chí tự giác phấn đấu rèn luyện học tập và thấy được vai trò trách nhiệm của mình đối với tập thể.

Thông qua các hoạt động thực tiễn, đoàn Thanh niên đã góp phần rèn luyện, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho thanh niên. Đoàn trường đã tham gia diễn đàn như “Thanh niên sống đẹp”, “Thanh niên nói, thanh niên nghe”; những buổi ngoại khóa “Hình tượng Hồ Chủ tịch trong thơ ca cách mạng”; thực hiện cuộc vận động “Tuổi trẻ xung kích tình nguyện giữ gìn trật tự an ninh giao thông”; tham gia cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật”, “Bảo vệ môi trường và bài trừ tệ nạn ma túy”, “Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên” do TW Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tỉnh Đoàn, Thành Đoàn và Sở GD – ĐT phát động.

Được Đảng ủy và Ban Giám hiệu quan tâm lãnh đạo nên phong trào “Học tập vì ngày mai lập nghiệp” mà Đoàn trường phát động đã thu được nhiều kết quả tốt, tạo được động lực thúc đẩy thanh niên say mê rèn luyện học tập.

Đoàn trường đã phát huy tính năng động, ham thích hoạt động văn nghệ, thể thao của thanh niên học sinh đã thường xuyên duy trì đội văn nghệ xung kích tham gia các hoạt động của trường và dự thi văn nghệ của thành phố, của tỉnh. Trong “Liên hoan tiếng hát học sinh sinh viên toàn quốc” Đoàn trường Lương Ngọc Quyến đã giành được huy chương vàng, huy chương bạc.

Với những hoạt động tích cực và có hiệu quả, Đoàn trường

THPT Lương Ngọc Quyến đã liên tục được đánh giá là đơn vị thi đua xuất sắc của Thành đoàn được nhận Bằng khen của Tỉnh Đoàn và Trung ương Đoàn.

Năm học 2000 – 2001, qui mô của trường đã lên tới 57 lớp và tiếp tục phát triển, (năm học có số học sinh đông nhất là 1997 – 1998, số lớp lên tới 60 với trên 3000 học sinh).

Bước vào nhiệm kỳ thứ nhất của Đảng bộ nhà trường, đồng chí bí thư đảng uỷ - Hiệu trưởng: Nguyễn Đăng Kền được Thủ tướng chính phủ trao tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc. (Quyết định số 997/QĐ TTG)

Ngày 12 – 10 – 2000, nhà trường đã vinh dự được Chủ tịch nước kí quyết định số 528/KT-CTN phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”. Đón nhận niềm vui, niềm vinh dự to lớn mà Nhà nước phong tặng, thầy trò Trường THPT Lương Ngọc Quyến càng thấy rõ trách nhiệm của mình, đã ra sức phấn đấu để xứng đáng với danh hiệu cao quý đó. Đảng bộ, Ban giám hiệu đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên có chuyên môn sâu, có học vấn cao hơn, phấn đấu đạt chuẩn và vượt chuẩn. Đến năm 2005 nhà trường đã có 12 thạc sĩ và 10 người đang tiếp tục theo học các lớp đào tạo thạc sĩ. Giáo viên của trường sử dụng thành thạo các thiết bị phương tiện dạy học hiện đại, đổi mới phương pháp dạy học.

Một nét đẹp đã trở thành truyền thống của Trường THPT Lương Ngọc Quyến đó là sự đoàn kết nhất trí trong tập thể giáo viên. Khẩu hiệu hành động “Đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ, kỉ cương, trí tuệ” đã trở thành tâm niệm, thành phương hướng hành động hàng ngày của mỗi đảng viên, cán bộ giáo viên.

Tinh thần phấn đấu vươn lên đã ăn sâu vào từng tổ chuyên môn của nhà trường.

Tổ xã hội có 6/10 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp tỉnh từ 1 đến 3 lần, trong đó có cô Phan Thị Mai, Nguyễn Thị Lệ Diễm, thầy Giang Văn Kham đạt 2 – 3 lần. Nhiều thầy cô giáo đạt chiến sĩ thi đua các cấp liên tục 5 năm liền. Có 7 em đạt học sinh giỏi quốc gia, 120 em học sinh giỏi cấp tỉnh.

Tổ Văn học nổi rõ tinh thần vươn lên để nâng cao trình độ học vấn, đã có 3 đồng chí đạt bằng thạc sỹ ngữ văn, 2 đồng chí học xong chương trình sau đại học và 3 đồng chí đang theo học lớp đào tạo thạc sỹ khóa 12 và 13 tại trường Đại học sư phạm. Tổ liên tục đạt tổ Lao động giỏi xuất sắc.

Tổ Ngoại ngữ - Thể dục 5 năm liền (2000 – 2005) là tổ lao động giỏi xuất sắc có 6 đồng chí đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 8 đồng chí đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua, giáo viên giỏi các cấp, còn lại đều là giáo viên giỏi cấp cơ sở. Trong 5 năm đã có 97 học sinh giỏi cấp tỉnh môn Tiếng Anh và 170 học sinh giỏi cấp tỉnh môn Giáo dục thể chất. Đặc biệt có 6 học sinh đạt huy chương đồng môn Karate, 12 học sinh tham gia môn bóng đá đạt huy chương vàng trong “Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc”.

Tổ Toán – Tin với 21 thành viên, nữ có 15 đồng chí, tổ luôn là tập thể tiên phong trong giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa của nhà trường. Trong tổ đã có 7 đồng chí đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 3 đồng chí đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, 11 đồng chí là Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Hai đồng chí: Bùi Hồ Thủy; Đào Bình Minh được Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen, 2/3 giáo viên trong tổ là nữ nhưng các chị em đều hoàn thành tốt vai trò làm thầy, làm vợ, làm mẹ của mình. 100% chị em đạt danh hiệu “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, trong đó 30% chị em được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận “Giỏi việc nước,

đảm việc nhà” giai đoạn 2000 – 2006. Ở địa phương gia đình các chị đều là những “Gia đình văn hóa”.

Tổ Vật lý có 10 giáo viên trong đó có 5 đồng chí đảng viên, trong tổ đã có một nửa số thành viên phấn đấu trở thành chiến sỹ thi đua, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. 100% chị em trong tổ đã phấn đấu trở thành “Phụ nữ hai giỏi”.

Tổ Hóa – Sinh có 14 giáo viên trong đó có 10 đảng viên, mỗi thành viên trong tổ không ngừng trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, chú ý đổi mới phương pháp giảng dạy, rèn luyện nếp tư duy độc lập, sáng tạo, khoa học cho học sinh, áp dụng phương tiện hiện đại, phương pháp tiên tiến vào quá trình dạy học để đạt chất lượng cao. Từ năm 2000 – 2005 tổ liên tục đạt tổ Lao động xuất sắc có 31 lượt giáo viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua, có 2 đồng chí đạt CSTĐ cấp tỉnh 3 năm liền là các đồng chí Nguyễn Thị Phương Dung giáo viên Hóa, Ninh Thanh Vân giáo viên Sinh. Tổ đã có 115 giải học sinh giỏi cấp tỉnh môn Hóa, 91 giải học sinh giỏi cấp tỉnh môn Sinh.

Tổ Hành chính từ lúc còn là một bộ phận nhỏ dưới sự điều hành trực tiếp của Ban giám hiệu đến nay đã trở thành một tổ độc lập, tham gia vào hầu hết các công việc của nhà trường. Tổ không chỉ chăm lo chu đáo chế độ cho tập thể cán bộ, giáo viên mà còn góp phần mình vào công việc đổi mới giáo dục. Những thành viên trong tổ luôn hoàn thành xuất sắc những công việc đảm nhận như: Xây dựng được một thư viện có qui mô đủ để đáp ứng nhu cầu mượn và đọc của tập thể cán bộ giáo viên và học sinh toàn trường; Xây dựng phòng y tế học đường có đủ phương tiện và thuốc đảm bảo cho việc điều trị và sơ cứu ban đầu cho thầy cô giáo và các em học sinh; Tu sửa, sửa chữa, sắp xếp lại phòng truyền thống để lưu giữ những hiện vật, hình ảnh về sự phát triển

của nhà trường qua 60 năm xây dựng và trưởng thành. Ngoài những đóng góp trên, tổ hành chính còn góp phần xây dựng, tu sửa cảnh quan môi trường, tạo cho nhà trường có cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Với những đóng góp trên, tổ Hành chính liên tục được công nhận là tổ Lao động xuất sắc, quá nửa số thành viên luôn đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp.

Hội cha mẹ học sinh có một hệ thống ban đại diện từ trường tới các khối lớp, đã phối hợp với Ban giám hiệu, đoàn Thanh niên, các giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn, quản lý chặt chẽ các hoạt động học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh, nắm bắt kịp thời những ưu khuyết điểm của học sinh để động viên giáo dục, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện yếu kém về đạo đức.

Hội đã lập ra quỹ khuyến học, ân cần thăm hỏi giúp đỡ từng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên học sinh phấn đấu học giỏi, rèn luyện đạo đức tốt. Động viên khen thưởng kịp thời những học sinh có thành tích cao, quan tâm đến các hoạt động văn hoá; văn nghệ; thể dục; thể thao; tổ chức tham quan ngoại khóa.

Hội cha mẹ học sinh đã đóng góp có hiệu quả trong việc xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường. Mỗi năm nguồn thu từ tiền học phí, tiền xây dựng, tiền quỹ lớp, quỹ khuyến học... tạo điều kiện thuận lợi trong mọi hoạt động giáo dục cũng như việc xây dựng cơ sở vật chất của một trường đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra còn đóng góp cho nhà trường những công trình có ý nghĩa lưu niệm như: Vườn hoa, Nhà thực hành, Thư viện, nhà để xe... đã làm cho mối quan hệ với nhà trường ngày càng gắn bó, thực hiện tốt sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

Nhiệm kỳ thứ nhất của Đảng bộ nhà trường (2000 – 2005)

bắt đầu vào thời điểm thật đáng ghi nhớ, bởi năm 2000 trường được vinh dự nhận danh hiệu “**Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới**”. Trong cả nhiệm kỳ, Đảng bộ nhà trường liên tục được công nhận là “Đảng bộ trong sạch, vững mạnh xuất sắc.” Năm 2003 – 2004 trường được UBND tỉnh trao cờ thi đua xuất sắc cho đơn vị dẫn đầu khối các trường THPT toàn tỉnh.

Sau 5 năm phấn đấu toàn diện từ xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao trình độ đào tạo, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đến nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện...đến năm 2005 được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn I năm 2005 – 2010.

3. Trường THPT Lương Ngọc Quyến trong nhiệm kỳ II của Đảng bộ trường (2005 - 2010)

Năm 2005 diễn ra trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân phấn khởi phát huy thành quả của 20 năm đổi mới, quyết tâm vượt mọi khó khăn thách thức, giữ vững độc lập chủ quyền, đảm bảo an ninh xã hội.

Đây cũng là thời kỳ Đảng và Nhà nước đã có những Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng của sự nghiệp giáo dục - đào tạo ⁽²⁾

Năm 2006 Tỉnh Thái Nguyên bước vào giai đoạn phát triển mới, năm bắt đầu đưa nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ

(2) Nghị quyết TW 2 khoá VIII về “Định hướng phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.”

Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 15/4/2004 của Ban Bí thư TW Đảng về “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”.

Ngày 11/1/2005 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 09/2005 QĐ-TTg phê duyệt đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005- 2010”.

Ngày 20/5/2005 Quốc hội đã thông qua bộ luật giáo dục(sửa đổi)

lần thứ XVII vào cuộc sống, là năm bắt đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Với Trường THPT Lương Ngọc Quyến, sau quá trình xây dựng và trưởng thành, năm 2005 nhà trường đã được công nhận là “Trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2005 - 2010”, đó thực sự là một năm đầy ý nghĩa, năm bản lề thực hiện chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010 của nhà trường..

Năm 2005 Đảng bộ Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã có 52 đồng chí đảng viên, sinh hoạt theo 2 chi bộ (chi bộ I gồm đảng viên dạy các môn khoa học tự nhiên, chi bộ II là đảng viên dạy các môn xã hội và hành chính, quản lý).

Đại hội Đảng bộ Trường THPT Lương Ngọc Quyến khóa II, nhiệm kỳ 2005 - 2010 tiến hành vào ngày 15/8/2005 đã bầu ra BCH gồm 07 đồng chí. Hội nghị BCH lần thứ nhất đã bầu đồng chí Đồng Văn Đạt, làm Bí thư Đảng bộ.

Tháng 9/2005 do sự điều động của cấp trên, đồng chí Bí thư Đảng bộ đã chuyển công tác sang làm hiệu trưởng Trường trung học Sư phạm 12 + 3 Thái Nguyên. Ban chấp hành Đảng bộ đã đề nghị và được Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên phê chuẩn cho kiện toàn chức danh Bí thư, đồng chí Bùi Thị Loan đã được bầu làm Bí thư.

Trong suốt nhiệm kỳ, BCH Đảng bộ đã tăng cường chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng bộ nhà trường, trong đó đã xác định mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt.

Trong từng năm học, Đảng bộ đã kịp thời đề ra các nghị quyết để tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Các nghị quyết của Đảng bộ đã được ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể cụ thể hoá

thành những chương trình hành động nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

Đảng bộ đã thường xuyên chỉ đạo nhà trường và các đoàn thể quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên vừa vững vàng về lập trường tư tưởng và đạo đức nhà giáo, vừa giỏi về chuyên môn nghiệp vụ. Mỗi đảng viên, cán bộ, giáo viên phấn đấu để thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với các cuộc vận động “Hai không”, cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” của ngành Giáo dục.

Dưới sự lãnh đạo tập trung của Đảng bộ, nhà trường đã có bước chuyển biến đáp ứng yêu cầu các cuộc vận động lớn trong toàn ngành. Trường cũng đã tăng cường việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho yêu cầu giáo dục nói chung trong đó chú trọng đến cơ sở vật chất giáo dục truyền thống như đã hoàn thành việc tôn tạo và tổ chức lễ đón “Bằng xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh, thành phố - điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm trường Lương Ngọc quyền ngày 13 - 3 - 1960” và hoàn thành việc xây dựng công trình nhà truyền thống.

Đảng ủy đã tăng cường chỉ đạo nhà trường luôn quan tâm làm tốt công tác kiểm tra, giám sát và chủ động đấu tranh ngăn ngừa những biểu hiện về tư tưởng và hành động trái với quan điểm đường lối của Đảng.

Trong nhiệm kỳ II (2005 - 2010) Đảng bộ Trường THPT Lương Ngọc Quyền đã liên tục đạt danh hiệu “Đảng bộ

trong sạch vững mạnh”, trong đó năm 2009 được công nhận “Đảng bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc tiêu biểu”.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng uỷ, tổ chức Công đoàn trường đã tích cực vận động cán bộ giáo viên thực hiện thắng lợi nghị quyết của hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và kế hoạch hoạt động của Công đoàn ngành.

Trường có tỷ lệ nữ chiếm tới 80%, Công đoàn đã chú trọng tổ chức chỉ đạo phong trào “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” giúp chị em cán bộ giáo viên, công nhân viên phấn khởi hăng say thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn và việc gia đình. Công đoàn trường coi đây là hoạt động thường xuyên vì sự tiến bộ của phụ nữ và sự phát triển của nhà trường⁽³⁾.

Xuất phát từ thực tế hoạt động của nữ cán bộ giáo viên trong trường học, Công đoàn đã đổi mới phương thức hoạt động, ban chấp hành Công đoàn đã đi sát lắng nghe tâm tư nguyện vọng của chị em để đề ra chủ trương biện pháp phù hợp nhất, Công đoàn cũng phối hợp với chuyên môn động viên phong trào “tự học - tự rèn” nên các chị em đã chăm lo tự bồi dưỡng, các chị em tự sưu tầm tài liệu, sách báo hàng ngày, tranh thủ đọc trong các giờ nghỉ hay miệt mài nghiên cứu trong thư viện của trường. Kết quả là đa số giáo viên nữ đã vươn lên trở thành những giáo viên có chuyên môn vững vàng được học sinh tin yêu và phụ huynh đánh giá cao.

Công đoàn vận động 100% đảng viên cán bộ, giáo viên nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ người nghèo, quỹ chất độc da cam, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt... ngoài ra còn tham gia cuộc thi “Báo cáo viên tuyên truyền

⁽³⁾ Trong 5 năm 2005-2010 đã có 350 lượt nữ cán bộ giáo viên đạt danh hiệu “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” cấp cơ sở trong đó có 67 chị đạt cấp cơ sở tiêu biểu và 9 chị đạt cấp tỉnh.

pháp luật giỏi” do sở GD - ĐT tổ chức. Công đoàn cũng vận động đoàn viên tham gia các hoạt động văn nghệ thể thao và đã đạt giải nhất toàn đoàn, cô Vũ Hoàng Yến đạt giải nhì tại cuộc thi tiếng hát giáo viên ngành giáo dục nhân ngày 20 - 11 - 2007.

Giai đoạn 2005 – 2010 Công đoàn nhà trường luôn đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh hàng năm.

Đảng uỷ nhà trường rất quan tâm chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đoàn Thanh niên, tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để Đoàn hoạt động có hiệu quả cao. Được Đảng uỷ, Ban Giám hiệu rất quan tâm nên phong trào “Học tập rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp” mà Đoàn phát động đã thu được những kết quả rất tốt.

Đoàn Thanh niên nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt cuộc vận động “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác” phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Hoạt động của Đoàn Thanh niên đã lôi cuốn được đông đảo học sinh học tập với thái độ nghiêm túc, đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong học tập và trong thi cử.

Tuổi trẻ vốn năng động, nhanh nhạy ham thích hoạt động cho nên các hoạt động văn nghệ thể thao luôn hấp dẫn đoàn viên thanh niên. Đoàn trường đã động viên được thanh niên tham gia đội Văn nghệ xung kích, tham gia cuộc thi tiếng hát học sinh THPT cấp tỉnh đạt kết quả cao; tham gia các kế hoạch hoạt động của Tỉnh Đoàn nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn như Hội trại Thanh niên kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Thành phố Thái Nguyên (đạt giải A). Hội trại nhân “Ngày toàn dân phòng chống ma túy 21/6/2008” do Bộ Giáo dục và Bộ Công An phối hợp tổ chức (đạt giải nhất). Tham gia cuộc thi tiếng hát học sinh với chủ đề “Giai điệu tuổi hồng”

năm 2009 do Sở GD-ĐT tổ chức (đạt giải nhất). Tham gia cuộc thi “Ca nhạc - vũ quốc tế dâng Đảng tiếng hát niềm tin” do thành Đoàn tổ chức nhân kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đạt giải nhất khối THPT) Trường cũng có 1 học sinh đạt huy chương vàng “Giai điệu tuổi hồng” do Bộ GD-ĐT tổ chức. Trong liên hoan tiếng hát học sinh và sinh viên toàn quốc tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 8 năm 2005 nhiều tiết mục dự thi của Đoàn trường Lương Ngọc Quyến đã giành được huy chương vàng; huy chương bạc.

Ban chấp hành Đoàn trường với tư cách là người đại diện nòng cốt của tuổi trẻ Lương Ngọc Quyến đã có những biện pháp tích cực sáng tạo, thường xuyên thay đổi hình thức và nội dung hoạt động để phù hợp với nhu cầu của đoàn viên thanh niên đồng thời đáp ứng được yêu cầu của xã hội, góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng học tập, tạo niềm tin, ý chí phấn đấu cho từng đoàn viên thanh niên và đặc biệt là góp phần xây dựng được một phong cách học sinh Lương Ngọc Quyến.

Với những hoạt động sôi nổi và có hiệu quả, Đoàn Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã liên tục được BCH TW Đoàn tặng bằng khen trong suốt 13 năm liền về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua khối THPT.

Nghị quyết của Đảng bộ lần thứ II nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã xác định mục tiêu là:

“Phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong đó tập trung nâng cao chất lượng dạy và học là nhiệm vụ chính trị trọng tâm xuyên suốt của nhà trường trong từng năm học.”

Năm học 2005 - 2006 trường đã phát triển tới 45 lớp, 2052 học sinh với 97 cán bộ giáo viên công nhân viên. Đây

là năm nhà trường thực hiện có hiệu quả cuộc vận động

“Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”.

Điểm nổi bật trong năm 2005 - 2006 là nhà trường đã khắc phục mọi khó khăn tổ chức thành công lễ kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống 13/3/2006. Tổ chức rất sôi nổi và hiệu quả. Hội thi giao lưu văn hoá giữa 6 trường THPT kết nghĩa gồm:

Trường THPT Lương Ngọc Quyến (Thái Nguyên)

THPT Ngô Sỹ Liên (Bắc Giang)

THPT Hàn Thuyên (Bắc Ninh)

THPT Việt Bắc (Lạng Sơn)

THPT Trần Phú (Vĩnh Phúc)

THPT Thị xã Cao Bằng (Cao Bằng).

Nhà trường cũng đã tổ chức thành công đêm giao lưu “Tiếp lửa truyền thống mãi mãi tuổi 20 - Vũ Xuân thấp sáng niềm tin”.

Những hoạt động trên mang lại cho thầy trò dấu ấn mạnh mẽ, có tác động rất sâu sắc đến hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hoạt động giảng dạy của giáo viên và phong trào học tập trong học sinh, đã duy trì được phong trào thi đua “Dạy tốt-Học tốt”.⁴⁾ luôn đảm bảo thực hiện qui chế chuyên môn với chất lượng cao. Trường đã thường xuyên tổ chức các cuộc thao giảng vào các ngày lễ lớn, bên cạnh đó cũng thường

(4) Năm học 2005-2006 toàn trường đã có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá, giỏi. 96% hồ sơ giảng dạy được xếp loại A. Trường có 8 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. 37% cán bộ giáo viên đạt chiến sĩ thi đua, giáo viên giỏi cấp cơ sở.

Về phía học sinh, đã có 100% lớp đạt tập thể “Học tập và rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”. Trường đã có 189 học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi về văn hoá cấp tỉnh, 130 em đạt giải cao trong Hội khoẻ Phù Đổng tỉnh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 100%.

xuyên kiểm tra công tác chuẩn bị của giáo viên về hồ sơ giáo án, đồ dùng giảng dạy... Ngoài ra còn chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy của giáo viên góp phần làm cho năm học đạt kết quả cao.

Năm học 2005 - 2006 trường đã đạt “Trường tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh” và được công nhận là “Trường chuẩn quốc gia giai đoạn I (2005 - 2010).

Nhà trường đã được Hội cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan, doanh nghiệp... thường xuyên quan tâm và dành cho nhà trường sự hỗ trợ, giúp đỡ hết sức hiệu quả về xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường hiệu lực quản lý. khắc phục mọi tiêu cực trong thi cử, đánh giá học sinh, kiên quyết xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Nhà trường đã có đủ 45 phòng học cho học sinh học 1 ca. Có đủ các phòng chức năng, thư viện, phòng tin học, phòng thí nghiệm, phòng nghe nhìn, phòng học tiếng, phòng y tế, sân chơi, nhà thi đấu, bãi tập...

Năm học 2006 - 2007 là năm nhà trường đẩy mạnh việc chấn chỉnh nền nếp, kỷ cương nhằm thực hiện chủ đề là năm học: “Kỷ cương và phát triển”.

Trường tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo tinh thần Chỉ thị 40/CT-TW của Ban Bí thư và quyết định số 09/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đây cũng là năm học thực hiện chương trình phân ban mới, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện trong đó đã tăng cường giáo dục tư tưởng đạo đức cho học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các đoàn thể phối hợp cùng nhà trường đã tăng cường động viên tinh thần lao động

sáng tạo, nhiệt tình và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ giáo viên để xứng đáng là một nhà trường đạt chuẩn quốc gia và là trường “Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới”.

Trong năm học 2006 - 2007 Bộ Giáo dục - Đào tạo và Công đoàn Giáo dục Việt Nam thống nhất chỉ đạo theo hướng lồng ghép phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, phong trào “Giải việc trường đảm việc nhà” với 3 cuộc vận động là: “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương-Trách nhiệm”, “Xã hội hoá giáo dục”, “Xây dựng gia đình văn hoá gắn với cơ quan văn hoá”. Chủ trương trên được trường quán triệt trong phong trào “Thi đua Hai tốt”, “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”⁽⁵⁾.

Chuẩn bị vào năm học 2007- 2008, Thầy trò Trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến hết sức phấn khởi trước một sự kiện đầy ý nghĩa đối với nhà trường đó là cuộc viếng thăm trường của đồng chí: Bun Nhăng Volachit - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Đảng nhân dân cách mạng Lào, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Đồng chí đã ghi trong cuốn “sổ vàng” những lời động viên sâu sắc đối với nhà trường THPT Lương Ngọc Quyến xin được dịch ra tiếng Việt như sau:

“ Tôi là Bun Nhăng Volachit - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Hôm nay tôi rất vui mừng có cơ hội cùng với đoàn cán bộ cao cấp của Lào đến thăm trường nơi tôi đã từng học trong giai đoạn 1955 - 1965.

⁽⁵⁾ Kết thúc năm học đã có 40/43 lớp đạt danh hiệu tập thể “Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”.

Tỷ lệ học sinh giỏi toàn diện và học sinh tiên tiến đạt trên 60%.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 93%.

Về phía giáo viên cũng đã có 20% tổng số CBGV đạt danh hiệu CSTĐ.



*Ngài: Bun Nhăng Volachít Ủy viên Bộ Chính Trị
Thường trực Ban Bí Thư CHDCND Lào thăm trường*



*Đoàn đại biểu trường THPT Pạc Xan tỉnh Bô-ly-khăm-xay
Nước CHDCND Lào thăm trường*



Tôi thấy được thành tích to lớn của nhà trường đã đóng góp phần vào việc xây dựng tình đoàn kết, hợp tác hữu nghị giữa hai nước trong suốt 45 năm qua.

Xin kính chúc nhà trường thành công rực rỡ trong sự nghiệp đào tạo con người.

Tôi mong muốn Trường tiếp tục hợp tác giúp đỡ đất nước tôi trong sự nghiệp giáo dục cho Đảng và cho Nhân dân các bộ tộc Lào.

Cầu chúc cho Nhà trường có sự phát triển đời đời bền vững.

Ngày 18-7-2007

Bun - Nhăng Volachít

Năm học 2007 - 2008 trường có qui mô lên tới 43 lớp với tổng số 2022 học sinh và 102 đồng chí CBGV. Đây cũng là năm nhà trường gắn kết việc thực hiện nghiêm túc và hiệu quả chỉ thị số 06 CT/TW của Bộ Chính trị về “Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và chỉ thị số 32/2006 CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “chống tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục”.

Nhà trường đã tiếp tục triển khai quyết liệt cuộc vận động “Hai không” của ngành được mở rộng với 4 nội dung:

“ Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và việc học sinh ngồi nhầm lớp”.

Thầy cô giáo nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, trọng tâm là tổ chức thực hiện tốt chương trình phân ban lớp 10, lớp 11.

Phát triển và ứng dụng rộng rãi hệ thống công cụ phục vụ

đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

Nhà trường đẩy mạnh giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục hướng nghiệp và pháp luật.

Thực hiện hướng dẫn của Sở GD - ĐT, Giáo viên và học sinh đã tổ chức việc ký cam kết đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong quá trình dạy và học.

Từ đầu năm học 2007 - 2008, toàn trường đã hưởng ứng cuộc vận động “ Mỗi thầy giáo cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”,

Trường đã tổ chức học tập từng chuyên đề về tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh một cách hiệu quả, cùng với đó đã triển khai “Hội thi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” cấp trường (cử đồng chí Ninh Thanh Vân tham gia cuộc thi kể chuyện cấp thành phố đạt loại giỏi) và vận động tuyên truyền để mọi người tự giác học tập và tự nguyện và làm theo. Cuộc vận động được triển khai trên cơ sở lồng ghép với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và công tác chuyên môn trong nhà trường.⁽⁶⁾

Năm 2008 - 2009, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo nhà trường khởi động phong trào thi đua “xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực” do Bộ Giáo dục - Đào tạo phát động với nội dung:

“1. Đảm bảo trường, lớp an toàn, xanh, sạch, đẹp. Thi đua xây dựng lớp đẹp, trường đẹp, an toàn. Tổ chức trồng cây vào thời điểm thích hợp ở từng địa phương. Vận động và hỗ trợ cho học sinh đi học an toàn, khắc phục hiện tượng bỏ học,

⁽⁶⁾ Năm học 2007 – 2008: Tỷ lệ HS đỗ tốt nghiệp THPT = 97,5%.
Trường có: - 01 HS đạt giải Ba quốc gia môn ngữ văn;
- 221 HS giỏi tỉnh các giải nhất, nhì, ba.
(trong đó: 141 giải các môn văn hoá; 80 giải các môn thể dục, thể thao)

đảm bảo không có trẻ em bỏ học vì thiếu ăn, thiếu mặc hoặc thiếu sách vở.

2. Đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh triển khai áp dụng các phương pháp dạy học hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Chuẩn hóa các nội dung về quản lí, tổ chức dạy học và hoạt động của nhà trường. Tăng cường vai trò của Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm, Bí thư Đoàn, Tổng phụ trách Đội trong việc thực hiện phong trào thi đua. Phát huy tính tích cực của học sinh, tăng cường rèn luyện thói quen và năng lực tự học, làm việc theo nhóm, hỗ trợ nhau trong nhóm học tập, rèn luyện ở trường, ở nhà và ở cộng đồng.

3. Triển khai giáo dục kỹ năng sống theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ động phối hợp giữa các ngành, các tổ chức ở địa phương và gia đình học sinh trong việc giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động của học sinh.

Thành lập tổ cán bộ, giáo viên tư vấn cho học sinh. Xây dựng văn hóa học đường. Kiên quyết ngăn chặn học sinh tham gia trò chơi điện tử có nội dung bạo lực hoặc không lành mạnh khác ở trong và ngoài trường học.

4. Đưa trò chơi dân gian, hát dân ca và các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian khác vào trường học một cách bền vững.

5. Chủ động hỗ trợ chăm sóc, phát huy giá trị văn hóa của các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng. Tổ chức Ngày Di sản văn hóa - Ngày về nguồn (23/11/2010), hướng tới và phát huy giá trị văn hóa của 1000 năm Thăng Long – Hà Nội."

Nhà trường đã nâng cao trình độ nhận thức và năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cũng như các đoàn thể chính trị trong nhà trường về công tác chỉ đạo và tổ chức phong trào một cách có hiệu quả.

Ngày 13/3/2009 thầy trò Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã phấn khởi long trọng tổ chức Lễ đón “Bằng Di tích lịch sử cấp tỉnh, thành phố – di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm trường Lương Ngọc Quyến – phường Hoàng Văn Thụ - thành phố Thái Nguyên. ngày 13/3/1960”, từ đó càng tăng cường quyết tâm thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu khi Người đến thăm trường đó là

“Các cháu phải học tập tốt, lao động tốt, đoàn kết tốt”.

Nhà trường đã tiến hành việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách đánh giá để tạo nên sự chủ động tích cực trong học tập của học sinh. Chỉ đạo việc kiểm tra, khảo sát trình độ văn hoá của học sinh đầu năm học để kịp nắm bắt tình hình chất lượng đầu năm, trên cơ sở đó có kế hoạch và phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh. Chú trọng phụ đạo học sinh yếu kém, khắc phục hoàn toàn tình trạng bỏ học. Đổi mới hình thức và nội dung kiểm tra, thi học kỳ nhằm đòi hỏi học sinh tự giác nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất trường lớp học trang thiết bị dạy học tạo điều kiện cần và đủ đáp ứng các tiêu chí đề ra của một trường học thân thiện. Nhà trường đã phân đầu có đủ công trình vệ sinh và được vệ sinh sạch sẽ, bố trí nước uống tinh khiết cho học sinh. Đảng bộ đã chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng quỹ khuyến học để khuyến khích những học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học tốt. Phát động các lớp tổ chức quyên góp sách vở, quần áo, đồ dùng học tập,

tiền để giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn⁽⁷⁾.

Năm học 2009 - 2010, qui mô của trường tới 43 lớp với 1943 học sinh và 104 cán bộ giáo viên. Đảng bộ đã chỉ đạo nhà trường triển khai kế hoạch thực hiện chủ đề năm học:

“Đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục”; và cùng với toàn ngành tiếp tục thực hiện cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, tiếp tục thực hiện 3 cuộc vận động: *“Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”* cuộc vận động *“Mỗi thầy giáo cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”*⁽⁸⁾ và phong trào thi đua *“Xây học thân thiện học sinh tích cực”*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường, thầy trò đã khắc phục mọi khó khăn ra sức thi đua dạy tốt, học tốt. Giáo viên của trường luôn cải tiến nội dung sinh hoạt các tổ,

(7) Theo tổng kết của Sở Giáo dục - Đào tạo, chất lượng hạnh kiểm và văn hoá của trường THPT Lương Ngọc Quyến năm học 2008 - 2009 đều cao hơn so với bình quân chung của các trường THPT toàn tỉnh, tỷ lệ so sánh như sau:

* <u>Hạnh kiểm</u> :	tốt: LNQ 85,1% / 51,08%	trường khác;
	khá: LNQ 14,23% / 34,71%	trường khác;
	TB: LNQ 0,76% / 12,85%	trường khác;
	yếu: LNQ 0% / 1,36%	trường khác;
* <u>Học lực</u> :	giỏi+ khá: LNQ 71,34% / 52,37%	trường khác;
	trung bình: LNQ 28,15% / 54,74%	trường khác;
	yếu: LNQ 0,61% / 12,39%	trường khác;
	kém: LNQ 0% / 60%	trường khác;

(8) Ngày 8/9/2006 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg về “Chống tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục”, ngày 7/11/2006 Bộ chính trị đã ra Chỉ thị số 06-CT/TU về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện theo 2 Chỉ thị trên, Công đoàn giáo dục VN đã phối hợp với Bộ GD&ĐT phát động cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” trong đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Cuộc vận động đã chính thức được phát động vào ngày 20/11/2007 nhân dịp kỷ niệm 25 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam và tổng kết vào ngày 20/11/2012.

nhóm chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tự học tự rèn. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy.

Nhà trường tổ chức tập huấn ứng dụng những phần mềm tin học, tổ chức hội thảo chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao trình độ tiếp cận những công nghệ thông tin mới. Tổ chức cho giáo viên các tổ chuyên môn hướng ứng phong trào làm đồ dùng, thiết bị dạy học.

Năm học 2009 - 2010 Đảng bộ và nhà trường đã có những thành tích nổi bật góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 65 năm thành lập trường 13 - 3 - 2011⁽⁹⁾

⁽⁹⁾ Trong phong trào thi đua Dạy tốt, đoàn giáo viên nhà trường được xếp thứ Ba toàn tỉnh tại Hội thi giáo viên giỏi các môn khoa học xã hội và giáo dục quốc phòng an ninh với 9/9 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh, trong đó có 1 đồng chí đạt xuất sắc.

Tại hội thi giáo viên giỏi sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, đoàn giáo viên của trường đã xếp thứ nhì toàn tỉnh (cả 4/4 đồng chí đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh, 1 đồng chí đạt xuất sắc).

Học sinh toàn trường đạt tổng số 450 giải học sinh giỏi trong đó 246 giải Học sinh giỏi tỉnh về các môn văn hoá và 204 giải TDTT. Đặc biệt trường dành được 01 giải Ba Quốc gia khu vực I thi sử dụng máy tính cầm tay môn hoá học.

Tỷ lệ tốt nghiệp năm học 2009-2010: 99,84%. Tỷ lệ đỗ đại học nguyện vọng I năm 2009 là 53,13 % đặc biệt em Đào Ngọc Cường đã đỗ thủ khoa trường ĐH Kinh tế quốc dân với số điểm tuyệt đối 30/30 điểm.

Trong hội thi VH- TT - VN giữa 6 trường THPT khu vực Đông bắc tổ chức tại trường Trần Phú tỉnh Vĩnh Phúc, trường được xếp giải nhất toàn đoàn..

Tại hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ XII năm 2010, nhà trường xếp thứ nhất toàn tỉnh khối THPT.

Đào Ngọc Cường học sinh lớp 12A10 trường THPT Lương Ngọc Quyến. Nhà nghèo, Đào Ngọc Cường đã phải làm phụ giúp với bố trong xưởng mộc. Thời gian mẹ điều trị bệnh ung thư, Cường tất bật vừa lo chăm sóc mẹ, vừa thay bố quán xuyến việc nhà, tối đến mới tập trung vào học và làm bài tới đêm khuya. Với ý chí vượt khó học tập Cường đã giành trọn ba điểm 10 tuyệt đối của trường ĐH Kinh tế quốc dân ”.

4. Trường THPT Lương Ngọc Quyến trước nhiệm kỳ III của Đảng bộ (2010 - 2015)

Đại hội nhiệm kỳ III của Đảng bộ trường THPT Lương Ngọc Quyến tiến hành vào 24/4/2010. Đảng bộ gồm 64 đảng viên trong đó có 5 đồng chí đảng viên dự bị, nữ đảng viên có 50 đồng chí. Đại hội đã bầu đồng chí Hiệu trưởng Bùi Thị Loan là Bí thư Đảng bộ, đồng chí Phó Hiệu trưởng Phạm Lành là Phó Bí thư. BCH gồm 09 đồng chí.

Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã đẩy mạnh khí thế thi đua thực hiện mục tiêu tổng quát mà Nghị quyết của Đảng bộ nhà trường đã đề ra trong nhiệm kỳ III (2010-2015) là:

“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; tiếp tục đổi mới toàn diện, phát huy truyền thống vẻ vang của “Đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới”, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; quyết tâm xây dựng trường lên tầm cao mới.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVIII. Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI. Xây dựng chương trình hành động phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

Xác định khâu đột phá là: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh. Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Chú trọng đổi mới chương trình, nâng cao phương pháp dạy và học tập, phát huy mọi nguồn lực, đảm bảo công bằng trong giáo dục.

Tổ chức các phong trào thi đua trong năm học nhằm hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ đề ra

Trường tiếp tục thực hiện các tiêu chí để sớm đạt trường chuẩn quốc gia giai đoạn II

- Nhà trường phấn đấu Đạt "Tập thể lao động xuất sắc", ít nhất có 1 năm là lá cờ đầu khối các trường THPT trong tỉnh.

Với công tác Đảng:

- Đảng bộ phấn đấu luôn đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. 100% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tăng cường công tác phát triển đảng viên. Trong nhiệm kì III kết nạp từ 15 đảng viên mới trở lên.

Với công tác đoàn thể:

- Công đoàn: phấn đấu đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc. Có trên 30% giáo viên có trình độ thạc sĩ. Có 80% CBGV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên; 70% đạt lao động tiên tiến trở lên.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đạt thành tích xuất sắc, là lá cờ đầu trong công tác Đoàn các trường THPT tỉnh Thái Nguyên".

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG THPT LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Ảnh: Phú Sĩ



*Hội thi nữ công gia chánh nhân ngày
Quốc tế Phụ Nữ 8-3 (Năm 2005)*



Giờ Hóa Học của cô Vũ Thị Bích Liên



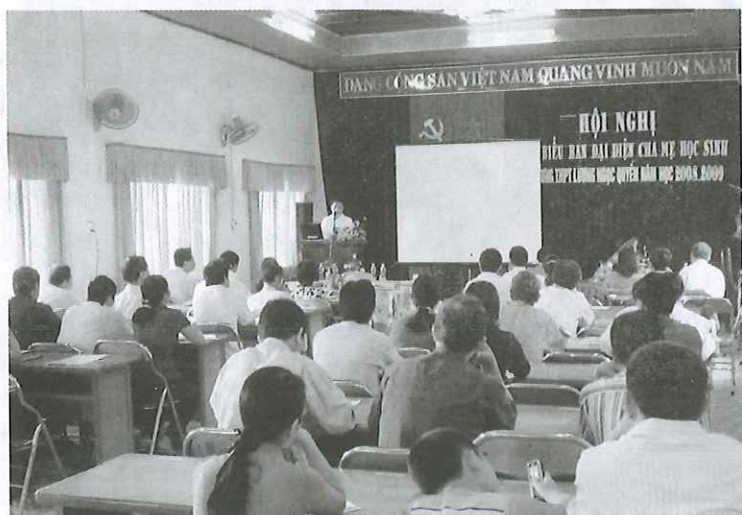
Giờ Văn Học của cô Nguyễn Thu Đông



Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh



Lao động công ích



Hội nghị đại biểu BDD Cha mẹ học sinh.



Hội trại “Nói không với Ma túy học đường”



*Giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại trường PTTH
Hà Nội - AMSTEDAM*



Đêm văn nghệ góp quỹ "học sinh nghèo"



Giao đấu môn Cầu Lông trong cuộc thi giao lưu 6 trường khu vực Đông Bắc tại trường PHTH Việt Bắc Lạng Sơn



Đội bóng đá của trường vô địch năm 2005



Tại buổi lễ khai giảng năm học 2009-2010. Bà Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHDCND Lào tại Việt Nam Sủn-thon Xay-nha-chắc. Thay mặt chính phủ Lào trao Huân chương Hữu nghị cho Trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến.

TỔNG LUẬN

1. “Lương ngọc Quyển” đã có một khởi đầu đầy ý nghĩa, ở thời điểm hết sức khắt trương bùng nổ cuộc kháng chiến trường kỳ. Trước sức hút ghê gớm của sự nghiệp toàn dân chống giặc ngoại xâm, một trường trung học với những điều kiện sơ khai vẫn sớm khiêm tốn xuất hiện để góp phần chống giặc đốt.

Tháng 10 – 1946, khi ông chủ tịch UBHC tỉnh Thái Nguyên long trọng khai giảng năm học mở đầu của trường trung học đầu tiên tỉnh Thái Nguyên: “Lương Ngọc Quyển”, đã gióng lên không chỉ hồi trống cần cù hiếu học, mà còn là hồi trống tập hợp, đoàn kết trí thức, thanh niên; hồi trống của niềm tin son sắt vào Đảng, Bác Hồ, vào đường lối chính sách văn hoá giáo dục sáng suốt của chế độ mới.

Cũng như không nhiều trường trung học khác vào lúc ấy trong toàn vùng tự do, “Lương Ngọc Quyển” có vị trí đặc địa, tọa lạc tại Thủ đô kháng chiến Thái Nguyên.

Là thủ đô “gió ngàn”, là quần thể di tích quan trọng vào bậc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc vào thế kỷ XX, là địa phương hết sức phong phú về địa danh, sự kiện và nhân vật lịch sử, là vùng rất đa dạng về sinh thái, về văn hoá dân tộc, về di tích khảo cổ, về những sản phẩm có thương hiệu nổi tiếng lâu đời.

Qua 65 năm phát triển “Lương Ngọc Quyển” đã cùng với đất nước và nhân dân, trải qua bước khởi đầu đột phá đầy ý nghĩa, liên tục phát triển, vượt qua gian khổ thăng trầm, ngày một tiến bộ thắng lợi; Qua kháng chiến trường kỳ chống Pháp, chống Mỹ, đến hòa bình thống nhất đất nước, bước vào nền kinh tế thị trường và thời kỳ đổi mới.

Từ những bước đi ban đầu và liên tục đến tận nay, “Lương Ngọc Quyến” luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam các cấp dìu dắt và thúc đẩy: Từ chủ trương sáng suốt và mạnh dạn thiết lập trường, đến bảo toàn trong kháng chiến, xây dựng phát triển Đảng từ vài ba đảng viên đến đảng bộ ngày nay...

Từ một trường trung học mà số lượng học sinh đếm trên đầu người, di chuyển qua hàng chục địa phương, cơ sở vật chất rất thiếu thốn, đến đâu cũng được nhân dân đùm bọc, dưới tác động sâu sắc của nền giáo dục cách mạng, trường đã liên tục phát triển về cấp học, về quy mô, chất lượng hoạt động nghề nghiệp, đã tích lũy được kinh nghiệm, tạo được vị thế lan toả và vai trò của một trong những cơ sở giáo dục đầu đàn của Khu Việt Bắc trước đây và tỉnh Thái Nguyên “Thủ đô gió ngàn” ngày nay.

65 năm qua của “Lương Ngọc Quyến” là sự phản ánh chân thực những nét cơ bản của nền giáo dục cách mạng “dân tộc, khoa học, đại chúng”, của nhà trường kiểu mới trung thành với Đảng với Dân tộc.

Tóm lại “Lương Ngọc Quyến” đã ra đời và phát triển trong thiên thời, địa lợi và nhân hoà, đã là một trung tâm văn hoá có tích lũy kinh nghiệm và có sức lan tỏa, một mẫu mực đáp ứng yêu cầu của cách mạng, đường lối chính sách giáo dục của Đảng.

2. Thành quả mà 65 năm qua “Lương Ngọc Quyến” đã mang lại cho đất nước, cho cách mạng, cho địa phương là hết sức phong phú, liên tục.

Con số học sinh tốt nghiệp phổ thông góp phần nâng cao mặt bằng dân trí, vào xóa đói giảm nghèo. Số học sinh vào trường đại học trong và ngoài nước góp phần quan trọng vào sự nghiệp đào tạo cán bộ cho quốc kế dân sinh. Tỷ lệ

học sinh con em các dân tộc ít người mang lại hạnh phúc thực sự cho bà con. Số người đã thành danh trong quốc gia và trên quốc tế là niềm tự hào sâu sắc của “Lương Ngọc Quyến”. Chỉ tính những cán bộ tỉnh có xuất thân trong vòng đời “Lương Ngọc Quyến”, và những người đã tham gia các chiến trường B,C,K là con số không nhỏ.

Đặc biệt nhất là “Lương Ngọc Quyến” đã có thời kỳ được vinh dự nhận nhiệm vụ nuôi dưỡng đào tạo học sinh miền núi các tỉnh lân cận, học sinh miền Nam và học sinh Lào. Đào tạo đúng là chiều sâu của Hữu nghị: Các em Lào không bao giờ quên Thái Nguyên, quên “Lương Ngọc Quyến”, quên các thầy cô và nhân dân đã đùm bọc, chăm sóc dạy dỗ mình.

Qua 65 năm phát triển và trưởng thành, cái đẹp của “Lương Ngọc Quyến” là sự tái lập liên tục những thành quả trong giáo dục con người. Những danh hiệu cao quý: Anh hùng lao động, Di tích được xếp hạng, những tấm huân chương quốc gia và quốc tế, các chuẩn giáo dục đạt được và những đánh giá thuận chiều của công luận, cũng như biết bao công sức tâm huyết của thầy trò và cha mẹ học sinh đã dần dần tích lũy hình thành truyền thống **“Học tập tốt, lao động tốt, đoàn kết tốt”** đúng theo lời chỉ dạy của Bác Hồ kính yêu.

Trong quá trình vươn lên khắc phục khó khăn, thầy trò và nhân dân địa phương đã sớm thực hiện những yếu tố nổi trội như: trường gần dân và xã hội; tự lực cánh sinh; tự giác xung phong trong công việc và đời sống; thầy trò thân ái, đồng cam cộng khổ; tự tạo cho mình những kỹ năng sống cần thiết cho trước mắt và lâu dài. Những thành quả của “Lương Ngọc Quyến” cũng đã tranh thủ được sự tín nhiệm và có sức lan tỏa trong phong trào giáo dục địa phương.

3. Nguyên nhân sâu xa của những thành quả trong hơn nửa thế kỷ phát triển của “Lương Ngọc Quyến”

Là sự lãnh đạo soi đường của Đảng, thể hiện ở đường lối chính sách giáo dục, ở sự quan tâm ưu ái đặc biệt của các cấp đối với trường, ở tổ chức trong sạch vững mạnh của Đảng, trên tất cả các lĩnh vực chính trị cũng như chuyên môn, tập trung ở chất lượng con người học sinh phổ thông, đáp ứng các nhu cầu của cách mạng, của xã hội, làm cho “Lương Ngọc Quyến” trừ xuất phát điểm rất thấp, lúc thuận lợi cũng như khi khó khăn vấp vấp, đã từng bước trưởng thành.

Nhân dân Thái Nguyên từ thị xã đến thành phố, từ Phú Bình, Đại Từ về Đồng Hỷ... đã đùm bọc che chở an toàn tuyệt đối cho thầy trò, Một nhà trường trong khói lửa bom đạn ác liệt, trong đấu tranh gian khổ mà không chịu tổn thất là nhờ dân. Một nhà trường khởi đầu trong thiếu thốn, không có dân thì không có trường lớp bàn, ghế.

Nguyên nhân trực tiếp của những thành quả trên là các thế hệ thầy cô, học sinh và cán bộ viên chức “Lương Ngọc Quyến”. Thầy, những trí thức yêu nước, có đức độ và trách nhiệm, vượt khó và có lòng nhân ái. Trò rất tự giác tự lực, vượt khó, đoàn kết thương yêu, giúp đỡ nhau. Thầy và trò gần gũi thông cảm. Thầy và trò dù đã rời trường vẫn mãi lưu giữ tình cảm gắn bó dưới nhiều hình thức độc đáo, thậm chí hiếm có, với nhiều hồi ký sâu đậm về tình cảm và quý báu về tư liệu. Họ đã làm theo nhịp đập con tim và theo niềm tin ở “Lương Ngọc Quyến” nhà trường kiểu mới. Không thể quên thế hệ nối tiếp các thầy hiệu trưởng: bao nhiêu thầy là bấy nhiêu tấm gương cố gắng, trách nhiệm để vượt khỏi chính mình trong công việc chưa hề được học. Nhiều thầy giỏi và nổi tiếng, đã để lại dấu ấn của mình.

4. Càng tự hào về lịch sử phát triển của “Lương Ngọc Quyến”, càng phải nghiêm túc soát xét các thách thức đã qua và sẽ gặp trên chặng đường mới.

Thách thức bao trùm là chất lượng đào tạo, một đòi hỏi có tính lâu dài thường xuyên, quan hệ hữu cơ với cả hai lực lượng thầy - trò, với tất cả các mặt hoạt động chính trị, nghiệp vụ, nội ngoại khoá, với tất cả các khâu trong quản lý trường học, quan hệ với các cấp lãnh đạo chính trị, chuyên môn, và quan hệ ngoài xã hội. Chất lượng đào tạo có tính tổng hợp phổ quát, nhưng thể hiện chủ yếu ở sản phẩm đào tạo: Những nam, nữ học sinh mà trường “Lương Ngọc Quyến” cung cấp cho xã hội, cho các trường đại học, cho các ngành nghề, cho quê hương Thái Nguyên.

Ngành giáo dục nước nhà - cùng với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới đang đi vào các chuẩn nghiệp vụ. “Lương Ngọc Quyến” chúng ta, đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010 nay phải phấn đấu trong giai đoạn mới.

Đồng thời phải đi sâu vào triển khai chuẩn nghề nghiệp giáo viên THPT và chuẩn hiệu trưởng. Đi vào chuẩn là đi vào pháp quy, đi vào lao động đặc thù nghề nghiệp.

Được sự quan tâm của địa phương, sự cố gắng của trường, cơ sở vật chất của “Lương Ngọc Quyến” ngày một được cải thiện nhưng vẫn còn chưa đủ trước sự phát triển của khoa học công nghệ. Nói chất lượng, nói chuẩn là nói đến cơ sở vật chất. “Lương Ngọc Quyến” vẫn phải tiếp tục ráo riết phấn đấu về mặt này và khi nói “học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tồn tại” “Ủy ban quốc tế về phát triển GD thế kỷ XXI” thì cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục ngày càng quan trọng, đặc biệt là máy vi tính, đi vào công nghệ thông tin là cánh cửa của nền kinh tế tri thức.

5. “Lương Ngọc Quyến” tiếp tục trau dồi truyền thống, giữ vững vị trí, mạnh bước tiến lên.

Dưới ánh sáng các nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của thành phố Thái Nguyên. “Lương Ngọc Quyến” và Đảng bộ trường tiếp tục trau dồi truyền thống **“Học tập tốt, lao động tốt, đoàn kết tốt”** tiếp tục trau dồi **“Phong cách giáo viên Lương Ngọc Quyến”**, ra sức phấn đấu đưa chất lượng tổng thể trường “Lương Ngọc Quyến” lên một mức cao hơn, đạt chuẩn các trường trung học giai đoạn mới, các chuẩn hiệu trưởng và chuẩn giáo viên ở mức cao theo quy định của Bộ GD - ĐT và chỉ đạo của sở GD - ĐT Thái Nguyên, giữ vững vị trí “lá cờ đầu” trong khối các trường THPT tỉnh Thái Nguyên.

Sản phẩm đào tạo của trường Lương Ngọc Quyến phải tiếp tục phục vụ đắc lực yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của xã hội, của địa phương. Với Thái Nguyên thân thương “Lương Ngọc Quyến” phải sẵn sàng góp phần thu hút mọi nguồn lực xây dựng Thái Nguyên ngày càng giàu đẹp. Mỗi thanh niên học sinh rời khỏi “Lương Ngọc Quyến” đều có sẵn những kỹ năng hoạt động xã hội để nếu vào hoặc không vào trường đại học đều có thể là nhân tố tích cực trong hoà nhập cộng đồng.

Bài học xây dựng Đảng bộ trường “Lương Ngọc Quyến” vẫn nóng hổi, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ “Lương Ngọc Quyến” vẫn tiếp tục phấn đấu, động viên toàn trường gương cao lá cờ “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”, tiếp tục xây dựng và phát triển Đảng, tiếp tục giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Lịch sử phát triển trường “Lương Ngọc Quyến” tiếp tục sang trang, với niềm quyết tâm và tin tưởng mới cùng với

các trường bạn trong tỉnh, phấn đấu thực hiện lời dạy trực tiếp của Bác Hồ kính yêu **“Học tập tốt, lao động tốt, đoàn kết tốt”** một cách toàn diện, sáng tạo, đổi mới, chất lượng hơn.

LỊCH SỬ
Trường trung học phổ thông
Lương Ngọc Quyến Thái Nguyên
(1946 - 2010)

PHỤ LỤC

TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÀ YÊU NƯỚC LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Lương Ngọc Quyến (1885- 1917) tự là Lập Nham, là một chí sỹ Việt Nam thời cận đại. Quê gốc của ông ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Ông sinh ra tại Hà Nội, Là con thứ của chí sỹ Lương Văn Can – một nhà nho thức thời yêu nước, một trong những người sáng lập phong trào Đông Kinh Nghĩa thực nổi tiếng.

Lương Ngọc Quyến và anh trai Lương Trúc Đàm là những thanh niên đầu tiên hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật tìm đường làm cách mạng (năm 1905). Năm 1911 ông về Trung Quốc cùng Phan Bội Châu tổ chức Việt Nam Quang Phục hội. Ông được cử làm Ủy viên quân sự trong bộ chấp hành của tổ chức này.

Năm 1914, Lương Ngọc Quyến được cử về nước gây cơ sở cách mạng tại Nam Kỳ. Bị tay sai của Pháp phát hiện. Để tránh bị bắt, ông phải trốn sang Hương Cảng rồi Hồng Kông. Năm 1914 ông bị cảnh sát Anh bắt tại Hồng Kông, chuyển cho Pháp và bị giải về Hà Nội.

Biết là một yếu nhân của phong trào yêu nước lúc đó, Toàn quyền Đông Dương và Chánh mật thám Đông Dương ra sức dụ dỗ, mua chuộc nhưng không được nên chúng tuyên án “cầm cố chung thân” và đưa lên nhà tù ở thị xã Thái Nguyên. Mặc dù bị đầy đoạ tàn nhẫn, cơ thể suy nhược nhiều nhưng ông không sờn lòng nản chí. Trong tù ông đã giác ngộ được nhiều binh lính bằng quan điểm cách mạng, tinh thần bất khuất và bằng cả đạo đức, nếp sống giản dị, thái độ hoà nhã của mình. Chí quật cường của nhà ái quốc Lương Ngọc Quyến đã khiến ông cùng với Trịnh Văn Cấn tiến hành “cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên”.

Quân khởi nghĩa Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến, đã nổi dậy, đập tan chính quyền thực và làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên từ 30 - 8 cho đến 5 - 9 năm 1917. Các lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa đã hiên ngang tuyên bố “Thái Nguyên độc lập”, đặt quốc hiệu là “Đại Hùng”, lấy lá cờ 5 sao làm quốc kỳ, tổ chức ra đội “Việt Nam Quang phục quân”.

Lương Ngọc Quyến đã hy sinh anh dũng trong lúc chỉ huy chiến đấu vào sáng 4 - 9 - 1917 khi quân Pháp phản công chiếm lại tỉnh lỵ Thái Nguyên, lúc đó ông mới 32 tuổi.

Tại thành phố Thái Nguyên ngày nay đã có hai nhà trường, một tuyến đường phố được vinh dự mang tên Lương Ngọc Quyến điều đó đã nói lên lòng biết ơn, tự hào của nhân dân Thái Nguyên đối với nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến.

Bình luận về tấm gương xả thân vì nước của lương Ngọc Quyến, cụ Phan Bội Châu đã viết những lời thật trân trọng:

“Thân không đầy bảy thước mà lòng mạnh bằng muôn người, tuổi không quá tứ tuần mà tinh thần suốt muôn thuở, người như thế lại không khó lắm ru! Lương Ngọc Quyến gần như thế đấy

CẢM TÁC (*)

Lương Ngọc Quyến

Học hải cảm thủ lịch kỷ thu



*Lương Ngọc Quyến
(1885-1917)*



*Đoàn cựu giáo viên và học sinh LNQ viếng mộ nhà yêu nước
Lương Ngọc Quyến và Bà Hồng Đỉnh tại Nhị Khê
Cuối năm 2001*



Nam quan⁽¹⁾ hồi thủ tứ du du
 Bách niên tổ quốc qui Hồ lỗ⁽²⁾
 Thất xích tàn khu phó bích lưu
 Tư thế bất phùng minh thánh hữu
 Lai sinh thả bảo phụ huynh cừ⁽³⁾ !
 Thử hành hoạch yết Lam sơn để
 Hoán khởi trùng tiêm Pháp tặc đầu

(Hợp tuyển thơ văn Việt Nam 1858 – 1930 NXB Văn Hoá, H. 1963)

Dịch thơ:

Bể học xông pha trải bấy lâu
 Thân tù ngoảnh lại nghĩ mà đau
 Trăm năm đất tổ về quê mọi
 Bảy thước thân tàn mắc nước sâu
 Bạn tốt đời nay sao vắng cả
 Thù nhà kiếp khác dễ quên đâu!
 Hồn ta gặp được Lam sơn để
 Quyết mượn oai linh chém Pháp đầu.

Đào Trinh Nhất dịch

.....
 (*) Bài này làm lúc ông bị giam ở Hoà Lò Hà Nội.

(1) Nam quan : Cái mũ của người phương Nam. Bắt nguồn từ tích Chung Nghi bị Vua nước Tấn bắt bỏ tù vẫn đội cái mũ của người nước Sở (ở phương Nam). Nam quan sau có nghĩa chỉ người tù.

(2) Hồ lỗ: Rợ Hồ, đây chỉ giặc Pháp.

(3) Câu thơ nhắc đến cha là Lương Văn Can lãnh tụ phong trào Duy Tân, mở trường Đông Kinh nghĩa thực, bị Pháp bắt đày đi Côn đảo rồi đưa đi an trí ở Phnôm Pênh (Cămpuchia).

NIÊN BIỂU TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN

(MỐC THỜI GIAN VÀ NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT)

Tháng 10 - 1946:

* Thành lập Trường trung học Lương Ngọc Quyến ở thị xã Thái Nguyên có 1 lớp đệ nhất khoảng 40 học sinh, Hiệu trưởng là ông Phạm Duy Nhượng

Tháng 03 - 1947:

* Trường trung học Lương Ngọc Quyến giải thể.

Tháng 04 - 1947:

* Thành lập trường trung học đặt ở xã Cù Vân huyện Đại Từ, số học sinh: 30 của cả 4 lớp trung học phổ thông. Ông Dương Xuân Nghiên là Hiệu trưởng.

Năm 1947 - 1948:

* Trường chuyển về xã Phương Độ huyện Phú Bình.

Năm 1948 - 1949:

* Trường có chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên (với 3 đảng viên) Bí thư chi bộ là đồng chí Trần Văn Quốc.

* Trường chính thức lấy tên là Lương Ngọc Quyến.

* Trường chuyển sang thôn Úc Kỳ và Nhã Lộng.

* Chi bộ Đảng có 27 đảng viên

(đồng nhất trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp).

* Trong 2 năm (1949 - 1950) số học sinh tòng quân vào khoảng gần 100.

Năm 1950 - 1951:

* Trường chuyển lên làng Quyên xã Bảo Lý. Học sinh khoảng 400 (đồng nhất thời gian ở Phú Bình)

* Bí thư chi bộ là đồng chí Nguyễn Kiên (học sinh)

* Thực hiện cải cách giáo dục lần thứ nhất, chuyển trường thành trường cấp II.

Năm 1951 - 1952:

* Trường có lớp cấp III đầu tiên (lớp 8), thầy Nguyễn Văn Được làm hiệu trưởng thay thầy Dương Xuân Nghiên lên làm Trưởng ty Giáo dục Thái Nguyên.

* Bí thư chi bộ là đồng chí Nguyễn Văn Được.

Năm 1953:

* Trong trường đã diễn ra sự việc đấu tố tự phát quá khích của học sinh đối với những học sinh là con địa chủ. Lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên đã xử lý đúng mức vụ này.

* Trường chuyển lên xã Tân Cương huyện Đồng Hỷ, sáp nhập với trường cấp II Ngô Quyền thành Trường cấp II - III Lương Ngọc Quyền.

Từ 1947 - 1953:

* Các ông Giám đốc khu Giáo dục Liên khu I, Liên khu Việt Bắc là Nguyễn Hữu Tảo, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Lân thường đến thăm trường.

* Các ông Thứ trưởng Nguyễn Khánh Toàn, Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền đã đến thăm trường.

Năm 1954:

* 100 thầy giáo và học sinh lập thành một đại đội đi dân công tham gia làm đường, đoạn nối đường Bắc Sơn - Thái Nguyên với quốc lộ 3.

* Đồng chí Trường Chinh Tổng bí thư Đảng Lao động Việt Nam đã đến thăm trường.

Năm 1955:

* Trường chuyển ra thị xã Thái Nguyên, đóng trên một quả đồi ở Keple, sau đó chuyển sang địa điểm hiện nay.

* Thầy Nguyễn Văn Hoàn thay thầy Nguyễn Văn Thu làm Hiệu trưởng.

* Sang học kỳ II Thầy Chu Thế Kỳ thay thầy Nguyễn Văn Hoàn làm Hiệu trưởng.

* Các trường cấp II Hiệp Hoà, Đồng Tiến, Tích Lương sáp nhập vào Trường Lương Ngọc Quyến.

* Trường thực hiện nhiệm vụ có tính chất đặc biệt: đào tạo cả học sinh dân tộc miền núi, học sinh Miền Nam, học sinh nước bạn Lào.

Năm 1956 - 1957:

* Thực hiện cải cách giáo dục lần thứ II.

* Trường có thêm một học kỳ chuyển tiếp (học kỳ III) để thực hiện biên chế năm học từ tháng 9 năm này tới tháng 5 năm sau.

Năm 1957 - 1958:

* Thầy Nguyễn Đình Khâm làm Hiệu trưởng.

* Hè 1958 tất cả giáo viên trường tham gia lớp học chính trị tập trung 3.200 giáo viên cấp II - III toàn miền Bắc theo tài liệu: “Phân đấu xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa”

Năm 1958 - 1959:

* Thầy Lương Vĩnh Khang Hiệu phó phụ trách trường thay thầy Nguyễn Đình Khâm đi học ở nước ngoài.

* Thứ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Khánh Toàn đến thăm trường.

* Trường có bước chuyển biến mạnh mẽ theo nguyên lý, phương châm giáo dục mới, biểu hiện rõ nét nhất ở nội dung học tập kết hợp với lao động sản xuất.

* Thầy Nguyễn Huy Ái và thầy Nguyễn Quang Ân được Bộ giáo dục phân công về làm Hiệu trưởng (thầy Ái) và Hiệu phó (thầy Ân).

* Trường tổ chức triển lãm thành tích giảng dạy và học tập.

Năm 1959 - 1960:

* Chi bộ trường thành lập lại, đồng chí Nguyễn Quang Ân làm bí thư.

* Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền đến thăm trường.

* 13 - 3 - 1960 Chủ tịch Hồ chí Minh đến thăm trường. Về sau, ngày 13 - 3 trở thành ngày truyền thống của trường.

Năm 1963:

* Trường kết nghĩa với trường Banka Titstliska (Tiệp Khắc cũ)

Tháng 8 - 1965:

* Trường cấp II - III Lương Ngọc Quyến thực hiện chỉ thị của UBHC tỉnh Bắc Thái về tổ chức phòng không, sơ tán.

Ngày 10 - 08 - 1965:

* Tiến hành chia tách trường cấp II - III Lương Ngọc Quyến thành hai trường: Trường Cấp II Lương Ngọc Quyến và Trường Cấp III Lương Ngọc Quyến. Thầy Dương Văn Tài được cử làm hiệu trưởng trường PT cấp III LNQ.

Tháng 08 - 09 - 1965:

* Trường Cấp III Lương Ngọc Quyến sơ tán vào xã Thịnh Đức huyện Đồng Hỷ tổ chức khai giảng năm học mới (1965 - 1966)

Cuối Năm 1965:

* Trường chuyển sang xã Phúc Triu và bố trí phân tán vào xóm Chùa, xóm Khuôn, xóm La Nải, xóm Lai Thành.

* Hình thành lớp toán đặc biệt (lớp chọn) do thầy Lương Đình Lũng là giáo viên chủ nhiệm đầu tiên. Hệ thống lớp toán đặc biệt được duy trì tới năm học 1971 - 1972, cho đến năm học 1982 - 1983 mới mở lại các lớp chọn.

Năm 1969:

* Từ sau ngày hiệp định Pa ri được ký kết, trường trở về hoạt động ở địa điểm trường cũ tại Thành phố Thái Nguyên

Năm 1969:

* Năm mở đầu cho thời kỳ khôi phục lại trường sở sau chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ lần thứ nhất.

Năm 1970:

* Thầy Bùi Quang Sang được cử về làm Hiệu trưởng thay thầy Dương Văn Tài được điều đi làm trưởng phòng Giáo dục thành phố Thái Nguyên.

Năm 1969 - 1970:

* Nhà trường đón nhận thêm các học sinh từ Đồng Hỷ chuyển sang học. Qui mô trường lên tới 21 lớp với gần 1000 học sinh.

Tháng. 04 - 1972:

* Đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ hai, Trường cấp III Lương Ngọc Quyến sơ tán sang xã Linh Sơn huyện Đồng Hỷ.

Tháng 01- 1973:

* Sau hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, Trường cấp III Lương Ngọc Quyến lại chuyển từ Linh Sơn về địa điểm trường cũ.

Năm học 1974:

* Thầy Đỗ Như Hiện Hiệu trưởng trường cấp III Đại Từ được điều động về làm Hiệu trưởng trường cấp III LNQ thay thầy Bùi Quang Sang được Bộ điều đi công tác miền Nam.

Ngày 02 - 05 - 1975:

* Trường tổ chức Mít tinh chào mừng ngày đại thắng giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 25 - 08 - 1981:

* Thầy giáo Nguyễn Đăng Kền được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng thay thầy Đỗ Như Hiện được nghỉ hưu.

Ngày 13 - 03 - 1986:

* Ngày hội truyền thống đầu tiên của trường nhân kỷ niệm 40 năm xây dựng và trưởng thành. Trường cấp III Lương Ngọc Quyến được vinh dự đón nhận Huân chương

lao động hạng Ba.

Năm 1986 - 1987:

* Trường cấp III Lương Ngọc Quyến tách 8 lớp (4 lớp 11 và 4 lớp 12) về học tại trường cấp III Đồng Hỷ.

Năm 1987:

* Bắt đầu xin đất, cấp cho giáo viên làm nhà, hình thành khu “Làng giáo viên Lương Ngọc Quyến”

Năm 1986 - 1987:

* Trường bắt đầu tổ chức được 4 lớp khối C, rồi tăng dần lên tới 24 lớp khối C vào những năm sau.

Ngày 09 - 01 - 1989:

* Bộ trưởng Bộ Giáo Dục, Thứ trưởng Trần Xuân Nhĩ, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Thứ trưởng Trần Xuân Thủy, Chủ tịch UBND tỉnh Nông Đức Mạnh cùng với các đồng chí Giám đốc, Phó giám đốc 18 tỉnh, thành phía Bắc từ Bình Trị Thiên trở ra đến tham quan việc trồng cây của trường.

Năm 1990:

* Xây dựng “Phong cách giáo viên Lương Ngọc quyến” với 5 tiêu chí: “Đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ, kỷ cương, trí tuệ”

Ngày 13 - 03 - 1991:

* Tổ chức trọng thể kỷ niệm 45 năm thành lập trường. Đồng chí Đàm Quang Trung, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã đến dự và thay mặt Hội đồng Nhà Nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì cho nhà trường

Ngày 03- 07 - 1991:

* Đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Trung Ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đến thăm trường, đã ghi những lời động viên và căn dặn thầy trò trong cuốn sổ vàng của nhà trường.

Ngày 05 - 09 - 1991:

* Phó thủ tướng Nguyễn Khánh đến dự lễ khai giảng năm học thứ 45 của nhà trường.

Năm 1994 - 1995:

* Trường đẩy lên cao trào xây dựng cơ sở vật chất theo phương châm xã hội hoá.

Năm 1995:

* Nhân kỷ niệm 55 năm Bác Hồ về thăm trường tiến hành xây dựng “ Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Ngày 13 - 03 - 1996:

* Tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập trường. Phó thủ tướng Nguyễn Khánh đến dự và thay mặt nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất cho trường THPT Lương Ngọc Quyến.

Ngày 11 - 08 - 2000:

* Thành lập Đảng bộ cơ sở trường đồng chí Nguyễn Đăng Kền được chỉ định làm là Bí thư lâm thời,

Ngày 05 - 09 - 2000:

* Đồng chí Nguyễn Phú Trọng Ủy viên Bộ Chính trị đã đến dự lễ khai giảng năm học thứ 54 của nhà trường.

Ngày 30 - 09 - 2000:

* Đảng bộ trường tiến hành Đại hội lần thứ nhất. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Đăng Kền là Bí thư, Lại Đức Kế Phó Bí thư, các đồng chí Bùi Thị Loan, Trần Thị Nhuận, Nguyễn Cảnh Tiến, Lưu Thị Toan, Bùi Anh Tuấn là Đảng ủy viên.

Năm 2000:

* Trường được vinh dự nhận danh hiệu “ Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”. Trường được Bộ Giáo dục đào tạo tặng bằng khen “Trường tiên tiến xuất sắc toàn quốc”.

Năm 2001:

* Công đoàn trường phát động và chỉ đạo phong trào thi đua “ Giỏi việc trường, đảm việc nhà”.

Năm 2002:

* Thầy Đồng Văn Đạt được quyết định cử làm Hiệu trưởng thay thầy Nguyễn Đăng Kên nghỉ hưu.

Ngày 15 - 08 - 2005:

* Đại hội Đảng bộ trường khoá II, nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã bầu ra ban chấp hành gồm 7 đồng chí. Hội nghị BCH lần thứ I đã bầu Đồng chí Đồng Văn Đạt làm bí thư Đảng bộ.

Năm 2005:

* UBND tỉnh công nhận Trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010.

Năm 2006:

* Đồng chí Bùi thị Loan được thành ủy Thái nguyên quyết định làm Bí thư Đảng bộ thay đồng chí Đồng Văn Đạt được điều động làm Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Thái Nguyên (trước là Trường Sư phạm 13+3 Thái Nguyên).

* Đồng chí Bùi Thị Loan được Quyết định cử làm Hiệu trưởng nhà trường.

Ngày 13 - 03 - 2006:

* Tổ chức thành công lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập trường.

* Tổ chức rất sôi nổi và hiệu quả Hội nghị giao lưu văn hoá giữa 6 trường kết nghĩa gồm: Trường THPT Lương Ngọc Quyến (Thái Nguyên), THPT Ngô Sỹ Liên (Bắc Giang); THPT Hàn Thuyên (Bắc Ninh); THPT Việt Bắc (Lạng Sơn); THPT Trần Phú (Vĩnh Phúc), THPT Thị xã Cao Bằng (Cao Bằng).

Năm 2006 - 2007:

* Trường đẩy mạnh việc xây dựng nền nếp, kỷ cương nhằm thực hiện chủ đề năm học là “Kỷ cương và phát triển”

* Năm học thực hiện chương trình phân ban mới, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện.

* Năm học tiến hành cuộc vận động “Dân chủ - kỷ cương - trách nhiệm” lồng ghép với cuộc vận động “Dân chủ hóa trường học”. tiến hành cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”.

Năm 2007 - 2008:

* Đồng chí Bun - Nhăng Volachít, Ủy viên Bộ chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng NDCM, Phó Chủ tịch nước CHDCND Lào đến thăm trường.

* Nhà trường thực hiện nghiêm túc và hiệu quả chỉ thị số 06 CT/TW của Bộ Chính trị về “Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

* Trường thăm tỉnh Bô-ly-khăm-xay (CHDCND Lào) và kết nghĩa với trường THPT Pạc xan, thuộc tỉnh Bô-ly-khăm-xay (CHDCND Lào)

* Tiếp tục triển khai cuộc vận động “Hai không” của ngành được mở rộng với 4 nội dung.

* Tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, trọng tâm là thực hiện tốt chương trình phân ban.

Năm 2008 - 2009:

* Khởi động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” do Bộ GD - ĐT phát động.

Ngày 13 - 03 - 2009:

* Trường tổ chức trọng thể lễ đón bằng “Di tích lịch sử cấp tỉnh, thành phố - diễm Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Lương Ngọc Quyến ngày 13 - 3 - 1960”.

Ngày 05 - 09 - 2009:

* Phó chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên đến dự lễ khai giảng và lễ trao tặng Huân chương Hữu nghị của nước Cộng

hoà dân chủ nhân dân Lào cho Trường THPT Lương Ngọc Quyến.

Ngày 14 - 04 - 2010:

* Đại hội nhiệm kỳ III của Đảng bộ. Đại hội đã bầu ban chấp hành gồm 9 đồng chí, BCH đã bầu đồng chí Bùi Thị Loan làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Phạm Lành là Phó bí thư.

Năm 2009 - 2010:

* Trường THPT Lương Ngọc Quyến đã vinh dự được nhận Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Thái Nguyên.

* Năm 2009 Đảng bộ trường được công nhận “Đảng bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc tiêu biểu”

* Được Thành ủy tặng giấy khen về thành tích xuất sắc thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”

* Em Đào Ngọc Cường đã đỗ thủ khoa trường Đại học kinh tế quốc dân với số điểm tối đa 30/30 điểm.

Năm 2010:

* Tiến hành biên soạn cuốn sách

“Lịch sử Trường THPT Lương Ngọc Quyến.”

* Chuẩn bị kỷ niệm 65 năm thành lập trường

* Triển khai học tập về chuẩn Hiệu trưởng và giáo viên trung học.

NHỮNG VINH DỰ LỚN

*** Năm 1954:**

Tổng Bí thư Trường Chinh đến thăm trường.

*** Ngày 13 - 03 - 1960:**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm trường.

*** Ngày 09 - 01 - 1986:**

Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình
(nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục) đến thăm trường.

*** Ngày 13 - 03 - 1991:**

Phó chủ tịch nước, thượng tướng Đàm Quang Trung
đến thăm và trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì.

*** Ngày 30 - 07 - 1991:**

Đ/C Nông Đức Mạnh - nguyên Bí thư tỉnh ủy
Thái Nguyên - đến thăm trường.

*** Ngày 05 - 09 - 1991:**

Phó thủ tướng Nguyễn Khánh đến dự lễ khai
giảng năm học thứ 45 của nhà trường.

*** Ngày 13 - 03 - 1996:**

Phó thủ tướng: Nguyễn Khánh đến thăm và trao tặng
Huân chương lao động hạng Nhất.

*** Ngày 05 - 09 - 2000:**

Đ/C Nguyễn Phú Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị đến dự
lễ khai giảng năm học lần thứ 54.

*** Ngày 18 - 07 - 2007:**

Ngài Bun - Nhăng - Volachít - Ủy viên Bộ chính trị,
Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng NDCM, Phó Chủ
tịch nước CHDCND Lào - đến thăm trường.

*** Ngày 05 - 09 - 2009:**

Phó chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Đức Kiên đến dự lễ
khai giảng và lễ trao tặng Huân Chương Hữu nghị của nước
CHDCND Lào cho Trường THPT Lương Ngọc Quyến.

NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã nhận được nhiều bằng khen, cờ thưởng của Thủ tướng chính phủ, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

* Năm 1986:

Được nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

* Năm 1991:

Được nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì

* Năm 1996:

Được nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất

* Năm 2000

Được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới.

* Năm 2005:

Được UBND tỉnh công nhận là Trường đạt chuẩn quốc gia - giai đoạn 2001 - 2010.

* Năm 2009:

Được tặng Huân chương Hữu nghị của Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

**CÁC BÍ THƯ CHI BỘ VÀ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
TRƯỜNG THPT LƯƠNG NGỌC QUYẾN
QUA CÁC THỜI KỲ**

1	Đồng chí	Trần Văn Quốc	1948 - 1949
2	Đồng chí	Phạm Huy Châu	1949 - 1950
3	Đồng chí	Nguyễn Kiên (học sinh)	1950 - 1951
4	Đồng chí	Nguyễn Huy (học sinh)	1951 - 1952
5	Đồng chí	Nguyễn Văn Đước	1952 - 1953
6	Đồng chí	Nguyễn Quang Ân	1960 - 1961
7	Đồng chí	Nguyễn Huy Ái	1961 - 1962
8	Đồng chí	Dương Văn Tài	1963 - 1965
9	Đồng chí	Lại Đức Thông	1965 - 1970
10	Đồng chí	Phạm Khang	1970 - 1974
11	Đồng chí	Lưu Giàu	1974 - 1981
12	Đồng chí	Nguyễn Văn Long	1982 - 1983
13	Đồng chí	Nguyễn Đăng Kền Bí thư chi bộ Bí thư đảng bộ	1983 - 2002
14	Đồng chí	Đổng Văn Đạt Bí thư đảng bộ	2002 - 2005
15	Đồng chí	Bùi Thị Loan Bí thư đảng bộ	2006 đến nay

**CHÂN DUNG THẦY GIÁO, CÔ GIÁO ĐÃ TỪNG LÀ
HIỆU TRƯỞNG VÀ QUYỀN HIỆU TRƯỞNG
(XẤP XẾP THEO TRÌNH TỰ THỜI GIAN)**



Phạm Duy Nhượng
(10/1946-03/1947)



Dương Xuân Nghiên
(1947-1951)



Chu Thế Kỳ
(1955-1957)



Nguyễn Đình Khâm
(1957- 1958)



Lương Vĩnh Khang
(1958-1959)



Nguyễn Huy Ái
(1959-1962)





Dương Văn Tài
(1964 - 1970)



Bùi Quang Sang
(1970-1974)



Đỗ Như Hiện
(1974-1981)



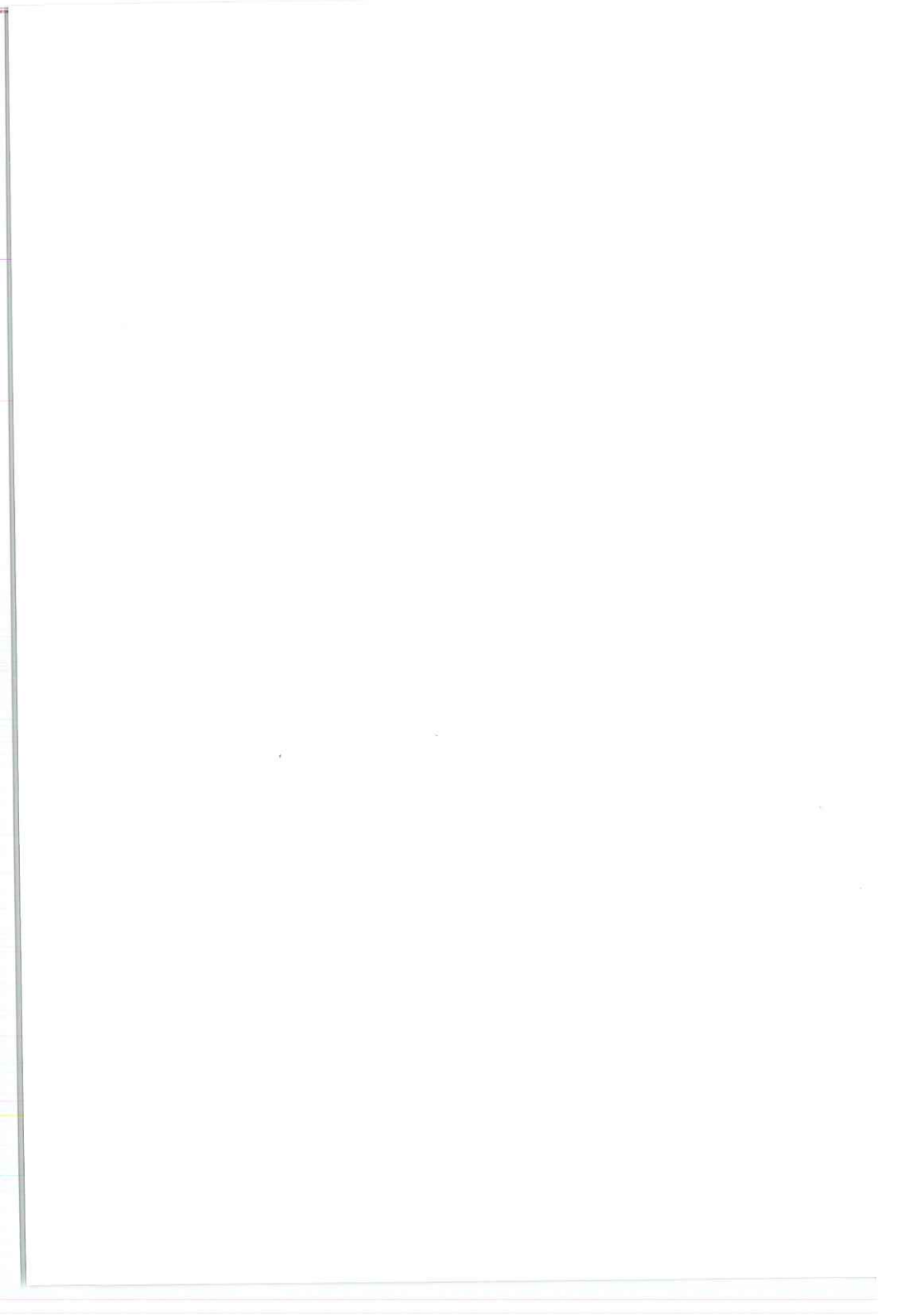
Nguyễn Đăng Kền
(1981-2002)



Đồng Văn Đạt
(2002-2005)



Bùi Thị Loan
Từ 2006 đến nay



**CÁC THẾ HỆ HIỆU TRƯỞNG
VÀ QUYỀN HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG THPT LƯƠNG NGỌC QUYẾN
(SẮP XẾP THEO TRÌNH TỰ THỜI GIAN)**

1	Thầy Phạm Duy Nhượng	10/1946 - 3/1947
2	Thầy Dương Xuân Nghiên	1947 - 1951
3	Thầy Nguyễn Văn Đước	1951 - 1953
4	Thầy Nguyễn Văn Thu	1953 - 1954
5	Thầy Nguyễn Văn Hoàn	1954 - 1955
6	Thầy Chu Thế Kỳ	1955 - 1957
7	Thầy Nguyễn Đình Khâm	1957 - 1958
8	Thầy Lương Vĩnh Khang	1958 - 1959
9	Thầy Nguyễn Huy Ái	1959 - 1962
10	Thầy Lại Đức Thông	1962 - 1963
11	Thầy Chu Thế Kỳ	11/1963 - 2/1964
12	Thầy Dương Văn Tài	1964 - 1970
13	Thầy Bùi Quang Sang	1970 - 1974
14	Thầy Đỗ Như Hiện	1974 - 1981
15	Thầy Nguyễn Đăng Kền	1981 - 2002
16	Thầy Đồng Văn Đạt	2002 - 2005
17	Cô Bùi Thị Loan	Từ 2006 đến nay

**CÁC THẺ HẸ PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LƯƠNG NGỌC QUYẾN**

Theo thứ tự thời gian có các thầy cô Phó hiệu trưởng:

1. Thầy **Bùi Quang Huy**
2. Thầy **Hà Thế Ngữ**
3. Thầy **Lương Vĩnh Khang**
4. Thầy **Nguyễn Quang Ân**
5. Thầy **Dương Văn Tài**
6. Thầy **Lại Đức Thông**
7. Thầy **Đỗ Minh Tuấn**
8. Thầy **Lê Duy Sơn**
9. Thầy **Nguyễn Văn Long**
10. Thầy **Nguyễn Quang Hiền**
11. Thầy **Phan Tiến Dũng**
12. Cô **Nguyễn Thị Phơn**
13. Cô **Vũ Thị Thắm**
14. Cô **Phan Thị Yến Lan**
15. Cô **Trần Thị Minh Nguyệt**
16. Thầy **Bùi Anh Tuấn**
17. Cô **Bùi Thị Loan**
18. Thầy **Phạm Lành**
19. Cô **Nguyễn Thị Việt Hà**
20. Cô **Nguyễn Thị Phương Dung**

NHỮNG LƯU BÚT TRONG SỔ VÀNG

**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LƯƠNG NGỌC QUYẾN**

Đồng chí: NGUYỄN KHÁNH
(Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng)

Tôi rất vui mừng được biết trường Lương Ngọc Quyến từ mấy chục năm nay luôn luôn giữ được truyền thống dạy tốt, học tốt và đoàn kết nhất trí trong nhà trường.

Nhưng tự hào về truyền thống thì phải hết sức cố gắng phát huy truyền thống, để trường Lương Ngọc Quyến có những bước tiến bộ mới mạnh hơn nữa trong năm học mới 1990-1991 và những năm tới.

Chúc tất cả các đồng chí giáo viên, nhân viên nhà trường mạnh khỏe, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học mới.

05 - 09 - 1990

Nguyễn Khánh

Đồng chí: ĐÀM QUANG TRUNG
(Bí thư TW Đảng cộng sản Việt Nam
Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước)

Nhân kỉ niệm lần thứ 45 ngày thành lập trường Phổ thông trung học Lương Ngọc Quyến (13.3.1946-13.3.1991) 45 năm qua nhà trường đã đạt được nhiều thành tích góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo được nhiều thế hệ nhân tài trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ Quốc cũng như làm nghĩa vụ quốc tế.

Mong nhà trường giữ vững truyền thống tốt đẹp đã qua, một trường điển hình tiên tiến của tỉnh, xứng đáng với tên tuổi nhà yêu nước dân tộc Lương Ngọc Quyến – một con người đã chiến đấu kiên cường và hy sinh cả đời mình cho nền độc lập của nhân dân Việt Nam.

Tôi mong lại có dịp để đến chúc mừng nhà trường đón nhận huân chương cao quý hơn nữa.

Chúc nhà trường tiếp tục phát triển theo hướng hiện đại Đảng VI đã vạch ra và đại hội VII sắp tới về chiến lược xây dựng và phát triển con người, chiến lược trăm năm trồng người như Bác Hồ đã dạy.

13 - 03 - 1991

Chào thân ái

Đàm Quang Trung

Đồng chí: NÔNG ĐỨC MẠNH
(Chủ tịch Quốc hội)

So với lịch sử phát triển của xã hội, 45 năm chưa phải là dài. Nhưng đối với một trường như Trường Lương Ngọc Quyến là thử thách qua các bước thăng trầm của thời gian kể từ khi hình thành, tồn tại và phát triển, là cái mốc đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc, sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi, sự kế tục các thế hệ thầy cô giáo và học sinh. Từ mái trường này hàng ngàn học sinh đã bước vào đời, nhiều người đã là anh hùng chiến sĩ, là những cán bộ công nhân, nông dân, cán bộ quản lý lãnh đạo các cấp và không ít nay là thầy cô giáo đã và đang giảng dạy ở tại trường này.

Là một trong những trường được Bác Hồ đến thăm, là một trong những trường trung học lớn, nếu không nói là

đầu đàn của tỉnh Bắc Thái. Đã từng là trường trong nhiều năm lên tiên tiến được tặng thưởng nhiều huân chương cao quý.

Tôi nghĩ rằng, tự hào về truyền thống, về những thành tựu đã đạt được, không thể không nghiêm túc nhìn thẳng vào những thiếu sót khuyết điểm để tự khẳng định mình. Làm được như vậy tôi tin rằng trường Lương Ngọc Quyến sẽ mãi xứng đáng với truyền thống đã có và sẽ tạo ra những bước tiến mới trong tương lai.

Xin gửi các đồng chí, các thầy cô giáo và toàn thể học sinh nhà trường tự đáy lòng mình những lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Với tinh thần mới sẽ đạt được nhiều thành tích to lớn hơn góp phần vào sự trỗi dậy của địa phương và đất nước.

30 - 07 - 1991

Chào thân ái

Nông Đức Mạnh

Ngài: BRANISLAV HRADSKY

(Tuỳ viên Đại Sứ Quán Xlôvakia)

Tôi chúc năm học mới 1998 - 1999 nhiều thành tích trong công tác sư phạm. Trường của các bạn là tượng trưng cho tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta và chúng tôi rất mừng là các mối quan hệ hữu nghị và kết nghĩa, hợp tác với trường học Xlovakia sẽ được tiếp tục và phát triển.

Chúc các bạn nhiều sức khỏe và hạnh phúc !

05 - 09 - 1998

Branislav Hradsky

Đồng chí: NGUYỄN BẮC SƠN
(Bí thư tỉnh ủy Thái Nguyên)

Trường THPT Lương Ngọc Quyến có bề dày truyền thống 60 năm xây dựng và trưởng thành, được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý đơn vị Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, Với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể giáo viên, cán bộ, công nhân viên chức và học sinh nhà trường, tôi tin tưởng rằng sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Giáo dục- Đào tạo của tỉnh nhà.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống vẻ vang của Nhà trường, tôi xin gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến các thế hệ thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên chức và các thế hệ học sinh của Nhà trường.

Chúc trường THPT Lương Ngọc Quyến không ngừng phát triển mãi mãi xứng đáng với danh hiệu Anh hùng Lao động – xứng đáng là ngôi trường được mang tên Nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến- xứng đáng với tâm vóc của một trong những nhà trường được thành lập sớm nhất của nước ta trong chế độ dân chủ nhân dân .

Ngày 13 - 03 - 2006
Nguyễn Bắc Sơn

Đồng chí: PHẠM XUÂN ĐƯƠNG
(Bí thư thành ủy Thái Nguyên)

Trường THPT Lương Ngọc Quyến là nhà trường lớn nhất ở Thái Nguyên trong bậc học phổ thông. Nhà trường có bề dày thành tích 60 năm qua đào tạo các thế hệ học sinh

trưởng thành toàn diện trên mọi lĩnh vực phục vụ đất nước. Ngày nay trong công cuộc đổi mới của Đảng của đất nước, chúc nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh toàn diện, luôn giành được đơn vị lá cờ đầu của ngành giáo dục đào tạo Thái Nguyên, xứng đáng với danh hiệu anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới và trường chuẩn quốc gia.

Phạm Xuân Đương

Đồng chí: BUN NHẶNG VOLACHÍT
(Ủy viên Bộ Chính Trị, Thường trực Ban Bí thư
Đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào)

Tôi là Bun Nhặng Volachít - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Hôm nay tôi rất vui mừng có cơ hội cùng đoàn cán bộ cao cấp của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đến thăm trường, nơi tôi đã từng học trong giai đoạn 1955 – 1965.

Tôi thấy được thành tích to lớn của nhà trường đã góp phần vào việc xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị hợp tác giữa hai nước trong suốt 45 năm qua. Xin kính chúc nhà trường thành công rực rỡ trong sự nghiệp đào tạo con người.

Tôi mong muốn trường tiếp tục hợp tác giúp đỡ đất nước tôi trong sự nghiệp giáo dục cho Đảng và cho nhân dân các bộ tộc Lào.

Cầu chúc cho nhà trường có sự phát triển đời đời bền vững.
18 - 07 - 2007

18 - 07 - 2007

Bun Nhặng Volachít

ĐẠI SỨ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TẠI VIỆT NAM

Đoàn cán bộ Đại sứ quán CHDCND Lào tại CHXHCN Việt Nam rất vinh dự được thăm trường THPT Lương Ngọc Quyến đúng vào ngày trường tổ chức Ngày nhà giáo Việt Nam – là ngày hội lớn của cả nước. Chúng tôi rất khâm phục những thành tựu của nhà trường trong 62 năm qua và đánh giá rất cao những công lao của nhà trường, các thầy cô giáo và cán bộ công nhân viên chức của trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước Lào chúng tôi, trong thời gian qua và xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo của nhà trường, các thầy cô giáo và các em học sinh đạt nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong việc giảng dạy và học tập.

Chúc mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước Lào – Việt mãi mãi xanh tươi đời đời bền vững.

Ngày 19 tháng 11 năm 2008

*Đại sứ CHDCND Lào
Sủn Thon Xay Nha Chắc*

Ngài: VATAKA

(Đại sứ quán CHLB Séc và Xlôvakia tại Việt Nam)

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo trường về lời mời tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập trường phổ thông trung học Lương Ngọc Quyến. Chúng tôi xin chúc Ban lãnh đạo trường, các thầy cô giáo và học sinh trong những năm tới nhiều sức khỏe và thành công trong việc thực hiện những nhiệm vụ và đào tạo thế hệ học sinh mới.

Vataka

**TRANG TƯ LIỆU VỀ SỰ TRƯỞNG THÀNH
CÔNG HIẾN CỦA THẦY GIÁO VÀ HỌC SINH
TRƯỜNG THPT LƯƠNG NGỌC QUYẾN**

A - THẦY TIÊU BIỂU

I. Những thầy cô giáo vinh dự được hội đồng Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý.

*** Danh hiệu Nhà giáo nhân dân:**

- 1- Thầy Hoàng Thiệu Sơn
- 2- Thầy Lê Đình Kị
- 3- Thầy Trịnh Trúc Lâm

*** Danh hiệu Nhà giáo ưu tú:**

1. Thầy Dương Xuân Nghiên
2. Thầy Nguyễn Văn Nga
3. Thầy Phan Trọng Luận
4. Thầy Bùi Kính Hùng
5. Thầy Nguyễn Đăng Kèn
6. Cô Lưu Thị Toàn

II. Những thầy cô giáo đã từng tham gia công tác tại các chiến trường B; C; K.

1. Thầy Nguyễn Huy Ái
2. Thầy Lương Vĩnh Khang
3. Thầy Nguyễn Tiết Long
4. Thầy Trần Ngọc Vĩnh
5. Thầy Đặng Đức Thưởng
6. Thầy Bùi Quang Sang
7. Thầy Đỗ Minh Tuấn
8. Thầy Nguyễn Ngọc Tám

B - TRÒ TIÊU BIỂU

I - Những học sinh là Liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc.

1/- Liệt sĩ: **Vũ Xuân** - Tốt nghiệp lớp 10 năm học 1962 - 1963, Sĩ quan QĐND Việt Nam, tác giả cuốn Nhật ký Vũ Xuân (NXB QĐND - 2005)

2/- Liệt sĩ: **Nguyễn Trọng Định** - Tốt nghiệp lớp 10 năm học 1960 - 1961 nhà thơ trẻ, tác giả nhiều bài thơ hay về quê hương đất nước.

Và rất nhiều học sinh Lương Ngọc Quyến đã trở thành những liệt sĩ, hy sinh trong chiến tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

II - Học sinh thành đạt trên mọi lĩnh vực:

* **Nguyễn Đồng Thoại:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Thiếu tướng QĐND Việt Nam.

* **Lê Ngọc Thuỷ:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Thiếu tướng QĐND Việt Nam.

* **Đỗ Văn Phúc:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Thiếu tướng QĐND Việt Nam.

* **Bạch Vân** (bí danh, tên thật là **Viên**): Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Thiếu tướng QĐND VN.

* **Nguyễn Trọng Yên:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Viện trưởng viện Địa chất, Trung tâm KHTN-CN quốc gia, Viện sĩ Viện hàn lâm KHTN Cộng hoà Liên Bang Nga.

* **Vũ Đình Bách:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Giáo sư TSKH, Nhà giáo nhân dân, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

* **Hà Minh Trung:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Giáo sư TSKH, Phó Viện trưởng Viện bảo vệ thực vật.

* **Đặng Thu:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Giáo sư, Tiến sĩ.

* **Đỗ Bá Chương:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Giáo sư, Tiến sĩ.

* **Nghiêm Phú Ninh:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Giáo sư, Tiến sĩ.

* **Đỗ Bính:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Nhà giáo nhân dân, Đại tá, Trường Đại học an ninh.

* **Nguyễn Đăng Mạnh:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, GS Nhà giáo nhân dân.

* **Trần Phương:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Nghệ sỹ nhân dân, Đạo diễn Điện ảnh.

* **Nguyễn Thụ:** Học sinh thời kháng chiến chống pháp, Hoạ sỹ, Hiệu trưởng Trường ĐH Mỹ thuật Hà Nội.

* **Phùng Thị Nhạn:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Nghệ sỹ nhân dân.

* **Nguyễn Bản:** Học sinh thời kháng chiến chống Pháp, Nhà văn.

* **Trần Quán Anh:** Tốt nghiệp lớp 9 năm học 1955 - 1956, Giáo sư, Tiến sĩ Y khoa, Nhà giáo Nhân dân.

* **Phạm Văn Thục:** Tốt nghiệp lớp 9 năm học 1955 - 1956, Giáo sư, Tiến sĩ.

* **Vi Hồng:** Tốt nghiệp lớp 10 - 1958, Nhà văn.

* **Hà Đức Toàn :** Tốt nghiệp lớp 10 - 1958, Nhà văn.

* **Trần Anh Kiệt:** Tốt nghiệp lớp 10 - 1959, Chủ tịch UBND Tỉnh Quảng Ngãi

* **Nguyễn Mộng Hùng:** Tốt nghiệp lớp 10 - 1960, Giáo sư, Tiến sĩ.

* **Nguyễn Tiến Nguyên:** Tốt nghiệp lớp 10 - 1960, GS, TS Viện trưởng Viện năng lượng nguyên tử.

* **Chu Văn Cường :** Tốt nghiệp lớp 10 – 1962, Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên.

* **Nguyễn Ân:** Ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy, Phó chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.

* **Lê Xuân Hùng :** Tốt nghiệp lớp 10 – 1963, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Thái Nguyên

* **Nguyễn Bình Phương:** Nhà văn.

* **Nguyễn Thị Phương Thảo:** Phó chủ tịch UBND Tỉnh Thái Nguyên

* **Vũ Hồng Bắc:** Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.

III Học sinh đặc biệt xuất sắc:

* **Đào Ngọc Cường:** Học sinh tốt nghiệp lớp 12 năm 2010, đỗ Thủ khoa kỳ thi tuyển vào trường Đại học kinh tế quốc dân, đạt điểm tuyệt đối (30 điểm) năm 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Một thời để nhớ*, BLL cựu HS trường trung học Lương Ngọc Quyến Thái Nguyên (1946 – 1954), Hà Nội 2001.
2. *Một thời để nhớ* (tập 2), Hội cựu HS trường THPT Lương Ngọc Quyến Thái Nguyên – Hội VHNT tỉnh Thái Nguyên xuất bản năm 2005.
3. Các tập san kỉ niệm thành lập trường THPT Lương Ngọc Quyến, Thái Nguyên 1991, 1996, 2001, 2006.
4. Tập kỷ yếu của CLB cựu giáo viên trường THPT Lương Ngọc Quyến ở Hà Nội 2001. (Lưu hành nội bộ).
5. Tài liệu của các cựu thầy giáo, cựu học sinh của trường trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến gửi cho trường (chưa công bố): Dương Xuân Nghiênn, Lương Vĩnh Khang, Nguyễn Đồng Thoại, Đồng Văn Năng, Nguyễn Thạc Chính...
6. *Nhớ mái trường kháng chiến*, nhiều tác giả, NXB Văn hóa thông tin, 2004.
7. *Trường THPT Ngô Sĩ Liên 60 năm xây dựng và phát triển*, Hoàng Hồng Thái chịu trách nhiệm xuất bản, Bắc Giang 2006.
8. *40 năm truyền thống trường PTDT nội trú Hòa Bình (1958 – 1998)* NXB Chính trị quốc gia, 1998.
9. *Trường Liên Việt – Hà Tĩnh (1949 – 1950)*, BLL trường LV – HT, 2004. (Lưu hành nội bộ).
10. *Lư Sơn – Quê Lâm một thời để nhớ*, BLL trường Thiệu nhi VN Lư Sơn – Quê Lâm xuất bản 2003.
11. *Giáo dục Việt Nam* (phần 2) Lê Minh Quốc, NXB Trẻ 2001.
12. *35 năm phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông*, Võ Thuần Nho (chủ biên), Viện KHGD xuất bản 1980.
13. *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo*, NXB

Giáo dục, 1995.

14. *Lịch sử giản lược hơn 1000 năm nền giáo dục Việt Nam*, Lê Văn Giảng, NXB Chính trị quốc gia, 2003.

15. *Từ Bộ QGGD đến bộ GD&ĐT*, Lê Văn Giảng, Hồ Trúc, Dương Xuân Nghiênn và các cộng sự. NXB Giáo dục, 1995.

16. *Hệ thống giáo dục phổ thông mới*, Hoàng Ngọc Di, NXB Sự thật, 1981.

17. *Phong trào học sinh, sinh viên và Hội sinh viên Việt Nam (1945 – 1993)*, Hội SVVN xuất bản 1994.

18. *Phong trào đấu tranh chống Mỹ của giáo chức, học sinh, sinh viên Sài Gòn*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1984.

19. *Thấu suốt đường lối của Đảng, đưa sự nghiệp giáo dục tiến lên mạnh mẽ, vững chắc*, NXB Sự thật, 1992.

20. *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI*, Phạm Minh Hạc, NXB Chính trị quốc gia, 1999.

21. *Phát triển giáo dục và đào tạo nhân tài*, Nghiêm Đình Vỹ - Nguyễn Đắc Hưng, NXB Chính trị quốc gia, 2002.

22- *Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam*, Phạm Tất Dong (chủ biên), Hà Nội 2009.

23. *Học tập suốt đời*, Phạm Tất Dong – Đặng Quốc Bảo – Nguyễn Khắc Hùng (sưu tầm và biên soạn), NXB Thanh niên, 2009.

24. *Những bài nói và viết về giáo dục*, Nguyễn Văn Huyền, NXB Giáo dục, 1990.

25. *20 năm xây dựng giáo dục*, Nguyễn Khánh Toàn, NXB Giáo dục, 1965.

26. Một số Tập san, Tạp chí của Bộ giáo dục và Bộ Giáo dục và đào tạo.

27. *Ba mươi lăm năm đấu tranh của Đảng*, NXB Sự thật, 4 – 1971.

28. Một số văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ IV, V, VI, VII

VIII, IX, X của Đảng CSVN.

29. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên*, tập 1 – 2003, tập 2 – 2005, BCH Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên xuất bản.

30. *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên*, tập 1 – 1991, tập II – 2002, Thành ủy TP Thái Nguyên xuất bản.

31. *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình*, Huyện ủy Phú Bình xuất bản, 2005.

32. *Thái Nguyên đất và người*, Sở văn hóa thông tin Thái Nguyên xuất bản, 2003.

33. *Ký ức và hiện tại*, UBND TP Thái Nguyên – Báo Thái Nguyên xuất bản, 10 – 2007.

34. Một số tài liệu của Unesco xuất bản trong những năm 2000 - 2010.

35. Các văn bản của Bộ Giáo dục đào tạo về vấn đề chuẩn hiệu trưởng và chuẩn giáo viên trung học phổ thông ban hành 2000 - 2010.

Mục lục

	Trang
Lời tựa.....	5
Lời giới thiệu.....	9
Chương I:	
Tỉnh Thái Nguyên và sự thành lập trường THPT LNQ.....	11
I. Sơ lược tình hình tự nhiên văn hoá, xã hội, giáo dục trước Cách mạng tháng 8 - 1945.....	11
II. Thái Nguyên thời gian đầu sau Cách mạng tháng Tám và sự thành lập trường THPT Lương Ngọc Quyến.....	15
Chương II:	
Trường THPT LNQ trong thời kỳ kháng chiến chống pháp (1947 - 1954).....	22
I. Trường trung học ở Cù Vân Đại Từ.....	22
II. Trường THPT LNQ những năm học ở Phú Bình.....	27
1. Trường trung học ở Phương Độ.....	27
2. Trường trở lại mang tên Lương Ngọc Quyến.....	31
3. Trường phổ thông cấp II - III LNQ ở Tân Cương - ĐH.....	86
Chương III:	
Trường phổ thông cấp II - III LNQ trong sự nghiệp xây dựng nhà trường XHCN (1955 - 1965)	100
I. Năm học 1955	100
II. Trong ngành giáo dục.....	111
III. Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954).....	125
Chương IV:	
Trường PT cấp III LNQ thời kỳ chống Mỹ (1965 - 1975)....	151
1. Tiến hành nhiệm vụ triệt để sơ tán, chia tách và hình thành trường phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến.....	154
2. Trường PT cấp III LNQ thời kỳ sơ tán lần thứ nhất.....	157
3. Thời kì trở lại địa điểm trường cũ (1969 - 1972).....	167
4. Thời kì sơ tán lần thứ II (1972 - 1973).....	171
5. Trở lại trường cũ sau chiến tranh phá hoại chấm dứt.....	172
Chương V:	
Trường LNQ từ sau ngày đất nước thống nhất (1975-1986).177	
Chương VI:	
Trường LNQ trong thời kỳ đổi mới (1987-2010).....	191

1. Trường THPT LNQ trong giai đoạn 1987- 2000.....	191
2. Trường THPT LNQ nhiệm kỳ I của trường (2000-2005).....	220
3. Trường THPT LNQ nh/kỳ II của đảng bộ (2005-2010).....	228
4. Trường THPT LNQ nh/kỳ III của đảng bộ (2010-2015).....	243
Tổng Luận.....	251
Phụ lục.....	258
Tóm tắt tiểu sử nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến.....	259
Niên biểu trường THPT LNQ (mốc thời gian và sự kiện).....	262
Những vinh dự lớn	272
Những phần thưởng cao quý.....	273
Các Bí thư chi bộ và Đảng ủy trường THPT LNQ qua các thời kỳ.....	274
Các thể hệ Hiệu trưởng và quyền Hiệu trưởng.....	275
Chân dung các thầy, cô giáo đã từng là Hiệu trưởng và quyền Hiệu trưởng.....	
Các thể hệ Phó Hiệu trưởng trường THPT LNQ.....	276
Những lưu bút trong cuốn sổ vàng.....	277
Tư liệu về sự trưởng thành, cống hiến của thầy và trò.....	283
A - Thầy tiêu biểu.....	283
I. Những thầy, cô giáo vinh dự được hội đồng Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý.....	283
II. Những thầy, cô giáo đã từng tham gia công tác tại các chiến trường B; C; K.....	283
B - Trò tiêu biểu.....	284
I - Những học sinh là Liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc.....	284
II - Học sinh thành đạt trên mọi lĩnh vực.....	284
Tài liệu tham khảo.....	287
Mục lục.....	290

**Lịch sử Trường Trung học Phổ thông
Lương Ngọc Quyến - Thái Nguyên (1946 - 2010)**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

*** Th.s Bùi Thị Loan**

Bí thư Đảng ủy

Hiệu trưởng trường THPT Lương Ngọc Quyến

Biên tập nội dung:

*** NGND Trịnh Trúc Lâm**

*** Đinh Văn Định**

Chế bản vi tính, trình bày và sửa bản in:

*** Đào Minh Tuấn**

In 600 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm. Tại Doanh nghiệp in Tiến Dâu
Giấy phép xuất bản số 06/GP-STTTT do sở Thông tin và Truyền
thông Thái Nguyên cấp ngày 16 tháng 2 năm 2011.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2011.

DANH CHÍNH

STT	Tiêu đề	Đã sai	Sửa lại
1	Sau 236	Ngài: Bun Nhăng Volachit - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư CHDCND Lào thăm trường.	Ngài: Bun Nhăng Volachit - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Phó Chủ tịch nước CHDCND Lào thăm trường.

